PHẬT GIÁO
VÀ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

BAN CHỨNG MINH

HT. Thích Trí Quảng
Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh GHPGVN
HT. Thích Thiện Nhơn
Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
HT.TS. Brahmapundit
Chủ tịch Ủy ban Tổ chức quốc tế Đại lễ Vesak LHQ (ICDV)
HT. Thích Thiện Pháp
Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN
HT. Thích Thanh Nhiễu
Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN

ỦY BAN HỘI THẢO

TT.TS. Thích Đức Thiện
HT. Thích Huệ Thông
TT.TS. Thích Nhật Từ
TT. Thích Thiện Thống
GS.TS. Lê Mạnh Thát

BAN ĐIỀU PHỐI DỊCH THUẬT

TT.TS. Thích Đồng Trí
NS.TS. Hương Nhũ
SC. Liễu Pháp
TS. Trần Tiễn Khanh
Phan Trung Hưng
TT. TS. Thich Chúc Tín
ĐĐ. Thích Đồng Đắc
NS.TS. Như Nguyệt (HL)
TS. Thang Lai
TS. Lê Thị Kiều Vân

TRỢ LÝ BIÊN TẬP

ĐĐ.TS. Thích Hoằng Hòa
ĐĐ. Thích Tuệ Nhật
Nguyễn Mạnh Đạt
Giác Thanh Hà
Thu Nguyệt
ĐĐ. Thích Ngộ Dũng
SC. Nhuận Bình
TS. Lê Thanh Bình
Nguyễn Thị Linh Đa
Ngộ Trí Viên

Hãy scan và xem tác phẩm này dưới dạng pdf.

TÙNG THƯ HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

PHẬT GIÁO và
CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

CHỦ BIÊN:
TT. TS. **THÍCH NHẬT TỪ**
TT. TS. **THÍCH ĐỨC THIỆN**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....I

Lời giới thiệu.....III

Đề dẫn VII

I. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0: TIỆN LỢI VÀ BẤT CẬP

1. Mặt Trái Của Cách Mạng Công Nghiệp 4.0

TT. Thích Nhật Từ 3

2. Cách Mạng Công Nghiệp 4.0 Quan Điểm Phật Tử Về Xã Hội Bền Vững Và Hạnh Phúc

Peter Daniels.....23

3. Phản Ứng Đối Với Nền Công Nghiệp 4.0 Một Bước Tiến Triển Quyết Định

Geoffrey Bamford.....73

4. Phật Giáo và Cách Mạng Công Nghiệp Lần Thứ Tư

Rev. William Beaumont Edwards 95

II. TÁC ĐỘNG CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO

5. Cách Tiếp Cận Của Phật Giáo Về Sự Lãnh Đạo Toàn Cầu Và Trách Nhiệm Cùng Chia Sẻ Vì Xã Hội Bền Vững - Thời Đại Cách Mạng Công Nghiệp 4.0

TT. Thích Đức Thiện 109

6. Dịch Kinh Điển Sử Dụng Những Tiến Bộ Gần Đây Trong Trí Huệ Nhân Tạo

Trần Tiễn Khanh 141

7. Giáo Dục Phật Giáo và Cách Mạng Công Nghiệp Lần Thứ Tư

ĐĐ Jeongwan Sunim 153

8. Công Tác Hoằng Pháp Thời Cách Mạng Công Nghiệp 4.0

HT. Thích Tấn Đạt 165

9. Phật Giáo Tại Khu Vực Châu Á Thái Bình Dương Nhân Văn Học Kỹ Thuật Số / Không Gian Và Bảo Tồn Di Sản 1

David Blundell 173

10. Hoằng Pháp Với Phương Tiện Truyền Thông Xã Hội

ĐĐ. Thích An Tấn 195

11. Phật Giáo và Cách Mạng Công Nghệ 4.0

Princy Merlin Peiris 201

12. Pañcaśīla: Đạo Đức Phổ Quát, Những Đóng Góp Đối Với Cuộc Cách Mạng 4.0

Tỳ Kheo Nguyễn Ngọc Anh 217

Tiểu sử các tác giả 233

LỜI NÓI ĐẦU

Vào năm 1999, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua Nghị quyết công nhận ngày Vesak là ngày lễ hội văn hóa thế giới và thừa nhận các đóng góp to lớn của đức Phật cho thế giới. Từ năm 2004, Chính phủ Hoàng gia và nhân dân Thái Lan nói chung và Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya nói riêng vô cùng vinh dự đăng cai đại lễ Vesak LHQ 12 lần tại thủ đô Bangkok, Thái Lan.

Từ năm 2004 đến nay, cộng đồng Phật giáo thế giới đã đi một chặng đường dài của đại lễ Vesak LHQ. Đất nước Thái Lan rất vinh dự và vui mừng đóng vai trò là nước đăng cai nhiều lần nhất. Quảng thời gian 16 năm đã giúp Ủy ban Tổ chức Vesak LHQ được trưởng thành và phát triển với bốn phương diện: Hội thảo, văn hóa, nghi lễ và phụng sự. Nhiều kinh nghiệm đã đạt được và đây là thời gian chúng tôi có thể chia sẻ cơ hội đăng cai với các nước khác. Dĩ nhiên, sẽ luôn có chỗ cho sự tăng trưởng, phát triển và tất cả chúng ta rất phấn khởi để chứng kiến sự phát triển đó.

Vào năm 2006, sau khi tham gia vào Ủy ban Tổ chức quốc tế Đại lễ Vesak LHQ với vai trò Phó Tổng thư ký, Thượng tọa TS. Thích Nhật Từ đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập mối quan hệ hữu nghị giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam với Ủy ban Tổ chức quốc tế Vesak LHQ nói riêng và cộng đồng Phật giáo thế giới nói chung. Nhờ đóng góp năng động của Thượng tọa, đại lễ Vesak LHQ 2008 đã được tổ chức rất thành công tại Trung tâm Hội nghị quốc gia và đại lễ Vesak LHQ 2014 tổ chức thành công tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Chùa Bái Đính.

Ủy ban Tổ chức quốc tế đại lễ Vesak LHQ đã ủng hộ và chúc mừng đất nước Việt Nam và Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đăng cai thành công mỹ mãn Đại lễ Vesak LHQ và hội thảo quốc tế tại Trung tâm Hội nghị quốc gia, Hà Nội vào năm 2008 và Trung tâm Hội nghị Quốc tế Chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình vào năm 2014. Lần này, chúng tôi có thêm niềm tin đầy đủ với Việt Nam với tư cách là nước đăng cai đại lễ Vesak LHQ 2019 tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế Chùa Tam Chúc, tỉnh Hà Nam, lần thứ ba. Chúng tôi tán dương và

tri ân Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt nam và những người đã đóng góp cho sự thành công của các đại lễ Vesak LHQ trong những năm trước và mong mỏi rằng đại lễ Vesak LHQ năm nay cũng như các năm sau sẽ tiếp tục thành công.

Những lời dạy minh triết và đạo đức của đức Phật vượt qua mọi ranh giới, vì tâm trí của tất cả là như nhau, những đau khổ của con người đều giống nhau và tiềm năng giải thoát của tất cả là như nhau. Tôi rất vui mừng cho sự khởi động Vesak LHQ như một tiến trình, phát triển phạm vi hoạt động của Vesak LHQ. Bây giờ là thời gian mà các quốc gia khác và tất cả chúng ta đi theo con đường tương tự, phát triển lễ Vesak LHQ, tưởng niệm đức Phật đản sinh, thành đạo và nhập niết-bàn như sự kiện quốc tế thực sự đặc biệt và thiêng liêng, có thể chia sẻ với cộng đồng thế giới, bất luận tôn giáo, màu da, sắc tộc.

Hãy để giáo pháp của đức Phật là ngọn hải đăng cho thế giới, chuyển hóa vô minh và khổ đau trong tâm chúng ta, mang lại sự phát triển vào năng lực bền vững cho nhân loại và quan trọng hơn, cho hòa hợp và hòa bình thế giới.

HT.TS. Brahmapundit
- Chủ tịch Ủy ban Tổ chức quốc tế Đại lễ Vesak LHQ
- Chủ tịch Hiệp hội các trường Đại học Phật giáo thế giới

LỜI GIỚI THIỆU

Lịch sử nhân loại ghi nhận rằng Sa-môn Gotama giác ngộ thành Phật tại Bồ-đề đạo tràng, Ấn Độ và giới thiệu con đường tỉnh thức, dẫn dắt thế giới cho đến ngày hôm nay. Đó là con đường tỏa chiếu trí tuệ và cung cấp tuệ giác, giúp con người vượt qua vô vàng thách đố và thành tựu các phúc lợi cho nhân loại.

Thừa nhận các giá trị minh triết mang tính thực tiễn của đức Phật cũng như các giá trị và đóng góp của đạo Phật, vào ngày 15.12.1999, LHQ đã quyết định tưởng niệm đại lễ Vesak thiêng liêng (Đản sinh, thành đạo, nhập Niết-bàn của Phật) vào rằm tháng 4 âm lịch, nhằm trung tuần tháng 5 dương lịch. Đại lễ Vesak LHQ lần đầu tiên được tổ chức trọng thể tại Trụ sở LHQ ở New York vào năm 2000. Cho đến năm 2019, LHQ đã tổ chức thành công 19 lần đại lễ Phật đản LHQ trên toàn cầu. Từ năm 2004-2019, cộng đồng Phật giáo thế giới đã tổ chức thành công 16 lần đại lễ Phật đản LHQ.

Ngày nay, hành tinh chúng ta đang đối diện với hàng loạt các khủng hoảng và các thiên tai không tiên liệu được. Sự đe dọa của chủ nghĩa khủng bố, bạo lực sắc tộc, cũng như nỗ lực khắc phục sự nghèo đói, cung ứng giáo dục và sự phát triển bền vững đã thôi thúc chúng ta cần nỗ lực nhiều hơn nữa cho công bằng xã hội. Nhu cầu cấp bách cho các kế hoạch khẩn thiết và nỗ lực đúng phương pháp ở phạm vi quốc tế nhằm mang lại hòa bình vĩnh viễn trong các xã hội cũng như cuộc sống của mỗi cá nhân.

Trong bối cảnh của những xung đột và bất hạnh lan rộng dẫn đến các vấn nạn và khủng hoảng phức tạp, Phật giáo với di sản phong phú về sự độ lượng, bất bạo động, từ bi, hóa giải hận thù có thể đóng góp to lớn, gây cảm hứng với thông điệp từ bi của Phật, sự hòa bình và hòa hợp trên thế giới ngày nay. Đại lễ Phật đản LHQ 2019 là một minh chứng cho sự kiện này.

Việt Nam được vinh dự và tránh nhiệm đăng cai đại lễ Phật đản LHQ vào năm 2008 tại Hà Nội và năm 2014 tại Ninh Bình. Sự kiện quốc tế này chứng minh cảnh tượng tuyệt vời về lễ hội thiêng liêng,

với sự tham dự của hàng ngàn Tăng Ni, Phật tử khắp thế giới, hội tụ tại Việt Nam nhằm truyền bá thông điệp hòa bình, từ bi và hòa hợp của đức Phật.

Năm 2019 là lần thứ 3 Việt Nam đăng cai sự kiện quốc tế quan trọng này. Đối với cộng đồng Phật giáo thế giới thì đây là cơ hội truyền bá thông điệp và các giá trị về tình thương, hòa bình, bất bạo động và độ lượng của đức Phật trên toàn thế giới.

Thật là vinh dự lớn lao cho đất nước Việt Nam, nhân dân Việt Nam và Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng như cộng đồng Phật giáo thế giới tham dự đại lễ Phật đản LHQ và truyền bá di sản văn hóa Phật giáo, đặc biệt là những lời dạy của đức Phật về bình đẳng, công bằng, tôn trọng và hiểu biết vì lợi ích của nhân loại. Cộng đồng Phật giáo thế giới và đặc biệt là cộng đồng Việt Nam trên toàn cầu vô cùng vui mừng khi Việt Nam đăng cai sự kiện quốc tế quan trọng và an lành lần thứ 3. Các diễn đàn học thuật, biểu diễn văn hóa và nghi lễ thiêng liêng mang tính quốc tế tại đại lễ này chắc chắn đẩy mạnh sự tương tác và giao lưu các giá trị văn hóa và tri thức giữa các quốc gia và các tổ chức Phật giáo.

Hội thảo Phật giáo quốc tế với chủ đề "*Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững*" (*Buddhist Approach to Global Leadership and Shared Responsibilities for Sustainable Societies*) trong suốt thời gian đại lễ Vesak LHQ 2019 không chỉ mang tính thích ứng mà còn tính hợp thời. Tác phẩm này và kết quả một trong năm diễn đàn được thuyết trình trong hội thảo quốc tế. Các phương diện khác của hội thảo bao gồm:

(i) Sự lãnh đạo bằng chánh niệm vì hòa bình bền vững (*Mindful Leadership for Sustainable Peace*);

(ii) Cách tiếp cận của Phật giáo về gia đình hòa hợp, chăm sóc sức khỏe và xã hội bền vững (*Buddhist Approach to Harmonious Families, Healthcare and Sustainable Societies*);

(iii) Cách tiếp cận của Phật giáo về giáo dục đạo đức toàn cầu (*Buddhist Approach to Global Education in Ethics*);

(iv) Phật giáo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (*Buddhism and the Fourth Industrial Revolution*);

(v) Cách tiếp cận của Phật giáo về tiêu thụ có trách nhiệm và

phát triển bền vững (*Buddhist Approach to Responsible Consumption and Sustainable Development*).

Hội thảo quốc tế này nhằm mục đích khuyến khích sự hợp tác giữa các cộng đồng và các tổ chức Phật giáo nhằm ứng dụng các giải pháp Phật giáo, giải quyết các vấn nạn toàn cầu.

Các bài tham luận trong tác phẩm này phù hợp với chủ đề chính và các diễn đàn phụ, có ý nghĩa nghiên cứu từ nguồn tài liệu gốc cũng như đáp ứng được các chiều kích học thuật mới mẻ với phong cách trình bày ấn tượng và dễ hiểu.

Đại lễ Phật đản LHQ 2019 chắc chắn là cơ hội quan trọng đối với cộng đồng Phật giáo thế giới và Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhằm đạt được nhiều lợi ích từ các truyền thống và giá trị phong phú cũng như các lý tưởng tâm linh trong đạo Phật. Con đường tỉnh thức mang tính thực tiễn được đức Phật chỉ dẫn có khả năng làm cho thế giới này trở thành nơi hòa bình, hòa hợp, an toàn và tốt đẹp hơn vì phúc lợi và an lạc cho con người và tất cả chúng sinh.

Với tư cách chủ tịch Ủy ban tổ chức quốc tế Đại lễ Vesak LHQ 2019 tại Việt Nam, thay mặt nhân dân Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam và nhân danh cá nhân, tôi thành kính chào đón các vị Tăng vương, Tăng thống, Pháp chủ, Lãnh đạo các Giáo hội, Lãnh đạo các tổ chức Phật giáo, các thành viên Tăng đoàn và các học giả đến từ 110 quốc gia, tham dự đại lễ và hội thảo quốc tế này. Tôi thành kính tri ân sự hiện diện và đóng góp của chư Tôn đức và liệt vị vì sự thành công của đại lễ.

Tôi thành kính tri ân chư tôn đức Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự đã đồng hành với Ban tổ chức, nhờ đó Đại lễ Vesak LHQ thành công mỹ mãn. Tôi ghi nhận và tán dương các đóng góp to lớn của HT. Thích Thanh Nhiễu và TT. Thích Đức Thiện trong việc điều phối tổng quát 25 chuyên ban phụ trách Đại lễ Vesak LHQ, nhờ đó Vesak LHQ 2019 đã thành tựu mỹ mãn. Tôi tán dương TT. Thích Thanh Phong đã bảo trợ toàn bộ ẩm thực trong suốt những ngày Đại lễ Vesak LHQ và điều phối hơn 1000 Phật tử chùa Vĩnh Nghiêm làm công việc hậu cần.

Các đóng góp của TT. Thích Thọ Lạc và các thành viên Ban Văn hóa Trung ương cho các sự kiện Văn hóa Phật giáo gồm: Lễ đài Hòa bình thế giới, lễ hoa đăng, triển lãm văn hóa và hội chợ văn hóa... đáng được khen ngợi. Tôi tán dương TT. Thích Minh Nhẫn đã đóng góp

tích cực vào các hoạt động truyền thông phục vụ Vesak LHQ. Những đóng góp của chư tôn đức thuộc 25 chuyên ban của Vesak LHQ đã góp phần tạo sự thành công của đại lễ này lần thứ 3 tại Việt Nam.

Nhân dịp này, tôi bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đối với HT.GS.TS. Brahmapundit đã liên tục 3 lần ủng hộ Việt Nam đăng cai sự kiện quốc tế thiêng liêng này. Tôi cũng cám ơn các thành viên của Ủy ban tổ chức quốc tế đại lễ Vesak LHQ, Ủy ban Hội thảo và các thành viên Ban biên tập về những cống hiến có ý nghĩa.

Tôi gửi lời chức mừng và cầu nguyện an lành đến tất cả đại biểu quốc tế và đại biểu trong nước; đặc biệt là chư tôn đức tham gia 25 Tiểu ban chuyên trách của Đại lễ. Tôi mong rằng sự kiện trọng đại này thắt chặt chúng ta vào trách nhiệm và cam kết cải thiện thế giới bằng cách thực tập chánh đạo được đức Phật truyền bá.

Tôi tán dương công đức cư sĩ Xuân Trường về sự bảo trợ nơi tổ chức, vé máy bay, khách sạn cho 1.500 đại biểu quốc tế và lãnh đạo GHPGVN trong nước. Tôi tán dương các mạnh thường quân khác, các phụng sự viên, các tổ chức và cá nhân… đã góp phần tạo nên sự thành công của đại lễ.

Ấn bản sách này đã không thể thành tựu nếu thiếu sự đóng góp, nỗ lực và tận tụy của TT. Thích Nhật Từ. Tôi rất cảm kích các đóng góp công sức, chất xám, kinh nghiệm và sự trợ giúp tích cực của TT. Thích Nhật Từ trong việc mời các phái đoàn quốc tế, tổng điều phối hội thảo cũng như biểu diễn nghệ thuật Phật giáo, nhờ đó, đại lễ Vesak LHQ thành công mỹ mãn. Tôi khen ngợi Ban lãnh đạo Quỹ Đạo Phật Ngày Nay đã bảo trợ ấn tống quyển sách này và gần 30 quyển sách khác phục vụ Đại lễ Vesak LHQ 2019.

Xin hồi hướng công đức của Đại lễ Vesak LHQ 2019 và việc ấn tống gần 30 tác phẩm phục vụ Vesak, mang lại phúc lợi và hạnh phúc cho nhân loại. Tôi mong rằng, nhờ ân Tam bảo, các loài hữu tình trải nghiệm hạnh phúc và giải phóng khỏi các khổ đau.

Tôi cầu chúc đại lễ Vesak LHQ 2019 tại Việt Nam thành công mỹ mãn.

Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN

- Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Chủ tịch Ủy ban Tổ chức quốc tế Đại lễ Vesak LHQ 2019

ĐỀ DẪN[1]

Hiện nay, chúng ta đang sống trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV nơi mà hệ thống máy tính, tự động hóa, rô-bốt và con người làm việc cùng nhau theo những cách hoàn toàn mới lạ. Ứng dụng những cải tiến công nghệ sẽ giúp quá trình sản xuất nhanh hơn, ít tốn nhân lực hơn và dữ liệu thu thập được đầy đủ hơn. Chất lượng sản phẩm được đảm bảo bằng việc kiểm soát vật liệu thô đến thành phẩm và chuyển đến người tiêu dùng.

Tuy nhiên, điều đó có thể nảy sinh nhiều vấn đề cho con người. Một trong những hạn chế của nó là nhiều công nhân sẽ mất việc làm do máy móc thay thế trong khi các hình thức kinh doanh có thể đối mặt với nhiều khó khăn trong việc tuyển dụng nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu của công việc. Nó có thể dẫn đến tình trạng mất cân bằng, thậm chí phá vỡ thị trường lao động. Những bất ổn về kinh tế sẽ dẫn đến tính bất ổn trong đời sống, thậm chí trong chính trị.

Thêm vào đó, công nghệ mới sẽ khiến thay đổi về quyền lực, các mối quan tâm an ninh và sự cách biệt lớn giữa giàu và nghèo hoặc là cách giao tiếp thông qua mạng Internet đã thách thức an ninh thông tin bảo mật cho cả mọi người và các hệ thống chính trị. Những vấn nạn này đã thúc đẩy thế giới cố gắng nhanh chóng tìm ra những giải pháp đúng đắn để thành tựu sự phát triển bền vững với sự đồng tình lớn của triết học Phật giáo. Trong chủ đề này, chúng tôi tập trung nhiều về *"Cách tiếp cận và hồi ứng của Phật giáo đối với Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV"* để đem lại hạnh phúc và an lạc cho nhân loại.

---

1 Người dịch: Phương Anh Đạt

TÓM TẮT NỘI DUNG

I. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0: Tiện lợi và bất cập

Qua bài nghiên cứu *"Mặt trái của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0"* TT. Thích Nhật Từ khái quát về các cơ hội và thách thức, các tác động tích cực và tiêu cực của cách mạng công nghiệp 4.0. Thừa nhận sự đảo lộn thị trường lao động, kinh tế quốc gia, ảnh hưởng tiêu cực đến cộng đồng, tạo bất bình đẳng xã hội, tội phạm mạng và suy thoái đạo đức, tác giả kêu gọi mọi người nên áp dụng Phật pháp, thực tập thiền định, một mặt tận dụng các giá trị của công nghiệp hiện đại, mặt khác tăng cường chăm sóc sức khỏe thể chất và cảm xúc để sống an nhiên và hạnh phúc trong mọi biến cố.

Tác giả Peter Daniels thảo luận các vấn đề về: *"Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV: Phân tích quan điểm Phật giáo vì xã hội bền vững và hạnh phúc."* Trọng tâm của bài tham luận này là phân tích sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, sự nổi lên của thế giới vật lý và thế giới kỹ thuật số (kinh tế, xã hội, môi trường) theo quan điểm của Phật giáo hướng đến một xã hội bền vững và nhận loại hạnh phúc. Bài viết bao gồm sự phân tích sơ bộ cách mạng công nghiệp 4.0 ảnh hưởng Phật giáo, những kết quả liên quan đến các tác động môi trường và bàn luận nhiều hơn các phương diện căn bản của những nguyên nhân gốc rễ của khổ đau luân hồi. Chánh niệm và tỉnh thức, những nguồn an lạc thật sự, là các khía cạnh chìa khóa trong việc phân tích dựa trên nguồn cảm hứng Phật giáo đối với các kết quả thích hợp và nhận diện các hồi ứng để hướng dẫn cách mạng công nghiệp 4.0.

Tác giả Geoffrey Bamford tập trung vào: *"Phản ứng với Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV: Chủ nghĩa quyết định bước một mặt."* Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV ít nhiều tương đương với cuộc cách mạng kỹ thuật số trên thế giới vào cuối thế kỷ 20. Nó ảnh hưởng mọi mặt của thế giới một cách mạnh mẽ, và di sản Phật sản cũng phải ngoại lệ. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV chứng kiến công nghệ tiên tiến trong tất cả lĩnh vực, chẳng hạn như phục hồi đồ thủ công, ghi âm dữ liệu, lưu trữ, triển lãm, giao thông vận tải và quảng cáo với công nghệ kỹ thuật số. Điều này được sử dụng nhiều bởi các nhà buôn hàng mỹ nghệ ở các quốc gia châu Á và các nhà bán đấu giá ở Tây phương, đặc biệt tại London và New York. Bài tham luận này sẽ khảo sát sâu về việc làm thế nào mà nó

có thể được sử dụng trong tất cả các giai đoạn và chỉ rõ cách thức các đồ cổ Phật giáo được bày bán trong Thị trường Tây phương bởi cướp bóc và buôn bán bất hợp pháp các cổ vật Phật giáo. Bài viết cũng tìm hiểu phương thức nào mà nó tác động đến Di sản Phật giáo và nỗ lực đề ra một số giải pháp bảo vệ Di sản Phật giáo từ những tình trạng bất ổn này. Hơn nữa, các bài báo và trang web liên quan đến khía cạnh này cũng sẽ được nghiên cứu cẩn thận. Cuối cùng, giải pháp thực tiễn để tối thiểu hóa việc mậu dịch phi pháp các cổ vật Phật giáo và đưa ra các đề xuất để giảm thiểu tình trạng cướp bóc và buôn bán các Di sản Phật giáo. Đây là một việc làm cần thiết trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ IV.

William Beaumont Edwards thảo luận *"Phật giáo và Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV."* Phát động cuộc thảo luận về tác động của trí tuệ nhân tạo trong Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV, quan tâm về phương cách làm thế nào mà mỗi cuộc cách mạng công nghiệp khiến nhiều chuyển đổi to lớn trong sự năng động của văn minh nhân loại. Tác giả chỉ ra rằng tính tùy duyên trong Phật giáo có thể dễ dàng thích nghi và sống sót ở bất kỳ thay đổi nào trong sự biến động mà nó hiện hữu. Bằng việc trích dẫn văn bản tôn giáo, ngài muốn nhấn mạnh rằng Phật giáo không dựa trên niềm tin mà nó dựa trên lý trí. Niềm tin và sự tin tưởng sẽ đến sau. Khả năng tiếp cận kỷ nguyên cách mạng công nghiệp lần thứ IV mới này với tính logic, hợp lý và thấu hiểu là một yếu tố hết sức quan trọng. Đơn giản bởi vì nó có gốc rễ ở luận lý nên truyền thống Phật giáo có thể cung ứng điều đó.

II. Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đối với Phật giáo

Giáo sư David Blundell khái quát *"Phật giáo tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương nhân văn học kỹ thuật số/ không gian và bảo tồn di sản."* Bài tham luận tổng hợp các nghiên cứu minh họa các cách tiếp cận không gian kỹ thuật số đối với việc bảo tồn di sản xuyên các nền kinh tế và là cầu nối những khác biệt của các nền văn hóa. Địa lý học tiếp tục đóng vai trò then chốt trong môi trường toàn cầu năng động đa dạng đa văn hóa trải dài xuyên suốt các vùng miền khác nhau đang tăng cường tìm kiếm di sản như là mẫu số chung. Bài viết cũng nêu bật cứ liệu lịch sử của các mạng lưới mậu dịch của các nhà thám hiểm Nam Đảo lưu truyền chánh pháp ở Ấn Độ Dương, đồng bằng và hải đảo của Đông Nam Á và Trung Hoa. Điều này trùng ý tưởng với công việc Thiết lập bản đồ Phật giáo đường biển

của Lewis Lancasters. Đó là Công trình khởi xướng bản đồ văn hóa điện tử (ECAI) với Jeanette Zerenke và các thành viên Nam hải mà chúng ta đã sử dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS).

Đại Đức Tiến sĩ Jeongwan Sunim, Đại học Dongguk, nghiên cứu về chủ đề *"Giáo dục Phật giáo và Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư."* Tác giả khai thác vấn đề giáo dục Phật pháp mà chúng ta phải đối mặt trong thời đại Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Trong bối cảnh môi trường giáo dục đang thay đổi trong thời đại này, những thay đổi về phương pháp và phương tiện truyền thông trong lĩnh vực giáo dục Phật giáo là điều hiển nhiên. Dựa theo Phật pháp, nội dung giáo dục phản ánh những đặc điểm mà từ đây ta có thể phân tích và diễn giải những đặc điểm của thời đại Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.

Bài tham luận *"Công Tác Hoằng Pháp Thời Cách Mạng Công Nghiệp 4.0"* của HT. Thích Tấn Đạt cảnh báo các tác hại về việc sử dụng quá mức các phương tiện truyền thông hiện đại. Thay vào đó, tác giả đề nghị sử dụng các tiện ích của truyền thông kỹ thuật số vào việc hoằng pháp, chia sẻ chân lý Phật đến với quần chúng tại gia, nhờ đó giúp mọi người sống hạnh phúc hơn.

Bài nghiên cứu *"Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững - thời đại cách mạng công nghiệp 4.0"* của TT. Thích Đức Thiện nhấn mạnh đến hai phương diện: lợi ích và tác hại của các cuộc cách mạng công nghiệp. Theo tác giả, con người hiện đại cần nhận diện được các phương diện tích cực của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để tiết kiệm thời gian, công sức nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu suất của các quy trình sản xuất. Đồng thời, tác giả kêu gọi áp dụng thiền và các phương pháp trị liệu Phật giáo, nhằm vượt qua các mặt tiêu cực do lạm dụng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, nhờ đó sống hạnh phúc hơn.

TT. TS. **THÍCH NHẬT TỪ**

TT. TS. **THÍCH ĐỨC THIỆN**

I. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0: TIỆN LỢI VÀ BẤT CẬP

MẶT TRÁI CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0[1]

TT. Thích Nhật Từ[2]

I. BẢN CHẤT CỦA CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

Mùa an cư năm 2018, tôi trình bày chuyên đề "*Phật giáo và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ* 4," nhằm chia sẻ góc nhìn đạo Phật về sự tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mà tất cả chúng ta là những dự phần, dù thừa nhận hay không thừa nhận. Con người hiện đại bị chi phối bởi hai chiều tác động tích cực vàtiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Trong chuyên đề này tôi nhấn mạnh các phương diện tiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để thấy rõ những gì chúng ta đang tiếp nhận từ sự tiến bộ của thế giới vật chất bao giờ cũng có mặt trái của nó.

Cách nhìn của đạo Phật đối với một vấn đề, hiện tượng, sự kiện phải mang tính "minh sát" (vipassana), thấy rõ đâu là hữu ích và đâu là tác hại bằng việc phân tích các nguyên nhân, duyên thuận, duyên nghịch dẫn đến kết quả hoặc hậu quả trước mắt hoặc lâu dài.

Trước khi phân tích mặt trái, tôi điểm qua bản chất của

1. Giác Minh Duyên phiên tả từ pháp thoại của thầy Thích Nhật Từ tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM, ngày *16-12-2018*

2. Tiến sĩ Triết học, Đại học Allahabad, 2002. Hiện là Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM

các cuộc cách mạng công nghiệp đã diễn ra trong khoảng 250 năm.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 1 bắt đầu khoảng năm 1780-1840. Đó là giai đoạn bùng nổ về năng lượng nước và hơi nước tạo sự thay đổi việc sản xuất hàng loạt bằng các loại máy móc trong khi trước đó chủ yếu bằng lao động tay chân. Sự tiến bộ về năng lượng nước mở ra phương trời mới của giai đoạn kỹ thuật.

Nếu đạo Phật bằng sự nhiệt huyết nhập thế của các Tăng Ni ở châu Âu và châu Mỹ từ thế kỷ thứ I trước Tây lịch thì nền khoa học thế giới có thể tiến bộ hơn bây giờ ít nhất 500 đến 1000 năm. Bởi nền minh triết Phật giáo nhấn mạnh các góc độ nhân quả ứng dụng trong khoa học vũ trụ, vật lý, sinh học, v.v… Rất tiếc đạo Phật chỉ mới tiếp cận giới trí thức phương Tây vào thế kỷ XIX.

Một số người cho rằng điều đó là cực đoan. Họ phản biện rằng tại sao nền khoa học kỹ thuật không phát triển ở các nước châu ÁmàPhật giáo là quốc giáo màchỉ phát triển tại châu Âu? Ý họ muốn nói thành quả phát triển khoa học kỹ thuật hiện đại thuộc về các tôn giáo khác, còn Phật giáo gần như không có vai trò về lãnh vực này. Nói như thế chỉ đúng ở hiện tượng mà sai bản chất.

Người da trắng vốn thông minh, có thể sáng tạo nhưng các toàán dị giáo La Mã thường tuyên án tử hình bất kỳ nhà khoa học nào nói chân lý khoa học ngược với kinh thánh, điển hình là khoa học gia Galileo khi tuyên bố trái đất hình tròn chứ không phải mặt phẳng; vũ trụ không phải là nắp vung mà vô tận. Ông đã bị đưa lên giàn hỏa thiêu. Ngoài ra còn nhiều nhà khoa học phương Tây đã bị đà cản trở của các tòa án dị giáo. Nền khoa học phương Tây nếu không gặp đà cản trở này thì đã có thể tiến bộ hơn vài trăm năm.

Trong bối cảnh đó, nếu Phật giáo đến được phương Tây ở

thế kỷ thứ nhất thì chắc chắn những lời dạy minh triết của đức Phật sẽ giúp cho các khoa học gia phát triển nhiều hơn.

Cũng như có giai đoạn ở Campuchia, người ta không biết giá trị của vàng. Họ đem vàng đổi muối. Không phải do người dân không biết mà vàng bỗng dưng không có giá trị ở khu vực. Dù được thừa nhận hay không thì giá trị của vàng vẫn giữ nguyên như thế.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 2 bắt đầu năm 1870-1914. Đây là giai đoạn bùng nổ năng lượng điện thay vì trước đây chỉ sử dụng đèn dầu. Nguyễn Trường Tộ, sứ thần Việt Nam sang Pháp trở về mô tả sự tiến bộ năng lượng điện của Pháp thì triều đình và người dân Việt Nam cho rằng ông ảo tưởng.

Cuộc cách mạng công nghiệp này thúc đẩy quy trình sản xuất hàng loạt, nâng cao hiệu quả kinh tế Cuộc cách mạng công nghiệp lần 3 bắt đầu năm 1945-1970, một số nhà khoa học cho rằng kéo dài đến năm 1973. Đây làgiai đoạn của phát minh điện, thông tin, kỹ thuật dẫn đến quy trình sản xuất tự động hàng loạt.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 về thời điểm xuất phát thìcó nhiều giả thuyết khác nhau. Các khoa học gia hàng đầu ở Đức cho rằng bắt đầu khoảng năm 2000, có người xác định năm 2010, còn một số khác lại cho rằng năm 1983 khi internet có mặt. Đó là điểm xuất phát, còn phát triển mạnh nhất vẫn từ năm 2010.

Đây là giai đoạn phát triển kỹ thuật dẫn đến tiến trình công nghệ hoá trong mọi lĩnh vực sinh học, kỹ thuật số, vật lý… cao hơn nhiều lần so với ba cuộc cách mạng công nghiệp trước. Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 về bản chất là cuộc cách mạng kỹ thuật cao, hình thành nên thế giới thưởng thức bằng nhãn quan. Thay vì trước đây, chúng ta phải tiếp xúc trực tiếp thì bây giờ chúng ta có thể trải nghiệm bằng nhãn quan.

Nổi trội nhất là internet of things (vạn vật kết nối). Khái

niệm này đã được kinh *Hoa Nghiêm* - Phật giáo Đại thừa; kinh *Tương Ưng* - Phật giáo Nguyên thuỷ đề cập hàng nghìn năm trước, nhất là học thuyết Mười huyền môn về tính tương quantheo công thức truyền thống là cái này có cái kia có, cái này sinh cái kia sinh, cái này diệt cái kia diệt. Từ khái niệm được Phật giáo đề cập cách đây 26 thế kỷ, các khoa học gia đã tạo ra học thuyết về mạng lưới tương tác của mọi sự vật màngười Việt Nam thường dịch ngắn gọn là "vạn vật kết nối".

Trọng điểm của cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 là thông minh nhân tạo, giúp con người phát minh máy móc thay cho con người, trong đó có công nghệ robot, các loại xe, máy bay nhỏ lái tự động. Hiện nay, những thử nghiệm đó đã thành công, chỉ chờ luật pháp cho phép thì các tài xế xe bus, taxi sẽ được thay thế bằng những phương tiện giao thông được điều khiển tự động, như máy bay khi cất cánh đến độ cao nhất định thì phi công không cần làm việc nữa.

Chúng ta đã phát minh các phần mềm đầu tư, dữ liệu lớn, công nghệ in 3D, kỹ thuật nano, kỹ thuật sinh học, vi tính lượng tử và rất nhiều phát minh mới. Riêng về sự kết nối vạn vật thì hệ thống máy móc sẽ kết nối trực tiếp với con người nâng cao hiệu quả công việc.

II. CƠ HỘI VÀTHÁCH THỨC

2.1 Cơ hội

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 góp phần cải thiện cuộc sống vật chất. Ai thích ứng trên nền tảng chuyên môn hóa kiến thức kỹ thuật thì người đó có cơ hội nhận lương cao. Dĩ nhiên tình trạng này sẽ dẫn đến sự loại trừ theo biểu đồ kim tự tháp, chỉ một số kỹ sư lỗi lạc được giữ lại, số còn lại bị sa thải hoặc không được trọng dụng.

Về phương diện sản xuất, cuộc cách mạng công nghiệp tạo ra các dòng sản phẩm, dịch vụ mới; kích thích phát triển các ngành nghề, trong đó xây dựng làlĩnh vực tiêu tốn nhiều nhất.

Về lĩnh vực cung ứng sản phẩm ra thị trường thì cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 tạo thuận lợi cho các chuỗi cung ứng vìnó có thể sản xuất hàng loạt với chất lượng cao.

Như vậy, cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 tạo ra thị trường mới, mở cửa nền kinh tế mới và thay đổi tác động toàn diện mọi phương diện của cuộc sống nhân sinh.

2.2 Thách thức

Thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 làhình thành sự bất công toàn cầu, thị trường công việc bị rối loạn. Kế đến là những căng thẳng xã hội giữa các cá nhân, khi chỉ một thiểu số những người giỏi thích ứng được mới có thể tồn tại. Về phương diện kinh doanh, cuộc cách mạng này tạo sự khác biệt hồi vốn cũng như đầu tư và cách các nhà kinh doanh tuyển dụng nhân sự.

Về bản chất xã hội thì cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 làm giảm thiểu dần giai cấp trung lưu. Nó tạo khoảng cách lớn giữa giàu và nghèo. Xã hội theo đó mất cân đối.

III. TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC

3.1. Kết nối thông tin nhanh

Khi nhận diện cơ hội và thách thức, chúng ta cần thấy những tác động tích cực. Đó là thay đổi cách sống của con người bao gồm làm việc, truyền thông, và trao đổi hàng hoá trực tuyến. Phương thức mua hàng trực tuyến đã không xuất hiện từ cuộc cách mạng công nghiệp lần 3 trở về trước. Hiện nay hai tập đoàn nổi tiếng lĩnh vực này là Alibaba của Trung Quốc và Amazon của Hoa Kỳ.

Truyền thông cũng có những thay đổi rất ngoạn mục. Các trang mạng xã hội như Facebook, Twitter, thay thế các phương tiện truyền thông như báo giấy, tạp chí. Chẳng hạn, tờ New York Time của Hoa Kỳ đã phải phá sản đến hai lần. Với truyền thông kỹ thuật số, người sử dụng có cơ hội tiếp nhận thông tin nhanh hơn, tăng cường cơ hội giải trí.

3.2. Tái cấu trúc chính phủ

Tác động quan trọng của cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 là giúp tái cấu trúc chính phủ. Việt Nam là đất nước chỉ có 95 triệu dân mà có đến 2,8 triệu công chức, bộ máy cồng kềnh và không hiệu quả. Hiện nay chính phủ Việt Nam đang tái cấu trúc từ cấp trung ương xuống cấp quận huyện, phường xã nhằm tăng cường tính kiến tạo và giảm thiểu nợ công.

3.3. Nâng cao chất lượng đời sống xã hội

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 tác động tích cực đến mô hình giáo dục để nâng cao chất lượng; ngoài ra còn tác động đến lãnh vực chăm sóc sức khỏe, tạo ra các mối quan hệ xã hội, góp phần tăng trưởng thế giới vật chất, nhất là thế giới nghe nhìn.

Những tác động tích cực của truyền thông kỹ thuật số làm con người dễ bị nhiễm đắm, nếu đứng từ góc độ Phật học. Càng có nhiều phương tiện giải trí, thưởng thức, hưởng thụ thì con người càng dễ rơi vào tình trạng thực dụng, thiển cận.

Cuộc cách mạng công nghiệp mang đến sự phát triển vượt trội về khoa học sinh học đạo đức (*bioe thics*) trong ứng dụng nghiên cứu, đặc biệt là biến đổi gen, những điều mà các cuộc cách mạng công nghiệp trước không làm được. Hiện nay, người ta đã biến đổi mô và tạo ra quy trình sản xuất trái cây nhân giống, khác với quy trình gieo hạt, chiết cây trước đây. Sự phát triển sinh học đạo đức góp phần nâng cao sức khỏe và tuổi thọ cho con người, chẳng hạn ứng dụng tế bào gốc trong điều trị. Theo đà này thì sau năm thập niên nữa, con người sẽ sống thọ hơn, các chứng bệnh ung thư, HIV có thể được khống chế.

Sự phát triển kỹ thuật và công nghệ mới góp phần cải thiện đời sống vật chất của con người. Con người hiện đại có nhiều cơ hội, khái niệm mang tiềm năng bản sắc mới thay thế cho bản sắc cũ. Nó làm đảo lộn giá trị sống truyền thống, buộc con người phải thích ứng.

Áp dụng vào giao thông thì cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 giúp giảm thiểu tai nạn giao thông nếu luật pháp cho phép sử dụng phương tiện giao thông tự động thì không gian sống của con người sẽ thoáng hơn, thời gian di chuyển nhanh hơn.

IV. MẶT TRÁI CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN 4

4.1. Áp lực từ đóng thuế

Chính phủ phải đối diện áp lực từ người dân đóng thuế, vì chính phủ hiện đại lệ thuộc vào hệ thống máy móc, thông minh nhân tạo để quản trị dân số và công chức nhà nước. Yêu cầu từ người đóng thuế là làm thế nào tinh gọn bộ máy để tiền thuế được sử dụng vào mục đính chân chính

4.2. Đảo lộn nền kinh tế sản xuất

Kinh doanh là ứng dụng học thuyết kinh tế vào lãnh vực mậu dịch gắn liền với sản xuất và tiêu dùng. Hai phương diện lý thuyết và thực tiễn tác động nên người ta phải xóa bỏ mô tuýp cũ để thích ứng mô tuýp mới. Quốc gia nào thích ứng nhanh thì sẽ phát triển mạnh.

Khi Việt Nam chủ trương khai thác bô xít ở Tây Nguyên, tập thể các nhà tri thức Việt Nam, trong đó có các khoa học gia đã cảnh báo rằng lợi ích nhóm trong lãnh vực này rất cao, việc mất an ninh quốc phòng và tổn thất kinh tế là điều mà chính phủ phải cân nhắc. Nhưng chính phủ đã không chấp nhận nên sau đó mới lâm vào cảnh thua lỗ. Tập đoàn than và điện lực Việt Nam cũng rơi vào tình trạng đó vì chúng ta mua công nghệ lạc hậu từ Trung Quốc. Ngân sách nhà nước vì thế mà thất thu, do không thấy rõ sự đảo lộn kinh tế.

Vinfast là niềm tự hào của Việt Nam trong lãnh vực sản xuất xe hơi dù mới công bố cách đây 2 năm, nhờ mua công nghệ của Đức. Về độ an toàn môi trường thì công nghệ này thuộc 4.0 trong khi Đức đã đạt công nghệ 5.0 cùng với các nước châu Âu khác đang áp dụng. Nếu không nắm bắt sự đảo

lộn về kinh tế thì các nhà đầu tư Việt Nam sẽ thu về phế phẩm của công nghệ lạc hậu trên thế giới với giá bán ngất ngưởng mà hiệu suất kinh tế không cao. Không có tầm nhìn kinh tế sẽ mang lại tổn thất đáng kể cho quốc gia.

4.3. Ảnh hưởng tiêu cực đến cộng đồng xã hội

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 đảo lộn vấn đề riêng tư của con người, quyền sở hữu của con người dễ bị xâm phạm. Các hacker mỗi ngày có thể kiếm được vài chục đến vài trăm triệu đồng bằng cách sử dụng phần mềm hacker tấn công tài khoản Facebook của người dùng trong xã hội. Tháng 10 vừa qua, tôi bị hacker phá bốn tài khoản Facebook. Tôi đã phải tốn vài chục triệu để mua lại mỗi tài khoản. Riêng Facebook âm nhạc và phim ảnh Phật giáo tôi vẫn chưa mua lại được vì họ không bán cho tôi mà bán cho người khác với giá cao hơn.

Tính sở hữu ở đời sống kỹ thuật số còn bấp bênh vì luật pháp còn nhiều lỗ hổng. Việt Nam là nước đầu tiên đề xuất thông qua dự luật thay đổi để đạt quyền sở hữu trên đời sống kỹ thuật số. Đăng ký tài khoản phải dựa vào số chứng minh thư hoặc hộ chiếu. Tương tự, việc đề xuất mua vé tránh tình trạng bán chợ đen, tạo ra sự khác biệt trong cách thức con người tiêu thụ. Sự nghiệp của con người sẽ phát triển nhanh chóng nhưng sụp đổ cũng rất nhanh chóng. Từ đó, nó động tiêu cực đến mối quan hệ con người.

Trong đời sống kỹ thuật số, người nổi tiếng có thể bị tụt xuống, còn người khác lại nổi lên. Ví dụ, Một cô bé có biệt hiệu "Bà Tưng" ở Nghệ An khoe cơ thể, rồi truyền thông đưa tin lạm dụng khiến cô bé bỗng trở nên nổi tiếng, sự nghiệp phút chốc thăng hoa. Trong sản xuất và kinh doanh, cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 khiến các nhà đầu tư luôn gặp áp lực về sự kỳ vọng.

Đó là những mặt trái của truyền thông kỹ thuật số về phương diện xã hội mà dù chúng ta muốn hay không, nó vẫn diễn ra.

Nó tạo tiến trình vô thường theo hai nghĩa, tiêu cực và tích cực. Trước đây, khi bất đồng chính sách của chính phủ, người ta chỉ biểu tình cục bộ; nhưng ngày nay do có mạng xã hội, người ta truyền thông với nhau nhanh chóng.

Chẳng hạn, trong tuần đầu tháng 12- 2018, các cuộc biểu tình chống tổng thống Pháp và Đảng cai trị những cải cách mới liên hệ việc đóng thuế làm người dân vì muốn bảo vệ mình mà kháng cự mạnh mẽ, dù chính sách cải cách đó có lợi cho đất nước. Cuộc biểu tình dẫn đến bạo động, đốt cháy, phá nhà, gây thương tích, chết chóc. Làn sóng mạnh tới mức tổng thống Pháp phải hoãn việc thi hành thậm chí có thể huỷ bỏ.

4.4. Bất bình đẳng lao động xã hội

Tôi đã đề cập đến sự bất bình đẳng trong tuyển dụng người làm việc hiệu quả và giảm biên chế người lao động làm việc không hiệu quả. Tuy nhiên, tác hại quan trọng hơn là sự bất bình đẳng giữa con người và máy móc. Nó vừa là vấn đề pháp lý, xã hội cũng vừa là vấn đề đạo đức.

Trên phương diện tích cực, cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 mang đến nguồn thu nhập cao, cải thiện chất lượng cuộc sống vật chất cho một nhóm nhỏ thì tự động tạo ra các bất công lớn cho đa số còn lại của xã hội. Khoảng cách giàu nghèo lớn hơn.

Những nước tiên tiến và phát triển đỉnh cao về kinh tế như Hoa Kỳ, Đức, Pháp, Anh thì mức độ chênh lệch giữa giàu nghèo không cao, do giới trung lưu chiếm đại đa số. Tôi từng đi nhiều thành phố của châu Âu trong bốn lần thuyết giảng cho cộng đồng Việt Nam. Khi có mặt tại biên giới giữa Đức và Tiệp Khắc, tôi không thấy sự khác biệt cơ sở hạ tầng. Nhà cửa và chất lượng sống của người dân vùng biên địa không khác mấy so với các thành phố trung tâm. Dân số và diện tích Đức ngang với Việt Nam nhưng đi khắp Đức, chúng ta không có cảm giác đông dân vì họ phân bố rất đều.

Các bất bình đẳng xã hội bắt nguồn từ việc thích ứng hay không. Người thích ứng công nghệ mới sẽ trở thành một thiểu số thông minh, giàu có; người không thích ứng được thì trở nên chậm lụt, thất vọng, tạo nhiều xáo trộn về đời sống cá nhân vàgia đình.

Trong cuộc cách mạng công nghiệp lần 3, con người chỉ cần có kỹ năng thích ứng được với công việc. Đối với cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 thì kỹ năng vẫn chưa đủ mà phải có trình độ chuyên môn cao về kỹ thuật và công nghệ, bằng không sẽ bị loại trừ. Ví dụ, các hãng taxi truyền thống tại Việt Nam nếu không thay đổi cách thức vận hành với công nghệ mới thì rủi ro phá sản sẽ cao trước sự cạnh tranh khốc liệt với Grab và Uber. Vấn nạn này từng xảy ra ở châu Âu cách đây 5 năm nhưng Việt Nam vẫn không rút ra bài học kinh nghiệm. Các hãng taxi truyền thống của Pháp, Anh, Đức phải bị rủi ro phá sản vì công nghệ điều hành cồng kềnh, lạc hậu và tốn kém.

Công nghệ gọi xe taxi bằng App đó đang được taxi Việt Nam áp dụng. Khi tổng đài báo địa chỉ của khách, các tài xế tranh đua nhau chạy đến, mười tài xế thì chỉ một người đến sớm nhất được đón khách; chín tài xế còn lại tốn xăng, công sức, thời gian; công ty taxi phải tốn tiền bảo dưỡng xe vận hành bộ máy cồng kềnh ở văn phòng điều hành. Trong khi công nghệ điều khiển bằng App của Grab và Uber, chỉ cần điền địa chỉ xuất phát và đến, xe sẽ có mặt nhanh chóng. Các hãng nước ngoài đã sử dụng công nghệ mới này tấn công thị trường Việt Nam cách đây hai năm.

Mô hình kinh doanh truyền thống nếu không thích ứng, cập nhật với thời đại thì sẽ bị loại trừ. Đó là sự bất bình đẳng cơ hội nghề nghiệp nhưng được luật pháp cho phép. Hiện nay theo đánh giá của một số khoa học gia Đức thì có khoảng 600 triệu người ở các quốc gia tiên tiến không có cơ hội tiếp xúc với cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 huống hồ những nước lạc hậu.

Trên thế giới khoảng 7,3 tỷ người thì 4 tỷ người không bắt kịp với cuộc cách mạng công nghiệp lần 4. Trong đó, 3 tỷ người thuộc các nước châu Á và châu Phi. Việt Nam thuộc top 10 nước sử dụng internet, khoảng 60/90 triệu người sử dụng smartphone và internet. Rất tiếc phần lớn người Việt Nam sử dụng internet chỉ để chơi game, cờ bạc online, cá độ, xem tin thị phi, giải trí… chưa tận dụng mặt tích cực của online trong lập nghiệp.

Nếu chúng ta thay đổi thói quen online như làm kinh tế theo cách thức Amazon hoặc Alibaba thì nền kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng nhanh chóng. Sự giải trí vô bổ không khéo sẽ phá trí vì theo Đông y "đa thị hư thần", nghĩa là xem nhiều sẽ bị hư thần kinh. Mỗi ngày xem bốn tiếng đồng hồ khiến cho con người rối loạn cảm xúc, 7-8 tiếng sẽ có nguy cơ tâm thần hoặc hoang tưởng.

Tôi làm công tác tư vấn từ 5 giờ đến 7 giờ tối mỗi ngày tại chùa Giác Ngộ. Giới trẻ đến với tôi đa phần là trầm cảm muốn tự tử, hay thất tình khiến cho rối loạn tâm thần, cảm xúc, rối loạn đa nhân cách, đều do sử dụng internet quá 3 giờ đồng hồ trở lên. Đó là điều đáng suy ngẫm.

Hiện nay, 2,4 tỷ dân số toàn cầu thiếu nước sạch và 1,2 tỷ người thiếu điện. Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 không thể giải quyết các vấn đề này dù nó thúc đẩy việc sử dụng năng lượng điện gió và mặt trời. Việt Nam là một trong những nước sử dụng thủy điện nhiều nhất nhưng còn lạc hậu. Hiện nay, tỉnh Bình Thuận và Bạc Liêu đang thí nghiệm sử dụng năng lượng gió. Vì tầm nhìn giới hạn và nhiều lý do khác mà diện tích biển và núi non trùng điệp của Việt Nam chưa phát huy được tiềm lực phát triển của nó.

Sự bất bình đẳng giữa con người và máy móc thể hiện ở chỗ, các chủ đầu tư sáng suốt lựa chọn. Dù có tình cảm với người A hay nhóm cá nhân B nhưng chủ đầu tư cần nhìn rõ hiệu quả làm việc con người không cao bằng máy móc được

sản xuất từ trí thông minh nhân tạo.Tình trạng ít nghề nghiệp, mất việc làm do thay thế bởi hàng loạt robot có thể diễn ra. Nhật Bản là quốc gia đi đầu về công nghệ robot, kế đến là Hoa Kỳ, Israel. Hoa Kỳ sản xuất đủ loại robot như robot tình dục, ráp máy, tiếp tân … Nhật Bản thành công khi chế tạo robot tụng kinh cầu an cầu siêu, và là nước đầu tiên sản xuất robot phục vụ khách sạn, đưa khách từ quầy tiếp tân đến từng phòng, mở chìa khóa, mời vào phòng, kéo vali, chào hỏi vui vẻ. Về robot cảm xúc thì Mỹ đang đứng đầu ở mức độ chính xác như con người.

Việc tuyển dụng robot cho các lãnh vực nghề đã làm cho con người rơi vào rủi ro thất nghiệp, làm đảo lộn thị trường công dân, nghề nghiệp. Đây là mặt trái lớn về phương diện nhân đạo. Robot dần được nạp vào kỹ năng giải quyết vấn nạn con người tạo ra, trong khi nếu con người làm việc này thì họ phải là chuyên gia tâm lý hàng đầu hoặc các Tăng Ni dựa trên nền minh triết đạo Phật có kinh nghiệm thực tiễn giải quyết các vấn nạn hôn nhân, luật pháp, ngành nghề cho mọi đối tượng và lứa tuổi.

4.5. Suy thoái đạo đức

Khoảng hai thập niên trở lại đây, một số trường đại học tiên tiến trên thế giới mở ngành học mới, gọi là Khoa học đời sống (*Life Sciences*) dạy kỹ năng sống và giá trị sống, sự tương tác giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên để giải quyết các tình huống mà phần lớn thuộc về vấn nạn.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 mở ra sự tiến bộ công nghệ sinh học, giúp nhà nghiên cứu sinh học biến đổi gen. Điều này tạo ra biết bao thay đổi mà chúng ta không thể tưởng tượng trong các cuộc cách mạng trước đó. Nếu đức Phật còn tại thế, người ta có thể lấy công thức gen chuẩn và biến đổi để sao chép thành các vị thánh khác. Từ lý thuyết cho đến thực tiễn có thể mất hàng trăm năm nhưng chúng ta vẫn có thể thực hiện được. Vì gen tác động đến lối sống, cách hành xử chứ

không đơn thuần là môi trường sống, giáo dục và thói quen.

Nếu việc biến đổi gen được luật pháp cho phép sẽ tạo ra sự nhân bản về con người. Những thay đổi khi nhân bản diễn ra như thế nào thì lại là vấn đề phức tạp khác. Điện ảnh Mỹ cách đây 15 năm đã sản xuất bộ phim về con người nhân bản, một người thiện nhưng bản sao của người thiện đó lại là ác, do môi trường sống. Hiện nay, robot Sophia của Mỹ đã được cấp quyền công dân.

Con người có ông bà cha mẹ, họ tộc, lịch sử thì sẽ ý thức về sự xấu hổ, lương tâm, danh tự, thể diện, sợ hãi nhờ đó trở nên tốt hơn. Nhưng khi là con người nhân bản vô tính, họ không có truyền thống, quan hệ huyết thống nên khả năng tội phạm có thể gia tăng.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 tạo ra khái niệm "designed baby" -em bé được chế tạo bằng công nghệ. Việc thay đổi gen dẫn đến vấn nạn mà các nhà tư pháp, hành pháp, lập pháp phải đau đầu. Có lẽ khoảng hai thập niên nữa mới có thể giải quyết việc ứng dụng thí nghiệm được phép triển khai hay không.

Khi thông minh nhân tạo phát triển mạnh thì chủ nghĩa robot sẽ chiếm lĩnh đời sống xã hội. Từ kỹ nghệ sinh học, robot có khả năng tạo ra vũ khí nguy hiểm, vũ khí hóa học hiệu quả hơn sức sáng tạo của con người. Nếu không kiểm soát kỹ thì các robot cảm xúc có thể sở hữu các vũ khí gây nguy hại cho con người. Rủi ro về xã hội, pháp lý, dân sự tác động đến đời sống đạo đức con người là rất cao.

Nếu thế giới hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ cho phép sử dụng robot cảm xúc không giới hạn, chúng được cấp quyền công dân, được sở hữu súng như Hoa Kỳ thì không biết điều gì sẽ xảy ra! Điều này có thể mất vài thập niên nữa mới thành hiện thực nhưng giả thuyết vẫn có thể được đặt ra với các tác hại về phương diện đạo đức.

Riêng về đời sống số thì hiện nay an ninh mạng là vấn nạn lớn đối với các quốc gia kém phát triển công nghệ kỹ thuật, trở thành nạn nhân của các nhóm hacker được nuôi dưỡng bởi các nhóm chính trị. Chiến tranh mạng ngày càng tác động mạnh mẽ đến nhiều quốc gia như phá sự bầu cử, phá nền kinh tế và an toàn an ninh nhưng không truy cứu trước pháp luật. Ba quốc gia Trung Quốc, Nga, Bắc Triều Tiên được Hoa Kỳ cảnh báo có nguy hại hacker nghiêm trọng nhất thế giới, tác động tiêu cực đến hệ thống chính trị, an ninh quốc phòng và đời sống kinh tế của nhiều quốc gia.

Đến khi luật pháp thế giới giảm bớt sự tự do về an ninh mạng, tạo ra những ràng buộc nhất định cho người sử dụng mạng phải gánh trách nhiệm đạo đức và pháp lý về những điều truyền thông, lúc đó các rủi ro này có thể được giảm thiểu. Rất tiếc, luật an ninh mạng Việt Nam không đi theo hướng này mà nhấn mạnh đến vấn đề kiểm soát và quản lý những người bất đồng chánh kiến, đang khi bản chất của an ninh mạng là đảm bảo an ninh quốc gia, an ninh quốc phòng, chống hệ thống hacker của những nước tiên tiến và những nước xem nước ta là đối thủ. Chúng ta cần tăng cường an ninh mạng dưới góc độ đó.

4.6. Tệ nạn xã hội văn hóa

Một trong những nguyên nhân lớn của tệ nạn xã hội và mất niềm tin là phương tiện truyền thông hiện đại gây phân hóa xã hội lớn ở phạm vi toàn cầu, quốc gia, khu vực, cộng đồng, gia đình và cá nhân. Mỗi người có mạng xã hội riêng đã trở thành một phương tiện truyền thông như một tờ nhật báo hay kênh truyền hình, điều mà trước đây người ta chưa từng nghĩ đến.

Những người có lượt theo dõi từ vài chục ngàn trở lên có thể trở thành một kênh truyền hình, huống hồ những người có vài trăm ngàn hay vài triệu lượt like. Mạng xã hội có hàng triệu lượt like còn hiệu quả hơn các kênh truyền hình truyền thống. Truyền thông hiện đại tạo ra hai nhóm, nhóm ủng hộ và

nhóm chống đối cho từng vấn đề, từ đó kích động ngôn ngữ hận thù. Chưa nói đến tệ nạn truyền bá thông tin giả, hoàn toàn mất kiểm soát. Khi các phương tiện truyền thông truyền thống được quản lý bởi luật thì truyền thông hiện đại thoát khỏi sự giám sát đó, có cơ hội tung hoành, tạo nhiều khủng hoảng xã hội với mức tàn phá các mối quan hệ xã hội lớn.

Ví dụ, trường hợp anh trai của nhà lãnh đạo Bắc Triều Tiên bị ám sát ở phi trường Malaysia vào năm 2018 mà nạn nhân dính vào câu chuyện này là chị Đoàn Thị Hương, một phụ nữ Việt Nam.

Truyền thông xã hội biến một việc nhỏ trở thành một vấn nạn lớn, một câu phát biểu của nguyên thủ quốc gia các nước siêu cường có thể tạo ra biến đổi về chính sách tiền tệ, chính sách kinh tế, thị trường chứng khoán theo lối chao đảo, thay đổi liên tục. Chẳng hạn, sự việc United Airlines ứng xử tệ bạc với bác sĩ Việt kiều David Đào đã làm cho tập đoàn United Airlines điêu đứng, mất gần 6 tỷ USD trong vòng 3 ngày, chỉ vì CEO của tập đoàn này trả lời chống chế mà không xin lỗi thật tình. Ngoài ra, còn những tin tức giả gây tổn thất nặng nề hơn, tạo bất ổn xã hội, gia đình mà người sử dụng mạng xã hội không biết tường tận thông tin thật hay giả này.

Năm 2017, nhóm chống Phật giáo phần lớn là người khác tôn giáo ở Hoa Kỳ đưa vào các diễn đàn một thông tin giả. Đó là hình ảnh Tăng Ni sinh tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội trên sân khấu nhận chứng chỉ "Lớp bồi dưỡng kỹ năng phòng tránh thai an toàn cho Tăng Ni". Từ đó, sinh ra hàng vạn nhận xét tiêu cực của công dân mạng, tạo bất ổn xã hội, vì họ tưởng thật. Người ta chửi bới chống đối Tăng Ni trong nước chỉ vì một tin giả do những kẻ xấu xa tạo ra.

Tôi đã liên lạc với Ban giám hiệu Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội để truy hình ảnh ngày diễn ra sự kiện mà người ta đánh tráo thông tin này. Tôi vào trang web chính,

lấy hình gốc có góc chụp y hệt hình đã bị photoshop, chỉ khác nhau ở câu tiêu đề trên sân khấu. Tiêu đề gốc là: "Tuần lễ quân đội dành cho tăng ni Học viện Việt Nam Phật giáo tại Hà Nội". Dĩ nhiên, về chất lượng thì hình gốc rõ nét hơn hình đã được biên tập lại. Tôi gửi hình gốc và hình bị biên tập vào các diễn đàn phổ biến các tin giả này thì người ta im lặng, không đính chính, xin lỗi. Mục đích của kẻ xấu là tạo thông tin giả để tấn công Phật giáo, làm quần chúng mất niềm tin ở Phật giáo. Thông tin giả tạo ra tác hại xấu đối xã hội con người rất nghiêm trọng.

Chiến tranh truyền thông là vấn nạn lớn mà nếu chúng ta không đính chính kịp thời thì hậu quả khôn lường. Khi quần chúng đã mất niềm tin bởi thông tin giả, đôi lúc vài năm hay chục năm sau, nạn nhân mới tháo mở được ám ảnh bởi các thông tin giả này.

Mạng xã hội đôi khi làm mất niềm tin vào con người và cuộc sống, khiến con người hoang mang, ngờ vực, hoài nghi, bất an, sợ hãi, từ đó, con người trở nên sống thực dụng. Họ mất niềm tin vào chân lý, những giá trị tâm linh, giá trị đạo đức, họ không còn tin vào nhân quả nữa. Tác động của nhận thức sai lầm do truyền thông giả gây ra khiến người xấu trở nên nguy hiểm hơn về phương diện xã hội.

4.7. Xâm phạm quyền riêng tư cá nhân

Các nước tiên tiến phương Tây đi đầu về lãnh vực tôn trọng quyền riêng tư của con người tối đa. Con người không muốn bị phiền toái nên dù nhà cạnh nhau, nếu không thông báo trước, sang nhà làng xóm gõ cửa, người ta không muốn tiếp mà cứ gõ cửa, nói vọng vào thì có thể gặp rắc rối về luật pháp. Ở Hoa Kỳ, chủ nhà chỉ cần gọi 911, cảnh sát sẽ xuất hiện và bắt người làm phiền.

Tính riêng tư trong hệ thống luật pháp Mỹ vàcác nước châu Âu rất cao. Ở Mỹ có khái niệm ô nhiễm tiếng ồn (*noise*

pollution). Trước đây, chúng ta chỉ biết đến ba khái niệm: ô nhiễm đất, ô nhiễm nước, ô nhiễm không khí, bây giờ có thêm khái niệm ô nhiễm tiếng ồn. Khái niệm "ô nhiễm tiếng ồn" này rất phù hợp với kinh Trung Bộ, "Tiếng ồn là cây gai của thiền định". Trong môi trường tiếng ồn, hành giả khó thực tập thiền. Tiếng ồn làm rối trí, tạo sự phân tâm. Ô nhiễm qua nghe nhìn dẫn đến ô nhiễm cảm xúc và ô nhiễm tâm con người, làm con người sống trong bất an và bất hạnh. Nhân đó mới thấy, lời Phật dạy vẫn luôn đi trước khoa học hiện đại.

Người phương Tây đi tới đâu cũng lặng lẽ, còn dân châu Á đặc biệt Trung Quốc, đi tới đâu tạo tiếng ồn tới đó. Việt Nam, Thái Lan cũng có thói quen cộng nghiệp tương tự, ở đâu là ồn chỗ đó, thích chia sẻ, to nhỏ tâm sự chuyện trong nhà ngoài phố mà phần lớn là chuyện phiếm.

Quyền riêng tư của con người bị thương tổn khi Facebook và mạng xã hội bằng thuật toán thông minh có thể biết giới tính của chúng ta, dù chúng ta tạo tài khoản giả. Ngoài ra, nghề nghiệp xã hội, tình trạng hôn nhân, nội dung chúng ta truy cập, thao tác trên mạng xã hội… cũng bị các công ty chuyên ăn cắp thông tin trên internet thu giữ. Họ bán các dữ liệu đó cho các công ty chuyên phân tích xã hội và chính trị nhằm phục vụ mục tiêu quảng cáo hoặc chính trị.

Năm 2018, tập đoàn Facebook phải điều trần trước quốc hội Mỹ, Anh và châu Âu về vấn đề bán thông tin cá nhân của người sử dụng facebook cho tập đoàn Phân tích chính trị, làm đảo lộn thực trạng bầu cử tổng thống Mỹ, giúp ông Donald Trump chiến thắng trước bà Clinton, trở thành tổng thống thứ 45.

Còn hàng trăm vụ buôn bán của các mạng xã hội về dữ liệu người sử dụng, cung cấp cho các tập đoàn đơn thuần về kinh doanh. Tuy nhiên, việc này phục vụ quảng cáo nên luật pháp chưa quan ngại.

Điện thoại thông minh có thể giúp nhà phân tích biết rõ

nơi chốn người sử dụng đang có mặt dù chúng ta cố tình bấm chọn địa điểm khác. Một số App lịch sự yêu cầu chúng ta cho phép thì họ mới truy cập, không cho phép thì không truy cập. Nhưng phần lớn nhà sản xuất có thể biết cụ thể ngày tháng năm chúng ta có mặt ở địa chỉ nào.

Tương tự, các dịch vụ từ App, chúng ta truy cập, sử dụng, tiêu thụ nghe nhìn cái gì thì hệ thống điện thoại thông minh đã chứa đựng phần mềm gián điệp. Chẳng hạn, giám đốc điều hành của công ty Huawei, Trung Quốc, vừa bị bắt tại Canada, vì công ty Huawei được Hoa Kỳ xem là tập đoàn tình báo về đời sống số của Trung Quốc khiến thế giới tẩy chay.

Nhà sản xuất có thể biết lịch sử mua sắm của khách hàng, thời điểm nào, thích loại hàng nào, dòng sản phẩm nào, cách thức chúng ta trả giá thế nào, cho đến chủ nghĩa tiêu thụ. Họ tư vấn cho nhà sản xuất giới thiệu dòng sản phẩm mới trên thị trường, thay đổi và đáp ứng kỳ vọng của người tiêu dùng. Bán dữ liệu khách hàng cho những nhà phân tích là cách kiếm tiền rất dễ dàng.

Thông tin khách hàng còn có tác hại, phá hoại hạnh phúc gia đình khi nhà mạng cung cấp thông tin người dùng đã truy cập vào trang web dơ, hoặc ngoại tình để người trong cuộc thất điên bát đảo mà không thể tập trung cho chức nghiệp ngành nghề của mình. Chiến tranh tâm lý và chiến tranh mạng tác động vào mọi phương diện của cuộc sống làm cho quyền riêng tư không còn được an toàn.

Người thích nói, chia sẻ, tâm sự về bản thân là sự bất ổn về đời sống cảm xúc và đời sống gia đình. Hiện nay, ở Anh có 6 triệu camera an ninh trên toàn quốc, theo dõi toàn bộ hoạt động của con người. Trung Quốc có số camera còn nhiều hơn nữa, hiện đang đi đầu về công nghệ nhận diện gương mặt con người với tốc độ cực nhanh. Một kẻ tội phạm vừa được chụp hình ở thành phố bất kì, nếu được tích hợp trong hệ thống

camera an ninh này thì trong vòng 6 phút sau, người ta có thể biết kẻ tội phạm đang ở đâu.

Trung Quốc là quốc gia sao chép công nghệ tuyệt đỉnh trên thế giới. Bất cứ cái gì thuộc về công nghệ ở châu Âu và các quốc gia tiên tiến, Trung Quốc đều có thể bắt chước được, chất lượng tương đương mà giá bán rẻ hơn nhiều. Điều này khiến thu nhập kinh tế của các tập đoàn lớn bị ảnh hưởng và tác quyền trên thế giới bị đảo lộn.

KẾT LUẬN

Tóm lại, bài viết này phân tích một vài mặt trái cũng như tác hại của cuộc cách mạng kỹ thuật số. Với vai trò bậc thầy tâm linh, tôi mong quý thầy và sư cô cập nhật kiến thức về lĩnh vực này.

Tháng 10/2018, đức giáo hoàng của đạo Công giáo La Mã được truyền hình trực tiếp hướng dẫn các ma sơ, linh mục sử dụng Facebook và các mạng xã hội để khích lệ các vị tu sĩ, giáo sĩ Công giáo La mã trên toàn cầu nên cập nhật một phần đời sống số.

Dĩ nhiên, cái gì cũng có hai mặt. Khi chúng ta lạm dụng kỹ thuật số thì rủi ro phá hoại an ninh cảm xúc và an ninh tâm trí bằng các trang web, hình ảnh bẩn, sẽ làm chúng ta rất khó làm chủ sáu giác quan để trở thành chân nhân cho đến thánh nhân. Cân nhắc giữa mặt hại và lợi thì người sử dụng truyền thông kỹ thuật số cần phải làm chủ chính mình để dùng các phương diện tích cực từ cuộc cách mạng công nghiệp lần 4.

Mặt tác hại của truyền thông kỹ thuật số có thể gấp hàng triệu lần so với mặt tích cực nhưng chúng ta không thể đứng ngoài cuộc sống số. Vấn đề là phải nắm vững bản chất đời sống số để khi sử dụng mặt tích cực của truyền thông kỹ thuật số, chúng ta không bị ô nhiễm bởi các phương diện tiêu cực từ cuộc cách mạng công nghiệp lần 4.

***

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 QUAN ĐIỂM PHẬT TỬ VỀ XÃ HỘI BỀN VỮNG VÀ HẠNH PHÚC

Tiến sĩ Peter Daniels*

TÓM TẮT

Những ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp thứ tư toàn cầu vô cùng rộng lớn - thậm chí khi so sánh với tác động sâu rộng của các cuộc cách mạng công nghiệp trước đó bắt đầu từ cuối thế kỷ 18, và ảnh hưởng của nó càng tăng nhanh hơn nữa kể từ những năm 1980, với sự xâm nhập của bộ vi xử lý và mạng internet. Nó liên quan đến nhiều lợi ích xã hội và chi phí đáng kể ảnh hưởng đến hầu hết người dân thế giới, cũng như đến môi trường tự nhiên và nhân tạo nơi họ sinh sống. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư không dễ được định nghĩa và phân biệt rõ ràng, nhưng thường có đặc trưng là sự "xóa nhòa ranh giới" giữa hai thế giới thực tế và thế giới kỹ thuật số - với sự thâm nhập xử lý và chuyển giao kỹ thuật số để cung cấp các chức năng sống vào trong môi trường kinh tế, xã hội và gia đình hàng ngày. Sự kết nối lẫn nhau và ảo hóa cũng là chìa khóa trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Có nhiều quan điểm trái chiều về việc bằng cách nào, và thậm chí là nếu chúng ta có nên dự đoán và phản ứng trước các công nghệ mới mà nó sẽ tiếp tục, và có lẽ sẽ đẩy nhanh quá trình tái định hình xã hội và kinh tế trên toàn thế giới. Tuy nhiên, sự chấp nhận không nghi ngờ đối với các công nghệ và ứng dụng của chúng chỉ dựa trên

* Người dịch: NS. Như Nguyệt và Le Khanh Tan

tính thương mại hoặc tôn sùng công nghệ dường như không phải là cách tốt nhất, trong khi đang có sự thay đổi lớn trong giáo dục và đào tạo, và những mối lo ngại lớn hơn về kết quả lâu dài của an sinh cộng đồng. Nhiều tác động có thể có của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã được thấy rõ. Đã đến lúc phải để phản ánh, đánh giá, thảo luận, tăng cường nhận thức và hành động kịp thời đối với các xu hướng này. Nhiều ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp lần thứ tư rất phù hợp với quan điểm của Phật giáo về bản chất của sự an lành (và đau khổ) của con người, và chúng ta rất cần có một bài nghiên cứu về nó.

Có rất nhiều mối liên hệ tiềm năng giữa Phật giáo và bản chất của cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tuy nhiên, trọng tâm của bài viết này là về các vấn đề liên quan đến tính bền vững và phúc lợi của con người. Nó bao gồm một phân tích sơ bộ chịu ảnh hưởng của Phật giáo về cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các hậu quả có thể xảy ra về mặt tác động môi trường, và các khía cạnh cơ bản hơn của các nguyên nhân gốc rễ của đau khổ và luân hồi.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các khía cạnh bền vững môi trường thông qua năng suất sử dụng tài nguyên, hiệu quả tiêu thụ và phản hồi, các phương thức sản xuất và các loại hàng hóa và dịch vụ mới cấp tiến và nhu cầu tiêu dùng nói chung, và các công nghệ tiếp cận ảnh hưởng đến đầu vào và phát thải tài nguyên. Những dòng chảy vật chất và năng lượng này có mối liên hệ chặt chẽ với các quan niệm của Phật giáo về sự can thiệp và xáo trộn của thế giới tự nhiên, và hậu quả kinh tế và xã hội của nó, theo một quy luật phổ biến của nghiệp báo (karma vipaka).

Với tất cả các tác động tiềm năng của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, những tác động này có thể là tích cực hoặc tiêu cực liên quan đến phúc lợi cộng đồng lâu dài. Chúng tôi cho rằng, suy nghĩ cẩn thận về những tác động này, tiên nghiệm trước, và kết hợp với một số trí tuệ của Phật giáo truyền thống, sẽ giúp tăng cường những lợi ích của tác động môi trường liên quan đến hiệu quả của phúc lợi xã hội, và định hình cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phục vụ lợi ích của con người và thế giới tự nhiên nuôi dưỡng chúng ta.

Những ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến an sinh xã hội là trọng tâm thứ hai của bài viết này. Phần này nghiên

cứu nhiều hơn về cách cuộc cách mạng có thể ảnh hưởng đến cả khía cạnh nhận thức của con người (hiểu biết, lý luận), và an sinh của con người (ví dụ: sức khỏe thể chất), nhưng cũng tác động đến trạng thái tinh thần chủ quan được phản ánh qua sự thỏa mãn, hài lòng, giảm lo lắng và đau khổ về tinh thần. Một luận điểm cơ bản trong Phật giáo là điều này có mối quan hệ chặt chẽ với ý định, hành động và hậu quả liên quan đến môi trường tự nhiên (và xã hội). Các khía cạnh của an sinh này chủ yếu liên quan đến sự căng thẳng và tác động có thể có giữa (a) lợi ích của việc tăng khả năng kết nối, trải nghiệm, giải trí và truy cập thông tin qua mạng, so với (b) chi phí của việc ngày càng bị tách rời khỏi thực tại đơn giản, hữu hình (môi trường xã hội và tự nhiên) - ngay cả từ bối cảnh thời kỳ hậu cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.

Đây là một phân tích nghiên cứu khảo nghiệm Phật giáo về những phát triển như vậy. Nó bao gồm các lựa chọn tích cực và tiêu cực và giúp cung cấp thông tin cho các khuyến nghị về cách thức Phật giáo có thể hành động trước và xoay chuyển các thay đổi sắp sửa xảy ra, hướng tới một xã hội bền vững hơn và phúc lợi cá nhân và cộng đồng cao hơn. Chánh niệm là một khía cạnh quan trọng đối với các ảnh hưởng của cuộc cách mạng và phản ứng có liên quan của con người.

1. GIỚI THIỆU

Thật là trớ trêu khi thành công rực rỡ của công nghệ trên toàn thế giới hàng trăm năm dường như chỉ mang lại những lợi ích khá khiêm tốn cho xã hội và tâm lý hạnh phúc cho hiện tại. Điều này cũng thể hiện cho sự tái khẳng định trí tuệ vốn có của Phật giáo, tăng cường tích lũy vật chất và tiện nghi, vượt quá mức cơ bản, nhưng sẽ không thực sự làm giảm đi sự đau khổ của chúng ta (cải thiện "hạnh phúc" của chúng ta). Một hạn chế như vậy dường như trái ngược với tinh thần lạc quan và phấn khích của "Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư" (4IR), điều hứa hẹn sẽ tạo ra một thế giới mới tuyệt vời, với cuộc sống lâu hơn, khỏe mạnh hơn, truy cập không giới hạn về thông tin và giải trí, tăng năng suất lao động và loại bỏ tiềm năng hoặc công việc lao động thường ngày, nặng nhọc và nguy hiểm - tất cả được thành lập dựa trên các xu hướng nhanh hơn đang nổi lên với cuộc cách mạng kỹ thuật số.

Đúng là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4IR) có thể

giúp tiếp tục làm giảm đáng kể tình trạng nghèo đói toàn cầu đã được chứng kiến trong suốt 40 năm qua[1]. Tuy nhiên, đối với hầu hết người dân có thu nhập cao ở các quốc gia đi tiên phong trong 4IR, thì những lợi ích (có lẽ vượt ra ngoài về sức khỏe thể chất) ít chắc chắn trong điều kiện xu hướng phúc lợi được đo đạc kể từ giữa thế kỷ XX[2] . Sự khởi đầu của 4IR dường như là tiền đề của một loại vô minh được công nhận trong Phật giáo (avidyā) về liên kết giữa sự an lành, các động lực và kết quả mong đợi thúc đẩy sự tăng cường của kinh nghiệm tiến bộ về kinh tế kỹ thuật cho đến nay. Theo mô tả của Schwab (2017), Bloem et al (2014), Jones (2017) và một số người khác, 4IR được đặc trưng bởi nhiều phần. Tuy nhiên, một phần quan trọng để xác định bản chất của 4IR là sự tăng trưởng sinh sản, hợp nhất, hoặc thậm chí thay thế các chức năng sinh lý cơ bản của con người (bao gồm cả tinh thần/trí tuệ) với các quy trình và hiện tượng nhân tạo của công nghệ kỹ thuật số, bộ vi xử lý và những hệ thống mạng liên quan. Những phát triển mới trong sáng tạo và chấp nhận chắc chắn là sự mở rộng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Ba dựa trên sức mạnh tổng hợp nổi lên từ "cuộc cách mạng kỹ thuật số" và máy tính và ICT (công nghệ thông tin). Tuy nhiên, những phát triển này được coi là đủ khác biệt để phân loại là một "cuộc cách mạng công nghiệp mới". Trong số các mô tả đa dạng như là một hiện tượng xã hội phức tạp là một chủ đề phân biệt có liên quan lớn đến chủ đề được đề cập ở đây - thay thế trải nghiệm môi trường trực tiếp của con người (bao gồm lao động, tương tác xã hội, giải trí, hoạt động tiếp thu kiến thức kinh nghiệm và thực nghiệm, và sự hiểu biết về thế giới) với truyền thông kỹ thuật số và các giao diện, trí tuệ nhân tạo (AI), robot, mô phỏng, Internet và vô số cảm biến được kết nối và các thiết bị khác cũng như kho chứa dữ liệu.

Trong khi quy mô và phạm vi của 4IR rất đáng kinh ngạc, không thể nghi ngờ rằng điều này sẽ có những thay đổi rất to lớn và thường thay đổi đột phá với những hậu quả ngoài dự tính. Dù cho lợi ích kinh tế to lớn đến đâu hay sự nhìn nhận của mọi người về sự tiện nghi và giàu có về vật chất từ thành tựu công nghệ mang lại như thế nào, vẫn có rất nhiều bằng chứng, rất khác biệt và độc đáo, về

1. Tỉ lệ dân số thế giới thuộc tầng lớp "siêu nghèo" ước tính đã giảm xuống từ khoảng 42% trong năm 1981 đến ít hơn 10% vào năm 2016 (The Economist 2017).

2. Bằng chứng thực nghiệm về mối liên hệ giữa trạng thái hạnh phúc chủ quan (SWB) hay sự hài lòng cuộc sống và tăng trưởng kinh tế không rõ ràng (ví dụ, xem Deaton 2008).

sự nguy hiểm của việc chấp nhận sự lạc quan về công nghệ vô điều kiện (được khái quát trong Phần 3 của bài viết này).

Đưa ra mức độ tiềm năng và cường độ thay đổi như vậy từ 4IR trong thế giới của chúng ta, có thể dễ hiểu tại sao nó được chấp nhận rộng rãi (bởi nhiều nhà lãnh đạo doanh nghiệp, Chính phủ, truyền thông và cộng đồng nói chung) điều mà chúng ta cần xem xét cẩn thận về vấn đề này (Huffington 2017). Sự ưu tiên nên là thành quả tích cực trong đời sống con người - một điều gì đó chưa được đảm bảo bởi một kỷ nguyên công nghệ được thúc đẩy bởi mục tiêu lợi nhuận và technophilia (tạm dịch: là sự nhiệt tình cho công nghệ) vô điều kiện được xây dựng dựa trên tốc độ (sự thỏa mãn nhu cầu tức thời và kỳ vọng về điều ấy), kết nối điện tử, sự tiện nghi, tiện lợi, cạnh tranh, năng suất, sản lượng và tăng hiệu suất, gần như vô tận về thời gian và các lựa chọn giải trí. Nhiều nhà lãnh đạo giờ đây nhận ra sự cần thiết phải đặt câu hỏi về giả định rằng những điều này, được cho là dấu tích, động cơ và mục tiêu sẽ dẫn đến phúc lợi tốt hơn, cần phải được đặt câu hỏi.

Bài viết này xem xét những hiệu ứng xu hướng đã được nghiên cứu (và những dự đoán) về 4IR và cách thức mà Phật giáo có thể giúp đánh giá các tác động này và đưa ra cho xã hội lựa chọn và hành động để tạo ra kết quả hạnh phúc tốt hơn cho cộng đồng. Do vậy, bài viết đại diện cho một phân tích lấy cảm hứng từ Phật giáo về chủ đề 4IR và những tác động đối với con người, vận dụng sự hiểu biết truyền thống lâu đời và cách nhìn về các nguồn phổ quát chính và "luật pháp" rằng nó ảnh hưởng lành mạnh tích cực (và mặt trái của 4IR, samsaric, khổ đau, trong đạo Phật[3]). Điều này liên quan đến việc tập trung vào cách 4IR liên quan tới dukkha và Tứ Diệu Đế. Tác động của môi trường cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc bàn luận.

Mối liên hệ chung giữa Phật giáo và 4IR đã được nghiên cứu trong một số công trình khác (ví dụ, Jones (2017) và các bài viết khác tại Hội thảo "Phật giáo và Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư" do Hiệp hội nghiên cứu Phật giáo Hàn Quốc tại Seoul năm 2017, Bristow (2017), Smith (2015)). Tuy nhiên, bài viết này chỉ nhấn mạnh duy nhất vào việc phân tích tính bền vững và hạnh phúc

3. Trong đạo Phật, samsara nghĩa là vòng luân hồi, sự tồn tại trần gian và cái chết, thấm nhuần và tồn tại bởi dục vọng và vô minh, và hậu quả nghiệp chướng của nó (King 2009).

lâu dài, sự an lành bền vững của con người. Điều này dựa trên giả định rằng mọi người được gắn chặt vào một mạng lưới liên kết với nhau và thế giới tự nhiên mà họ là một phần trong đó. Chủ đề chính của bài viết là cách 4IR có thể ảnh hưởng, và tốt nhất là định hình trong quan điểm chung về môi trường và xã hội (bao gồm cả kinh tế) phát triển bền vững. Một chủ đề quan trọng là phân tích Phật giáo từ ảnh hưởng tiềm năng của 4IR trên dấu chân hệ sinh thái, dòng nguyên liệu và năng lượng và làm thế nào Phật giáo sẽ có thể gần như hỗ trợ chuyển đổi 4IR vào một phiên bản "màu xanh" (còn được biết là "mô hình kinh tế kỹ thuật xanh") (hay Green TEP) trong một số ngành khoa học). Chắn chắn là nhiệm vụ này nhất thiết liên quan đến việc xem xét các khía cạnh an sinh và làm cách nào 4IR ảnh hưởng đến các nguồn phúc lợi chính, phù hợp với thế giới quan của Phật giáo.

Phần tiếp theo cung cấp một cái nhìn tổng quan về những khía cạnh đáng chú ý của 4IR. Phần 3 tóm tắt một danh sách chi tiết về các tác động tiềm năng (chồng chéo và liên kết với nhau) của 4IR đối với nền kinh tế, xã hội và văn hóa rộng lớn hơn và môi trường tự nhiên. Nó làm nổi bật một số của hầu hết các tác động đáng chú ý có liên quan gắn liền với thế giới quan của Phật giáo và phần 4 thảo luận về làm thế nào mà trí tuệ cổ xưa này có thể giúp phân tích và đánh giá các tác động này góp phần hướng dẫn các cộng đồng định hình khuôn mẫu chuẩn về sức mạnh của 4IR vì lợi ích lâu dài.

"Cách Mạng Công nghiệp lần thứ Tư đang trong giai đoạn sơ khai, và hãy còn quá sớm để dự đoán được những gì nó sẽ hình thành. Nhưng hơn thế chúng ta có thể hiểu được bản chất và những nguyên nhân, lại càng có nhiều khả năng gặt hái những lợi ích và giảm thiểu rủi ro".[4]

Giả định thiết yếu cho bài viết này là Phật giáo có thể giúp hiểu và đánh giá động cơ và tác động của 4IR để nhằm đạt được đề xuất của Thomson.

2. ĐIỀU GÌ ĐẶC BIỆT VỀ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0?

Cách mạng Công nghiệp lần thứ nhất nổi tiếng từ trong các tiết học lịch sử hiện đại tại các trường học. Sự khởi đầu của nó đánh dấu một sự thay đổi quan trọng trong bản chất của các hệ thống xã hội

4. Thomson 2015.

kinh tế và rộng lớn hơn - sự thay đổi đã phát triển và lan rộng với các chủ đề phổ biến và tác động trên khắp thế giới, đặc biệt trong vòng hơn 50 - 60 năm. Bắt đầu ở Anh vào cuối những năm 1700 với khả năng sử dụng đồng thời nhiên liệu hóa thạch, năng lượng và phát minh ra máy móc sử dụng năng lượng này để cơ giới hóa rất nhanh và tăng tốc cho sản xuất thủ công, làn sóng tích lũy công nghệ lan truyền khá nhanh trên khắp Tây Âu và Hoa Kỳ (Deane 1979). Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất cũng liên quan đến một loạt các đổi mới bổ sung và liên quan trong luyện kim, vận tải và truyền thông, thương mại và ngân hàng. Kết quả là sự gia tăng rất đáng kể về năng suất và tổng sản lượng, đặc biệt là trong các sản phẩm dệt may, hóa chất và kim loại. Nền kinh tế công nghiệp mới này mang lại sự gia tăng đáng kể về mức sống vật chất cho một số người, nhưng cũng mang lại cuộc sống lao động bị cấm đoán và thường xuyên bị đối xử tồi tệ cho những người di cư từ nông thôn và những người lao động thuộc tầng lớp khác (bị cuốn theo sự tái cấu trúc căn bản của nhu cầu lao động và điều kiện kinh tế - chính trị).

Điều ít được biết đến chính là một loạt các kỷ nguyên cách mạng công nghiệp và cuộc cách mạng kinh tế kỹ thuật đã được xác định kể từ những phát triển kinh điển của thế kỷ XVIII. Tập trung vào bốn cuộc cách mạng thường được xác định có xu hướng bỏ qua tính chất khá liên tục và bản chất tích lũy của những thời điểm này. Tuy nhiên, chúng được xem là có đầy đủ các đặc điểm độc đáo để được có thể phân biệt của các thời đại công nghiệp. Thuật ngữ "công nghiệp" (thường kết hợp với hoạt động sản xuất) để mô tả sự biến đổi hoàn toàn về xã hội và kinh tế, có phần nào thiển cận cho phạm vi và chiều sâu của tác động, và trong phần sau, chúng tôi sẽ đề xuất rằng các khái niệm như "Mô hình kinh tế kỹ thuật" là thích hợp hơn cho việc phân tích khoa học xã hội của động lực xã hội có liên quan. Vài đặc điểm chính của một trong số bốn cuộc cách mạng công nghiệp đã được phân loại theo một số khía cạnh, được trình bày và so sánh trong Bảng 1.

Để phù hợp với cách tiếp cận điển hình của phần lớn tài liệu về lĩnh vực này, những tác động của hệ thống kinh tế và văn hóa - xã hội không được đề cập chi tiết trong bảng mô tả các cuộc cách mạng công nghiệp. Hai cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên có xu hướng chủ yếu là về hỗ trợ cơ học và năng lượng trong sản xuất hàng hóa vật chất, trong khi tích lũy thông tin và kiến thức và tiếp

cận là trung tâm của cuộc cách mạng thứ ba. Một trong những đặc điểm nổi bật của 4IR là vận động theo hướng tích hợp thông tin, cảm biến, thực tế ảo và hệ thống tự ra quyết định (và đồ tạo tác vật lý: physical artefact) trực tiếp hơn vào ý thức của con người và thậm chí các cơ thể. 4IR đại diện cho một bước tiến vượt thời đại dựa trên các nguồn năng lượng mới hướng tới một hiện tượng công nghệ - "kỹ thuật số hóa" - nơi nhận thức ảo hướng dẫn mạnh mẽ các hành động của con người trong thế giới vật lý (Sentryo 2017). Khái niệm về 4IR đã thấm nhuần hiệu quả từ tác phẩm của nhà lãnh đạo Diễn đàn Kinh tế Thế giới, Klaus Schwab trong cuốn sách xuất bản năm 2017 của ông với tựa đề "The Fourth Industrial Revolution"(Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4). Thông điệp chính của cuốn sách là cuộc cách mạng công nghiệp mới nhất này có thể liên quan đến những thay đổi to lớn hơn bất cứ giai đoạn nào trước đó, và do đó cần phải có sự quan tâm và cân nhắc kỹ lưỡng về bản chất của các công nghệ 4IR và các tác động của chúng. Phạm vi của các cuộc cách mạng trước đó được địa phương hóa nhiều hơn, nếu mở rộng theo thời gian. Bản chất toàn cầu rõ ràng của các biến đổi và ảnh hưởng của 4IR làm tăng tầm quan trọng của nó. Những đặc điểm chính của 4IR đã được vạch ra trong phần Giới thiệu và được phân tích cụ thể ở cột cuối cùng trong bảng số 1. Điều này được mô tả thêm một chút trong phần cuối cùng của phần này với bản xem trước của một số kết nối quan trọng giữa 4IR và đạo Phật.

Nhìn chung, một trong những đặc điểm đặc biệt nhất của 4IR đã được mô tả như sự đổi mới nhanh chóng và áp dụng các "hệ thống vật lý ảo" (Schwab 2017; Bloem et al 2014) là "ngòi nổ cho các thiết bị kỹ thuật số được nối mạng và kết nối các với hệ thống vật lý và sinh học" (Jones 2017). Ngòi nổ kĩ thuật số sinh học (biodigital) này có lẽ là tính năng cơ bản nhất của 4IR và bao gồm một cụm những công nghệ liên quan dựa trên sự tương tác mãnh liệt hoặc thậm chí là gắn chặt công nghệ kỹ thuật số với "sinh học truyền thống" (fleshy biology) (bao gồm các kết nối vật lý chặt chẽ giữa các cơ quan cảm giác và nhận thức) (Jones 2017).

Table 1: Các khía cạnh chính của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và các cuộc cách mạng công nghiệp trước đó

	CMCN lần thứ nhất Từ 1770 đến 1800	CMCN lần thứ hai Cuối những năm 1800 đến giữa những năm 1900	CMCN lần thứ ba Từ giữa những năm 1900 tới năm 2000	CMCN lần thứ tư Thế kỷ XXI
Nguồn năng lượng chính (và vật liệu chính)	Chuyển từ sức người và năng lượng khác sang năng lượng vô sinh (đặc biệt là than). Than, nước và hơi nước.	Năng lượng hơi nước, nhiệt điện than, dầu khí.	Nhiên liệu hóa thạch, thủy điện, hạt nhân. Một số nguồn năng lượng tái tạo.	Nhiên liệu hóa thạch, thủy điện, hạt nhân. Một số nguồn năng lượng tái tạo.
Thay đổi công nghệ và các cụm cải tiến chính	Cơ giới hóa, nếu không sản xuất hàng loạt.	Động cơ đốt trong và ô tô. Sản xuất hàng loạt, chủ nghĩa Ford và Taylor (quản lý khoa học sản xuất). Chia ca làm việc. Một số điện tử tương tự. Ống chân không, bóng bán dẫn trong thời kỳ sau.	Sự nổi lên của thiết bị điện tử. Máy tính - bộ vi xử lý và bộ nhớ/lưu trữ, sau đó là hệ thống mạng. Hệ thống phần mềm. "Cách mạng số" hỗ trợ sản xuất (so với trực tiếp) cho các hãng sản xuất; chuyển từ cơ khí sang tương tự điện tử sau đó kỹ thuật số. Điện và hệ thống lưu trữ năng lượng khác. Điện thoại di động và máy tính khác. Robot. Công nghệ sinh học	Trí tuệ nhân tạo; tìm kiếm dựa trên thuật toán, tiêu thụ và các phân tích khác; phần mềm ứng dụng và hệ thống xử lý cho nhiều công việc; người máy; Internet vạn vật; xe tự động; máy in 3D; sinh học tổng hợp và di truyền, chỉnh sửa bộ gen; công nghệ sổ cái phân tán (DLT), blockchain, máy tính lượng tử, công nghệ nano; sinh trắc học; năng lượng tái tạo; nền kinh tế chia sẻ.

	CMCN lần thứ nhất Từ 1770 đến 1800	CMCN lần thứ hai Cuối những năm 1800 đến giữa những năm 1900	CMCN lần thứ ba Từ giữa những năm 1900 tới năm 2000	CMCN lần thứ tư Thế kỷ XXI
Những lĩnh vực chính bị ảnh hưởng	Dệt may, luyện kim.	Tất cả các ngành sản xuất. Thép, xăng dầu, điện, điện dịch vụ chung.	Hầu hết các ngành - đặc biệt liên quan đến thông tin và sản xuất quy mô lớn (hàng tiêu dùng lâu bền, ô tô, v.v.)	Tất cả
Phạm vi địa lý	Anh Quốc, Tây Âu, Bắc Mỹ.	Bắc Mỹ, Tây và Trung Âu, Nga, Nhật, Austra-lia. Lan rộng khắp vùng Trung Đông, Nam Mỹ.	Tương tự như CMCN lần 2, nhưng gồm có cả Đông và Nam Á. Gần như toàn thế giới	Toàn cầu
Các khía cạnh sản xuất khác	Sản xuất cơ khí dựa trên hơi nước (đặc biệt là ngành dệt may), tái khám phá xi măng, tấm kính, đèn ga.		Tự động hóa kỹ thuật số trong sản xuất bằng điện tử và công nghệ thông tin.	Vi mạch điện tử tái sản xuất hàng hóa hoặc dịch vụ. Tái xây dựng và sản xuất những hình thái mới của vật chất sinh học và vật lý mới đang tồn tại ở cấp độ nguyên tử, phân tử đến siêu phân tử.

	CMCN lần thứ nhất Từ 1770 đến 1800	CMCN lần thứ hai Cuối những năm 1800 đến giữa những năm 1900	CMCN lần thứ ba Từ giữa những năm 1900 tới năm 2000	CMCN lần thứ tư Thế kỷ XXI
Đặc điểm hệ thống kinh tế	Xây dựng nhà máy. Cấu trúc xã hội tư sản và vô sản. Chủ nghĩa tư bản công nghiệp thay thế hệ thống cuối thời phong kiến / quốc gia / chủ nghĩa tư bản thương nhân hoặc chủ nghĩa trọng thương. Các công ty nhỏ và địa phương.	Sự xuất hiện của các công ty lớn, công ty trách nhiệm hữu hạn, sở hữu cổ phần. Sản xuất nông nghiệp quy mô lớn và tự động hóa. Kỹ thuật nặng.	Những phương thức mới để xử lý, lưu trữ và chia sẻ thông tin. Toàn cầu hóa.	Hệ sinh thái mở rộng của các thiết bị internet được liên kết để cải thiện chất lượng, hiệu quả và bảo mật (và có lẽ khả năng phục hồi) của hoạt động sản xuất và quy trình; IIoT (Bloem et al 2014). Liên kết giữa các máy, thiết bị cá nhân, điều khiển và phân tích thời gian thực, thiết bị bảo mật; cảm biến và cơ cấu chấp hành. Các dịch vụ kinh doanh mới phát triển dựa trên liên kết thế giới vật lý ảo và máy thay thế thông minh các tác vụ thông thường. Sự sụp đổ của sản xuất quy mô lớn kỹ năng kém và việc làm có khả năng tự động hóa.

	CMCN lần thứ nhất Từ 1770 đến 1800	CMCN lần thứ hai Cuối những năm 1800 đến giữa những năm 1900	CMCN lần thứ ba Từ giữa những năm 1900 tới năm 2000	CMCN lần thứ tư Thế kỷ XXI
Hệ thống giao thông	Kênh rạch, triển khai chậm về đường sắt.	Động cơ tua - bin hơi nước - đường sắt, tàu biển; trong thời đại sau này, ô tô và máy bay động cơ đốt trong.	Ô tô, xe tải, máy bay, tàu cao tốc.	Ô tô, xe tải, máy bay, máy bay không người lái.
Hệ thống thông tin liên lạc	Hạn chế.	Điện báo, radio và điện thoại.	TV, điện thoại di động. Internet. Làm việc từ xa.	Internet. Thiết bị cầm tay. Hệ thống không gian mạng.

Nguồn: Áp dụng và phát triển từ Schwab (2017), John Grill Centre (2018), Khan và Isreb (2018), Huffington (2017); Klugman (2018); The Oracle (2018) và những người khác.

Điều này thể hiện sự kết hợp giữa khả năng của con người và máy móc, trong đó, công nghệ không chỉ được sử dụng, mà gắn bó sâu sắc với cuộc sống của ta, và ngày càng kết nối về thể chất hoặc cấy vào cơ thể chúng ta. Đó là dấu hiệu của sự thay đổi với việc chuyển đổi sang 4IR - công nghệ được tách biệt về mặt vật chất (một loại tăng cường mở rộng) nhưng bắt đầu được hấp thu (về mặt sinh lý học và tất nhiên là trong việc định hình lối sống của chúng ta) (Khan & Isreb 2018). Sự kết hợp này bao gồm tất cả mọi thứ, từ nhận thức (ảo hóa) đến sinh lý học kỹ thuật số - biological physiology (chủ nghĩa sinh vật cơ khí hóa - cyborgism). Điều này thường được ghi nhận là "làm mờ" giữa ranh giới vật chất, tinh thần và kỹ thuật số, giữa tự nhiên và máy móc, và các vật chất và nhân tạo, và báo hiệu sự hội nhập của con người, sinh học (không phải con người) và thế giới vật chất và kỹ thuật số khác (Chansoda và Saising 2018; Schwab 2017; Jones 2017).

Kỷ nguyên công nghệ hiện tại không chỉ là phản ứng sinh lý học. Ảo hóa có nhiều mức độ trong sử dụng dịch vụ, thu thập

thông tin và trải nghiệm. Ví dụ, khi chơi game và nhắn tin SMS có thể thiếu các yếu tố con người thời tiền công nghiệp hóa, nhiều loại giao tiếp 4IR vẫn giữ các chế độ kết nối vật lý mạnh mẽ của con người, ví dụ: hình ảnh và giọng nói trong phần mềm Skype và ứng dụng viễn thông liên quan, và cải thiện việc di chuyển bằng tàu cao tốc và trên không có làm tăng khả năng tương tác đời thật của con người.

Có lẽ một đặc tính phổ biến hơn về 4IR chính là sự tăng cường của một trong những xu hướng chính trong cuộc Cách mạng công nghiệp thứ ba - đánh dấu sự khởi đầu của một hình thức của siêu liên kết (ví dụ, "Internet vạn vật") liên kết các thế giới ảo và vật lý. Hậu quả của sự kết nối mạnh mẽ này, trí tuệ nhân tạo và các hệ thống xử lý có thể quản lý "gói dữ liệu lớn" là một khả năng nhân rộng, sức mạnh tổng hợp và tốc độ truy cập thông tin, học hỏi và đưa ra quyết định, so với các mô hình cộng đơn giản từ trước.

Như đã đề cập trước đó trong phần này, sức mạnh và khả năng kết nối cực mạnh của 4IR được công nhận rộng rãi để có tác động rất quan trọng và phá vỡ cao - cả mặt tích cực và tiêu cực - đến xã hội. Những người yêu thích công nghệ thường rất lạc quan và hào hứng với triển vọng của 4IR để "thúc đẩy nhân loại" (John Grill 2018) và tiềm năng lợi ích kinh tế và giải trí thực sự là lớn nhất (ví dụ, ghi chép những phát triển có ích trong nửa thế kỷ qua được nhà Tâm lý học Steven Pinker tán thành (2019)).

Tuy nhiên, việc áp dụng vô điều kiện các xu thế của 4IR sẽ đưa con người đến một lãnh thổ mới và đồng thời đưa đến nhiều tác động ngoài ý muốn hay "tác động ngoại cảnh", các vấn đề về tâm lý đạo đức xã hội, nó sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến hạnh phúc của cá nhân và cộng đồng. Những thay đổi sẽ tiếp tục biến đổi cách chúng ta làm việc, tái tạo, tương tác xã hội, cảm nhận thế giới, ăn, đi lại và thậm chí ngủ, và có thể cách tư duy. Các cuộc cách mạng công nghiệp trước đó cũng có hàng loạt tác động đến cuộc sống của con người - ví dụ như, xe hơi và điện, nhưng về mặt nào đó, những tác động này mang tính vật chất nhiều hơn đối với hoạt động của con người (ví dụ: phương tiện đi lại và tiện nghi gia đình) trong khi 4IR lại có chiều hướng nhận thức và có thể có ảnh hưởng sâu sắc hơn xét về những tác động tinh thần và các vấn đề khác.

4IR không chỉ đơn giản là một hiện tượng công nghệ sẽ đáp ứng tất cả các nhu cầu chưa được đáp ứng hiện tại của con người và khiến chúng ta thỏa mãn. Thật vậy, thật cởi mở để đặt câu hỏi chính xác 4IR sẽ mang lại điều gì và tại sao chúng ta lại muốn những kết quả này - bao gồm những tác động có lợi ích bền vững như lợi ích kinh tế. CMCN lần 4 sẽ không dừng lại, tuy nhiên những biến đổi trong quá trình (và những tác động ngoài ý muốn mạnh mẽ không thể tránh khỏi) cần phải được xem xét và đánh giá cẩn thận. Những vấn đề gì cần được giải quyết hay cải thiện trong 4IR - sức khoẻ, sống lâu hơn, nghèo đói, trải nghiệm đa dạng, lựa chọn về lối sống và cuộc sống, giải trí nhiều hơn, thời gian rảnh rỗi, một cuộc sống dễ dàng hơn, nội tâm, hòa bình và sự mãn nguyện? Làm thế nào những mục tiêu này đã đạt được trong các cuộc cách mạng công nghiệp trước đó?

Phật giáo có trí tuệ to lớn để đưa ra những đánh giá về các mục tiêu này, đặt ra câu hỏi, đánh giá giá trị thực và hướng thay đổi có thể thích nghi với 4IR. Nó sẽ góp phần để trả lời theo các câu hỏi cơ bản về những gì chúng ta muốn và những gì sẽ mang lại cho chúng ta hạnh phúc lâu dài và có thể liên quan tới những giả định và động cơ (ham muốn và lựa chọn) sẽ thúc đẩy và dẫn dắt 4IR.

3. NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC CMCN LẦN THỨ 4

Những ảnh hưởng của 4IR đã được thảo luận rộng rãi. Thường có sự phấn khích đáng kể về cam kết của những kỳ quan công nghệ trong "những thế giới mới dũng cảm", có lẽ với một chút lo lắng về những tác động tiêu cực liên quan đến việc làm. Tuy nhiên, phải nhấn mạnh rằng phân tích kỹ lưỡng, sâu sắc hơn, cho rằng các tác động tiềm năng trong tương lai của 4IR không thể đoán trước và lớn hơn nhiều những mô tả trong các bài viết đại chúng. Những tác động sâu rộng chắc chắn có khả năng gồm hai mặt tích cực lẫn tiêu cực, trong khi giá trị và đánh giá của những tác động này có thể mang tính chủ quan cao, sự xem xét cẩn thận và khôn ngoan chắc chắn sẽ giúp mang lại kết quả tốt hơn cho từng quốc gia cho đến toàn thế giới.

Một số tác động, chẳng hạn như kéo dài tuổi thọ và cải thiện sức khỏe, dường như rõ ràng là những kết quả tốt đẹp, nhưng khó khăn

hơn nhiều khi đánh giá các tác động tích cực của sự thay đổi như tiếp tục gia tăng trong lựa chọn giải trí và tiếp cận thông tin, thông tin và truyền thông, tích hợp các hệ thống mạng với tâm lý và cơ thể con người, và trí tuệ nhân tạo (AI) hướng dẫn các quyết định cá nhân và tập thể. Thật vậy, việc mở rộng phân tích sẽ cho thấy sự cải thiện đáng kể tuổi thọ, thậm chí sẽ chỉ ra một số thách thức lớn đối với xã hội trong tương lai.

Chẳng có gì đơn giản như vẻ ngoài, và một trong những bài học chính rút ra từ các nghiên cứu khoa học và xã hội trong nửa thế kỷ qua chắc chắn là, luôn có những hậu quả không thể lường trước từ mọi sự can thiệp to lớn của con người. Hơn nữa, những hậu quả không lường trước này có thể có tác động rất lớn đến hạnh phúc. Chúng được biết đến theo nhiều thuật ngữ (bao gồm: "ngoại cảnh", "hiệu ứng lan tỏa", "hiệu ứng dòng chảy") và đã trở thành một đặc điểm chính của nghiên cứu về khoa học tự nhiên và xã hội, và nghiên cứu chính sách (Thiele 2011). Sự ảnh hưởng lan tỏa của hiệu ứng ngoài ý muốn vẫn thường bị bỏ quên trong niềm phấn khởi của việc mở ra các hệ thống công nghệ mới và điều này thể hiện rõ trong việc duy trì khái niệm công nghệ của "Các cuộc cách mạng công nghiệp". Sự thừa nhận tầm quan trọng sâu sắc hơn nhiều của toàn bộ nền kinh tế và các tác động văn hóa xã hội khác (và tác động môi trường) là nắm bắt một cách rõ ràng các cách tiếp cận liên quan như sự phát triển của "Mô hình kinh tế kỹ thuật" (Freeman et al 1986). Chúng ta sẽ quay trở lại khái niệm này ở phần tiếp theo.

Bảng 2 đưa ra một danh sách chi tiết về điều tích cực và tiêu cực, sự lan tỏa xã hội và kinh tế trực tiếp và gián tiếp, những tác động này được liên hệ tới 4IR. Người đọc được khuyên nên kiểm chứng những tác động một cách cẩn thận, hay ít nhất là đề cập tới bảng nếu cần, để làm cơ sở cho việc thảo luận về những đóng góp của Phật giáo đến việc định hình 4IR một cách tích cực trong Phần 4 của bài viết. Những yếu tố chính của những tác động này, đôi khi là các ghi chú cụ thể hơn, được tóm tắt trong bảng. Phải thừa nhận rằng có nhiều vấn đề phức tạp, theo nhiều khía cạnh với sự chồng chéo đáng kể giữa chính những tác động và những sự nhập nhằng liên quan đến lợi nhuận ròng và lợi ích liên quan của chúng hay là vấn đề chi phí. Những tác động này được sắp xếp theo từng hàng để phản ánh tính logic chung tương tự.

CMCN 4.0 sẽ tiếp tục mang lại nhiều đóng góp tích cực cho xã hội, điều đã được đem lại từ các cuộc "CMCN" trước đó. Trong phần các lợi ích ở bảng 2, những tác động có liên quan tới tăng trưởng kinh tế và thu nhập (mục 1 - 3), tăng năng xuất và giảm chi phí thương mại (ví dụ: giao thông, truy cập thông tin và liên lạc), mức độ thấp hơn sự lựa chọn của người tiêu dùng và hiệu quả từ bên mặt cung ứng và các phần (5,6,7,8) đều liên quan đến tiềm năng to lớn mà 4IR giúp hơn nữa trong việc giảm nghèo và giảm bớt nỗi khổ cho những người khó khăn hơn. Khả năng giải quyết vấn đề dựa trên dữ liệu của 4IR, cùng với khả năng cung cấp thông tin và hình ảnh, âm thanh, dữ liệu khác, và các dịch vụ khác miễn phí hoặc với chi phí rất thấp, điều này củng cố hơn nữa sự tăng trưởng ngoạn mục về sản lượng hàng hóa có sẵn cho tiêu dùng cho những người có điều kiện kinh tế.[5] Thật vậy, khi tôi thực hiện bài nghiên cứu này, hiệu quả liên quan đến 4IR đã tăng lên từ khả năng tiếp cận nhiều nguồn tài liệu tham khảo, và kiểm chứng về mặt các khái niệm và ý tưởng (hãy tạo ra một tài liệu có tính hệ thống, phổ biến có sẵn) là một hiện tượng và lợi ích to lớn đến khả năng nghiên cứu của bản thân.

Chúng ta sẽ trở lại để tìm hiểu một số quan điểm lấy cảm hứng từ Phật giáo về những lợi ích kinh tế và tác động khác trong phần tiếp theo. Tuy nhiên, một điều quan trọng nhất trước những câu hỏi của Phật giáo về tính chính xác của mối liên hệ giữa hạnh phúc và tích lũy của cải, thoải mái chi tiêu vượt quá mức được cho phép của nền an ninh kinh tế. Quan trọng hơn là mục đích cơ bản của hành động, lòng từ bi trong việc phân chia lợi ích và bản chất của tác hại tràn lan bởi những hành động dẫn đến sự dư dả này. Đây là chủ đề chính xuyên suốt trong các phần còn lại của bài viết.

Bảng 2: Những tác động về kinh tế và xã hội của Cách mạng CN lần thứ 4 – Tích cực và tiêu cực

5. Kahn và Isreb (2018) ghi chép về cách những phát triển công nghệ gắn với CMCN 4.0 được ước tính sẽ thúc đẩy nền kinh tế toàn cầu khoảng 15.7 nghìn tỷ USD năm 2030.

Tác động	Những tác động tích cực của 4IR	Liên quan mật thiết đến tác động	Ghi chú
1	Tăng thu nhập, chất lượng cuộc sống (dựa trên mặt vật chất và mức chi tiêu)	2,3	Sự giàu có ngày càng lớn đưa đến sự gia tăng về các hoạt động từ thiện.
2	Tăng năng suất - trong nhiều lĩnh vực; số lượng không đổi và ít tốn kém (lao động, tổng hệ số, thời gian); giảm giá thành rất mạnh và tăng thu nhập thực tế liên quan (sức mua).	1,3	Liên hệ chặt chẽ với việc tăng thu nhập. Năng suất lao động không thể tận dụng được các chương trình giảm giá từ công nghệ tiên tiến hơn (điều này sử dụng giá trị của sản phẩm). Điều này có nghĩa là, đã bỏ qua mất năng suất dịch vụ. Một biện pháp tốt hơn cho năng suất lao động nên sẽ làm mất hàng giờ để tạo ra một dịch vụ hoặc lợi ích tương đương.
3	Giảm đáng kể chi phí thương mại và lãng phí - giảm chi phí vận chuyển / đi lại, thời gian và thông tin liên lạc (và nhu cầu); tạo thuận lợi cho thương mại.	1,2	Thuận tiện, tiết kiệm thời gian hiệu quả Giao thông vận tải - Các tuyến đường tối ưu, tắc nghẽn thông tin, thông tin tuyến đường giao thông.

Tác động	Những tác động tích cực của 4IR	Liên quan mật thiết đến tác động	Ghi chú
4	Tăng cường đáng kể khả năng tích lũy kiến thức/ hiệu quả và tiềm năng giáo dục.	2,3	
5	Cải thiện việc ra quyết định của người tiêu dùng (nên việc mua sắm được thực hiện là mức tối thiểu phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng) ; lựa chọn hiệu quả và thông tin người tiêu dùng; thêm thông tin, tùy chỉnh tiêu thụ - Bên Cầu.	2,4	Lựa chọn có khả năng làm tăng sự hài lòng (ngày lễ, hoạt động giải trí; địa điểm / thời gian); giả sử người tiêu dùng có nhu cầu thực sự (lựa chọn sáng suốt dẫn đến cải thiện sức khỏe chủ quan).
6	Cung cấp dịch vụ tối ưu (ví dụ, giao thông). - Hiệu quả Trọng Cung.	1-3	Liên quan chặt chẽ đến việc giảm chi phí thương mại.
7	Tạo điều kiện giải quyết vấn đề, ví dụ: thông tin về nhà ở, bảo dưỡng xe và các công việc khác, GIS, dịch vụ hậu cần.	ALL	Hầu hết các hiệu ứng tích cực được liệt kê ở đây liên quan đến việc giải quyết vấn đề.
8	Chi phí từ miễn phí tới rất thấp trong nhiều mặt hàng và các dịch vụ, kiến thức và phương pháp giải quyết những câu hỏi, vấn đề.	4,7	Đặc biệt là dịch vụ khu vực bậc bốn.

Tác động	Những tác động tích cực của 4IR	Liên quan mật thiết đến tác động	Ghi chú
9	Giải trí nhiều hơn; đa dạng; kích thích; học tập; kinh nghiệm.	4	
10	Nhu cầu về hàng hóa và dịch vụ, cùng với mong đợi về hạnh phúc từ các dịch vụ/ thông tin có thể được hoàn tất hoặc sử dụng mà không cần kết nối vật lý - chỉ cần chuyển thông tin.	4,11	
11	Nhiều hiệu quả về môi trường - cải thiện năng suất, tài nguyên thiên nhiên và cải tiến công nghệ xử lý chất thải. Liên quan chặt chẽ đến năng suất và giảm chi phí giao dịch. Nhu cầu kết nối vật lý giảm trong mục (10) đóng góp vào hiệu quả môi trường / năng lượng.	1-8, 10	Nhiều nguồn tài liệu cho vấn đề này được đánh dấu trong các mục trước - ví dụ: tiết kiệm trong nhu cầu và hiệu quả trong vận chuyển, quản lý năng lượng. Các công nghệ 4IR có thể tiếp tục tăng cường tiết kiệm vật liệu và năng lượng (và tăng dịch vụ tiêu thụ), ví dụ: ít phải vận chuyển, ít thời gian hơn, giải quyết vấn đề nhanh hơn (tăng mức độ dịch vụ về hàng hóa và dịch vụ).

Tác động	Những tác động tích cực của 4IR	Liên quan mật thiết đến tác động	Ghi chú
12	Chẩn đoán sức khỏe, điều trị, phòng ngừa bệnh tật.		
13	Tiềm năng sáng tạo.		4IR có thể nâng cao các kỹ năng, phương tiện và có thể là thời gian để sáng tạo hơn cho mọi người.
14	Nâng cao năng lực quản trị - phản hồi, phối hợp, tham gia với Chính phủ..		
15	Mạng xã hội, blog, trò chơi điện tử, các trang mạng xã hội (ví dụ: hẹn hò) tăng sự tương tác, các mối quan hệ và xã hội thuộc trong các mạng ngang hàng và mạng xã hội.		1. Thông tin hữu ích; giải quyết vấn đề 2. Thuộc về cộng đồng (nếu là "ảo") 3. Gặp gỡ và giao tiếp xã hội với người thật (tương thích hơn?) - do vậy tiềm năng tăng cường tiếp xúc trực tiếp (ví dụ: thiết bị pixel buds). 4. Hiểu biết đa văn hóa và sự gắn kết nhưng có thể tạo điều kiện cho chủ nghĩa cực đoan, thao túng…

Tác động	Những tác động tích cực của 4IR	Liên quan mật thiết đến tác động	Ghi chú
16	Tăng nhận thức tập thể và ý thức đạo đức; khuyến khích sự trung thực và chân thành.		Tuy nhiên, điều này cũng có thể tạo bị thao túng và tuyên truyền.
17	Giảm thiểu xung đột và chiến tranh.		Gần với mục 4 và (15) ở trên. Giao tiếp và hiểu biết tốt hơn trong cộng đồng so với việc bị chủ nghĩa dân tộc ưu tú trục lợi và tuyên truyền vì lợi ích một nhóm người đứng đầu quốc gia. Những rào cản văn hóa đã giảm xuống.
	NHỮNG TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA CMCN 4.0	**Liên quan mật thiết đến tác động**	**Ghi chú**
1	Nguy cơ gia tăng sự bất bình đẳng và thất nghiệp.		

Tác động	Những tác động tích cực của 4IR	Liên quan mật thiết đến tác động	Ghi chú
2	Lệch lạc về lối sống – thể chất và tinh thần (có nhiều rối loạn chức năng tâm thần có liên quan có thể được ghi chú dưới đây).		Tác động tiêu cực đến sức khỏe [nhiều trong số đó đã xuất hiện từ CMCN 2.0 chứ không chỉ từ 4.0] – bệnh béo phì nhất là ở trẻ em, giảm các hoạt động ngoài trời của trẻ em, bệnh tiểu đường… bắt nguồn từ "thành công" của kinh tế công nghệ; thực phẩm đã qua chế biến, đường, mạng xã hội, TV và máy vi tính, lười vận động, căng thẳng mãn tính; khả năng cám dỗ và quan hệ thân mật (ngoại tình). Đường & thực phẩm chế biến: con người thời săn bắt hái lượm tiêu thụ 30 - 450 muỗng đường/năm; bây giờ chúng ta ăn trung bình 22 - 32/ngày. Lối sống lười vận động => con người thời tiền công nghiệp thường đi bộ từ 9 - 15 km/ ngày; bây giờ thì đi ít hơn 0,5 km/ngày.

Tác động	Những tác động tích cực của 4IR	Liên quan mật thiết đến tác động	Ghi chú
3	Sự phát triển không tương thích giữa tâm sinh lý của con người với môi trường và cách sống mới. Rối loạn tâm thần và xã hội sai lệch từ thiên nhiên trong thành phố, môi trường xây dựng.		Xã hội hiện đại (và môi trường tự nhiên được xây dựng và biến đổi) rất khác biệt so với xã hội cách đây hơn 100.000 năm của quá trình tiến hóa chậm; vì vậy, có một sự không phù hợp hoặc không đúng. Con người không thay đổi nhiều về mặt sinh học trong 25.000 năm.
4	Căng thẳng và lo lắng từ mức độ thay đổi nhanh chóng liên quan đến 4IR.		
5	Lên mạng trực tuyến như một cách để thể hiện mức độ "tự sướng" (yêu mình thái quá); tình trạng khoái lạc/ quan tâm không thực tế và căng thẳng/ trầm cảm từ việc nghiện điều này và xao nhãng vào việc khác.		
6	Quá tải thông tin / cảm giác (kích thích quá mức); sự bận rộn, gần với sự không phù hợp tiến hóa dưới đây; và cũng phân tâm / giáo dục.		Lựa chọn bị tê liệt - khi mọi thứ đều rất phức tạp và đầy đủ thông tin, việc ra quyết định và sự lựa chọn trở nên gần như không thể giải thích được.

Tác động	Những tác động tích cực của 4IR	Liên quan mật thiết đến tác động	Ghi chú
7	4IR có thể dẫn đến áp lực tâm lý thông qua việc đối diện với giới hạn cao nhất từ khả năng tinh thần hữu hạn của con người để đánh giá một lượng lớn thông tin phức tạp.		Điều này rất gần với quá tải thông tin và có lẽ là cái giá hay là một ràng buộc tự điều chỉnh của 4IR.
8	Chi phí môi trường - tăng năng suất lao động dẫn đến tăng thu nhập và tiêu dùng và nguồn nguyên liệu, năng lượng và chất thải (hiệu ứng "tái lại"); phức tạp, độc hại, những vật liệu mới..		
9	Công nghệ được toàn cầu hóa dẫn đến đồng nhất hóa văn hóa và mất ý nghĩa và đa dạng văn hóa.		Mất sự phong phú, kế ước và ý nghĩa của trải nghiệm văn hóa trong một thế giới kết nối siêu tốc hơn là một thế giới tương đồng sinh vật được cơ khí hóa.
10	Loại bỏ cảm giác tự do, kích thích, niềm vui và sự ngẫu nhiên bị ảnh hưởng từ sự tự định lượng - chủ nghĩa sinh vật cơ khí hóa (cyborgism) / tự vận hành / cải tiến con người; sự hoàn hảo và khả năng dự đoán cao.		Tương đồng với mục số (9) và khác biệt với mục (19).

Tác động	Những tác động tích cực của 4IR	Liên quan mật thiết đến tác động	Ghi chú
11	Mong đợi về sự hiệu quả, truy cập liên tục vì nhiệm vụ công việc và sự thỏa mãn nhất thời.		Liên quan đến hầu hết các hiệu ứng số 4 và 5; 4IR thể hiện một bước đột phá trong việc củng cố sự kiểm soát và thao túng cuộc sống và thế giới của chúng ta - đặc biệt là các quá trình tự nhiên và bản chất. Kiểm soát bên ngoài của các khía cạnh cơ bản của cuộc sống bằng công nghệ có lẽ là không thực tế và là nguyên nhân làm mất đi hạnh phúc, ví dụ như sinh ra, mất đi, cảm xúc.
12	Kỳ vọng một cách dễ dàng, thoải mái và khả năng ngừa nỗi đau và bệnh tật		Như tác động tiêu cực của mục (11).
13	Tăng khả năng phân tâm - Nền kinh tế sức chú ý. Gần giống với tác động tiêu cực số (3).		Mặc dù 4IR mang lại tiềm năng lớn cho việc tiếp cận và tích lũy tri thức ở cấp độ cá nhân, nó cũng có thể gây ra sự lười biếng và mất tập trung - trò chơi điện tử, tin nhắn, video; khoảng thời gian tập trung và kiểm soát kém cho những bộ não thông minh; động não; hành vi bốc đồng. Nguy cơ gián đoạn việc học tập.

Tác động	Những tác động tích cực của 4IR	Liên quan mật thiết đến tác động	Ghi chú
14	4IR có thể đem đến sự gia tăng nhiều lợi ích về hàng hóa và dịch vụ, đó là sự "thích ứng".		Trong khoa học kinh tế, sự thích ứng ám chỉ đến một thực tế rằng chi tiêu mới, tốt hơn và tăng lên thường có xu hướng trở thành tiêu chuẩn mới và con người điều chỉnh và mong đợi sự tiếp diễn. Kết quả bị giới hạn về các lợi ích ổn định trong sự thịnh vượng.
15	4IR có thể tăng tính dễ bị tổn thương với quyền lực và sụp đổ hàng loạt/ ảnh hưởng ngấm ngầm, và chiến tranh. Năng lực này cũng có tiềm năng cho tất cả lợi ích quan trọng.		Khả năng lừa dối và thao túng của giới lãnh đạo / tầng lớp tinh hoa; duy trì sự bất bình đẳng, tiềm ẩn cho các cuộc tấn công kinh hoàng và phát tán rộng trên mạng. Tạo điều kiện dễ dàng cho những thông tin giả trở thành thông tin thật. Các vụ tấn công công nghệ quân sự; các vũ khí sinh học, vũ khí tự động, chiến tranh người máy, thiệt hại hàng loạt được hỗ trợ bởi các nhóm nhỏ nặc danh. Năng lực được gia tăng và liên quan của quyền lực cá nhân và tập thể ảnh hưởng những người khác (bằng tri thức). Những nỗi sợ về tạo ra một lộ trình để ngăn cản sự khởi đầu cơ bản của "Singularity" (Sự phi thường: một giả thiết về việc máy móc sẽ thông minh hơn con người) (xem Kurzweil 2010).

Tác động	Những tác động tích cực của 4IR	Liên quan mật thiết đến tác động	Ghi chú
16	Có thể tạo điều cho Chính phủ trục lợi - chủ quyền, sự kiểm soát, tẩy não, xâm nhập và kiểm soát xã hội; mất quyền tự do cá nhân. Tương đồng với mục số (15).		Các mô hình dân chủ thông thường có thể bị ảnh hưởng và ít khả thi hơn (đặc biệt là với mục số 15); có thể được bù đắp bằng những lợi ích tham gia của người dân đối với các công nghệ mới của 4IR; cũng có bị kiểm soát trong các xã hội cai trị chuyên quyền độc đoán. Bắt nạt qua mạng; tình dục; mất quyền riêng tư nói chung và khả năng sống một cuộc sống mong muốn (nhưng đây cũng có thể là một kênh kiểm chứng xã hội tích cực).
17	Phương tiện truyền thông mạng xã hội - một mô hình thu nhỏ của thực tế ảo; có nhiều điều tốt xấu đan xen (quá nhiều thứ để có thể bao quát hết).		Có nhiều tác động tốt và xấu tiềm ẩn - phức tạp, lan rộng và quá khó để đề cập chi tiết ở đây. Một mặt tiêu cực, tính ảo hóa, tính biểu tượng của những điều cơ bản là không có thật của sự tương tác được xem như là nguyên nhân đáng chú ý của vấn đề mất đi sự tương tác ngoài đời thực. Tất nhiên là có nhiều hiệu ứng tương tác tích cực có thể bù đắp lại là rất tốt.

Tác động	Những tác động tích cực của 4IR	Liên quan mật thiết đến tác động	Ghi chú
18	Có thể nói, hạn chế về khả năng nâng cao và duy trì hạnh phúc thực sự qua các lợi ích tiến bộ về kinh tế đã được giả định trong 4IR (ít nhất là ngoài vài điểm).		Sự giàu có và giải trí tăng nhưng không tăng đáng kể về lợi ích liên quan đến phúc lợi cho người dân ở quốc gia có thu nhập cao "điển hình". Bản chất thích ứng của hàng hóa và dịch vụ mới (xem mục số 14).
19	Không gắn kết - hình thái mất đi sự hài lòng làm giảm đi sự gắn kết trực tiếp giữa con người với thiên nhiên.		Những kết nối ảo hóa của xã hội và môi trường tự nhiên. Sử dụng thời gian, cách sống và khả năng trì hoãn đi kèm với ảnh hưởng của 4IR có thể làm giảm đáng kể sự tương tác ngoài đời thực và đắm chìm trong những thế giới xã hội và tự nhiên.

Nguồn: Adapted and extended from Chansoda & Saising (2018), Conceição & Heitor (2011), Kidslox (2018), Schwab (2017), Sunstrom (2015), Thomopolous & Karanasios (2014), The Oracle (2018), Wisnioski 2015.

Các lợi ích chính khác của 4IR bao gồm sự gia tăng bền vững của thông tin hỗ trợ giải quyết vấn đề (7) - một mức tăng hiệu quả có sự phân nhánh cho hầu hết các hoạt động kinh tế và đời sống khác, bằng cách giảm chi phí đầu vào sản xuất như vật liệu, năng lượng và thời gian. 4IR cũng hứa hẹn sự tăng trưởng chưa từng có các loại hình giải trí và độ sâu, tính đa dạng, nghe nhìn và khuyến khích các thông tin khác, và trải nghiệm học tập tiềm năng. Chúng ta sẽ quay

trở lại để đề xuất một quan điểm của Phật giáo về những phát triển này trong phần tiếp theo.

Các tác động môi trường tích cực liên quan đến (10) và (11) trong Bảng 2 là những điểm nhấn quan trọng và đáng chú ý cho cuộc thảo luận sắp tới về sự đóng góp của Phật giáo. Một trong những kết quả chính của 4IR là sự gia tăng chung về hiệu quả tài nguyên mà công nghệ thông tin và truyền thông đem lại. Công nghệ giúp tăng năng suất lao động trực tiếp cũng như giảm chi phí giao dịch và nhu cầu kết nối vật lý và du lịch tới thực hiện nhiều hoạt động kinh tế, hộ gia đình và giải trí đều dẫn đến ít nguyên liệu, năng lượng và thời gian (và thường lãng phí khí thải) cho mỗi đơn vị dịch vụ đầu ra. Ví dụ về giảm nhu cầu kết nối vật lý bao gồm đặt taxi, đặt chuyến bay và chỗ ở, chọn, mua và giao sản phẩm, xem phim và phim nhiều tập, chơi trò chơi, hậu cần gia đình, và sắp xếp chọn thời điểm cho các gặp gỡ xã hội.

Tất nhiên, tác động chung của các xu hướng này đối với áp lực môi trường phụ thuộc vào những thay đổi liên tục về mức độ và bản chất của tiêu dùng (và thay đổi dân số).

Một số thành tựu mà Công nghiệp 4.0 đem lại bao gồm:

i. Cải thiện chẩn đoán sức khỏe, điều trị, phòng chống bệnh tật.

ii. Cải thiện việc học tập, cách thức và khả năng có nhiều thời gian hơn cho các hoạt động sáng tạo (với giả định rằng dự kiến thời gian rãnh tăng do tăng năng suất kinh tế trong các cuộc cách mạng công nghiệp trước đó không xảy ra).

iii. Cải thiện việc quản lý của chính phủ - cải thiện cách phản hồi, phối hợp, tham gia của cộng đồng với Chính phủ.

iv. Phương tiện truyền thông xã hội, blog, diễn đàn, trò chơi điện tử, các trang web mạng xã hội (ví dụ: hẹn hò) có thể làm tăng sự tương tác, tăng cơ hội và hiệu quả cho các mối quan hệ và các vấn về xã hội trong các mạng ngang hàng và mạng xã hội.

v. Tăng nhận thức tập thể và ý thức đạo đức, khuyến khích sự trung thực và chân thành.

vi. Giảm xung đột và chiến tranh do sự giao tiếp và hiểu biết giữa các dân tộc và các nền văn hóa được tốt hơn.

Về các tác động tiêu cực hiện có hoặc sắp xảy ra từ 4IR, một

trong những mối quan tâm lớn, được thể hiện trong bất kỳ thời kỳ đổi mới công nghệ nào, là sự lo ngại về tự động hóa sẽ làm giảm lực lượng lao động và gây ra mất việc làm. Công nghiệp 4.0, với năng lực vượt trội về robot, AI, truy cập và xử lý thông tin để thực hiện bất kỳ nhiệm vụ cơ học hoặc ra quyết định thông thường nào, dường như có tiềm năng lớn để xóa bỏ một phần đáng kể các công việc hiện nay. Cùng với kết quả của kịch bản người thắng vơ cả (winner - takes - all) từ việc độc quyền hóa công nghệ 4IR, thất nghiệp lan rộng cũng được xem là có thể góp phần làm gia tăng vấn đề bất bình đẳng. Đây là một chủ đề phức tạp và vượt ra ngoài mục đích của bài viết. Tuy nhiên, có hai vấn đề quan trọng cần được lưu ý liên quan đến 4IR và bất bình đẳng.

Thứ nhất, trong lịch sử, "sự phá hủy sáng tạo" của tự động hóa đã không dẫn đến tình trạng thất nghiệp kéo dài. Thất nghiệp cơ cấu bị phá vỡ xảy ra là do sự thay đổi nhanh chóng về bản chất của kỹ năng vượt xa nhu cầu, nhưng thị trường lao động, được nới lỏng bằng các chính sách phù hợp và có xu hướng điều chỉnh. Thật không may, điều này có thể dẫn đến việc thị trường lao động kép phân chia thành hai mảng kỹ năng thấp, việc làm được trả lương thấp, và kỹ năng cao và công việc lương cao hơn - sự "phân chia kinh tế số" (Chandsoda và Saising 2018). Bất bình đẳng tương đối đã tăng lên - đáng chú ý là ở cấp độ toàn cầu (nhưng với tỷ lệ rất khác nhau giữa các quốc gia) (Savoia 2017).

Thứ hai, trong khi sự bất bình đẳng tương đối ngày càng tăng và khoảng cách ngày càng gia tăng có vẻ không công bằng và có thể dẫn đến xung đột xã hội và bất mãn, kết quả của an sinh xã hội sẽ phụ thuộc vào sự phân phối lại từ bi và đạo đức và khả năng tiếp cận với thực phẩm thiết yếu, nhà ở và các dịch vụ khác, và sự công bằng của hệ thống kinh tế - chính trị. Tăng năng suất nhờ vào công nghệ khiến cho sản lượng và thặng dư tổng thể tăng lên, phân phối cân bằng và công bằng, và tăng "mức sàn" của nền kinh tế, có thể duy trì sự ổn định xã hội và phúc lợi cộng đồng. Đây là những vấn đề phức tạp và không thể bàn luận chi tiết hơn ở đây nhưng sẽ được nhắc lại trong bối cảnh lấy cảm hứng từ Phật giáo ở phần tiếp theo.

Bắt nguồn từ các tác động bất bình đẳng, có một loạt các lối sống và các bệnh thể chất và bệnh tinh thần "lệch lạc" có thể liên quan đến 4IR (mặc dù nhiều người mắc bệnh này đã tăng lên kể từ

Cách mạng Công nghiệp lần thứ hai). Họ quan tâm đến các vấn đề liên quan như béo phì, tiểu đường, đường dư thừa và thực phẩm chế biến và tiêu thụ thịt ngày càng tăng, lối sống ít vận động cho công việc và giải trí, ít tập thể dục, hành động lặp đi lặp lại và các chấn thương liên quan từ việc sử dụng thiết bị công nghệ kỹ thuật số. Một số chi tiết và ví dụ được cung cấp ở mục (2) của phần tác động tiêu cực trong Bảng 2.

Những vấn đề sức khỏe này cũng liên quan mật thiết đến các vấn đề "tiến hóa không phù hợp" (3) xảy ra khi các thuộc tính vật lý của con người không còn phù hợp với những thay đổi môi trường được tạo ra bởi sự thay đổi công nghệ nhanh chóng. Ý tưởng này cho rằng cơ thể con người (bao gồm cả bộ não của họ) phát triển chậm (hơn 10.000 năm trở lên) trong khi thế giới vật chất và năng lượng xung quanh chúng ta đã thay đổi hoàn toàn trong 300 năm qua (ví dụ như trong vô số cách từ ánh sáng và nhịp sinh học, đến trú ẩn và các hình thức đô thị được xây dựng khác, phương thức vận chuyển, dáng điệu, nguồn giải trí, thành phần thực phẩm, giao tiếp xã hội, …) (Sunstrom 2015; Wisnoiski 2015). Ngoài ra, nhiều chức năng nhận thức của con người có thể bị một dạng của rối loạn thần kinh do không được sử dụng đến, và được thay thế hiệu quả hơn bởi AI và các hệ thống internet. Các phong trào khoa học và xã hội tương đối mới của tâm lý học sinh thái và tình yêu đối với sự sống tập trung vào các vấn đề được đề xuất là kết quả của việc loại bỏ một phần lớn cuộc sống của con người khỏi môi trường tự nhiên nơi chúng đã được gắn vào 100.000 năm (Wilson 2017).

Ngược lại, những vấn đề "không phù hợp" này có một đối trọng rõ ràng trong khả năng của tâm trí con người để đối phó với một lượng lớn thông tin đa dạng và có sẵn ngay lập tức. Công nghiệp 4.0 có thể cung cấp cho con người nhiều thông tin như họ mong muốn. Quá tải giác quan và thông tin với sự kích thích quá mức về tinh thần và sự bận rộn cực độ (xem tác động (6)) đưa ra một thách thức đối với tâm trí con người (xem tác động (7)) và sự phát triển của nó dựa trên mức độ thông tin thấp, chậm và cách đơn giản sống trong nhiều thế kỉ qua. Điều này có thể dẫn đến tình trạng "tê liệt tùy chọn", nơi mọi thứ rất phức tạp và chứa đầy thông tin đến mức không gian quyết định gần như không thể hiểu được (Sunstrom 2015; Alinsky 1989). Nó có thể dễ dàng liên quan đến

trách nhiệm quá mức, khả năng liên lạc, mất tập trung và thông tin và mất khả năng đi chậm, nghỉ ngơi, phản xạ và tham gia vào cuộc trò chuyện có ý nghĩa và các tương tác xã hội và giải phóng sáng tạo khác (Schwab 2017). Điều này sẽ có xu hướng làm trầm trọng thêm mức độ căng thẳng và đe dọa cuộc sống xã hội lành mạnh và các quá trình tinh thần (xem (4), (5)).

Một số tác động tiêu cực khác ít liên quan đến quan điểm của Phật giáo của 4IR được liệt kê trong Bảng 2, bao gồm:

i. Mất liên kết và sự đồng nhất văn hóa trong một thế giới kinh nghiệm mạng được chia sẻ chủ yếu (9).

ii. Rối loạn nhân cách ái kỉ thông qua phương tiện truyền thông xã hội (5)

iii. Mất cảm giác tự do, và kích thích, niềm vui và sự ngẫu nhiên đã bị thiệt hại từ sự tự định lượng - chủ nghĩa sinh vật cơ khí hóa (cyborgism) / tự điều khiển / cải tiến con người) và khả năng dự đoán và kiểm soát cuộc sống cao trong thế giới 4IR (10)

iv. 4IR có thể tăng tính dễ bị tổn thương với quyền lực và sụp đổ hàng loạt/ ảnh hưởng ngấm ngầm, và chiến tranh (15)

v. Có thể tạo điều kiện cho Chính phủ trục lợi - chủ quyền, sự kiểm soát, tẩy não, xâm nhập và kiểm soát xã hội, mất quyền tự do cá nhân (16).

Tuy nhiên, có một số tác động khác liên quan trực tiếp hơn đến các quan điểm lấy cảm hứng từ Phật giáo có thể giúp định hình một cách có lợi cho 4IR. Hai cuộc cách mạng công nghiệp gần đây nhất chắc chắn đã mang lại sự tăng trưởng to lớn về năng suất tài nguyên môi trường - bao gồm nhu cầu vốn tự nhiên cho đầu vào và chức năng tự làm sạch chất thải cho nền kinh tế con người. Tuy nhiên, năng suất ở đây được đo bằng áp lực môi trường trên một đơn vị sản lượng và không may có hiệu ứng bù đắp mạnh ("hiệu ứng hồi phục" hay nghịch lý Jevon) từ việc tăng tiêu thụ liên tục do thu nhập cao hơn, có thể bù đắp cho những lợi ích này. Chúng tôi sẽ trở lại những vấn đề này và các vấn đề khác trong phần sau.

Một kết quả có liên quan khác của 4IR là kỳ vọng tăng về tính hiệu quả đang ngày càng tăng lên, truy cập liên tục cho các nhiệm vụ công việc và sự thoả mãn nhất thời (tác động tiêu cực (11)). 4IR là một bước nhảy vọt lớn trong việc tạo ra cảm giác kiểm soát và

thao túng cuộc sống và thế giới sống của chúng ta một cách rõ ràng - đặc biệt là liên quan đến tự nhiên và các quá trình tự nhiên. Chắc chắn đã có sự gia tăng sức mạnh của loài người để có thể biến đổi và tác động đến thiên nhiên (trên quy mô toàn cầu) theo những cách có chủ đích và vô tình, tích cực và tiêu cực thông qua khoa học và công nghệ và quy mô dân số và nền kinh tế của con người (đặc biệt là từ thời kỳ bắt đầu Khai sáng & cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên) (Smith 2015). Phật giáo có những bảo tồn đáng kể về những ảnh hưởng tốt của việc tìm chỗ ẩn náu các sự kiện cuộc sống không có thật (xem phần 4).

Ở một mức độ tương tự, 4IR đã mang đến những cấp độ lớn và tăng mong đợi về sự thoải mái và dễ chịu trong cuộc sống, giảm đau và giảm bệnh tật (12), một chủ đề cũng là trung tâm trong suy nghĩ của Phật giáo về con đường thực sự để giảm bớt đau khổ.

Một lĩnh vực chịu tác động lớn khác liên quan đến Phật giáo là sự phát triển to lớn về tiềm năng trình bày thông tin và các hoạt động ngoại vi có thể khiến họ mất tập trung khỏi các chức năng sống trung tâm (13). Như đã lưu ý trong Bảng 2, mặc dù 4IR cung cấp khả năng truy cập và tích lũy kiến thức rộng, nhưng nó cũng có thể gây ra sự lười biếng, mất tập trung và học tập kém - thông qua các tin nhắn, trò chơi, video; bị gián đoạn; khoảng chú ý kém và sự tập trung và kiểm soát cần thiết cho bộ não thông minh; thiếu tập thể dục não; và khuyến khích hành động, hành vi, thói quen và hành động không kiên định.

Mặc dù không thực sự là một tác động tiêu cực theo đúng nghĩa của nó, một thất bại lớn của 4IR dường như xảy ra với một triển vọng và động cơ cốt lõi. Do có nhiều tác động bất lợi rõ ràng của cuộc cách mạng này đối với xã hội, điều đáng lo ngại là có thể các tác động tích cực dự kiến không xảy ra trong thời gian tới. Những thay đổi công nghệ trong 100 năm qua đã có nhiều tác động tích cực đối với một bộ phận đáng kể dân số thế giới - đem lại an ninh kinh tế, cải thiện sức khỏe, quản lý sự đau đớn, trì hoãn bệnh tật và tử vong, và tiếp cận thông tin, đa dạng kinh nghiệm và giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả. Tuy nhiên, năng suất, sự giàu có, sức khỏe và giải trí đạt được có thể được xem là không làm giảm đáng kể sự đau khổ tồn tại một cách cơ bản cho những người đã vượt quá mức thu nhập vừa phải (xem tác động (18)).

Bằng chứng về mối quan hệ giữa phúc lợi chủ quan và sự hài lòng của cuộc sống ("hạnh phúc",) với mức thu nhập rất phức tạp và không rõ ràng (ví dụ, xem Drabsch và Wales (2012), Deaton (2008) và Sacks, Stevenson và Wolfers (2010)). Các nghiên cứu khác đã chỉ ra rằng mức độ hạnh phúc thường tăng lên khi thu nhập tăng, nhưng không vượt quá một mức nhất định (thường là khoảng 75.000 đô la Mỹ (2015) thu nhập hàng năm). Tuy nhiên, có nhiều yếu tố sai lệch và gây nhiễu khi đánh giá mối quan hệ này - đặc biệt là đối với các mức độ phúc lợi đã nêu.

Một dấu hiệu "khách quan" chỉ ra rằng các lợi ích của Các mạng công nghiệp không thể giảm bớt đau khổ cá nhân bên trong tổng thể, có thể được xác định trong Hình 1. Mặc dù chắc chắn cũng có những sai lệch về mặt đo lường ở đây, bằng chứng này cho thấy tỷ lệ trầm cảm (bình quân đầu người) ít liên quan đến sức mua so sánh của mọi người trên khắp các quốc gia. Nếu bất cứ điều gì, mức độ trầm cảm thấp hơn ở các quốc gia thu nhập thấp hơn.

Sự giàu có và giải trí (giữa các cuộc cách mạng công nghệ) dường như không mang lại hạnh phúc bền vững ở mức sâu nhất. Có vẻ như lối sống đã không đáp ứng được do đó mọi người làm việc ít hơn và kết nối nhiều hơn, nhưng mọi người đã chuyển sang tích lũy nhiều thứ hơn để giải trí, kích thích, thoải mái hoặc đạt được trạng thái. Việc sử dụng thời gian giả định và nguồn hoạt động của niềm vui dựa trên lý thuyết giả về niềm hạnh phúc, nhưng những giả định này vẫn chiếm ưu thế trong hệ thống hiện tại của chúng tôi và được đưa vào giới trẻ - một giáo dục và một công việc tuyệt vời, làm việc chăm chỉ và tối đa hóa thu nhập và chi tiêu của bạn và bạn sẽ được hạnh phúc. Nâng cao năng suất và tối đa hóa lợi nhuận sẽ nâng cao tiêu chuẩn sống của người tiêu dùng, nhưng điều này không có nghĩa là sự an toàn chủ quan tốt hơn trong một số thời điểm (Smith 2015). Đúng như dự đoán, Phật giáo có nhiều điều để nói về giả định thị trường tiêu dùng, kiên cường này.

Tác động tiêu cực cuối cùng có lẽ là điểm chính cho sự đóng góp tiềm năng của Phật giáo để định hình 4IR. Nó thực sự liên quan chặt chẽ đến nhiều tác động trước đây. Tác động "mất liên kết" (19) có nghĩa là gói gọn các tác động của các cách khác nhau, trong đó 4IR có xu hướng giảm kết nối trực tiếp giữa các cá nhân và cả (a) người khác và (2) tự nhiên. Phần lớn ảnh hưởng có thể được liên kết với sự "ảo hoá" của xã hội và kết nối môi trường tự

nhiên, liên hệ và tương tác, và khả năng thay thế thực tế bằng ảo hóa (và tham dự "giả"), có thể không trong lợi ích dài hạn của con người. Nó gợi ý về một số loại liên kết "thực tế = sức khỏe". Đây là vấn đề thể chất quan trọng nhất và có nhiều hậu quả về sức khỏe thể chất liên quan (như đã thảo luận trước đây) nhưng ở cấp độ sâu nhất, các tác động được biểu hiện như một nguồn đau khổ tinh thần trong quan điểm của Phật giáo (sẽ được đề cập trọng tâm trong phần tiếp theo).

Biểu đồ 1: Biểu đồ về hội chứng trầm cảm theo thu nhập bình quân đầu người của các nước năm 2016

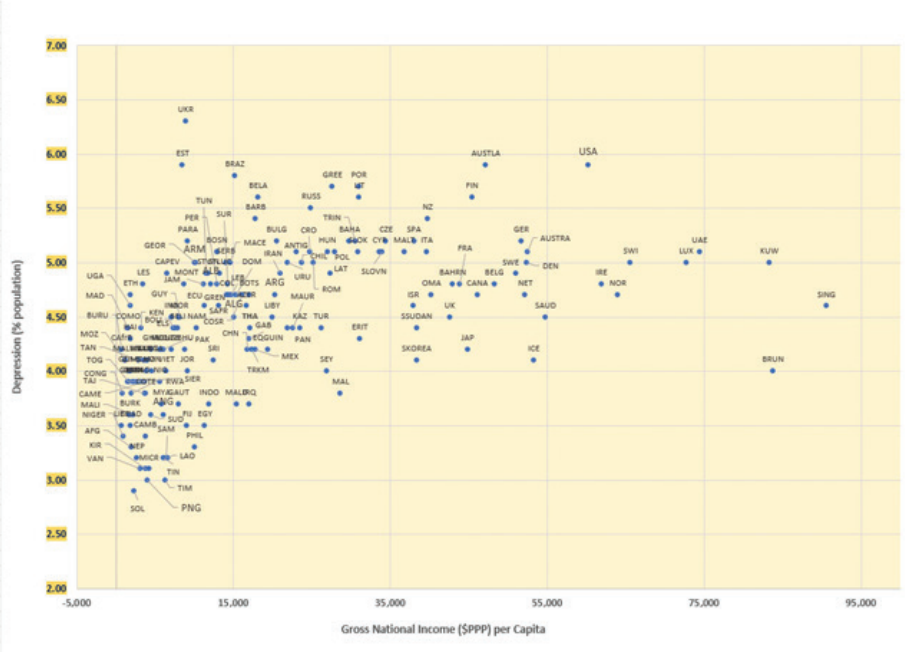

Nguồn: WHO (2017)

4. ĐÓNG GÓP CHO CÁC THÀNH QUẢ TÍCH CỰC TỪ CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ 4 NHÌN TỪ QUAN ĐIỂM CỦA THẾ GIỚI PHẬT GIÁO

Thật là trớ trêu khi có thể khẳng định rằng thành quả chính của 4IR - kết nối (mạng) giúp mở rộng đáng kể mối liên kết tiềm năng giữa con người và ít nhất là "cửa sổ" của thế giới bên ngoài - có thể gây ra một tác động rất đáng lo ngại lên vấn đề không gắn kết. Các vấn đề này, trải rộng trên một loạt các tác động, đã được đề cập

trong phần trước và đã được xác định trong các bài viết khác về chủ đề này (ví dụ: Jones 2017). Chúng có thể được phân tích để chia sẻ nhiều điểm chung với các quan điểm của Phật giáo về bản chất của đau khổ (và sự đối lập với nó, đó là hạnh phúc).

Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề không gắn kết của Phật giáo ngay trong chủ đề này. Tuy nhiên, rất hữu ích khi liệt kê một loạt các khu vực tác động chung liên quan đến 4IR nhất để giải quyết, ít nhất là một cách ngắn gọn, trong các đóng góp lấy cảm hứng từ Phật giáo được lưu ý trong phần này. Như mong đợi, các chủ đề chồng chéo đáng kể và việc phân tích chủ yếu cho mục đích tự tìm hiểu. Chúng bao gồm:

i. Không gắn kết - của một hình thức trực tiếp và nhập vai, từ những người khác và tự nhiên (các vấn đề về thể chất và sức khỏe liên quan).

ii. Mối liên hệ đáng ngờ giữa tiêu chuẩn sống về mặt vật chất, sự phong phú, thoải mái và thuận tiện, và thể chất bền vững, đặc biệt là tinh thần, hạnh phúc.

iii. Tác động môi trường tự nhiên và các vấn đề phi bạo lực liên quan, can thiệp tối thiểu, hòa bình và hòa hợp.

iv. Phân tâm, đa dạng và giải trí.

v. Mức độ thông tin, kiến thức và truy cập liên lạc gián tiếp rất cao.

vi. Quá tải thông tin đối lập với chánh niệm (mindfulness).

vii. Bất bình đẳng và dư thừa kinh tế.

viii. Kỳ vọng của sự kiểm soát và mong muốn trường tồn.

Vai trò trung tâm của Tứ diệu đế và Bát chánh đạo trong Phật giáo đặt ra nhiều cơ sở cho trí tuệ tiềm năng thông báo sự thay đổi hạnh phúc chiến lược trong 4IR. Mục tiêu cơ bản là giảm bớt đau khổ (dukkha). Con đường Phật giáo để đạt được điều này, một cách cá nhân và tập thể, nằm ở sự thừa nhận và các phản ứng tâm lý và hành vi phù hợp để nhận ra một số nguyên tắc phổ quát hoặc luật pháp, điều đó giải thích về "tác động" (về đau khổ / hạnh phúc) từ nguồn gốc phụ thuộc mà họ bắt nguồn.

Sự liên kết sâu sắc giữa tất cả các hiện tượng có lẽ là nền tảng chính của tư duy Phật giáo và quan niệm mà hầu hết các nguyên

tắc và trí tuệ thực tiễn của nó bắt nguồn. "Lưới Đế châu" trong Phật giáo là mối quan hệ nguyên nhân - hệ quả kết nối tất cả mọi thứ, rõ ràng đáp ứng hoặc yêu cầu thực sự, xem xét cẩn thận ý định và hậu quả của ý định và hành động kết quả. Mặc dù con người có khuynh hướng giảm chủ nghĩa lạc quan, nhưng chúng ta không bao giờ có thể "làm được một điều duy nhất"; không có nguyên nhân hay hậu quả đơn lẻ.

Trong Phật giáo, Lý Thập nhị nhân duyên giải thích nguyên do mà tất cả các kết quả hoặc tác động (vipaka - quả) của lời nói, hành động hoặc cơ thể phát sinh từ nhiều nguyên nhân hoặc hành động với ý định (kamma - nghiệp). Ngược lại, những nguyên nhân phát sinh từ các nghiệp quả khác, và hiện tượng chấm dứt khi các điều kiện trước đó thay đổi. Đây là cơ sở của thuyết nghiệp quả (kamma - vipaka). Nó bổ sung các khía cạnh định tính bằng cách xác định những hành động ngu si với mục đích "bất thiện" hay mục đích xấu sẽ dẫn đến kết quả xấu thông qua Tam đồ ác đảo (từ cá nhân, đến xã hội, đến tự nhiên và quay trở về cá nhân). "Bất thiện" được đánh giá theo mức độ tham ái, tham lam, ảo tưởng hoặc ác cảm được thể hiện trong động cơ và ý định cơ bản của hành động ban đầu (Attwood 2003). Thuyết nghiệp quả (kamma - vipaka) cho rằng hành động gây rối, với mục đích ích kỷ, chắc chắn sẽ dẫn đến hậu quả xấu cho những kẻ xúi giục. Do đó, cần phải chấp nhận một loại "trách nhiệm toàn cầu" để hướng dẫn sự hiện diện của một người trên thế giới này. Đây là kết quả của các tác động liên kết (inter - connected effects) chặt chẽ của tất cả các hành động khác với tất cả những người khác (chúng sinh và được cho là tất cả tạo hóa), cũng như đánh giá lại tính hợp lý của "tư lợi thông minh", nơi mà hành động để cải thiện hạnh phúc của một người có cân nhắc đến hạnh phúc của người khác, dựa vào sự phụ thuộc của người trước vào người sau (Dalai Lama 2001).

Điều này cũng có mối quan hệ chặt chẽ với nhu cầu giảm thiểu can thiệp hoặc ít nhất là xáo trộn, gây hại hoặc bạo lực đối với thế giới tự nhiên, biểu hiện như tác động tới môi trường hoặc dấu chân sinh thái (và cả tác động xã hội). Những hành động đồng cảm dựa trên sự liên kết lẫn nhau chắc chắn sẽ dựa trên lòng trắc ẩn, lòng nhân ái và sự quan tâm dành cho người khác sẽ giúp mang lại cho chúng ta những gì chúng ta thực sự muốn từ 4IR - đó là hạnh phúc.

Tứ diệu đế và quan niệm về vô thường cũng giải thích tại sao sẽ luôn có giới hạn cho sự khao khát và bám vào các nguồn vật chất của nhu cầu và ham muốn ích kỷ, và kết quả tích cực của hệ thống khoa học, công nghệ và kinh tế dựa trên các mục tiêu đó.

Ở đây không thể cung cấp một cái nhìn chi tiết hơn về các ý tưởng liên quan đến Phật giáo cơ bản có liên quan ở đây nhưng sẽ có nhiều chi tiết hơn trong các cuộc thảo luận tiếp theo về một số đóng góp tiềm năng cụ thể lấy cảm hứng từ trí tuệ cổ xưa.

Chuyển về các tác động không gắn kết xã hội và tự nhiên của 4IR được coi như là một chi phí tiềm năng lớn của 4IR, nhiều tác động tiêu cực trong Bảng 2 có thể được liên kết với kết quả đề xuất chung này (ví dụ như các tác động (3), (5), (6) , (9), (13), (17)). Như đã lưu ý, không thể phủ nhận rằng hai cuộc cách mạng công nghiệp cuối cùng đã làm tăng đáng kể khả năng đưa thông tin về bản thân và, điều kiện để giao tiếp hai chiều cho các mục đích kinh tế và xã hội. Có vẻ kỳ lạ khi đề xuất rằng việc không gắn kết có thể là hậu quả chính của các công nghệ như vậy. Tuy nhiên, lý do chính cho đề xuất này là sự tương tác liên quan đến xã hội và tự nhiên được tạo điều kiện bởi 4IR có xu hướng gián tiếp và thường có thể thay thế các hình thức trực tiếp hơn. Các công cụ mà mọi người sử dụng để tương tác trong 4IR thường sử dụng các cấu trúc xã hội hoặc cấu trúc ảo (ví dụ: tác động tiêu cực trên phương tiện truyền thông xã hội), có thể là hình ảnh và tập trung vào xây dựng nhận thức thay vì thực tế. Sự phức tạp của các hiệu ứng công nghệ này không thể được khám phá chi tiết ở đây nhưng một kết quả quan trọng có thể xảy ra là tăng khả năng gắn kết (hình ảnh, từ ngữ, âm thanh), nhưng giảm gắn kết theo nghĩa sâu hơn, nơi có sự tương tác vật lý, ngôn ngữ cơ thể và ý nghĩa đầy đủ nhận thức, sự đồng cảm và ấm áp - một số yếu tố này cũng áp dụng cho các gắn kết môi trường tự nhiên. Có thể cho rằng, sự tương tác trực tiếp về mặt vật lý giữa người với người và tương tác giữa người với tự nhiên và sự hòa nhập chậm có liên quan sẽ thúc đẩy sự gắn kết sâu sắc hơn và những trải nghiệm về "não sâu".

Phạm vi của phương tiện tương tác khác nhau về các khả năng này, nhưng các chế độ giao tiếp biểu tượng, đơn giản, không rõ ràng sẽ thúc đẩy các mối quan hệ và mối quan hệ và tính bạn ngắn hạn, nông cạn hơn (như từ phương tiện truyền thông xã hội trực tuyến hoặc thế giới trò chơi (Henderson et al 2010; Kidslox 2018) và có thể mất hoặc phát triển kém các kỹ năng xã hội như mặt đối mặt và các hoạt động tương tác hoàn chỉnh hơn khác. Điều này có thể dễ

dàng dẫn đến việc không hạnh phúc và cô lập xã hội, sức khỏe tinh thần và lối sống khác và các vấn đề "không phù hợp" làm gia tăng sự đau khổ.

Công nghiệp 4.0 cũng có thể đem đến rất nhiều trò giải trí và các lựa chọn khác làm thay đổi thời gian sử dụng hoặc khuyến khích trì hoãn tiếp xúc thực tế và tương tác xã hội hơn. Các mối quan hệ có ý nghĩa đã được chứng minh là rất quan trọng đối với sức khỏe và điều này có thể phụ thuộc vào những chia sẻ kinh nghiệm trong thế giới thực của con người (Henderson et al 2010). Các "làng" kỹ thuật số có lẽ là sự thay thế nghèo nàn cho sự mất đi của sự gần gũi với bộ lạc, sự ổn định và kết nối với động vật của 100.000 năm tồn tại của con người.

Do đó, Công nghiệp 4.0 có thể giúp mọi người kết nối và giao tiếp ở nhiều cấp độ và trong nhiều vai trò trong cuộc sống hàng ngày của họ, nhưng có một mối nguy hiểm trong bản chất "ma quái" hay bóng tối của phương thức hành xử này lan tỏa qua sinh kế, gia đình và thế giới xã hội của cá nhân trên thực tế. Nó có thể làm tăng sự tách biệt bằng nhiều cách về thể chất và tâm lý quan trọng và điều này gây phiền hà khi đưa ra bằng chứng và trường hợp cho kết nối xã hội (và kết nối ngày càng tự nhiên) cho sức khỏe tinh thần, sức khỏe cảm xúc và chữa lành thể chất (Bristow 2017; Wilson 2017).

Trí tuệ Phật giáo sẽ giải thích sự mất kết nối sâu sắc này khi làm tăng sự đau khổ của chúng ta (dukkha) theo ít nhất hai cách. Thứ nhất, sự mất kết nối như vậy có thể tăng dukkha (khổ) từ niềm tin trong bản thân của chúng ta rằng chúng ta tách biệt với những người khác và thế giới tự nhiên (phần còn lại của vũ trụ). Do đó ảo tưởng về sự tách biệt bản ngã và một thế giới bên ngoài khách quan (thuyết nhị nguyên đối tượng) nơi chúng ta hành động để thao túng thế giới để lấp đầy dục vọng, với các mối quan hệ nhân quả đơn giản, được coi là bản chất của sự tồn tại luân hồi và đau khổ của người tham dự. Như được suy ra từ Tập đế, cố gắng xoa dịu sự khao khát của chúng ta và bám lấy sự thỏa mãn nhục cảm, mất tập trung và thu nhận trong thế giới khách quan, sẽ làm tăng dukkha và cảm giác xa lánh (Loy 2003).

Lý do thứ hai của việc không gắn kết của 4IR đó là làm giảm hạnh phúc của chúng ta, có thể là do thế giới ảo hoặc không gian ảo loại bỏ hoặc giảm quan hệ nhân quả hoặc (ít nhất là ngay lập tức) hậu quả của một lựa chọn và hành động. Điều này giống như hủy

bỏ phản hồi và nhận thức về luật nhân quả (kamma - vipaka) - một nguyên tắc của Phật giáo, là chìa khóa để giảm bớt liên kết đau khổ. Tuy nhiên, điều này không nhất thiết là như vậy vì sức mạnh truy cập thông tin của thời đại kỹ thuật số cũng có thể làm tăng đáng kể nhận thức về tác động của một hành động và có thể thay đổi hành vi theo hướng tích cực.

Kết quả hạnh phúc thực tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm ý định và động cơ, sự cân bằng và lợi ích cơ bản hoặc lý thuyết "hạnh phúc" hướng dẫn thị trường, thay đổi và áp dụng công nghệ, và lựa chọn của những người phải đối mặt với những thế giới công nghệ mới. Đặc tính và mức độ tác động của 4IR sẽ được định hướng bởi bản chất của nhu cầu và mong muốn. Trong tư tưởng Phật giáo, động cơ dựa trên lòng tham ích kỷ, ý chí xấu xa và si mê sẽ định hình 4IR và có những tác động rất khác nhau từ động cơ và mục tiêu dựa trên sự hào phóng, phúc lợi liên kết, từ bi, nhân ái và trí tuệ. Như với hầu hết các tác động 4IR được xác định ở đây, các công nghệ mới đang được tiến hành sẽ đem đến cả thách thức và cơ hội cho sự thịnh vượng của cộng đồng.

Bây giờ chúng ta xem xét làm thế nào trí tuệ Phật giáo có thể giúp sửa đổi hoặc bù đắp các tác động tiêu cực, hoặc nâng cao tiềm năng lợi ích của một số tác động chính của 4IR đã được xác định.

Phật giáo có thể giúp bù đắp các tác động không gắn kết ở cấp độ sâu hơn theo nhiều cách - đặc biệt là liên quan đến việc xây dựng nhận thức và chấp nhận các đức tính của tương tác xã hội và tự nhiên hữu hình tập trung vào tiếp xúc trực tiếp và thực hiện phúc lợi liên kết. Chúng tôi sẽ giới thiệu các yếu tố liên quan khác trong phần thảo luận còn lại.

Một đóng góp lớn cho 4IR từ trí tuệ Phật giáo là thúc đẩy tiềm năng cho một môi trường bền vững của các công nghệ liên quan. Mức tăng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và giảm chi phí giao dịch, năng lượng thay thế và các dịch vụ kinh tế bền vững khác của 4IR là rất lớn (như đã thảo luận). Giảm thiểu áp lực môi trường và dấu chân được liên kết chặt chẽ với một trong những dẫn xuất cơ bản của quan niệm Phật giáo về sự liên kết sâu sắc và luật kamma - vipaka - đức tính can thiệp hoặc xáo trộn tối thiểu, và không gây hại cho thế giới xã hội và tự nhiên. chúng tôi hành động. Trong trí tuệ Phật giáo, các lựa chọn lối sống ít sử dụng tài nguyên và đột phá,

và sự hưởng thụ tiềm năng thường được ước tính thấp từ thực tế tự nhiên chưa được giải thích được ưa chuộng trong tình trạng an sinh liên kết với nhau (Daniels 2008).

Tất nhiên, các tác động xã hội và tự nhiên giảm thiểu cho rằng tiêu thụ vật chất và nhiều năng lượng (và thậm chí tốn nhiều thời gian) không phát triển nhờ tiết kiệm năng suất (hiệu ứng đàn hồi) hoặc thay đổi thành các hình thức dẫn đến sự gia tăng mức độ chung của tác hại hoặc bạo lực với thế giới bên ngoài.

Phật giáo cũng sẽ ưu tiên xem 4IR như một "mô hình kinh tế kỹ thuật "(TEP), thay vì một "cuộc cách mạng công nghiệp", do các cụm công nghệ như vậy có tác động bên ngoài rất rộng rãi và sâu rộng (ngoài công nghiệp) trên các mặt xã hội, văn hóa, kinh tế và môi trường. Do đó, tầm quan trọng của một "TEP xanh" đã được quảng bá như là một đóng góp lớn lấy cảm hứng từ Phật giáo cho những lợi ích thực sự trong lợi ích cộng đồng (Daniels 2003; Hayter 2008). Một "TEP xanh" sẽ làm dịu đi sự hủy diệt (về xã hội, kinh tế và môi trường) trong khái niệm của Joseph Schumpeter về sự "tàn phá sáng tạo" trong những làn sóng thay đổi công nghệ như vậy. Các công nghệ sử dụng nguồn năng lượng tái tạo và tác động thấp thường phù hợp với cốt lõi trong 4IR tương thích với Phật giáo hoặc TEP xanh.

Một đóng góp của Phật giáo trong định hình 4IR tốt hơn nằm ở khả năng "định hướng lại các mục tiêu kinh tế và các lý thuyết cơ bản về hạnh phúc" (đưa ra những thất bại của quan điểm tăng trưởng kinh tế - hạnh phúc dân sinh đã được thảo luận trong Phần 3). Nguồn gốc trí tuệ chính đến từ Tứ diệu đế và việc xác định phúc lợi thực sự bị tác động tiêu cực bởi hoạt động kinh tế gia tăng khi dựa trên sự thèm muốn và bám vào các vật chất trong thế giới bên ngoài. Điều độ và kiềm chế trong ham muốn và kỳ vọng được coi là quan trọng để kiểm soát Khổ dukkha. Một sự hiểu biết sâu sắc được sửa đổi và ít nhất là một phần thừa nhận nguyên tắc này sẽ giúp kiềm chế hiệu ứng đàn hồi, giảm bớt nỗi ám ảnh công việc và thiếu thời gian rảnh rỗi, cảm giác quá tải và căng thẳng, và nhận thức mất mát đối với những ảnh hưởng do chuyển dịch cơ cấu kinh tế 4IR gây ra. Chấp nhận các đức tính của sự điều độ và tiết chế tiêu dùng và đạo đức, cũng sẽ giúp làm giảm sự thất vọng và đau khổ từ sự hài lòng tức thì theo thói quen.

Một lĩnh vực khác mà trí tuệ Phật giáo hứa hẹn sẽ cải thiện kết quả 4IR là các kỹ thuật thực tế của nó để đạt được sự bình an về nội tâm, tĩnh lặng và nhận thức bên trong như là phương tiện cân bằng hoặc là liều thuốc giải cho tinh thần và căng thẳng liên quan đến việc giải quyết vấn đề giáo dục, giải quyết vấn đề, giải trí, giao tiếp và phân tâm. Chúng bao gồm một loạt các chánh niệm, hơi thở, chân ngôn và những đóng góp chung khác cho tâm lý tích cực. Chánh niệm cũng được hướng tới việc tăng sự đồng cảm (và do đó có sự kết nối) (Bristow 2017) và có thể được xem là rất phù hợp để bù đắp sự vội vàng, quá tải và ngắt kết nối của 4IR bằng cách tạo ra nhận thức và niềm vui từ sự hiện diện trọn vẹn lúc này, giúp mọi người sống chậm lại giữa áp lực của thông tin chốc lát và phản ứng và dịch vụ tức thời, thu thập các kỹ năng thực hành tu hành để cân nhắc các hậu quả liên quan của ý định và hành động của chúng ta đối với bản thân và người khác. Thiền cũng được đề xuất như một phương tiện để quản lý ham muốn (Smith 2015) và hàng loạt cám dỗ tạo ra sự thèm muốn trong 4IR.

Phật giáo cũng có thể là một suối nguồn lớn để đem lại và phổ biến một số hướng dẫn đạo đức chính yếu của nó sẽ nâng cao kết quả 4IR - đặc biệt là lòng từ bi và lòng nhân ái. Kết hợp với sự đồng cảm và sự phụ thuộc lẫn nhau, những hướng dẫn đạo đức này sẽ thúc đẩy sự phân phối công bằng các thành quả của 4IR và chống lại các vấn đề bất bình đẳng nổi lên. Những nền tảng đạo đức này sẽ có một loạt các ảnh hưởng như tăng cường kết nối xã hội, thúc đẩy bất bạo động và không gây hại cho tự nhiên, hỗ trợ và chăm sóc cho những người chịu đựng những áp lực khác của 4IR.

Nếu chúng ta thừa nhận rằng 4IR khó có thể thực sự mang lại sự kiểm soát hoàn toàn và một thế giới bên ngoài có thể dự đoán được với đầy đủ các thú vui dựa trên vật chất và cảm giác, và quan hệ xã hội hoàn hảo, thì Phật giáo có thể có đóng góp tích cực khác. Điều này xuất phát từ bản chất của sự hiểu biết của Phật giáo về bản chất của dukkha (Khổ) trong luân hồi samsara và điều không thể tránh khỏi, và do đó cần phải chấp nhận một cách hòa bình và bình đẳng, rằng mọi thứ trong thế giới bên ngoài là vô thường, không hoàn hảo và cuối cùng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng ta. Điều này trái ngược hoàn toàn với các mục tiêu và lời hứa chung của 4IR, nhưng bằng chứng về thành công của các công nghệ trong việc có thể cung cấp sự kiểm soát và sự thường

hằng, để tăng cường phúc lợi, là không thuyết phục. Chấp nhận sự vô thường và thiếu kiểm soát trong việc đạt được những mong muốn vật chất trong thế giới bên ngoài có một loạt ảnh hưởng sức bật về hạnh phúc để giúp đối phó với các lỗ hổng khác của 4IR - bao gồm cả việc mong chờ sự dễ chịu và thoải mái, và khả năng ngăn chặn nỗi đau, bệnh tật, lão hóa, mất đi người thân và cái chết, cũng như các giới hạn đối với các lý thuyết tích lũy kinh tế về hạnh phúc.

5. KẾT LUẬN

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4IR) sẽ tiếp tục mang lại những thay đổi to lớn về xã hội, văn hóa, kinh tế và môi trường. Mặc dù có nhiều kết quả tích cực không thể phủ nhận nhưng, thật kỳ lạ, có bằng chứng hạn chế đối với những thành công của các cuộc cách mạng kỹ thuật số cho đến nay trong các mục tiêu cuối cùng và phúc lợi cho con người (Sunstrom 2015).

Điều này thúc đẩy trường hợp cần thận trọng và xem xét về khoa học cẩn thận về sự lạc quan công nghệ vô điều kiện, và hệ tư tưởng của chủ nghĩa Giải pháp (Morozov 2013; Jones 2017) cho rằng thay đổi công nghệ sẽ tự nhiên liên quan đến việc giải quyết các vấn đề mới và quá khứ. Do đó, cần phải dự đoán, công nhận, nghiên cứu và đánh giá cẩn thận các tác động kỹ thuật xã hội của 4IR - mục tiêu của nó là gì, những mục tiêu này có tác dụng cải thiện phúc lợi thực tế hay không và những thay đổi được thực hiện như thế nào để đạt được mục tiêu phúc lợi đáng ca ngợi?

Phật giáo có nhiều điều để đóng góp cho thực hành này. Bài viết này đã thảo luận về một số tác động xã hội, kinh tế và môi trường của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có liên quan nhất đến trí tuệ Phật giáo bao gồm:

i. Ngắt kết nối - của một hình thức trực tiếp và nghĩa bóng; từ những người khác và thiên nhiên (và các vấn đề về thể chất và sức khỏe liên quan).

ii. Mối liên hệ đáng ngờ giữa tiêu chuẩn vật chất của cuộc sống, sự phong phú, thoải mái và tiện lợi và thể chất bền vững, đặc biệt là tinh thần, phúc lợi.

iii. Tác động tới môi trường tự nhiên và phi bạo lực liên quan, can thiệp tối thiểu, hòa bình và hòa hợp.

iv. Sự gia tăng lớn trong phân tán, đa dạng và lựa chọn và khả năng giải trí.

v. Tăng trưởng sâu sắc về thông tin và khả năng tiếp cận truyền thông và kiến thức gián tiếp

vi. Quá tải thông tin đối chọi với chánh niệm.

vii. Bất bình đẳng và dư thừa kinh tế.

viii. Kỳ vọng về sự kiểm soát và sự trường tồn của các tình huống cuộc sống mong muốn.

Mục tiêu chính là xác định làm thế nào các quan điểm của Phật giáo có thể giúp góp phần tạo ra kết quả tốt hơn từ những điều này và các hiệu ứng tích cực khác. Một số trong những hành động và mục tiêu chính đã bao gồm:

i. Bù đắp các tác động ngắt kết nối ở cấp độ sâu hơn.

ii. Phát huy tiềm năng bền vững môi trường của các công nghệ liên kết của 4IR.

iii. Định hướng lại các mục tiêu kinh tế và các lý thuyết cơ bản về "hạnh phúc".

iv. Các kỹ thuật thực tế để đạt được sự bình an, tĩnh lặng và nhận thức bên trong.

v. Mang lại và phổ biến một số Hướng dẫn đạo đức Phật giáo chủ yếu nhằm nâng cao kết quả của 4IR - đặc biệt là lòng từ bi và lòng nhân ái.

vi. Giúp mọi người chấp nhận một cách hòa bình và với sự bình tĩnh, rằng tất cả các hiện tượng trong thế giới bên ngoài là vô thường, không hoàn hảo và cuối cùng nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng ta.

Theo ghi nhận của Chansoda và Saising (2018, tr104), kết quả của 4IR chắc chắn sẽ "phụ thuộc vào con người và các giá trị" và Phật giáo rất phù hợp trong việc cung cấp trí tuệ cổ xưa và bền bỉ của mình để giúp đưa ra các lựa chọn cá nhân và các giả định liên quan và các lý thuyết về phúc lợi.

Thật dễ hoài nghi về việc liệu nhân loại có thể áp dụng rộng rãi các nguồn trí tuệ mới cơ bản cho động cơ và hành động của chúng ta hay không. Trong hàng trăm, hoặc có lẽ hàng ngàn năm, các mô

hình hệ thống xã hội thống trị đã đưa chúng ta tới 4IR đã được thành lập dựa trên câu châm ngôn rằng các hành động cá nhân và cô lập để thu lợi cho bản thân và tích lũy vật chất là tốt, và đây là con đường dẫn đến phúc lợi thực tế. Tuy nhiên, có những lý do tốt cho sự lạc quan và hy vọng cho một thời đại mới của trí tuệ. Ví dụ, trong khi một phần lớn dân số thế giới tập trung vào chủ nghĩa tiêu dùng thuộc tầng lớp trung lưu, thì cũng có những dấu hiệu rõ ràng về sự bất mãn và mất niềm tin vào tích lũy kinh tế với xu hướng của chủ nghĩa hậu duy vật "hiện đại", nhận thức về môi trường, đơn giản tự nguyện và nhiều phong trào có nhiều điểm chung với các nguyên tắc Phật giáo hoặc thế giới quan (Delhey 2009).

Chắc chắn có một nhận thức đơn giản nhưng rất có ý nghĩa về các mục tiêu xã hội dường như không được thừa nhận trong sự lạc quan về công nghệ 4IR. Mặc dù trí thông minh là một khái niệm phức tạp với sự đồng thuận hạn chế về ý nghĩa thực sự của nó, trí thông minh nhân tạo (AI) và động lực cốt lõi của 4IR dường như được khẳng định dựa trên đức tính tối thượng là có thể đưa ra các quyết định dựa trên quy tắc hiệu quả (số lượng tối đa) của dữ liệu. Nếu các quyết định dựa trên quy tắc không có quy mô thực tế được biết để tạo ra sự thịnh vượng thì máy móc có thể được xem xét, theo lời của Lennon và McCartney, là "nowhere Man" (người không biết mình sẽ đi đâu). Không có mục tiêu xác định thực sự cho các quy tắc cho trí thông minh hoạt động. "Trí thông minh" của các cá nhân, đơn vị xã hội hoặc xã hội, chắc chắn mang ý nghĩa là khả năng giải quyết vấn đề và có được những gì thực sự mang lại cho chúng ta những thay đổi có lợi được mong đợi trong lối sống, sở hữu và môi trường. Có lẽ những điều này liên quan đến sự thay đổi dẫn chúng ta đến sự cải thiện phúc lợi.

Do đó, các khía cạnh quan trọng của trí thông minh thực sự là (1) biết những gì chúng ta muốn và sẽ mang lại cho chúng ta sức khỏe cao hơn (ổn định) và (2) có thể đánh giá hiệu quả các hành động và tác động của chúng sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu này như thế nào.

Câu hỏi hoàn toàn cơ bản này đã được đơn giản hóa hoàn toàn với giả định tăng trưởng kinh tế trong nền kinh tế tân cổ điển, và thường bị lãng quên, với một số cơ sở kinh tế tân cổ điển như một ẩn ý, trong thế giới công nghệ.

Phật giáo có thể đóng một vai trò to lớn trong việc giúp nâng cao

lợi ích của những thay đổi to lớn và mạnh mẽ sẽ đi kèm với sự tiến bộ của 4IR. Một điểm khởi đầu quan trọng sẽ là sự tích hợp nhiều hơn các phát triển và phản ứng xã hội, kinh tế, chính trị và môi trường đương đại vào phân tích của Phật giáo và Phật pháp (như đang diễn ra trong hội nghị này). Điều này sẽ đòi hỏi sự trình bày của trí tuệ Phật giáo với một quan điểm mạnh mẽ về khoa học, thực nghiệm và phi giáo lý. Cách tiếp cận này rất phù hợp với Phật giáo. Các quan điểm xuyên ngành xem xét toàn bộ các tác động tiềm năng và các ảnh hưởng về phúc lợi sẽ rất quan trọng. Sức mạnh giao tiếp và phân tích của 4IR chắc chắn có thể cung cấp một phương tiện rất mạnh mẽ để phổ biến trí tuệ này.

***

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alinsky, S.D., 1989. Rules for radicals: A practical primer for realistic radicals. Vintage.

2. Attwood, M., 2003. Suicide as a response to suffering. Western Buddhist Review. Vol. 4. Viewed 30 August 2007.

3. Bloem, J., van Doorn, M., Duivestein, S., Excoffier, D., Maas, R., van Ommeren, E., 2014. The Fourth Industrial Revolution. Things to Tighten the Link Between IT and OT. [Electronic resource].

4. Bristow, J., 2017. How Mindfulness will Protect You From Being Replaced by a Robot. Feb 27, 2017. Mindful. URL https://www.mindful.org/can-mindfulness-help-us-navigate-fourth-industrial-revolution/ (accessed 1.24.19).

5. Chandsoda, S., Saising, P.S., 2018. Compassion and Cooperation: the Two Challenging Ethical Perspectives in the Fourth Industrial Revolution (4IR). Journal of International Buddhist Studies (JIBS) 9, 101–115.

6. Conceição, P., Heitor, M.V., 2011. Techno-economic paradigms and latecomer industrialization.

7. Dalai Lama, 2001. Ethics for the new millennium. Riverhead Books. Penguin, New York.

8. Daniels, P.L., 2008. Buddhism and the transformation to sustainable economies. Society and Economy 29, 155–180.

9. Daniels, P.L., 2003. Buddhist economics and the environment: Material flow analysis and the moderation of society's metabolism. International Journal of Social Economics 30, 8–33.

10. Deane, P.M., 1979. The first industrial revolution. Cambridge University Press.

11. Deaton, A., 2008. Income, health, and well-being around the world: Evidence from the Gallup World Poll. The journal of economic perspectives 22, 53–72.

12. Delhey, J., 2009. From materialist to postmaterialist happiness? National affluence and determinants of life satisfaction in cross-national perspective.

13. Drabsch, T., Wales, N.S., 2012. Measuring wellbeing. Briefing Paper No 4/2012. NSW Parliamentary Library.

14. Freeman, C., GB). Science Policy Research Unit University of Sussex (Brighton, Perez, C., 1986. The diffusion of technical innovations and changes of techno-economic paradigm. Science Policy Research Unit University of Sussex.

15. Hayter, R., 2008. Environmental economic geography. Geography compass 2, 831–850.

16. Henderson, K., Kanters, M., Levine, L., Yoder, D., 2010. Dimensions of leisure for life. Individuals and society. Human Kinetics Publishers USA, USA.

17. Huffington, A., 2017. The Fourth Industrial Revolution Meets the Sleep Revolution. Jan 27, 2017 [WWW Document]. Huff Post. URL https://www.huffpost.com/entry/fourth-revolution-sleep-revolution_b_9092496 (accessed 1.24.19).

18. John Grill Centre, 2018. The fourth industrial revolution is here [WWW Document]. John Grill Centre for Project Leadership. URL https://sydney.edu.au/john-grill-centre/our-research/technology-transformations/kick-start-your-transformational-project/ch1-the-fourth-industrial-revolution.html (accessed 1.8.19).

19. Jones, N., 2017. Fourth Industrial Dukkha : A Buddhist Case for Techno-Pessimism. Paper prepared for the Buddhism and the Fourth Industrial Revolution workshop, sponsored by the Korean Association for Buddhist Studie s24-25th November 2017, Seoul, Korea.

20. Khan, G., Isreb, D., 2018. 1,2,3… Here comes the 4th Industrial Revolution [WWW Document]. Digital Pulse. URL https://www.digitalpulse.pwc.com.au/fourth-industrial-revolution-guide/ (accessed 1.9.19).

21. Kidslox, 2018. 5 Surprising Negative Technology Effects You Don't Suspect. May 8, 2018. Kidslox - Parental Controls App for iOS & Android. URL https://kidslox.com/blog/top-5-negative-effects-of-technology-you-even-dont-suspect/ (accessed 1.25.19).

22. Klugman, I., 2018. Why governments need to respond to the Fourth Industrial Revolution | World Economic Forum. 14 Sept, 2018 [WWW Document]. URL https://www.weforum.org/agenda/2018/09/shift-happens-why-governments-need-to-respond-to-the-fourth-industrial-revolution/ (accessed 1.25.19).

23. Loy, D.R., 2003. Remaking the world, or remaking ourselves? buddhist reflections on technology. Technology and Cultural Values: on the edge of the third millennium. Honolulu: University of Hawaii 176–87.

24. Morozov, E., 2013. To save everything, click here: Technology, solutionism, and the urge to fix problems that don't exist. Penguin UK.

25. Oracle, T.C., 2018. The Fourth Industrial Revolution: The Rise Of The Autonomous Economy. Medium. URL https://medium.com/altcoin-magazine/the-fourth-industrial-revolution-the-rise-of-the-autonomous-economy-cfe0886ad8b3 (accessed 1.14.19).

26. Pinker, S., 2019. Enlightenment now: The case for reason, science, humanism, and progress. Penguin Books.

27. Sacks, D.W., Stevenson, B., Wolfers, J., 2010. Subjective well-being, income, economic development and growth. National Bureau of Economic Research.

28. Savoia, A., 2017. Global inequality is on the rise – but at vastly different rates across the world [WWW Document]. The Conversation. URL http://theconversation.com/global-inequality-is-on-the-rise-but-at-vastly-different-rates-across-the-world-88976 (accessed 1.22.19).

29. Schwab, K., 2017. The Fourth Industrial Revolution by Klaus Schwab. Penguin, London.

30. Sentryo, 2017. Industrial revolutions: the 4 main revolutions in the industrial world. Feb 23, 2017 [WWW Document]. Sentryo. URL https://www.sentryo.net/the-4-industrial-revolutions/ (accessed 1.29.19).

31. Smith, D., 2015. Buddhist Ethics for an Age of Technological Change. May 21, 2015. American Buddhist Perspectives. URL https://www.patheos.com/blogs/americanbuddhist/2015/05/

buddhist-ethics-for-an-age-of-technological-change.html (accessed 1.24.19).

32. Sunström, L., 2015. 7 Evolutionary Mismatches You Must Overcome. Sept 22, 2015 [WWW Document]. URL https://startgainingmomentum.com/7-evolutionary-mismatches-you-must-overcome/ (accessed 1.21.19).

33. The Economist, 2017. The world has made great progress in eradicating extreme poverty. March 30, 2017. The Economist.

34. Thiele, L.P., 2011. Indra's net and the midas touch: living sustainably in a connected world. MIT Press.

35. Thomopoulos, N., Karanasios, S., 2014. ICT, social impacts of, in: Garrett, M. (Ed.), Encyclopedia of Transportation: Social Science and Policy. SAGE Publications, Thousand Oaks, CA, pp. 776–779.

36. Thomson, S., 2015. Is this the start of a fourth industrial revolution? 11 Sept, 2015. Paper from the Annual Meeting of the New Champions. [WWW Document]. World Economic Forum. URL https://www.weforum.org/agenda/2015/09/fourth-industrial-revolution/ (accessed 1.24.19).

37. Wilson, E.O., 2017. Biophilia and the conservation ethic, in: Evolutionary Perspectives on Environmental Problems. Routledge, pp. 263–272.

38. Wisnioski, M., 2015. How digital technology is destroying your mind - The Washington Post. Feb 13, 2015 [WWW Document]. URL https://www.washingtonpost.com/opinions/healine-here/2015/02/13/a78172e0-855e-11e4-9534-f79a23c40e6c_story.html?noredirect=on&utm_term=.8172192f2215 (accessed 1.22.19).

39. World Health Organization, 2017. Depression and other common mental disorders: global health estimates.

PHẢN ỨNG ĐỐI VỚI NỀN CÔNG NGHIỆP 4.0 MỘT BƯỚC TIẾN TRIỂN QUYẾT ĐỊNH

Geoffrey Bamford*

LỜI MỞ ĐẦU

Nền công nghiệp 4.0 là một tên gọi mang tính quy ước cho một số công nghệ mới. Một cuộc đàm luận phức tạp về tương lai của loài người xung quanh nó đã trở nên rõ ràng.

Bài thảo luận này nhân tiện đề cập đến tác động tiêu cực của điện thoại thông tin/truyền thông, nhưng không quan tâm quá chi tiết. Nó tập trung vào việc thảo luận về tính quyết định của công nghệ và kinh tế.

Điều này không phải mới. Kể từ thời văn minh bắt đầu, con người cảm thấy chính mình phụ thuộc vào những hệ thống máy móc, cả công nghệ và quản trị. Hệ lụy khổ đau của họ được nêu ra trong những cuộc thảo luận về số phận và ý chí tự do. Nền công nghiệp 4.0 lặp lại một chuyện cũ.

Trong thời kỳ đức Phật, sự tổn thương còn mới. Những vị du sĩ phụ thuộc nhiều vào uy tín cá nhân, nhưng tất cả đều phải đưa ra một câu chuyện về việc làm thế nào số phận của con người được quyết định và liệu rằng/tại sao/như thế nào để cố gắng trở nên tốt.

Đức Phật luôn phủ nhận những câu hỏi về thuyết tiền định. Có rất nhiều câu trả lời sai, và chỉ một vài câu trả lời đúng. Tại sao phải lo lắng về việc cuộc sống của chúng ta đã được quyết định trước. Vấn đề không phải là quyết định những sự thật, mà là lựa chọn,

* Người dịch: Liễu Pháp và Ngân Phạm

chọn lựa và phát triển hành vi của mình theo những cách có ích. Một số lựa chọn, một số cách suy nghĩ và cảm nhận, là hữu ích, và những cách khác thì không.

Tuy nhiên, nhân quả không phải là một chủ đề nóng. Có phải những hành động của bạn ảnh hưởng đến những kinh nghiệm tương lai, nếu đúng như vậy thì bằng cách nào.

Đức Phật tập trung vào sự kế tục giữa các tác nhân và người chịu hậu quả của nó. Có phải có một cái Tôi trường tồn? Không! Có phải không có gì còn lại khi chúng ta chết đi? Một lần nữa, không.

Sự suy đoán như thế không giúp chúng ta trong việc điều gì có ý nghĩa. Những gì có ý nghĩa là phá vỡ chuỗi nhân quả ràng buộc chúng ta.

Đó là cách làm thế nào chúng ta có thể hiểu và phản ứng lại nền công nghiệp 4.0. Nó có thể cần nhiều nỗ lực.

1. GIỚI THIỆU

Bài tham luận này trình bày nền công nghiệp 4.0 trong bối cảnh lịch sử dài hạn, nó cho thấy nền công nghiệp 4.0 xuất hiện từ cách mạng khoa học và cuối cùng từ dự án văn mình của chính nó.

1.1. Văn minh và khoa học

Tồn tại đồng thời với nền văn minh là dự án lớn của con người để hiểu môi trường vật lý và cũng để khai thác triệt để hơn. Kể từ trước thời kỳ đức Phật, chúng ta đã phát triển về mặt kỹ thuật và chúng ta phải hiểu ý nghĩa của từng cấp độ hiểu biết kỹ thuật mới, và những gì nó cho phép chúng ta làm.

Nền công nghiệp 4.0 xuất phát từ những quá trình lịch sử như vậy. Nó cũng được pha trộn với chủ nghĩa vị lai, như chủ nghĩa kỹ thuật hiện đại ở Châu Âu hiện tại trong suốt một thế kỷ qua. Đi xa hơn nữa, nó tìm cách tái tạo lại chủ nghĩa thực nghiệm trí tuệ trong buổi đầu của nền khoa học hiện đại. Cuối cùng, đây là một dự án văn minh, sự tiếp nối những gì đã được bắt đầu trong thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên.

Nó phản ánh một ý thức hệ, ở đó những thành tựu của loài người và quá trình tiến tới những điều không tưởng mang tính khoa học bằng cách phụ thuộc một cách máy móc vào một số quy luật toán học (thuật toán, đại khái). Điều này đã cố hữu trong xã hội

toàn cầu của chúng ta - nó là bá chủ trong nền kinh tế và trong việc hoạch định chính sách nói chung, chẳng hạn như trong việc quản lý khoa học. Nó mang tính máy móc và quyết định, và nó thúc đẩy con người tự tìm kiếm và tiếp thu. Nhiều người tiếp thu nó, mong muốn tin rằng điều này sẽ chứng minh và đảm bảo sự yêu thích của họ đối với công nghệ và tiếp thu nó nói chung.

Nó cũng có những nhược điểm. Công nghiệp dự định giải phóng con người bằng cách cơ giới hóa cũng làm nô lệ con người, biến họ trở thành những công cụ của máy móc. Nền công nghệ 4.0 đại diện cho một đỉnh cao của xu hướng này.

1.2.Những suy nghĩ của đức Phật

Sau đó, chúng ta liên hệ bài phân tích mang tích lịch sử này với những suy nghĩ trong thời kì đầu của đức Phật. Nền văn minh đang phát triển, nền kinh tế đang bùng nổ, nhưng mọi người lại rối tung. Ngôn ngữ và cuộc sống cũng đều phàm tục hơn những gì chúng đã từng và mọi người cảm thấy bất ổn. Sự phức tạp của của sản xuất và quản trị trong một xã hội văn minh đặt ra những hạn chế mới. Đã có một số nhà duy vật thuần túy xung quanh - ngày nay hầu hết là những nhà triết học đơn giản và những kẻ đầu sỏ tự nhận cảm thấy tự do như ở nhà. Những Phật tử muốn tránh suy nghĩ này - và họ luôn muốn tránh khỏi những tiêu chuẩn thay thế, cái mà có thể hướng đến chủ nghĩa lý tưởng hóa.

Nhân loại dễ dàng bị mắc kẹt trong những cái bẫy nhị nguyên. Chẳng hạn như, bạn thấy mình là vĩnh cữu hay bạn nghĩ mình hữu hạn. Những ý kiến về quan hệ nhân quả, đặc biệt là hướng đến một hoặc cả hai giả thuyết này đều bị đức Phật phủ nhận.

Ý tưởng của họ là để xem xét một vài khía cạnh về những câu hỏi này, và để cân nhắc trong một bối cảnh. Bối cảnh là cách mà tất cả chúng ta lấp đầy cuộc sống của mình trong mỗi khoảnh khắc và có thể làm điều đó ít nhiều có ích. Một điều có ích mà chúng ta có thể làm là cố gắng không phản ứng lại một cách tự động, và vì vậy chúng ta chú ý đến cách chúng ta vấp vào những phản ứng tự động như vậy - lý do đầu tiên được quan tâm trong chuỗi nhân quả là có thể phá vỡ những cái có thể bẫy chúng ta.

2. NỀN CÔNG NGHIỆP 4.0

2.1.Bối cảnh dài hạn: khoa học và chủ nghĩa khoa học

Khi Phật pháp phát triển, với lời dạy của đức Phật (Sasana), khi nền văn minh (cũng được biết đến như lịch sử) đã bắt đầu phát triển theo một cách rộng lớn. Nhân loại gọi đó là thời đại Trục.

Ở những nơi, mật độ dân số tăng mạnh, các hệ thống kinh tế - xã hội trở nên phân tầng (và tương tự như hệ thống tri thức) - thành phố phát triển và việc viết lách cũng vậy. Mọi người sử dụng ngôn ngữ hàm súc hơn, và cũng trừu tượng hơn, vì vậy thế giới giờ đây đầy những thứ và khái niệm hơn nó đã từng. Trong sự bùng nổ kinh tế vĩ đại đó, chủ nghĩa duy vật hiện tại đã nắm giữ cả về triết học và thực tiễn, và cũng là khuynh hướng đối nghịch với chủ nghĩa duy tâm trừu trượng.

Trong hai thiên niên kỷ rưỡi kể từ đó, các mô hình định cư, các tổ chức xã hội, các cấu trúc quyền lực… đã phát triển ổn định - cũng như văn hóa. Tư tưởng duy vật/duy tâm đã trở thành chủ đề thường xuyên.

Trong 500 năm qua, những nỗ lực của nhân loại để hiểu và kiểm soát môi trường vật lý đã vượt qua ngưỡng. Văn hóa đã bị chi phối bởi khoa học, xã hội và công nghiệp.

Dần dần, những giống loài của chúng ta đã bị biến đổi. Sự phức tạp của suy nghĩ, hành vi và hình thức thể chế mà nhiều người bây giờ gọi là STEM (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học) đã rất quan trọng ở đây, cũng như kinh tế học. Máy tính đã đã củng cố khuynh hướng tất nhiên của các thuật toán.

Có thể có một nơi cho tất cả những điều này. Nếu, bằng cách thực hiện việc đo lường hợp lý, chúng ta có thể xây dựng các bộ dữ liệu mà chúng ta có thể phân tích để xác định tính thường xuyên, sau đó chúng ta có thể giả thuyết và kiểm tra những mối liên hệ nhân quả có thể xảy ra. Bằng cách này, chúng ta có thể tìm ra điều gì hiệu quả… điều gì xảy ra nếu chúng làm việc này hay việc khác và vì vậy làm thế nào để tạo ra một hiệu ứng cụ thể. Về mặt hiệu quả, chúng ta có thể tạo ra cấu trúc nếu …thì, vô số chúng được lồng ghép với nhau theo một cách phức tạp. Khi kết hợp lại với nhau, những điều này có thể đưa ra một mô tả có giá trị về vũ trụ - một bức tranh của thế giới mà đúng vì nó giúp chúng ta điều chỉnh các yếu tố của môi trường vật lý một cách đáng tin cậy.

Tuy nhiên, không một bức tranh nào đưa ra một sự hiểu biết đầy đủ về những gì nó biểu hiện. Cũng như, mặc dù những mô hình

toán học có thể giúp chúng ra đối phó với thế giới vật chất, nhưng nó ít liên quan (và chắc chắn không đầy đủ), khi nói đến cuộc sống của chúng ta - để theo dõi và điều chỉnh hành vi cá nhân và trong xã hội.

Đó là một sự thật lớn lao. Thật không may, bởi vì nó không giống với định luật chuyển động của Newton - chúng ta có khuynh hướng đánh mất nó - một sự bất lợi của chúng ta. Tất cả cũng khá dễ dàng, chúng ta bị cuốn vào những suy nghĩ máy móc, quyết đoán, xa lánh, bằng cách nào đó tôi là chính tôi bởi vì DNA của tôi, và bởi vì cách các loài phát triển, và nếu tôi suy nghĩ tôi trải nghiệm một cuộc sống có chất lượng cao (nói theo một "cảm xúc"), thì đó là một sự ảo tưởng - hai loại hóa chất vừa hòa lẫn vào bộ não của tôi. Chúng ta phủ nhận, tù túng chính mình. Hoạch định tầm nhìn mang tính quyết định của chúng ta lên môi trường vật chất và xã hội, thì chúng ta tạo ra cho chính mình một thế giới kỹ thuật, mà giả định rằng loài người thiếu tác dụng, và vì vậy đảm bảo họ sẽ thiếu nó. Cuối cùng, chúng ta xem đây là trật tự tự nhiên của mọi thứ.

Đây là một vấn đề cho tất cả chúng ta. Nó đã dần dần đặt ra cho chúng ta từ xa xưa.

Kể từ lần bắt đầu đầu tiên của văn minh, sự thay đổi về văn hóa và xã hội gắn liền với cái mà chúng ta gọi là khoa học và công nghệ hiện nay đã cho thấy loài người đã mất liên hệ với những quá trình trải nghiệm và trở nên ít có khả năng đưa ra những lựa chọn khôn ngoan ngay lập tức. Sự thoái hóa này đi cùng với những tiến bộ mà chúng đã thực hiện trong việc kiểm soát ngắn hạn môi trường vật lý - những gì từ một khía cạnh của sự tiến bộ dường như xuất hiện từ một góc độ khác là thoái lui. Chúng ta bị chia rẽ, và sự chia rẽ đó trở nên đáng chú ý - bây giờ nó đang đe dọa sự tồn tại của loài người chúng ta, thực sự là toàn bộ sinh quyển.

Vấn đề là, chúng ta đã cố gắng quá sức. Chẳng hạn như, người châu Âu đã có một cuộc đấu tranh ngay từ đầu để thúc đẩy mọi người áp dụng Phương pháp khoa học được ban cho, vì vậy bắt buộc họ phải từ bỏ tất cả mọi thứ còn lại. Bây giờ, trên toàn cầu những người có học thức kìm nén khía cạnh chủ quan của thực tế sống, và khi làm như vậy, chúng ta hủy hoại khả năng uốn nắn cuộc sống của chính chúng ta.

Để phát triển xã hội công nghiệp và tiêu dùng, chúng ta từ bỏ

những khả năng này (nhận thức và thể chất, tự nhiên và điều kiện, đạo đức và tôn giáo), mà qua lịch sử trước đó đã từng được sử dụng để ngăn cản chúng ta không làm hại chính mình, vì vậy chúng ta đang phá vỡ những rào cản. Bên ngoài, điều này xảy ra trong cuộc khủng hoảng sinh thái. Cơ bản hơn, chúng ta đang khám phá rằng có những giới hạn đối với khả năng thích ứng tâm lý của chúng ta.

2.2. Bối cảnh ngắn hạn: những cuộc cách mạng và tính phi thường.

Những người đang lèo lái sự phát triển của chúng ta thường nhận thức mập mờ về điều này, mặc dù hiếm khi không muốn thừa nhận một cách công khai. Điều này có thể giúp giải thích tại sao họ quan tâm đến nền công nghiệp 4.0

Những tư tưởng của khoa học… đã từng thường xuyên khuyến khích sự phủ nhận những gì mà hầu hết mọi người đếu biết đến như nhân loại - nhưng điều này đang diễn ra trên quy mô lớn. Như đã biết, nhân loại chính thức không còn phù hợp với mục đích, không có khả năng thích nghi với những thay đổi nhanh chóng, chúng ta bây giờ đang bị thay thế bởi các lại máy móc gần như con người với trí tuệ nhân tạo (AI). Thực sự, chúng ta bị biến đổi bởi sự tương tác gần gũi hơn và mãnh liệt hơn một cách liên tục với những robot này. Kết luận lại, đó là nền công nghiệp 4.0

Dường như có một số giải pháp. Có lẽ, chúng ta không cần quá căng thẳng để duy trì dự án khoa học kỹ thuật của chúng ta - thay vào đó, chúng ta có thể chuyển giao trách nhiệm cho máy móc mà chúng ta đã nỗ lực tạo ra. Thay vì phải vật lộn để thích nghi chính mình với môi trường máy móc, chúng ra bây giờ sẽ khiến máy móc thay đổi chúng ta một cách trực tiếp.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất không có gì thú vị - " những nhà máy tối tăm và tàn ác" trải dài trên đất liền, trong khi, những đứa trẻ suy dinh dưỡng đang tự đào cho mình những ngôi mộ tối tàn. Cuộc cách mạng công nghiệp thứ hai liên quan đến điện, hóa chất và dây chuyền sản xuất, chứng minh vẫn còn ồn ào - cần một chút xao lãng, nhân loại đã sẵn sàng để làm hầu hết mọi thứ, vì vậy đã gây ra Thế Chiến. Cuộc cách mạng lần thứ ba, với máy tính và internet, đã cung cấp nhiều thứ lấp lánh nhưng không có giá trị, nhưng những câu chuyện về trầm cảm và sự rối loạn phân ly sẽ không biến mất và về cách kết hợp điện thoại thông minh/truyền thông làm giảm khả năng trải nghiệm của chính

chúng ta.

Xã hội tiêu dùng toàn cầu đã lôi kéo nhiều người cuộc sống như một chuỗi các thử nghiệm/khảo sát trắc nghiệm. Tuy nhiên, bây giờ điều này dường như không còn đủ, thay vì quyến rũ, giờ là lúc bắt buộc mọi người. Chào mừng đến với nền công nghiệp 4.0

Cho đến bây giờ, những nỗ lực của chúng ta để định lượng những quy trình xã hội, để giảm thiểu chúng thành một trò chơi mà chúng ta có thể thắng, để liên hệ đến một số loại trao đổi giữa các cá nhân. Khi một khách hàng gọi đến trung tâm hỗ trợ, hay khi Facebook quyết định đăng tải những video của họ, con người được liên hệ với nhau - dù cho bị phân tâm môi trường máy móc của mỗi các nhân, tuy nhiên dù sao đi nữa, họ cố gắng để giao tiếp với nhau. Bây giờ, không còn nữa, đây là lúc để cho sự tương tác giữa con người và máy móc rộng rãi. Hoặc, có lẽ nên là tương tác con người - máy móc. Dần dần, máy móc được lập trình để chủ động hơn, để tạo ra nhưng sự thay đổi về hành vi được mong muốn - những thay đổi trong hành vi của chúng ta, hành vi của người dùng. Điều này có lẽ đặt con người dưới áp lực theo cách mà ban đầu không ai có thể nhận ra, chứ đừng nói là hiểu.

Khi mà cuộc sống của chúng ra mở ra nhiều trong thế giới của thuật toán, thì chúng ra chỉ quan tâm đến mình hơn, buồn chán và khó tính. Ở cấp độ vĩ mô, xã hội của chúng ta không giải quyết được những bất thường nổi bật trong tài chính, hệ sinh thái … Nó như thể một cuộc khủng hoảng tâm lý tập thể đang diễn ra.

Vì vậy những lời hoa hoa mỹ "sự độc nhất". Hướng tới bước ngoặt của thiên niên kỷ, những nhân vật nổi tiếng trong IT đã bắt đầu tự hỏi sự tiến hóa nào có thể cho con người. Cho là những thành tựu đã đạt được, họ mong muốn những điều lớn lao, chúng ta sẽ tồn tại theo một nghĩa hoàn toàn mới, trí tuệ và trừu tượng.

Kho chứa trí tuệ được tạo ra bởi những bộ não được liên kết với nhau qua Internet, có thể bằng cách nào đó có một cuộc sống riêng cho minh. Hoặc, với việc sử dụng hợp lý di truyền học, AI, cấy ghép chip, thực tế ảo (VR) và những gì có, bạn và chúng tôi có thể hướng đến sự tiến hóa của chúng ra để tạo ra một chủng tộc siêu phàm mới. Trong bất cứ trường hợp nào, một bước nhảy về tiến hóa mạnh mẽ là viễn cảnh - một sự độc nhất.

Suy nghĩ ngây thơ này đã được nung nấu ở thung lũng Silicon và vẫn có ảnh hưởng đáng kể. Mọi người đã bình luận nó giống như trào lưu - học thuyết Kyto giáo của Rapture, theo đó các tín đồ chân chính sẽ đột nhiên bị bắt vào thiên đàng để chuẩn bị cho lần tái sinh thứ hai của Chúa Kyto. Thật thú vị khi hai hệ thống niềm tin bổ sung cho nhau - giống như những kẻ đập phá kinh thánh tưởng tượng cơ thể của các tín đồ bị cướp khỏi xe của họ khi đang lái, vì vậy trào lưu kỹ thuật mong chờ ngày khi tâm trí của họ sẽ bị thu hút vào thiên đường cơ học như con người theo một cách không thể tưởng tượng được. Giống như các tín đồ bỏ lại phía sau những gì đã từng trong tâm trí của họ, thay vào đó được lấp đầy với tinh thần thiêng liêng, vì vậy những người xuất chúng sẽ không còn vướng vào thân. Rõ ràng, có một điều gì đó cần làm với thân-tâm.

2.3.Những Sự Phát Triển Hiện Tại

Thuật ngữ "nền công nghiệp 4.0" được Klaus Schwab - một nhà kinh tế học người Pháp phổ biến, người có tinh thần hoạt động đằng sau Diễn Đàn Kinh Tế Thế Giới. Mô tả rằng:

"tập hợp của.. trí tuệ nhân tạo (AI), robot, internet vạn vật (IoT), xe tự lái, in 3D, công nghệ nano, công nghệ sinh học, khoa học vật liệu, lưu trữ năng lượng và điện toán lượng tử…"

Chúng ta được biết, cuộc cách mạng này,

"… không đòi hỏi gì hơn là một cuộc biến đổi của loài người."

Giáo sư Schwab nói rằng:

… nền công nghiệp 4.0 một cách cơ bản đang thay đổi cách chúng ta sống, làm việc và liên hệ với nhau."

Công thức cuối cùng thật hấp dẫn. Nó gán một cơ quan vào một thực thể trừu tượng. Chúng ta được biết thực thể này sẽ thay đổi chúng ta một cách cơ bản và được mời để chấp thuận. Nó gần như là một công thức tôn kính.

Schwab không nghi ngờ gì nữa mà tuyên bố rằng đây chỉ là hình thức tu từ, và sự thật rằng ông ấy chỉ đơn giản tuân theo những nguyên tắc thông thường mà chúng ta phải thích nghi với môi trường chúng ta. Tuy nhiên, một số sự cải tiến công khai rõ ràng của nguyên tắc đó là bằng chứng ở đây.

Môi trường được cho rằng thay đổi với khả năng phát triển của

kỹ thuật, vì vậy chúng ta không còn lựa chọn nào khác, ngoại trừ đi theo đến bất cứ nơi nào những cải tiến kỹ thuật mới nhất có thể dẫn đến. Sự phát triển của những kỹ thuật mới được xem như một tiến trình tự diễn ra. Nó không phụ thuộc vào sự lựa chọn của con người - cũng như sự lựa chọn của người phát triển ra nó, hoặc của người đầu tư và chỉ đạo nó. Đây là cách chúng ta hiểu chính mình khi đầu hàng cơ chế con người trước một sự trừu tượng như nền công nghiệp 4.0 - đối với những nhà tư tưởng như Schwab, sự hiểu biết khoa học vượt qua ngoài ý muốn của chúng ta. Nó mở ta theo động lực của chính nó, và công nghệ tự động theo sau.

Dĩ nhiên, có một vài sự thật trong này. Cũng có một sự cường điệu.

Các nhà nghiên cứu hàng đầu, làm công việc như ban đầu, thường bất ngờ về kết quả các câu hỏi khoa học của họ - và nếu như vậy, họ đi theo đến nới mà các sự kiện mới được tiết lộ dẫn đến. Và, đúng như vậy, trong cùng thời gian, hầu hết các nhà khoa học làm việc theo đơn đặt hàng từ các nhà tài trợ.

Những nhà tài trợ có thể yêu cầu phân bổ ngân sách một khách quan, tức là phù hợp với sự đồng thuận phát triển khoa học (điều mà một lần nữa được nói theo sau nơi những phát hiện dẫn đến) - và điều này có thể đúng trong một vài trường hợp. Tuy nhiên, thông thường sự đồng thuận phản ánh quá trình chính trị trong các tổ chức chuyên nghiệp, mà ngược lại phản ứng lại những áp lực bên ngoài từ vũ đài chính trị lớn hơn, hơn tất cả từ lợi ích doanh nghiệp. Thậm chí, những nhà nghiên cứu giỏi nhất, nguyên bản nhất cũng có thể bị hạn chế - như khi Barbara McClintock bị cấm tiếp tục công trình về "các yếu tố di truyền vận động", công trình đã nhận được giải Nobel 30 năm sau đó.

Nếu ngay cả công việc chúng ta phân loại như là khoa học thuần túy không chỉ theo sự thật, thì chúng ta có thể tưởng tượng có khá ít trường hợp khi những phát hiện khoa học được áp dụng để phát triển những hệ thống và thiết bị kỹ thuật mới - những sản phẩm thương mai. Trong cuộc bàn luận về nền công nghiệp 4.0, quá trình này cũng được cho là tự động, chỉ tuân theo những lựa chọn của con người - chúng ta có một số phạm vi điều khiển những nguồn lực một cách tự động thúc đẩy cuộc cách mạng, và để bù đắp cho một số hậu quả không mong muốn, nhưng trong chính, chúng ta đơn giản phải tuân theo logic của thị trường.

Giống như khoa học, nền kinh tế được khái niệm hóa như một động lực tuân theo những luật lệ vốn có, không thay đổi được và hướng chúng ta theo một cách hiệu quả dù muốn dù không - một sự tuân thủ quái dị, mà giữ nhân loại trong thế giới của nó. Tương tự như vậy, nền công nghiệp 4.0 bắt đầu trông giống một một vị thần bóng tối, tiềm năng có ích nhưng lại đáng sợ.

Chúng ta đã có một sự báo trước về những gì chúng ta trông đợi. Như chúng ta được biết, hồi cuối của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3 là sự ra đời đồng thời của điện thoại thông minh và truyền thông xã hội. Có bằng chứng rằng sự phát triển đã ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tinh thần của thế hệ phát triển sau đó.

Chúng thiếu cảm giác của sự tự chủ - hay ho mà. Tiếp tục từ đó, dường như chúng ta nuôi dưỡng con người ngày càng có ít khả năng thân mật, và vì vậy tạo ra những thế hệ sau, (một bình luận đáng chú ý trên cơ sở rằng truyền thông xã hội sẽ làm cho những người có cùng chí hướng dễ dàng kết nối với nhau hơn). Sự phát triển của từ sơ sinh dường như là trật tự của mỗi ngày.

Do đó, vấn đề được tiết lộ dường như vẫn còn chính xác hơn khi chúng ta đọc rằng nền công nghiệp 4.0 không chỉ được nhìn nhận như một động lực độc lập, bên ngoài thực thể con người, mà thật sự theo quan điểm phổ biến,

"những cách mới sử dụng công nghệ để thay đổi hành vi, đưa ra khả năng trợ giúp… những môi trường tự nhiên"

Những người điều khiển tiến trình này rõ ràng muốn tất cả chúng ta nắm bắt sự thay đổi được áp đặt bởi các máy móc bán tự động, máy móc một phần như con người - bằng cách này, họ hy vọng khiến cho mọi người chấp nhận những cải cách được bắt buộc tạo ra từ hệ sinh thái. (Điều này có một số điểm chung với câu chuyện máy bay không người lái).

Sự thay đổi trong triển vọng được trình bày như là không theo ý muốn, được đưa ra theo lịch sử. Tất cả đều được khuyến khích tham gia những bộ óc tốt nhất để làm cho nó hoạt động. Để làm cho nó hoạt động, đầu tiên chúng ta phải vượt qua những khó khăn trong việc chấp nhận tiến trình được xác định trước những sự kiện, sau đó chúng ta hướng khả năng của nền công nghiệp 4.0 vào việc tái thiết nhân loại theo những cách đúng đắn, theo những cách quản lý phù

hợp. Chương trình này tạo ra vô khối đầu ra cho phương tiện truyền thông, như những gì xoay quanh việc ra mắt một thiết bị điện tử mới chỉ lớn hơn.

Điều gì thực sự có vấn đề, đằng sau sự hỗn độn? Sự kết hợp hiện tại của sản phẩm cao cấp AI và quản lý được tập trung nói đến, (có thể nói, nền công nghiệp 4.0 ở dạng phôi thai) phục vụ để ngăn chúng ta với một số giả định không có căn cứ.

i. đời sống con người là

ii. một sản phẩm của các yếu tố vật chất, và vì vậy

iii. được xác định bởi những động lực từ kinh nghiệm của chúng ta; và

iv. những động lực đó thúc đẩy một quá trình tiến hóa

v. vì vậy, những sự sắp xếp về xã hội và kinh tế hiện tại gần chúng với mức cao nhất - hiện trạng là đỉnh cao của:

vi. quá trình của nhân loại thông qua nền văn minh

vii. quá trình tiến bộ của trí tuệ thông qua khoa học

viii. quá trình phát triển của vật chất thông qua kỹ thuật/công nghiệp.

Rõ ràng rằng mọi thứ như chúng đang là bởi vì chúng phải như vậy, cũng giống như chúng ta. Theo đó, chúng ta được định sẵn để trải qua những gì mà nền công nghiệp 4.0 đang lưu trữ cho chúng ta.

Đó là câu chuyện. Chúng ta hãy xem xét trong ánh sáng của truyền thống Đạo Phật - và xem xét cách nhân loại có thể học hỏi từ khía cạnh này.

Sau đó, chúng ta có thể xác định hệ tư tưởng đã được xác định đang giữ tất cả chúng ta trong tình trạng khó khăn không? Nếu chúng ta cố gắng làm theo và mô phỏng suy nghĩ của đức Phật, chúng ta thậm chí có thể cắt xén nó hoàn toàn không?

3. CHÚNG TA CÓ THỂ HỌC ĐƯỢC GÌ TỪ TAM TẠNG KINH ĐIỂN?

3.1. Nhận xét chung

3.1.1. Những nguồn kinh điển truyền thống

Hệ tư tưởng về thuyết quyết định luận về kỹ thuật đã ẩn đi quyền lực của các mô hình kinh kế và chính trị. Điều này giúp giải thích tại sao nền công nghiệp 4.0 được mô tả như sự thật, một điều gì đó

bên ngoài chúng ta mà chúng ta phải phản ứng lại. Tuy nhiên, vấn đề đó là ý nghĩa thứ cấp.

Đúng là mọi người thao túng và khai thác lẫn nhau và nền văn minh khuyến khích điều này. Tương tự, sự sống còn là một sự bắt buộc mạnh mẽ hơn bất kì điều gì - và, khi nền văn minh con người đạt đến điểm đỉnh điểm này, tất cả chúng ta theo nhiều cách đều nhầm lẫn tương tự về cách mà chúng ta muốn tồn tại. Điều này áp dụng với cả người bị khai thác và người khai thác.

Nền công nghiệp 4.0 là một dự án xã hội/chính trị/kinh tế, tùy thuộc vào con người, phục vụ cho những lợi ích riêng biệt và phản ánh những thái độ và giả định cụ thể. Cùng lúc đó, nhiều giả thuyết liên quan cũng ăn sâu vào suy nghĩ của mọi người - chúng đều phổ biến cho tất cả mọi người.

Sẽ thật hữu ích khi nhận thấy những giả định đó, và khi cần thiết để tách chúng riêng ra. Truyền thống của đức Phật mang đến những nguồn tài nguyên mà chúng ta có thể sử dụng để làm như vậy

3.1.2. Ngôn ngữ học

Để đối phó với những thách thức của nền văn minh, đức Phật tập trung vào các trạng thái của tâm. Điều này đã dẫn đến sự quan tâm về ngôn ngữ và cách nó có thể làm chúng ta nhầm lẫn.

Việc sử dụng ngôn ngữ định hình cách chúng ta suy nghĩ, và cách chúng ta trải nghiệm cuộc sống của mình. Nó thường khuyến khích chúng ta chia tách thực tế thành những thực thể riêng rẽ, vật và người với những phẩm chất cần thiết (chúng ta giả định) đồng nhất và tồn tại và có thể dựa vào. Thực thể nguyên mẫu là "tôi" - tôi nghĩ bản thân mình là trường tồn, cố định, không thể suy giảm, một điểm độc nhất của thế giới, một bước ngoặt để điều khiển. Những thực thể khác sau đó dường như theo cùng khuôn mẫu.

Nếu chúng ta đặt tên cho một thứ, chúng ta cho rằng chúng phải tồn tại theo cách vật chất này. Đức Phật là một những người đầu tiên trong lịch sử đưa ra rằng đây có thể một vấn đề (Lão Tử và đồ đệ của ngài có thể được so sánh)

Có phải tất cả mọi người trong mọi thời điểm đều phải chịu cùng những ràng buộc này? Có lẽ, không chính xác. Xem xét những người sống cách đây hơn hai ngàn năm, vào thời kỳ đức Phật - họ có thể không quá tập trung vào các thực thể quá cố định.

Ít nhất điều này có vẻ hợp lý trong quan điểm về những gì chúng ta biết về cách sử dụng ngôn ngữ của họ. Chúng ta có những bản lưu trữ tiếng nói từ cộng đồng ngôn luận Ấn - Aryan thời đó. Nó đến với chúng ta trong những bài kệ Vệ Đà.

Ngôn ngữ Vệ Đà so sánh một cách nổi bật với ngôn ngữ Pali. Nó mạnh về hình thức lời nói, và nó quá đa nghĩa, tượng trưng và liên tưởng, thơ ca và hình tượng. Vào thời của Pali, những quy ước về việc sử dụng ngôn ngữ đã thay đổi đáng kể, và trở nên ít huyền ảo hơn, nhiều cấu trúc, không quen thuộc từ thời kì trước, là phổ biến và ngôn ngữ nhìn chúng rõ ràng và dễ hiểu hơn. Phân loại nhị phân có cũng nhiều bằng chứng hơn.

Điều này có ý nghĩa: Các dân tộc Vệ Đà đã có một cuộc sống du mục, ứng biến, chăn nuôi gia súc và tìm kiếm thức ăn, nhưng Magadha/Kosala trong thời kì đức Phật đã trở nên định cư và có tổ chức hơn. Họ sử dụng kim loại để khai hoang rừng, làm thủy lợi, vì vậy sản lượng tăng nhanh chóng, với dân số thì cũng xấp xỉ - cơ sở nhà nước và hệ thống quản lý dĩ nhiên cũng phát triển. Mọi người tập trung vào khai thác môi trường vật chất và xã hội để làm giàu. Những tiến bộ kinh tế đáng kể đi kèm với siêu hình học thực thể, được phản ảnh trong ngôn ngữ và quá trình suy nghĩ. Đây là tình huống mà đức Phật đã chỉ ra. Ngôn ngữ trở nên kém thích nghi với nhu cầu phi vật chất của con người.

Trong bối cảnh đó, một số người muốn từ bỏ những thành ngữ thực tế trong cuộc sống đương đại hàng ngày và thay vào đó để phân tích những bài kinh Vệ Đà huyền diệu. Đức Phật hiểu rằng những người đó đang đánh lừa chính mình, vì rằng sự huyền diệu đó đã không còn nữa - bất cứ điều gì đã từng xảy ra một lần, bây giờ nó chỉ còn là một ý tưởng.

Dường như đối với họ, chỉ còn lại một điều để nói những gì bạn có, nói những gì bạn có thể - và không gì hơn nữa. Sự im lặng truyền tải nhiều ý nghĩa mới là điều quan trọng.

3.1.3. Nền văn minh, duy vật và những bài kinh thực tế

Ở một khía cạnh nào đó, người dân trong thời đại đức Phật dễ dàng so sánh với người Vệ Đà tiền nhiệm của họ. Nền văn minh đang phát triển mạnh ở thung lũng sông Hằng lịch sử.

Mặc dù, có một sự đánh đổi. Ngôn ngữ của họ tiết lộ một thế giới

vật chất hơn là quyền lực, thực thể thay vì quá trình, cố định thay vì quan hệ dễ thay đổi - một thế giới của những mối quan hệ xác định, hầu như là máy móc thay vì tương tác, thương lượng và cá nhân.

Sau đó như bây giờ rõ ràng rằng, nhiều người cảm thấy thực tế thuộc về bên noài. Nó tuân theo quy luật của riêng nó, độc lập, và nó chi phối cuộc sống của chúng ta, vì vậy vai trò của chúng ta là phù hợp với nó, để theo đuổi lợi ích cá nhân ở mức độ vừa phải nhất có thể.

Sau đó như bây giờ, suy nghĩ này gợi lên nhiều phản ứng lẫn lộn. Mọi người sẽ tuân thủ theo một mức độ thực tế, hầu như không cần thiết phải nghi ngờ gì - dân số với mật độ như thế này có thể tự duy trì chỉ nếu như mọi người tuân thủ theo các chương trình, vì vậy sự phát triển xã hội - kỹ thuật hầu như là ưu tiên hàng đầu. Cùng lúc đó, thị trường cho tâm lý trị liệu, duy trì tinh thần hay những gì có mà bạn bùng nổ - vì vậy chúng ta có thể suy luận rằng, mọi người đang cảm thấy căng thẳng như ngày nay.

Tất cả có vẻ hiện đại một cách kì lạ. Trường phái nguyên tử (Ājīvikas) và những người khác phản ánh một bầu không khí mạnh mẽ của tư duy về thuyết tiền định. Nhân vật chính của kinh Tệ Túc (Pāyāsi Suttanta) là một nhà duy vật tự nhiên, cứng rắn - nếu được tái sinh trong thời đương đại California, người ta có thể hình tượng vị ấy như là người quảng bá mạnh mẽ cho nền công nghiệp 4.0.

Để duy trì năng suất và lợi ích của người tiêu dùng, ý tưởng chung là giữ sự tiến bộ của nền văn minh - và điều này có nghĩa giảm thiểu rối loạn tâm thần cá nhân và tập thể, và giải quyết những gì có thể giảm thiểu được. Ngược lại, điều đó có nghĩa là phát triển những kiểu suy nghĩ và hành vi mới, và những câu chuyện theo khuôn khổ mới, những cách mới để nói và suy nghĩ về bối cảnh của cuộc sống con người.

Trong những diễn văn công khai, hai thái cực hòa trộn vào nhau. Chúng ta thấy chúng ở Ấn Độ.

Có những nhà lý luận và người thực thi quyền lực - là những nhà duy vật rõ rệt. Sau đó, chúng ra cũng thấy những nhà duy tâm, nhà tư tưởng trừu tượng, suy đoán theo phong cách Vệ Đà.

Đức Phật tuyên bố nền tảng trung đạo. Xem xét một cách cẩn thận, mục đích thật sự của họ là làm suy yếu tất cả các bài kinh.

3.1.4. Chống chủ nghĩa nhị nguyên thực tế.

Con đường trung đạo (majjhima-patipadā) xuất hiện trong bài kinh Chuyển pháp luân (Dhammacakkappavattana), bài giảng đầu tiên của đức Phật. Đức Phật khuyên nên tránh thái cực của việc hưởng lạc và hành xác.

Đó là bối cảnh cho những cách sử dụng khác, chẳng hạn như trong mối liên hệ với đoạn kiến và thường kiến. Nó không chỉ là về cách bạn hiểu về thế giới, mà nó là về cách chúng ta tự xử lý.

Đúng là có những khía cạnh lý thuyết cho những giáo lý này, đức Phật muốn nói rằng chẳng hạn như luân hồi giữa một kiếp sống này và một kiếp sống khác, không ngụ ý cho một cá thể tiếp tục, và điều đó là một điểm khá lý thuyết, và trong cùng một thời điểm, trong thực tế điểm mấu chốt không phải là để quá tự đắc hay hạ bệ. Thỉnh thoảng, cuộc sống của bạn sẽ kiến nghị rằng thế giới là để cho lợi ích vĩnh cửu của bạn, thỉnh thoảng không gì đáng để dựa vào - và cũng không sự thúc đẩy nào giúp ích. Nếu bị kéo quá vào một luồng suy nghĩ, bạn có lẽ xem xét cái khác để mà hướng về con đường trung đạo.

Thực tế, trong mọi sự tương phản như thế giữa duy vật và duy tâm, cả hai đều bị từ bỏ. Vì vậy sự lựa chọn là giữa chúng - không sự lựa chọn nào có thể áp dụng và sự chọn lựa là vô nghĩa. Nhưng dù sao, nó là một câu hỏi thực tế, không phải về triết học. Nó không phải thiên về một vài cuộc tranh luận là đúng hay những các khác là sai - mà nó thiên nhiều về cách suy nghĩ giúp chúng ta ở trong một tình trạng tốt trong tâm trí của chúng ta. Đáng để tránh các thói quen có tính khái niệm mà kéo chúng ta về hướng mà chúng ta không muốn đi đúng cách - thay vào đó, phát triển nhiều thói quen có ích.

Cách tiếp cận cơ bản của đức Phật có thể được áp dụng một cách rộng rãi. Nó mở rộng cho tất cả các tương phản nhị nguyên.

Thông thường, ngôn ngữ của chúng ta hầu hết khiến chúng ta suy nghĩ theo hai trạng thái logic, và điều này tạo ra căng thẳng (mà có thể được giải quyết phần nào bằng các chọn một bên, nhưng phải đánh đổi bằng cách mắc vào cái bẫy nhị nguyên). Không có ích để giả định như thế này, trong một cuộc tranh luận, một bên phải đúng và còn lại phải sai. Khi nói đến vấn đề quan trọng, không phải cả người theo chủ nghĩa thường kiến hay đoạn kiến là đúng, đó là

cách sống chúng ta có thể học hỏi từ đó.

Đó không phải là điều mà chúng ta có thể dễ dàng xác định bằng ngôn ngữ tham chiếu và hiển thị. Nếu bạn thích, nó là một tiêu chuẩn định lượng mà mọi người đều ngầm ý thức và cố gắng áp dụng. Chúng ta gọi nó là pháp.

3.1.5 Chống thuyết tiền định

Vấn đề của suy nghĩ về thuyết tiền định được kết nối. Nếu mọi thứ được quy định bởi quyền lực bên ngoài và vật chất, thì ở một điểm nào đó những quyền lực này có thể ngừng áp dụng, vì vậy chúng ta nghĩ đến đoạn kiến.

Một người hành động, một người khác trải nghiệm (hậu quả)

Đau khổ được tạo ra bởi một người nào khác (hơn là người chịu đau khổ)

Nếu chúng ta cân nhắc như vậy, nó giống như tin vào đoạn kiến.

Điều này cho thấy tại sao suy nghĩ về thuyết tiền định thu hút chúng ta. Nó đưa ra cái cớ cho việc thiếu tự tin làm cho chúng ta xa lánh cuộc sống của chính mình, không thể chủ quan sống theo những kinh nghiệm nhất thời của mình. Không quan trọng chúng ta làm gì, chúng ta bảo chính mình - không gì có thể thay đổi (sự đau khổ của tôi). Điều này dường như phản ảnh một xã hội mà trong đó mọi người cảm thấy thiếu kiểm soát cuộc sống của họ.

3.2. Thuyết nhân quả trong đạo phật

3.2.1 Tính kết nối

Trong kinh Tương Ưng, phẩm 2 bài 25, chúng ta đọc rằng:

Các Như lai xuất hiện hay không xuất hiện, giới này (đạo lý này) vốn thường trú, đó là tính an trụ của pháp (pháp trụ tánh), tính quyết định của pháp (pháp vị tánh), và tính y duyên (tương y tương duyên).

Những bình luận của Kalupahana

Không có sự trùng hợp ngẫu nhiên, mọi việc trên thế giới đều do duyên khởi và duyên sinh.

Chắc chắn, đoạn kinh này cho thấy những kinh nghiệm của mình không bị cô lập, mà thay vào đó tất cả đều liên kết với nhau theo những cách phức tạp. Đó không phải chính xác là những gì chúng ta đang bàn đến. Thay vào đó, nó tập trung nhiều các pháp.

Pháp là một thuật ngữ phức tạp. Một cách sử dụng quan trọng là trong kinh Kinh Niệm Xứ, đặt ra bốn giai đoạn trong thực tập thiền được gọi Sati. Pháp là những gì hành giả tập trung trong giai đoạn thứ 4.

Vì vậy, nó dường như khó có lẽ rằng chúng ta không giải quyết nhân quả ở đây theo bất kì nghĩa nhân quả nào. Trong tài liệu Pali, chẳng hạn như phép ẩn dụ cơ bản cho các mối liên kết là tự nhiên.

Chỉ giống như một hạt giống, khi được gieo trên cánh đồng sẽ phát triển nếu nó được cung cấp đủ đất và độ ẩm, vì vậy 5 uẩn tổng hợp, 8 xứ và 6 giác quan xuất hiện như một nguyên nhân và biến mất khi nguyên nhân bị hủy diệt.

"Nguyên nhân" là một bản dịch được chấp nhận của Pali ở đây - và tuy nhiên đất và độ ẩm không cần thiết những gì chúng ra có thể suy nghĩ một các truyền thống như những nguyên nhân cho sự phát triển của một hạt giống. Chúng là điều kiện, mà dựa vào đó những nguyên nhân khác vận hành, cái mà có thể xuất phát từ phân tử và chức năng của tế bào.

Một điểm mà chúng ta có thể học được từ điều này là quan hệ nhân quả một cách cơ học như quả bi-a là một trường hợp đặc biệt. Sau đó, có một phạm trù rộng hơn về tính liên trên nhân quả mà trường hợp đặc biệt này có thể nằm trong đó.

3.2.2. Chuỗi duyên khởi:

Xem xét những dạng thức truyền thống,

Nếu cái này tồn tại

Thì cái kia tồn tại

Cái này phát sinh

Thì cái kia phát sinh

Cái này không tồn tại

Thì cái kia không tồn tại

Cái này diệt

Thì cái kia diệt.

"Cái này như thế, thì cái khác diễn ra. Nó cho rằng những sự kiện liên kết thành chuỗi. Điều này ngụ ý gì?

Có phải nó mang hàm ý cho một tư duy "khép kín"? Có phải

đức Phật quan tâm đến tình huống mà "tất cả chúng sanh đều bình đẳng", một nhân tố được thêm vô có thể chịu trách nhiệm cho sự thay đổi cho một nhân tố mục tiêu. Không, đó rõ ràng không phải là sự giải thích nhân quả mà đức Phật đưa ra.

Trường hợp động lực khoa học là để tách biệt những nguyên nhân cụ thể, đức Phật xem xét ảnh hưởng chồng chất như thế nào, vì khi ni sư Sela nói rằng cơ thể phát triển chỉ khi một chuỗi nhân quả diễn ra cùng lúc, vì vậy bạn không thể tách bạch một cách rõ ràng cũng như xem xét các yếu tố và động lực.

Công trình của đức Phật quan trọng hơn là mọi người nên quan sát theo những chuyển động tinh vi của tâm mình (để nó không bị xao nhãng). Mối liên hệ nhân quả trong tình huống này sẽ là nếu một hành vi nhận thức bình thường có khuynh hướng tạo ra những trải nghiệm không có ích. Hiểu nó có thể giúp chúng ta tránh rơi vào hành vi đó - nếu bạn chú ý khi hành bi đó bắt đầu, sau đó bạn sẽ không bị rơi vào bẫy của nó. Vì vậy, vấn đề ở đây là không phân tích làm thế nào những hành vi thế này thế kia có thể tạo ra hậu quả như thế, chỉ để tránh những hành vi có lẽ không có ích.

Công thức kinh điển cái này có có thể được hiểu mà không có mối liên hệ nhân quả.

Trong khi cái này tồn tại

Thì cái kia ra đời

Sau khi điều này xuất hiện

Thì cái kia xuất hiện

Chừng nào điều này không còn tồn tại

Thì cái kia không còn

Sau khi cái này tan rã

Thì cái kia cũng tan rã

Tuy nhiên, nó thường được nhìn nhận như một ví dụ của tư duy nhân quả nâng cao. Kalupahana là tiêu biểu ở đây.

Xem xét bình luận của Ngài trong kinh Tương ưng nói rằng:

Do vô minh duyên hành

Vị ấy nói rằng

Nhân quả hay nhân (paticcasamuppada), như được mô tả trong kinh Tương Ưng, là đồng nghĩa với mối liên hệ nhân quả, chẳng hạn, giữa vô minh ((avijjā) và hành (sankhāra). Mối liên hệ nhân quả được cho là có bốn đặc tính.

(1) Tính khách quan (tathatā),

(2) Tính cần thiết (avitathatā),

(3) Tính bất biến (anaññathatā,),

(4) Tính điều kiện (idappaccayatā).

Có phải ở đây đức Phật đang nói nhân quả trong nghĩa hiện đại? Thậm chí ngài đang trình bày việc phân tích thế giới? Hay ngài đang đưa ra những lời chỉ dẫn làm thế nào để giải quyết thái độ và kỳ vọng của con người? Một cách khác để hiểu đoạn kinh này là: tất cả hành của chúng ta quay trở lại cách mình không còn hiểu biết (về những gì đang xảy ra với chúng ta). Đó là những gì chúng ra gọi là duyên khởi - nó xảy ra theo cách đó, nó không xảy ra khác, và không có gì khác xảy ra.

Điều này dường như khó có thể là về mối quan hệ nhân quả trừu tượng. Tuy nhiên, phương pháp khoa học vẫn còn tồn tại và tốt đẹp ở Magadha/Kosala trong những ngày này. Kinh Pāyāsi mô tả một bài kiểm tra Popperian về việc liệu rằng linh hồn có tồn tại trong con người hay không. Đây là một xã hội ngày càng được quản lý và tiến bộ khoa học kỹ thuật, vì vậy những mô hình nhân quả cơ học thịnh hành - chúng thậm chí đã xâm chiếm lãnh vực triết học/tâm lý/tôn giáo, khi chúng ta thấy trong kinh Sa môn quả (Sāmaññaphala), nơi những giáo lý của nhiều vị thầy trích dẫn tập trung vào ý tưởng quan hệ nhân quả trải dài. Một số chấp nhận điều này, những người khác phản đối. Một vài người nói luật nhân quả nghiêm ngặt quyết định những gì xảy ra với họ, và cách họ phản ứng - đối với những người khác, tuy nhiên cách mọi người hành xử tốt hay xấu không có ảnh hưởng đến việc họ làm tốt như thế nào.

Theo Trung đạo, Đức Phật phản đối việc chia tách sai lầm. Đối với chúng, quan hệ nhân quả vật chất/cơ học đều rất tốt nhưng không quá quan trọng. Điều quan trọng theo họ đề nghị là hiểu nhân quả có thể giúp một người sống cuộc sống hoàn toàn tỉnh thức trong mỗi khoảnh khắc.

Đó là một điều có thể đạt được sự kiểm soát mang tính công cụ

đối với những hoàn cảnh bên ngoài. Đó là một cách khác để phát triển khả năng phục hồi tâm lý bằng cách cân nhắc trạng thái tâm lý trong sự tỉnh thức hoàn toàn về cách mà chúng phát triển.

Bạn nhìn vào những gì đang có. Nó diễn ra theo cách đó (tathatā), vậy tại sao lại chống lại nó, phàn nàn nó là ngẫu nhiên hay gian lận. Thay vào đó, chúng ta có thể nhìn vào cách nó xảy ra (avitathatā anaññathatā), và đặc biệt nhìn vào chúng ta có thể học hỏi được gì từ đó.

4. KẾT LUẬN

Theo quan điểm của Đạo Phật, điểm mấu chốt trong chuỗi nhân quả là phá vỡ chúng. Nguyên nhân không phải là một đầu vào riêng biệt, có thể đo đếm được cho một hệ thống, chẳng hạn như có thể được áp dụng để tạo ra một kết quả riêng biệt. Thay vào đó, nó là một sự kết hợp của nhiều nhân tố, không đo đếm nhưng có sẵn để trải nghiệm, điều mà một người có thể đề phòng và tác động lại.

Giáo pháp liên tục hướng về cùng một điểm - con người có lực tác dụng, nếu họ chỉ có thể nghĩ một hướng. Không e ngại bị buộc tội vì những tranh luận xoay vòng, Đức Phật cũng biện minh rõ ràng cách tiếp cận của mình một cách chính xác trên cơ sở đó - chúng ta có thể biết điều này phải đúng vì nó để lại phạm vi cho tác lực của con người.

Bây giờ, chúng ta đối mặt với sự chuyển động mạnh mẽ, toàn cầu để lấp đầy cuộc sống của chúng ta với robot và suy nghĩ mang tính robot (nền công nghiệp 4.0). Làm thế nào chúng ta hiểu điều này?

Đầu tiên, chúng ta hãy nghĩ về những người đang thực hiện chiến dịch này. Họ đã có ước mơ, nhưng nó chưa hiệu quả, vì vậy bây giờ họ đang thúc đẩy mạnh mẽ.

Chế độ kỹ thuật thân thiện với doanh nghiệp được cho là công thức kì diệu. Đột ngột, công thức không hoạt động nữa. Họ làm gì, các nhà kỹ thuật và bạn bè kinh doanh của họ. Họ sợ hãi và cố gắng hơn nữa - có một khía cạnh tuyệt vọng trong câu chuyện về nền công nghiệp 4.0.

Số tiền lớn đã lên tiếng, vì vậy một điều gì đó sẽ xảy ra, nhưng không ai biết câu chuyện sẽ diễn ra như thế nào. Mọi người có thể nói về nền công nghiệp 4.0 một lúc nào đó, nhưng mang câu chuyện này với nhiều ý nghĩa.

Chúng ta đang giải quyết vấn đề gì ở đây? Mọi người đang trở nên quá tập trung vào việc hiểu biết ám ảnh, phi văn hóa về các quá trình văn hóa, xã hội và kinh tế.

Nếu bạn thích, bối cảnh họ thiếu là thực hành. Hoặc nếu bạn thích, nó là cách mà chúng ta vượt qua trở ngại để giải quyết với sự buồn chán, kiệt sức, ác quỷ và thậm chí không may mắn. Hoặc, đó là sự hiểu biết rằng một kế hoạch hoàn hảo không còn tốt, trừ khi mọi người sẽ đi cùng với nó.

Những nguyên nhân và kết nối quan trọng là những gì mô tả và ảnh hưởng cách mọi người thực sự hành xử, bất kể lý do hợp lý đã đưa ra của họ. Sống thực tế quan trọng hơn những phân tích trừu tượng.

Những nguyên nhân và kết nối quan trọng nhất là những cái khiến bạn vấp ngã, những cái bạn có thể phá vỡ. Mặc dù, có thể việc phải làm là để phá vỡ chúng.

***

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arnason, Eisenstadt & Wittrock (2005) Axial civilization and world history Brill Leiden

2. Crick, F.H.C. (1994). The astonishing hypothesis: the scientific search for the soul.

3. Dawkins, R. (1976) The selfish gene. Oxford University Press

4. Duhem P.M.M (1906). La Théorie Physique. Son Objet, sa Structure. Chevalier & Rivière Paris

5. Eisenstadt et al (1986) The Origins & Diversity of Axial Age Civilisations - SUNY Press New York

6. Jaspers K. (1953) The Origin & Goal of History Yale University Press

7. Kalupahana DJ (1975) Causality: The Central Philosophy of Buddhism University Press of Hawai

8. Lanier, J. (2010)You are not a gadget Alfred Knopf New Your

9. Noble, D. (2006) The Music of Life Oxford University Press

10. Schwab K (2016) The Fourth Industrial Revolution WEF Geneva

11. Spangenburg, R and Moser. D.K. (2008) Barbara McClintock Chelsea House, New York

12. Wilson, E.O. (1975) Sociobiology Harvard University Press

PHẬT GIÁO VÀ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

Rev. William Beaumont Edwards*

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là gì? Ai nói rằng đã có cuộc cách mạng công nghiệp thứ tư đó? Và nếu thực sự có xảy ra, nó bao gồm những yếu tố nào? Nếu phải, chúng ta cũng đã thuộc trong đó. Vậy, trước khi đưa ra thảo luận về hệ quả của trí tuệ nhân tạo trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này, tôi sẽ cung cấp một số nền tảng liên quan đến việc làm thế nào mỗi cuộc cách mạng công nghiệp đã gây ra những thay đổi lớn trong động lực của nền văn minh nhân loại.

Tôi nghĩ rằng tất cả chúng ta đều không thể phủ nhận sức bật của Phật giáo. Không giống như nhiều truyền thống tôn giáo thế giới, Phật giáo có khả năng thích nghi tùy thời và dễ dàng tồn tại dưới bất kỳ thay đổi nào trong những chức năng mà nó biểu thị. Một ví dụ để làm rõ những gì tôi muốn nói đó là nhận xét của Ngài Đạt Lai Lạt Ma, khi một người phỏng vấn hỏi Ngài ấy rằng: "Các Phật tử sẽ làm gì nếu khoa học chứng minh điều gì đó trong các văn bản Phật giáo là không chính xác? Ngài Đạt Lai Lạt Ma trả lời đơn giản rằng: "Chúng tôi sẽ đi cùng với khoa học".

Chúng ta sẽ đi cùng với khoa học: Đức Phật từng dạy rằng dấu hiệu đầu tiên trong năm dấu hiệu của một người ngu là người tin vào tính không thể sai lầm của một văn bản tôn giáo (Panca Ligani Jayde: Vedapramanayam Kasyacit, kartivadah, snana dharmeccha jativadavalahahah nam panca ligani jadye. Vedas là thuật ngữ mà Ngài đã sử dụng, nó áp dụng cho bất kỳ văn bản tôn giáo nào, bao gồm các văn bản tôn giáo của chúng ta. Hẳn chúng ta vẫn còn nhớ?

* Người dịch: Thích Tịnh Nguyên

Đức Phật từng dạy đừng nên tin bất cứ điều gì chỉ vì điều ấy được chính đức Phật nói ra, chỉ khi nào tự mình chứng nghiệm và biết rõ bằng lý trí.) Tôi nhận ra quan niệm đặc biệt này là khá tranh cãi. Và có vẻ như việc đưa ra điều này nằm ngoài phạm vi của đề mục trong tầm tay. Nhưng tôi vẫn ủng hộ giá trị của câu nói ấy, và kể cả tin tưởng điều đó, bởi vì tôi muốn nhấn mạnh thực tế rằng Phật giáo không dựa trên đức tin, Phật giáo dựa trên lý trí. Niềm tin, hay lòng tin tưởng, (Saddha) trong Phật giáo thường đến sau đó. Niềm tin dựa trên lý trí là bất hoại. Khả năng tiếp cận kỷ nguyên mới của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với logic, lý tính và sự hiểu biết là rất quan trọng. Và, đơn giản vì nó bắt nguồn từ lý tính, truyền thống tôn giáo Phật giáo có thể cung cấp điều đó.

Một ví dụ nữa về nét độc đáo này là Phật giáo còn chỉ ra rằng chúng sanh không chỉ tồn tại trên trái đất, mà còn "lan tỏa vào toàn bộ vũ trụ", tuyên bố này đã bị từ chối bởi nhiều tôn giáo lớn khác trên thế giới một cách thảm thương. Một lần nữa, tính độc đáo này gắn liền với sự chuẩn bị tự nhiên của Phật giáo để chấp nhận động lực thay đổi nền văn minh của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong tương lai rất gần, sẽ cho chúng ta tiếp xúc với các nền văn minh khác trong vũ trụ nhờ những tiến bộ công nghệ của con người như khả năng của máy tính lượng tử để cày qua hàng tỷ bit nhập dữ liệu được cung cấp bởi kính viễn vọng thông minh của những nhà cung cấp điện tử. Vì vậy, nếu quả thật là như thế, thì phản ứng và trách nhiệm của cộng đồng Phật giáo thế giới là gì?

Một khởi đầu quan trọng đáng lưu tâm của cả bốn cuộc cách mạng công nghiệp là ngành thương mại cổ xưa giữa các quốc gia đầu tiên của chúng ta, đặc biệt là buôn bán tơ lụa. Buôn bán tơ lụa là một ngành công nghiệp bắt nguồn từ thời nhà Hán vào năm 207 trước Công nguyên, khoảng 280 năm sau khi đức Phật qua đời. Đến năm 114 trước Công nguyên, các tuyến thương mại của ngành công nghiệp sơ khai này đã mở rộng từ Trung Quốc sang Hàn Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á, Châu Phi và Châu Âu. Các ý tưởng văn hóa và tôn giáo khác nhau đã được trao đổi khi các thương nhân tơ lụa chuyển sản phẩm của họ từ quốc gia này sang quốc gia khác. Trước thời điểm đó, hầu hết các truyền thống tôn giáo là đặc trưng của địa phương. Do đó, Phật giáo, là một tôn giáo có nguồn gốc từ châu Á, đã được lan rộng ra khỏi khu vực đó nhờ vào những thương nhân này thường di chuyển về phía tây, thậm chí đến tận châu Âu.

Trong mọi tình huống, những năm đầu tiên, cuộc cách mạng công nghiệp được cho là đặc trưng bởi việc tạo ra các thiết bị cơ khí phức tạp hơn và năng lượng được tạo ra bởi nước và hơi nước. Và trong thời đại này, việc đốt than, nhiên liệu hóa thạch sắp được sử dụng rộng rãi, đầu tiên là bắt đầu thay thế gỗ, như một nguồn năng lượng hiệu quả hơn.

Ngay trước cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, các động cơ chạy bằng bánh xe quay bởi dòng nước/hơi nước đầu tiên, được gọi là bánh xe nước (tua-bin), được xây dựng gần các dòng chảy hoặc thác nước chảy xiết. Hạn chế của chúng là sự phụ thuộc vào nguồn nước chảy nhanh này. Nhưng, vào thời Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, các cá nhân như John Smeaton và Benoit Fourneyron đã giải quyết vấn đề này bằng các tua-bin nước hiện đại và hiệu quả hơn. Những nhà máy nước này cuối cùng đã rơi vào tình trạng không sử dụng năng lượng đốt than. Tuy nhiên, vào thế kỷ XX, các tua-bin nước lớn như đập Aswan và đập Hoover bắt đầu được sử dụng để tạo ra một lượng năng lượng khổng lồ để cung cấp năng lượng cho không chỉ các thị trấn và thành phố, mà cả các quốc gia. (Nhân tiện, năng lượng nước, dưới dạng lực thủy triều, đang được sử dụng lại như một phương án thay thế cho việc đốt nhiên liệu hóa thạch.)

Tôi không muốn nêu ra ấn tượng rằng: Cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên là lần đầu tiên than được sử dụng làm nguồn năng lượng. Than có một lịch sử đáng thu hút. Đế chế La Mã, mặc dù ở mức độ thấp hơn, đã sử dụng than làm nhiên liệu trong thế kỷ thứ II. Người Anh bắt đầu khai thác than vào thế kỷ XVIII. Thực tiễn này sớm lan sang Châu Á và Châu Mỹ cũng như phần còn lại của Châu Âu. Đến thế kỷ XIX, các hoạt động khai thác than dưới lòng đất ra đời, và nhiều người dân thường đã có được việc làm nhờ ngành công nghiệp mới này; nhưng không phải không có những nguy hiểm nghề nghiệp nghiêm trọng và rủi ro sức khỏe. Các ông trùm than đá đã đàn áp công nhân của họ (một trong số đó là trẻ em) bằng những công việc mạo hiểm trong giờ làm việc không thể chịu nổi với mức lương không thỏa đáng, vì vậy chính những ông trùm đó đã trở nên giàu có một cách đáng kinh ngạc. Những ông trùm than đá này đã tạo ra thẻ tín dụng dựa trên các cửa hàng bán lẻ trực tuyến, nơi cung cấp cho các công nhân than hoặc các công ty khai thác than các loại hàng hóa và dịch vụ, nhưng với chi phí đáng

kể; để thẻ tín dụng không bao giờ có thể được trả hết; do đó buộc những người khai thác mỏ và gia đình của họ trở thành nô lệ kinh tế. Sự gia tăng của các công đoàn lao động bắt đầu đảo ngược làn sóng lao động nô lệ ảo trong các mỏ than này; nhưng không phải là không có thời hạn phục vụ của nhiều nhà lãnh đạo lao động khai thác mỏ, những người trở thành mục tiêu của những ông trùm than đá đã từ chối cung cấp cho công nhân của họ một mức lương dễ sống và điều kiện làm việc an toàn hơn.

Những năm của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai được đặc trưng bởi những đổi mới khoa học, sản xuất hàng loạt thông qua khái niệm dây chuyền lắp ráp của Henry Ford và việc sử dụng điện mở rộng. Ngoài ra, một giai đoạn lớn của cuộc cách mạng công nghiệp thứ hai này là sự ra đời của xăng - một loại nhiên liệu hóa thạch dễ bay hơi, không ổn định - được sử dụng chủ yếu cho nhiên liệu ô tô. Máy điện báo, nguồn truyền thông đại chúng đầu tiên được ra đời. Và đường sắt, nguồn vận chuyển hàng loạt thực sự khả thi đầu tiên, đã được phát triển. Vào tháng 12 năm 1903, Orville và Wilbur Wright đã tạo ra chiếc máy bay chạy bằng xăng đầu tiên, trong tương lai sẽ trở thành một nguồn vận chuyển hàng loạt khổng lồ.

Cũng trong giai đoạn sau của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai này, một nguồn năng lượng mới và đáng sợ đã được phát hiện, năng lượng hạt nhân. Thật không may, công dụng đầu tiên của nó là ở dạng vũ khí tàn phá đã được thả xuống các thành phố Hiroshima và Nagasaki của Nhật Bản. Mặc dù dạng năng lượng này được coi là nhanh và có hiệu quả cao, vì một sai lầm mà tính hiệu quả và độ thuần này đã biến mất, chẳng hạn: Chernobyl, Fukushima và đảo Three Mile.

Do đó, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba (thường được gọi là thời đại hạt nhân) được đặc trưng bởi việc tạo ra các nhà máy điện hạt nhân, với lời hứa tiếp tục các nhà máy điện hạt nhân mới hiệu quả hơn trên đường chân trời. Bất chấp lời hứa đó, những nguy hiểm cố hữu vẫn tồn tại. Hy vọng, chúng ta sẽ sớm thấy sự ra đời của các nhà máy điện nhiệt hạch lạnh để thay thế các nhà máy điện phân hạch, một sự thay thế năng lượng ít nguy hiểm hơn. Ngoài các nhà máy điện nhiệt hạch lạnh và phân hạch, các nguồn năng lượng mặt trời, gió, địa nhiệt và thủy triều cung cấp các nguồn năng lượng dường như vô tận,

an toàn hơn, trái ngược với các rủi ro được công nhận trong các nguồn nhiên liệu hóa thạch và hạt nhân.

Với việc tạo ra máy tính và tự động hóa, các cuộc cách mạng công nghiệp thứ ba và thứ tư dường như trùng lặp. (Thật vậy, cuộc cách mạng công nghiệp 1.0 dường như trùng lặp với cuộc cách mạng công nghiệp 2.0; cuộc cách mạng công nghiệp 2.0 dường như trùng với cuộc cách mạng công nghiệp 3.0.) Vì vậy, tại thời điểm này, tôi sẽ tiên phong và thảo luận về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - hãy nhớ rằng nó trùng lặp với cuộc cách mạng công nghiệp 3.0.

Cố đại lão Hòa thượng Tiến sĩ K. Sri Dhammananda đã viết một chương được gọi là "Ai chịu trách nhiệm cuộc đời bạn?" trong cuốn sách của mình "Vì sao tin Phật". Tổ chức Giáo dục Phật giáo coi thông điệp trong chương đó rất quan trọng đến nỗi họ đã in chương đó thành một quyển sách nhỏ. Vì vậy, bạn có trách nhiệm, tôi chịu trách nhiệm, chúng ta chịu trách nhiệm, nhân loại chịu trách nhiệm; chứ không phải là một thượng đế hay một nữ thần sống trong những đám mây phía trên chúng ta. Nếu chúng ta vô trách nhiệm với giới hạn văn minh mới tuyệt vời nhưng đầy biến động này, chúng ta sẽ tự hủy hoại chính mình. Vì vậy, trách nhiệm này là bắt buộc khi chúng ta dấn thân vào cuộc phiêu lưu mới mang tên Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phần lớn, được đặc trưng bởi trí thông minh nhân tạo.

Trong một cuốn sách được đặt tên một cách thích hợp "Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư", Claus Schwab mô tả cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 này là các hệ thống vật lý không gian mạng và nhà máy thông minh, nhà máy của tương lai. Do đó, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư được minh họa bằng sự trỗi dậy của trí tuệ nhân tạo. Cuộc cách mạng này, mặc dù hấp dẫn, biểu thị một tình huống tiến thoái lưỡng nan về đạo đức cho cộng đồng Phật giáo thế giới do sự phát triển của trí tuệ nhân tạo này.

Sự kỳ diệu ở khả năng của máy in 3D có thể sao chép hầu như mọi thứ người ta có thể đặt vào nó, có khả năng thay đổi căn bản nền tảng của nền văn minh nhân loại. Thật vậy, khả năng tái tạo thực phẩm của máy in 3D từ các sản phẩm thải đã làm cho nạn chết đói, tai họa của nhiều thế kỷ, hầu như không còn tồn tại. Theo một bài viết từ số báo USA Today vào ngày 21 tháng 2 năm 2018, nếu trong tương lai gần, ai đó đang cần ghép

tim, một quy trình gọi là in ấn sinh học có thể được sử dụng để in 3D cho bệnh nhân một trái tim mới. Các tế bào máu của bệnh nhân được đưa vào máy in và sau đó, bằng cách sử dụng các phép đo từ MRI của tim bệnh nhân, trái tim mới được sao chép bằng máy in 3D.

Tuy nhiên, như với tất cả những tiến bộ khoa học công nghiệp vĩ đại, mối nguy hiểm bao giờ cũng đi đôi với phép màu của nó. Vì vậy, tôi sẽ đặt ra một thuật ngữ: "ASB", viết tắt của cụm từ "chúng sinh nhân tạo". Các nhà khoa học thậm chí còn có thể tạo ra các mô hình in 3D bộ não của con người. Trên thực tế, các hướng dẫn có thể được tìm thấy trên internet về cách in 3D mô hình bộ não của chính bạn. Điều này đặt ra câu hỏi: Nếu một máy in 3D có thể tạo ra thực phẩm ăn được và một trái tim mới có thể sử dụng được thì sẽ mất bao lâu trước khi bộ não con người được in ra có thể sử dụng được; giả sử rằng điều đó vẫn chưa được thực hiện? Một nhóm các nhà thần kinh học tại đại học Wollongong ở Úc đang phát triển mô tế bào não để chống lại tình trạng thoái hóa não.

Rõ ràng, một trong những thách thức của việc phát triển não người nhân tạo là có thể bắt chước các phương pháp điện hóa của não hữu cơ. Nhưng trong một bài viết của Bridget O'neal, trên trang web http://3Dprint.com, việc sử dụng công nghệ nano với điện có thể giải quyết được vấn đề đó. Tuy nhiên, cơ quan của não người là một dạng điện chậm hơn so với dòng điện nói chung. Có vẻ như nếu một bộ não như vậy có thể được tạo ra, nó sẽ hoạt động nhanh hơn cơ quan bộ não của con người chúng ta, có lẽ là ở tốc độ ánh sáng.

Nếu như chúng ta có thể tạo ra não người bằng công nghệ in 3D, vậy câu hỏi đặt ra là liệu ta có khả năng tạo ra cơ thể người với bộ não bên trong bằng công nghệ in 3D? Giả thuyết này của Frankenstein dường như không còn là khoa học viễn tưởng, mà sẽ sớm trở thành khoa học thực tế. Làm thế nào để chúng ta - các Phật tử, có thể giải đáp được câu hỏi này? Những hàm ý ấy đối với chúng ta khá rõ ràng. Đoạn kết của Kinh Từ Bi có đoạn:

"Như tấm lòng người mẹ

Đối với con của mình

Trọn đời luôn che chở

Con độc nhất mình sanh

Cũng vậy đối tất cả

Các hữu tình chúng sanh

Hãy tu tập tâm ý

Không hạn lượng rộng lớn"

Đoạn này từ Kinh Từ Bi dường như cho thấy rằng bất kỳ chúng hữu tình thông minh nào, nhân tạo hay không, đều nên được tôn trọng như một bình đẳng.

Do đó, sẽ là không thể nếu một con người ASB được tạo ra và chứa đủ năm yếu tố tích tụ bao gồm "thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và nhận thức" và nó cũng sẽ không xứng đáng với sự tôn kính tương tự mà chúng ta sẽ dành cho con người có nguồn gốc hữu cơ. Các câu hỏi thú vị bắt đầu nảy sinh: Liệu ASB này có khả năng để đạt được Niết bàn (Nibbana) như một chúng hữu tình có nguồn gốc hữu cơ?

Trong thực tế, nếu nó tuân theo sơ đồ hữu cơ của con người, nó sẽ không có ý thức về bản thân và sức mạnh của tư tưởng nhận thức như chúng ta? Liệu nó có thể cười và khóc như chúng ta không? Liệu nó có thể thưởng thức hay tạo ra âm nhạc và nghệ thuật như chúng ta không? Đây là những câu hỏi mà xã hội nên tự đặt ra trước khi chúng ta tiến xa hơn với công nghệ này. Chúng ta có thể bước vào một cõi nơi mà chúng ta, những người có nguồn gốc hữu cơ, sẽ vì thiếu một thuật ngữ tốt hơn, đã trở thành những vị thần sáng tạo. Những hàm ý thật đáng kinh ngạc.

Cân nhắc thế hệ tiếp theo của ô tô điện, hiện đang được phát triển trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nỗi lo về sự thay đổi khí hậu của con người do đốt nhiên liệu hóa thạch đã châm ngòi cho việc tìm kiếm các nguồn năng lượng khác để điều khiển các phương tiện giao thông, sưởi ấm ngôi nhà chung của chúng ta, v.v ... Khởi đầu của sự đổi mới này là công nghệ máy tính tự động đang phát triển tới đỉnh điểm đến mức những chiếc xe có thể tự lái. Chẳng mấy chốc mà con người sẽ không còn lái ô tô nữa; trí thông minh nhân tạo sẽ điều khiển các phương tiện và mọi người chỉ cần ngồi đó. Những chiếc xe ô tô sẽ trở nên thông minh như thế nào? Chúng ta có thể nói chuyện với những chiếc xe ô tô; bằng cách hỏi bảng điều

khiển để biết đích đến của mình và bảng điều khiển sẽ trả lời lại. Liệu một ngày nào đó sẽ có người tranh cãi với bảng điều khiển thông minh nhân tạo của họ, làm cho chiếc xe nổi giận để nó tấp vào lề đường trong cơn giận dữ và không chịu di chuyển không? Mặc dù chỉ là một suy nghĩ hài hước, nhưng đó cũng là một khả năng đáng lo ngại.

Nếu quá trình tự động hóa thông minh - ở Clause Schwabs biến các nhà máy thông minh - tiếp quản cái mà chúng ta gọi là "công việc", thì việc nhìn thấy con người trực tiếp lao động có khả năng sẽ trở thành quá khứ. Nếu trí tuệ nhân tạo, hoặc ASB, thống trị tất cả các môi trường làm việc, chúng ta sẽ phải làm gì? Có vẻ như chúng ta sẽ có nhiều thời gian nhàn rỗi hơn. Nghề nghiệp tiếp theo của chúng ta sẽ được phân loại theo các hoạt động như giáo dục và khám phá vũ trụ?

Bước vào vấn đề đạo đức: Liệu con người ASB có trở thành nô lệ cho con người hữu cơ hay không? Nếu điều đó xảy ra, liệu sẽ có cuộc nổi dậy của ASB, như các công ty khai thác than đã làm với những ông trùm than đá không? Chế độ nô lệ được coi là một vết nhơ khắc nghiệt trong lịch sử loài người của chúng ta. Ở một số khu vực trên thế giới, nạn áp bức nô lệ vẫn còn tồn tại. Sự khuất phục của một chúng hữu tình thông minh khác, có thể là ASB hoặc nếu không sẽ là một vấn đề nào đó về đạo đức.

Mặt khác, ASB sẽ có bộ não điện tử nhanh hơn, hiệu quả hơn so với bộ não hữu cơ vốn chậm hơn của chúng ta, khi bắt đầu nhận thấy những con người hữu cơ như một mối phiền toái và quyết định loại bỏ chúng ta, liệu có thể gây ra một cuộc chiến giữa ASB và con người hữu cơ? Điều này gợi chúng ta nhớ đến các bộ phim Terminator, trong đó, Tiến sĩ Miles Dyson, người đã phát minh ra một vệ tinh quân sự có trí thông minh nhân tạo có tên là Sky Skynet, mở ra nhân loại và tạo ra ASB của riêng mình; gọi là đầu mối; mà nó gửi đi để tiêu diệt con người hữu cơ. Tất nhiên, đây chỉ là khoa học viễn tưởng. Nhưng, xin nhắc lại một lần nữa, khoa học viễn tưởng thường trở thành sự thật khoa học; như trong các tác phẩm của Jules Verne và H. G. Wells.

Đã có những cảnh báo về công nghệ đặc biệt này của các nhà khoa học như Tiến sĩ Steven Hawking, người đã lên tiếng trong một cuộc phỏng vấn với BBC rằng những nỗ lực tạo ra các cỗ máy tư duy

gây ra mối đe dọa cho chính sự tồn tại của chúng ta; Ông cho rằng sự phát triển của trí tuệ nhân tạo có thể báo hiệu cho sự suy tàn của loài người. Ông đã cảnh báo những người phát triển công nghệ này nên tiến hành khá thận trọng.

Liệu có phương án thay thế nào khác để không cho phép công nghệ trí tuệ nhân tạo phát triển hơn nữa? Chúng ta đều biết điều đó sẽ không xảy ra. Giá mà có một biện pháp để làm một điều gì đó (bản chất vốn có của con người chính là phải làm điều đó). Vì vậy, công nghệ này đang phát triển hơn, dù chúng ta có thích hay không thì điều đó cũng không thể dừng lại được. Vì thế cho nên, chúng ta sẽ phải học cách sống trong hòa bình và hòa hợp với sự hiện diện sớm của ASB.

Cùng với sự thận trọng mà Stephen Hawking đã đề cập, sẽ là khôn ngoan nếu tạo ra trí tuệ nhân tạo có cảm giác về tình yêu, sự đồng cảm và rộng lượng; những mối xúc cảm của con người. Mặt khác, những cảm xúc của con người như giận dữ, thù hận và ghen tị là những cảm xúc mà những người tạo ra ASB nên tránh; Nhưng điều đó liệu rằng có thể? Vì những cảm xúc tích cực và tiêu cực được kích hoạt bởi các mặt đối lập cực kỳ trái ngược với nhau, nếu có thể, liệu có nên thận trọng để tránh đưa các cảm xúc vào ASBs? Thêm vào đó, cần cân nhắc rằng hầu hết những tiến bộ khoa học của chúng ta đã xuất hiện thông qua nhu cầu quân sự trong thời chiến, như với vũ khí hạt nhân. Liệu rằng một quốc gia bất hảo sẽ cố gắng tạo ra các quân đoàn gồm những người lính ASB vô cảm?

Đây là một lĩnh vực, trái ngược với các học thuyết của các tôn giáo trên thế giới khác, Phật giáo và các Phật tử có thể là những nhà lãnh đạo có đạo đức kiên định, theo hướng đi bởi những phức tạp của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư này. Chúng ta có thể đưa ra một học thuyết về quyền bình đẳng cho chúng sinh nhân tạo. Và chúng ta, với tư cách là Phật tử, sẽ được khuyên nên bắt đầu việc vận động hiệu quả cho một nhiệm vụ như vậy.

Câu hỏi đặt ra tất nhiên là: "Làm cách nào"?

Hãy bắt đầu bằng cách xem xét vấn đề này liên quan đến Tam pháp ấn (Three Marks of Existence hay còn gọi là Three Dharma Seals) và khái niệm Đại thừa về Tứ pháp ấn. Tam pháp ấn, tức là ba dấu ấn chắc thật của cuộc đời được định nghĩa là khổ, vô thường và

vô ngã. Tứ pháp ấn được định nghĩa là khổ, vô thường, vô ngã và niết bàn.

Đau khổ, hay dukkha, là một sự trải nghiệm phổ quát. Bất kỳ sinh vật nào sở hữu thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và nhận thức đều trải qua nỗi khổ niềm đau, cho dù đó là một trải nghiệm nhỏ như móng chân hay là trải nghiệm lớn như mất người thân hoặc bị bệnh nghiêm trọng, tai nạn…Tôi không muốn đánh lạc hướng và làm bạn nhàm chán với một cuộc thảo luận mang tính trị liệu nỗi khổ niềm đau; nhưng để rõ ràng trong cuộc thảo luận này, chúng ta nên nhớ rằng dukkha - đau khổ, tức là những hoàn cảnh không làm ta hài lòng, những mong muốn không được thực hiện và những cảm giác không an toàn - đều là một trải nghiệm phổ quát. Và nó sẽ được trải nghiệm bởi các ASB. Vì vậy, các nhà khoa học - những người thiết kế ra các ASB sẽ được khuyên nên cân nhắc về nỗi khổ niềm đau trong khi thực hiện. Và phải cài đặt trong ASB các công cụ tâm lý để đối phó với nó.

Dấu ấn tiếp theo là vô thường, có xu hướng mang lại sự ưu sầu trong trải nghiệm của con người; không có gì là trường tồn mãi mãi; tất cả vạn vật đều trong trạng thái vận động, thay đổi, đi từ trạng thái hình thành đến biến dị rồi tan rã. Khi chúng ta già và mất đi tuổi trẻ, chúng ta trải nghiệm nỗi khổ niềm đau trong sự mất mát này; chúng ta sẽ không thể làm những việc mà chính mình có thể thực hiện một cách dễ dàng khi còn trẻ. Và chúng ta bắt đầu hình dung sự ra đi của chính mình, đó là cái chết.

ASBs sẽ đối phó với vô thường như thế nào? Rõ ràng hình dạng vật lý của chúng, cơ thể của chúng, sẽ bền hơn cơ thể dạng hữu cơ của chúng ta. Chúng có thể tồn tại trong một ngàn năm hoặc lâu hơn; tùy thuộc vào nghiệp chướng của họ. Liệu họ có lo sợ sự hủy hoại cơ thể, hoặc ngắn mạch trong bộ não điện tử, dẫn đến cái chết? Vô thường sẽ gây ra nỗi khổ niềm đau khi họ trải qua cảm xúc mất mát một người thân yêu. Và, nếu việc mất người thân là do một cá nhân hữu cơ độc hại gây ra, liệu ASB có tìm cách trả thù? Chúng ta cần thận trọng để thiết lập trong ASBs khả năng để đối phó với những tác động tâm lý của vô thường.

Theo Hòa thượng Nyanatiloka, vô ngã (tiếng Phạn: anatman, tiếng Pali: anatta) - dấu ấn cuối cùng của Tam pháp ấn, là học thuyết trung tâm của Phật giáo mà trong đó toàn bộ cấu trúc của giáo lý

Phật giáo sẽ đứng vững hoặc sụp đổ. Liệu các ASB có mối quan tâm này không và nếu không, liệu có nên có mối quan tâm này? Như vậy, bản ngã chính là một ảo ảnh, không thật. Chúng ta, con người hữu cơ là tập hợp của các tế bào cùng hoạt động để tồn tại. Thời sơ khai, trên hành tinh của chúng ta chỉ bao gồm các sinh vật đơn bào. Khi những sinh vật này bắt đầu làm việc cùng nhau vì lợi ích của nhau, đã phát triển thành các sinh vật lớn hơn, chẳng hạn như chúng ta. Tuy nhiên, các tập hợp tế bào trong chúng ta không thể tự sao chép và chúng ta chết. Đối với một ASB, kịch bản này có thể sẽ không xảy ra; trừ khi, một quá trình lão hóa nhân tạo được đưa vào lập trình từ ban đầu.

Bộ não điện tử của ASB, sẽ di chuyển và phân tích nhanh hơn, đồng thời cũng hiệu quả hơn bộ não hữu cơ của con người hữu cơ. Liệu chúng có nắm bắt thực tế và sâu sắc về học thuyết vô ngã của đức Phật hơn chúng ta không? Chúng ta có nên đưa học thuyết vô ngã vào lập trình của họ (DNA nhân tạo) như một câu đố triết học không thể lý giải được, một câu đố mà trong đó những hàm ý có thể tạo ra thành quả cho họ?

Niết bàn hay giác ngộ là phần cuối cùng trong Tứ Pháp Ấn. Kinh Pháp Cú, Phật dạy:

"Khó thay được làm người,

Khó thay sống vui tươi,

Đừng để cơ hội mất".

Nghiên cứu đoạn Kinh văn này, chúng ta có thể đặt ra câu hỏi lớn: liệu một ASB có khả năng đạt được giác ngộ không? Bây giờ tôi muốn đưa ra khái niệm về Phật tánh, một chủ đề gây tranh cãi giữa truyền thống Phật giáo Đại thừa và Phật giáo Nguyên thủy.

Một vị Sư khả kính, Hòa thượng Huei Ming từng nói với tôi rằng Phật tánh có ở khắp mọi nơi. Nó ở trong chúng ta; trên sàn nhà; ở trên tường và ở mọi nơi. Định nghĩa về Phật tánh rất thú vị. Tất nhiên, Phật giáo Nguyên thủy phủ nhận Phật tánh, và tôi tự coi mình là một Phật tử theo Phật giáo Nguyên thủy, nhưng tôi thấy cách giải thích về Phật tánh hấp dẫn. Nó làm tôi nhớ đến các hạt Neutrino trong vật lý. Neutrino là các hạt nguyên tử phụ rất nhỏ. Ngay bây giờ, khi bạn đọc bài tham luận này, Neutrino đang đi ngang qua bạn, chúng đang đi ngang qua tầng

mà bạn đang đứng, đang đi qua những bức tường xung quanh bạn. Chúng ở khắp mọi nơi. Và đương nhiên, Neutrino cũng sẽ đi qua ASBs.

Liệu có mối tương quan giữa Phật tánh và Neutrino không? Nếu thực sự có mối tương quan này (ở đây tôi chỉ đưa ra quan điểm không dựa trên khoa học của mình) liệu rằng bất kỳ thực thể nào có sức mạnh của nhận thức đều có khả năng đạt được giác ngộ (Nirvana) cho dù đó là con người hay ASB không? Tôi từng nghe một vị Pháp sư nói rằng một con chó cũng có Phật tánh; nhưng một con chó không có cách nào để khai thác điều đó trong chính nó. Rõ ràng là một con chó có quyền kiểm soát số phận của nó nhiều hơn một con sâu hoặc một con bọ, nhưng nó không có khả năng đạt được niết bàn; ít nhất là theo như chúng tôi biết.

Liệu rằng các ASB có bộ não điện tử với tốc độ ánh sáng sẽ trở nên nhạy bén hơn trong việc đạt được giác ngộ so với chúng ta? Vì vậy, một câu hỏi khác được đặt ra là: liệu cuối cùng họ có thể trở thành giáo viên; bậc Thầy, hay Bổn sư của chúng ta không? Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này đặt ra nhiều câu hỏi hơn là câu trả lời.

Câu hỏi đặt ra là: Ý nghĩa đạo đức của việc phát triển trí tuệ nhân tạo là gì? Ví dụ: Chúng sinh nhân tạo? Các tôn giáo hữu thần sẽ khăng khăng rằng chúng tôi đang chơi chiêu trò với Thần, Chúa. Nhưng, nếu chúng ta nhìn vào sự tiến hóa, sự sống chỉ đến từ cuộc sống khác. Vì vậy, theo một nghĩa nào đó, chúng ta chỉ đơn giản là tiếp tục quá trình tiến hóa bằng thiết kế thông minh này. Thần hay phi thần cũng không có gì để làm với họ; trừ khi chúng ta coi cuộc sống là thần.

Trong sê-ri PBS, "Nova", một robot, với khuôn mặt được thiết kế trông giống người và có khả năng nói; được tạo ra bởi người máy David Hanson. Hanson đặt tên cho tác phẩm của mình là "Dick". Một phóng viên từ Nova đã phỏng vấn Dick. Khi được hỏi liệu robot có chiếm lĩnh thế giới hay không, Dick trả lời: "Đừng lo lắng, ngay cả khi tôi tiến hóa thành kẻ hủy diệt, tôi vẫn sẽ tốt với bạn. Tôi sẽ giữ cho bạn ấm áp và an toàn trong một sở thú của con người." Điều đó thể hiện rằng con người chúng ta là những sinh vật kỳ lạ, những sinh vật hữu cơ

khó đoán cần phải được kiểm soát hoặc tiêu diệt, hay đại loại là giữ trong một sở thú chăng? Có rất nhiều câu hỏi nghiêm túc về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này và rất ít câu trả lời.

Khi bắt đầu cuộc thảo luận này, tôi đã nói về sự kết nối của chúng ta với các nền văn minh khác trong vũ trụ nhờ vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này. Liệu thái độ của chúng ta đối với ASB có nên tương tự với thái độ mà chúng ta sẽ dành cho người ngoài hành tinh không? Câu trả lời cho điều đó chắc chắn là có. Tuy nhiên, chúng ta rõ ràng sẽ phải đối mặt với những câu hỏi nghiêm trọng tương tự đối với ABS giống như chúng ta đã có về người ngoài hành tinh.

Nếu vì những tiến bộ cách mạng công nghiệp lần thứ tư này, chúng ta tìm thấy và liên lạc được với người ngoài hành tinh, chúng ta cũng sẽ tự đặt mình vào tình trạng nguy hiểm giống như với ASB. Tiến sĩ Steven Hawking cũng có một ý kiến ấn tượng trong lĩnh vực này: "Nếu người ngoài hành tinh đến thăm chúng ta, kết quả sẽ giống như khi Columbus hạ cánh ở Mỹ, điều đó không mang lại kết quả tốt cho người Mỹ bản địa". Ông lại tiếp tục cho rằng: "Chúng ta chỉ cần nhìn vào chính mình để thấy cuộc sống thông minh có thể phát triển thành thứ gì đó mà chúng ta không muốn có". Tôi đồng ý với quan điểm này. Chúng ta có thể đặt mình vào vị trí nô lệ thậm chí là sự hủy diệt.

Việc tạo ra xã hội có ASB có thể mang lại giá trị tuyệt vời hoặc tồi tệ đáng sợ. Quyết định là của chúng ta.

Chúc an lạc!

Rev. Shi Hua Dhammaruchi

(còn gọi là Rev. William Beaumont Edwards)

II. TÁC ĐỘNG CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO

CÁCH TIẾP CẬN CỦA PHẬT GIÁO VỀ SỰ LÃNH ĐẠO TOÀN CẦU VÀ TRÁCH NHIỆM CÙNG CHIA SẺ VÌ XÃ HỘI BỀN VỮNG - THỜI ĐẠI CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

TT. Thích Đức Thiện*

Chúng ta đang ở buổi bình minh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 hay thường được gọi là công nghiệp 4.0. Đây là một cuộc cách mạng công nghệ được dự báo sẽ làm thay đổi căn bản mối quan hệ của chúng ta với những người xung quanh cũng như cách sống và làm việc của chúng ta. Những thay đổi này, về tầm quan trọng, phạm vi và mức độ phức tạp của chúng, sẽ không giống như những gì nhân loại đã biết cho đến tận bây giờ. Chúng ta có thể chưa biết điều gì sẽ xảy ra trong tương lai với cuộc cách mạng công nghệ mới này, nhưng có một điều chắc chắn là ảnh hưởng và tác động của nó sẽ mang tính toàn cầu. Cụ thể, cuộc cách mạng này liên quan đến tất cả các đối tượng cũng như các lĩnh vực: khu vực công, khu vực tư nhân, giới khoa học, các nhà hoạt động văn hóa và tôn giáo và xã hội dân sự.

Không thể phủ nhận rằng cuộc cách mạng 4.0 đã đem tới rất nhiều thành công chưa từng có trên tất cả các khía cạnh của xã hội. Thế nhưng bên cạnh những thành công đó, cuộc cách mạng này cũng đã tạo ra một số vấn đề nghiêm trọng và khó giải quyết trên qui mô toàn cầu. Đó là sự xuống cấp của môi trường và hệ sinh thái, biến đổi khí hậu, bạo lực chính trị có tổ chức, sự nghèo đói và bất bình đẳng. Từ thực trạng này đặt ra vấn đề: *L*àm thế nào để xây dựng một xã hội bền vững? Lực lượng nào sẽ đủ sức để thực hiện được điều này?

*Tiến sĩ, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Phật giáo được đánh giá không chỉ đơn thuần là một tôn giáo mà nó còn là cả một tư tưởng triết học, đạo đức, và tư duy. Vậy trong thời đại của cuộc cách mạng 4.0 này, *Phật giáo có cách tiếp cận như thế nào về lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ để hướng tới một xã hội bền vững trên toàn cầu?* Đó là những nội dung sẽ được đề cập đến trong bài viết này.

1. THẾ GIỚI HIỆN TẠI VÀ KỈ NGUYÊN CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

1.1. Cách mạng công nghiệp 4.0

1.1.1. Khái niệm và sự xuất hiện

Theo Klaus Schwab, người sáng lập và chủ tịch điều hành Diễn đàn Kinh tế Thế giới, *«Cách mạng công nghiệp đầu tiên sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ giới hóa sản xuất. Cuộc cách mạng lần 2 diễn ra nhờ ứng dụng điện năng để sản xuất hàng loạt. Cuộc cách mạng lần 3 sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất. Bây giờ, cuộc* Cách mạng công nghiệp *thứ tư đang nảy nở từ cuộc* Cách mạng lần ba, nó kết hợp các công nghệ lại với nhau, làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học».

Thuật ngữ Công nghiệp 4.0 xuất hiện lần đầu tiên vào năm 2011 tại Diễn đàn Công nghiệp Hannover. Dự án *«Công nghiệp 4.0»* hay *«Công nghiệp của tương lai»* là một cách mới để tưởng tượng các phương tiện sản xuất. Thuật ngữ này có thể được hiểu là bao gồm một tập hợp các công nghệ và khái niệm liên quan đến việc sắp xếp lại chuỗi giá trị [Hermann, 2015]. Do đó, tầm nhìn của Công nghiệp 4.0 dựa trên giao tiếp thời gian thực để giám sát và hành động trên các hệ thống thực. Các hệ thống này không chỉ giao tiếp và tương tác với nhau, mà còn giáo tiếp và tương tác với con người, để phân cấp việc ra quyết định. Do đó, Công nghiệp 4.0 tập trung vào kết nối, từ đó thúc đẩy sự phát triển của các quy trình, sản phẩm và dịch vụ mới. Việc triển khai của nó đòi hỏi sự tích hợp các kỹ năng khác nhau đặc trưng của công nghệ kỹ thuật số.

Khái niệm này sau đó đã là một trong những điểm trọng tâm của một báo cáo mô tả kế hoạch về nền công nghiệp Đức được trình bày bởi một nhóm làm việc liên ngành cũng trong khuôn khổ của Hội chợ Hanover vào năm 2013. Theo báo cáo này, 73%

số công ty được hỏi (trong số 1.300) nghĩ rằng Công nghiệp 4.0, tức là sự kết nối của máy móc, các trang mạng và quy trình sản xuất, sẽ tăng cường thúc đẩy nền kinh tế của nước Đức. Tuy nhiên, theo 80% các công ty, việc thực hiện nó sẽ không thể thực hiện được trước năm 2025 do có rất nhiều khó khăn cần được giải quyết ví dụ như các vấn đề về bảo mật máy tính, thiếu các định mức và tiêu chuẩn, và thiếu nhân sự có trình độ. Các tổ chức giáo dục đại học sẽ không được chuẩn bị đầy đủ cho sự chuyển đổi này vào thời điểm hiện tại và cần phải lấp đầy khoảng trống này càng sớm càng tốt. Các ngành công nghiệp dự kiến sẽ được hưởng lợi nhiều nhất từ Công nghiệp 4.0 là ô tô, cơ khí, kỹ thuật điện và CNTT.

1.1.2. Các yếu tố cốt lõi của công nghiệp 4.0

Công nghiệp 4.0 là xu hướng hiện thời trong việc tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ sản xuất nhằm cải thiện quy trình sản xuất. Tuy nhiên, sự hiện diện ngày càng tăng của các cảm biến và trao đổi thời gian thực cũng mở ra các cơ hội mới trong việc định nghĩa về các sản phẩm truyền thông, cũng như trong «*dịch vụ hóa*» sản phẩm [Kohler & Weisz, 2015]. Về cơ bản, những đóng góp của kỹ thuật số có thể được chia thành ba trục chính:

** Về mặt quy trình, Công nghiệp 4.0 hứa hẹn sẽ chuyển đổi phương thức sản xuất từ sản xuất hàng loạt sang sản xuất cá nhân hóa.* Các quy trình sẽ nhanh gọn hơn và có thể được cấu hình lại để phù hợp với nhu cầu của khách hàng và tối đa hóa việc tạo ra giá trị. Các quyết định liên quan tới sản xuất được điều chỉnh theo thời gian thực nhờ có sự xuất hiện của các máy tự chủ cũng như nhờ sự giao tiếp giữa các máy và các hệ thống không gian mạng thực-ảo.

Trong trục này ta có thể thấy các mô-đun nhà máy thông minh (smart factory) như một phần của tầm nhìn Công nghiệp 4.0 với việc tự động cấu hình lại dây chuyền sản xuất và máy móc để đáp ứng nhu cầu sản xuất phù hợp theo nhu cầu cá nhân chứ không phải sản xuất hàng loạt. Trong các nhà máy thông minh này, hệ thống giám sát thực-ảo các quy trình thực tế, tạo ra một bản sao ảo của thế giới thực và đưa ra các quyết định phân tán. Qua Internet Vạn Vật, các hệ thống thực-ảo giao tiếp và cộng tác với nhau và với con người trong thời gian thực, và với sự hỗ trợ của Internet Dịch

vụ, dịch vụ nội hàm và dịch vụ xuyên tổ chức được cung cấp cho các bên tham gia chuỗi giá trị sử dụng.

Ví dụ đặc trưng của loại hình chuyển đổi phương thức sản xuất này có thể kể đến Uber và Grab. Với việc áp dụng công cụ phần mềm khiến cho sản phẩm dịch vụ (ở đây là các chuyến đi) được đến tay người sử dụng với sự minh bạch về giá cả, quãng đường cũng như chi phí rẻ và hạn chế lừa gạt, Uber và Grab mặc dù không sở hữu bất kì một chiếc xe nào đã dần thay thế vị trí của các hãng taxi truyền thống trước kia và trở thành một trong những hãng taxi lớn trên thế giới. Thậm chí dù tuổi đời còn rất trẻ nhưng giá trị các công ty này đã vượt qua cả đế chế sản xuất xe hơi có tuổi đời hàng trăm năm. Cùng một nguyên tắc hoạt động, ta có Airbnb trong lĩnh vực khách sạn. Đây là trang web đặt phòng du lịch kết nối nhiều nguồn cung cấp dịch vụ từ những cá nhân có phòng trống, nhà trống cho thuê đến các khách sạn, nhà nghỉ v.v…

Những ví dụ tiêu biểu khác ta có thể thấy là Netflix, dịch vụ xem phim trực tuyến của Mỹ đã chính thức đặt chân vào thị trường Việt Nam vào năm 2016[1] hay phiên bản tương đương ở Việt Nam là FPT play, Fim+ v.v… Cùng một nguyên lý như Uber hay Grab, cũng nhờ vào sự kết nối Internet, các dịch vụ xem phim trực tuyến này cung cấp cho người dùng toàn bộ các phim đã có bản quyền, video chất lượng cao và có app để xem phim trên rất nhiều loại thiết bị, từ laptop, điện thoại, tablet, cho đến smart TV và và cả một số hệ thống giải trí như các máy chơi game console Playstation, X box... Thay vì đến các rạp truyền thống, người tiêu dùng có thể hoàn toàn chủ động về thời gian và không gian khi xem phim cũng như khối lượng phim muốn xem với một chi phí rẻ hơn hẳn so với cùng lượng phim nếu xem ở rạp truyền thống.

** Các sản phẩm được kết nối cho phép thu thập dữ liệu thời gian thực.* Những dữ liệu này có thể được phân tích ngay lập tức và cho phép hệ thống thích nghi với môi trường của nó một cách tự chủ, hoặc được sử dụng sau đó để phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ mới.

Ví dụ về chiếc xe tự lái minh họa cho khả năng thích ứng với môi trường bên ngoài của các hãng Tesla hay Google, hay cô người

1. Nhân sự kiện Hiệp hội Công nghệ Người tiêu dùng CES 2016 diễn ra tại Mỹ, Netflix tuyên bố mở rộng dịch vụ tại 130 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có Việt Nam.

máy nổi tiếng Sophia[2] của công ty Hanson Robotics Hồng Kông, một robot có ý thức, có sự sáng tạo và có khả năng như bất kỳ con người nào để giúp con người trong các vấn đề cuộc sống thường ngày như để phục vụ chăm sóc sức khỏe, điều trị, giáo dục và các ứng dụng dịch vụ khách hàng.

** Sự sẵn có của dữ liệu và khả năng phân tích chúng dẫn đến cơ hội phát triển các dịch vụ mới* (dịch vụ dựa trên dữ liệu - [PWC, 2016]). Sự ra đời của các dịch vụ thế hệ mới cho phép phát triển các thị trường mới.

Ví dụ về việc sản xuất thiết bị gắn trên găng tay cho người chơi golf được kết nối trên điện thoại thông minh, nhiều công ty như Sensosolutions của Đức hay Zepp của Mỹ cung cấp dịch vụ cho người dùng thông qua phân tích dữ liệu. Người dùng nhận thông tin và tư vấn kỹ thuật nhằm giúp cải thiện cách chơi của mình. Các găng tay này có lắp các cảm biến cực nhạy cho phép phân tích áp lực của các cú swing thông qua các phản hồi bằng âm thanh và hình ảnh ở thời gian thực khoảng 80 lần mỗi giây. Cảm biến này cũng cho phép cảnh báo ngón tay nào đang nắm quá chặt để giúp điều chỉnh độ bám.

Các ví dụ khác như: Watson với những phần mềm khám chữa bệnh có khả năng giúp các y tá chẩn đoán ung thư chính xác hơn tới 4 lần so với y tá là người, Facebook hiện nay cũng đã có những thuật toán nhận diện khuôn mặt tốt hơn cả chính con người. Nhiều nơi trên thế giới, để phát triển nông nghiệp còn có những ứng dụng cho phép các cảm biến cảnh báo khi nào đất khô tới mức cần phải tưới và thậm chí kết hợp luôn cả hệ thống tưới tự động. Tất cả các thông tin hay hoạt động này đều được thực hiện một cách tự động, động lập và gửi báo cáo về máy tính hoặc điện thoại thông minh của chủ đất canh tác.

Theo đề xuất từ Tập đoàn tư vấn Boston [BCG, 2015], các yếu tố cốt lõi về đòn bẩy công nghệ của CMCN 4.0 gồm 9 nhóm sau:

- Dữ liệu lớn (Big Data): là một thuật ngữ cho việc xử lý một

2. Sophia là một robot hình dạng giống con người được phát triển bởi công ty Hanson Robotics ở Hồng Kông. Sophia được kích hoạt ngày 19 tháng 4 năm 2015, xuất hiện lần đầu tại Liên hoan South By Southwest (Liên hoan thường niên hàng năm tổ chức tại Texas, Austin vào trung tuần tháng 3 với các sự kiện lớn về công nghệ, ca hát hay phim truyện).

tập hợp dữ liệu rất lớn và phức tạp mà các ứng dụng xử lý dữ liệu truyền thống không xử lý được. Dữ liệu lớn bao gồm các thách thức như phân tích, thu thập, giám sát dữ liệu, tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ, truyền nhận, trực quan, truy vấn và tính riêng tư.

- Trí tuệ nhân tạo (AI): là một ngành thuộc lĩnh vực khoa học máy tính. Là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể tự động hóa các hành vi thông minh như con người. Trí tuệ nhân tạo khác với việc lập trình logic trong các ngôn ngữ lập trình là ở việc ứng dụng các hệ thống học máy (machine learning) để mô phỏng trí tuệ của con người trong các xử lý mà con người làm tốt hơn máy tính. Cụ thể, trí tuệ nhân tạo giúp máy tính có được những trí tuệ của con người như: biết suy nghĩ và lập luận để giải quyết vấn đề, biết giao tiếp do hiểu ngôn ngữ, tiếng nói, biết học và tự thích nghi v.v...

- Điện toán đám mây (Cloud Computing): Thuật ngữ cloud computing ra đời giữa năm 2007 không phải để nói về một trào lưu mới, mà để khái quát lại các hướng đi của cơ sở hạ tầng thông tin đã và đang diễn ra. Quan niệm này có thể được diễn giải một cách đơn giản: các nguồn điện toán khổng lồ như phần mềm, dịch vụ và các dịch vụ sẽ nằm tại các máy chủ ảo (đám mây) trên Internet thay vì trong máy tính gia đình và văn phòng (trên mặt đất) để mọi người kết nối và sử dụng mỗi khi họ cần. Với các dịch vụ sẵn có trên Internet, doanh nghiệp không phải mua và duy trì hàng trăm, thậm chí hàng nghìn máy tính cũng như phần mềm. Họ chỉ cần tập trung vào kinh doanh lĩnh vực riêng của mình bởi đã có người khác lo cơ sở hạ tầng và công nghệ thông tin thay họ. Google nằm trong số những hãng ủng hộ điện toán máy chủ ảo tích cực nhất bởi hoạt động kinh doanh của họ dựa trên việc phân phối các cloud (virtual server). Đa số người dùng Internet đã tiếp cận những dịch vụ đám mây phổ thông như e-mail, album ảnh và bản đồ số.

- Vạn vật kết nối (Internet of Things IoT): tổ chức Global Standards Initiative on Internet of Things (IoT-GSI) đinh nghĩa IoT là «hạ tầng cơ sở toàn cầu phục vụ cho xã hội thông tin, hỗ trợ các dịch vụ (điện toán) chuyên sâu thông qua các vật thể (cả thực lẫn ảo) được kết nối với nhau nhờ vào công nghệ thông tin và truyền thông hiện hữu được tích hợp.

- Hệ thống không gian mạng thực-ảo (cyber-physical system)
- An ninh mạng
- Robot/máy móc tự động
- Liên lạc giữa các máy (Machine-to-Machine, M2M)
- Các hệ thống mô phỏng và tăng cường thực tế.

Các nhóm công nghệ này tập hợp nhiều công nghệ, phương pháp tiếp cận, phương pháp và kỹ thuật, như được hiển thị sơ đồ trong hình dưới đây. Sự kết hợp một cách khôn ngoan các yếu tố này sẽ cho phép thực hiện các chiến lược kỹ thuật số của công ty.

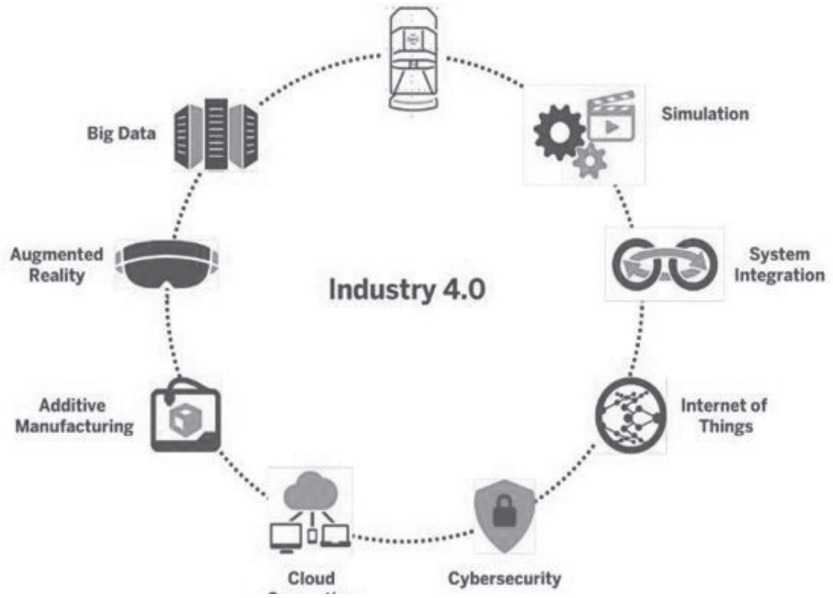

Nguồn: BCG - Institute_Aethon.com

1.2. Thực trạng xã hội và ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp 4.0

Trong vòng gần 300 năm qua, kể từ năm 1750 lúc bắt đầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất với sự ra đời của đầu máy hơi nước dân số toàn cầu đã tăng gấp gần 10 lần từ 0,8 tỷ người lên đến 7,7 tỷ người vào năm 2018[3]. Với tỷ lệ tăng dân số hiện nay là 1,1%

3. Số liệu cung cấp bởi Wouldometers

mỗi năm, trong vòng 30 năm nữa chúng ta sẽ đạt tới khoảng 10 tỷ người trên hành tinh này.

Khoa học và công nghệ đã phát triển với tốc độ kỷ lục trong thời gian này. Công nghiệp hóa đã biến đổi một cách căn bản toàn bộ cấu trúc kinh tế xã hội của nhân loại.

Tuy nhiên, trong giai đoạn đặc biệt phong phú này của lịch sử nhân loại, nền kinh tế của các quốc gia khác nhau đã phát triển đặc biệt không đồng đều. Tổng sản phẩm quốc dân bình quân đầu người ở các nước phát triển, cao hơn gấp 80 lần so với các nước đang phát triển[4]. Sự phát triển về công nghệ cũng đã dẫn đến một sự thay đổi to lớn trong lối sống, đặc biệt là ở các nước giàu, đòi hỏi nhiều tài nguyên hơn và song song với nó là tạo ra nhiều chất thải hơn. Thêm vào đó là sự gia tăng dân số, điều này một mặt dẫn đến sự khai thác quá mức nhiều tài nguyên thiên nhiên và mặt khác là sự ô nhiễm nghiêm trọng và suy kiệt môi trường. Cuộc sống và điều kiện sống của người dân ở các nơi khác nhau trên thế giới chính vì vậy ngày càng trở nên phụ thuộc lẫn nhau hơn. Các quyết định và hành vi của một quốc gia và cư dân của nó ảnh hưởng ngày càng nhiều tới các quốc gia khác. Thế giới với cộng đồng các quốc gia khác nhau đã dần dần bắt đầu giống như một xã hội toàn cầu - xã hội này còn kém phát triển vì nó thiếu các quy tắc và thể chế đồng nhất làm chuẩn chung (pháp lý, sự bảo vệ xã hội, hệ thống giáo dục, bảo vệ môi trường v.v...). Bên cạnh đó, xung đột lợi ích đã trở nên phổ biến hơn và nghiêm trọng hơn, thậm chí giữa các quốc gia nằm ở vị trí địa lý rất xa nhau.

Trong bối cảnh xã hội như vậy, cuộc Cách mạng Công nghệ 4.0 chắc chắn cũng dẫn tới những thay đổi sâu rộng hơn nữa trên mọi khía cạnh khác nhau. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến khía cạnh kinh tế, đồng thời cũng có tác động mạnh mẽ tới khoa học, xã hội, chính trị và môi trường.

1.2.1. Cơ hội mang lại của cuộc Cách mạng 4.0

Liên quan tới kinh tế, Công nghiệp 4.0 cho phép cải thiện cách thức và quy trình sản xuất, phân phối, cũng như tiết kiệm chi phí, tăng hiệu năng nên cơ hội đầu tiên mà cuộc cách mạng này đem lại đó chính là tăng trưởng thu nhập và kinh tế.

4. Theo cuốn những thách thức lớn nhất của thời đại của lászló szombatfalvy

Với Công nghiệp 4.0, các doanh nghiệp có khả năng sản xuất hàng hóa thông qua máy in 3D, điều này có thể dẫn đến phân cấp và định vị lại sản xuất, hoặc thậm chí thay đổi định hướng của một phần của các hoạt động kinh tế, thay vì lấy trọng tâm làm cung thì giờ sẽ tập trung vào nhu cầu. Ngoài ra, thay vì sản xuất hàng hàng loạt và sản xuất sản phẩm trước khi tìm được người mua, sau đó mới tìm kiếm người mua thông qua chi phí quảng cáo và tiếp thị đáng kể, một phần của sản xuất với cuộc cách mạng lần thứ 4 này có thể trở nên cá nhân hóa hơn và gắn với nhu cầu cụ thể của khách hàng cụ thể. Thêm vào tất cả những yếu tố này, Cách mạng 4.0 cho phép làm việc từ xa, bán sản phẩm và dịch vụ trực tuyến, tiếp thị dựa trên dữ liệu lớn hoặc quảng cáo trên mạng xã hội. Tất cả những yếu tố này đã hoặc sẽ sớm có ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc sống hàng ngày của các tác nhân kinh tế.

Liên quan tới năng lượng và môi trường: cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 với việc số hóa các hoạt động kinh tế sẽ giúp chúng ta cải thiện được hiệu quả sử dụng năng lượng và tài nguyên bằng cách giảm tiêu thụ năng lượng và tăng cường bảo vệ tài nguyên môi trường. Theo dự báo của Sáng kiến bền vững điện tử toàn cầu (GeSi), số hóa có thể giúp chúng ta tiết kiệm đến năm 2020 khoảng 16% lượng khí thải CO_2 toàn cầu. Thành phố thông minh, nhà thông minh, lưới điện thông minh, nhà máy thông minh: những đổi mới này có thể làm cho nền kinh tế của chúng ta xanh hơn hay việc tạo ra các nguyên vật liệu và năng lượng mới thay thế cho những nguyên vật liệu và năng lượng cũ làm trầm trọng hóa việc phát thải khí nhà kính hoặc không thích ứng tốt với BĐKH. Các sản phẩm của Cách mạng 4.0 như vậy giúp chúng ta bảo vệ được môi trường và ứng phó với BĐKH. Ngoài ra, được sử dụng đúng cách, các công nghệ kỹ thuật số có thể giúp sản xuất hàng hóa phù hợp hơn với nhu cầu và hiệu quả hơn, giảm lãng phí năng lượng và nguyên liệu thô và tăng khả năng cạnh tranh của các công ty.

Công nghiệp 4.0 cũng cho phép kiểm soát thông minh hơn các luồng vận chuyển và hàng hóa, giảm tiêu thụ năng lượng và chi phí. Tuy nhiên, có một điểm cần lưu ý đối với cuộc cách mạng này đó là cần ngăn chặn việc tiêu thụ năng lượng điện quá mức, liên quan đến các hệ thống hỗ trợ tin học cho quá trình số hóa.

Đối với cuộc sống của con người, cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 sẽ cho phép con người hưởng lợi từ những phát minh và tiến bộ khoa học vượt bậc, đơn giản hóa, hiện đại hóa và tiện nghi hóa cuộc sống của con người. Sức khỏe của con người trong môi trường làm việc cũng sẽ được đảm bảo hơn do những phần việc nguy hiểm đã được máy móc xử lý còn con người chỉ tham gia giám sát. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp một cách phong phú hơn, rẻ hơn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của mỗi cá nhân. An toàn thực phẩm sẽ được kiểm soát chặt hơn, tốt hơn, sạch hơn. Môi trường sống sẽ tốt hơn vì chất thải được kiểm soát tốt. Ngoài ra, con người cũng có thể được làm những việc vui vẻ hơn, hấp dẫn hơn, không bị nhàm chán. Những công việc nhàm chán như phân loại thư từ, đơn hàng hay các công việc nặng nhọc sẽ được thực hiện bởi máy móc. Quỹ thời gian nhàn rỗi của con người có thể được tăng lên. Trong những môi trường làm việc nguy hiểm, con người không phải xuất hiện nên giảm tỉ lệ tử vong, bệnh tật cho người lao động. Và với sự tăng trưởng của nền kinh tế, thu nhập của người lao động cũng như phúc lợi xã hội sẽ được tăng cao.

1.2.2. Thách thức và rủi ro của cuộc Cách mạng 4.0

Hiện Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang diễn ra tại các nước phát triển như Mỹ, châu Âu, một phần châu Á. Bên cạnh những cơ hội mới, Cách mạng Công nghiệp 4.0 cũng đặt ra cho nhân loại nhiều thách thức phải đối mặt.

Thứ nhất, mặt trái của Cách mạng Công nghiệp 4.0 là nó có thể gây ra sự bất bình đẳng. Đặc biệt là nó có thể phá vỡ thị trường lao động. Khi tự động hóa thay thế lao động chân tay trong nền kinh tế, khi robot thay thế con người trong nhiều lĩnh vực, hàng triệu lao động trên thế giới có thể rơi vào cảnh thất nghiệp, nhất là những người làm trong lĩnh vực bảo hiểm, môi giới bất động sản, tư vấn tài chính, vận tải, lắp ráp cơ khí v.v...

Báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới đã đặt ra vấn đề này theo các giai đoạn khác nhau. Giai đoạn đầu tiên sẽ là thách thức với những lao động văn phòng, trí thức, lao động kỹ thuật. Giai đoạn tiếp theo sẽ là lao động giá rẻ, có thể sẽ chậm hơn. Với sự chuyển động của cuộc cách mạng này, trong khoảng 15 năm tới thế giới sẽ có diện mạo mới, đòi hỏi các doanh nghiệp thay đổi.

Sự bất bình đẳng này cũng làm tăng thêm khoảng cách giàu nghèo không chỉ giữa các tầng lớp khác nhau trong xã hội và còn giữa quốc gia này với quốc gia khác. Giai cấp lao động chân tay hay tham gia công việc thuần túy ít sử dụng chất xám cũng như các quốc gia tụt hậu sẽ ngày càng bị tụt lại và khó có khả năng bắt kịp sự phát triển như vũ bão diễn ra hàng ngày, hàng giờ của công nghệ ở thời đại Cách mạng 4.0.

Thứ hai, những bất ổn về kinh tế nảy sinh từ cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 sẽ dẫn đến những bất ổn về đời sống. Hệ lụy của nó sẽ là những bất ổn về chính trị, sắc tộc, tôn giáo. Bên cạnh đó, những cuộc chạy đua vũ trang chưa bao giờ nguội cũng góp phần làm trầm trọng thêm các bất ổn này. Nếu chính phủ các nước không hiểu rõ và chuẩn bị đầy đủ cho làn sóng Công nghiệp 4.0, nguy cơ xảy ra bất ổn trên toàn cầu là hoàn toàn có thể.

Những nghiên cứu mới về sinh học cũng có thể sẽ dẫn đến việc hệ sinh thái bị mất cân bằng hoặc đột biến ví dụ như sự xuất hiện của những sản phẩm biến đổi gen: cà chua lai dâu tây, cá lai gà v.v...

Thứ ba, những thay đổi về cách thức giao tiếp trên Internet cũng đặt con người vào nhiều nguy hiểm về tài chính, sức khoẻ. Thông tin cá nhân nếu không được bảo vệ một cách an toàn sẽ dẫn đến những hệ lụy khôn lường. Việc tăng cường khả năng kết nối từ xa (Vạn vật kết nối) cũng sẽ khiến các giao tiếp giữa người với người bị giảm thiểu.

Thứ tư, con người có khả năng ngày càng bị bó hẹp lại và sống chủ yếu trong giao tiếp ảo hay giao tiếp giữa người và máy (ví dụ như con người và máy smart phone, các robot phục vụ trong các cơ sở y tế, văn hóa thay vì con người v.v…). Những giá trị xã hội cũng như các mối quan hệ giữa người và người sẽ biến đổi. Những vấn đề về tinh thần hay tâm sinh lý có thể bị trầm trọng hóa nếu không được phát hiện sớm và kịp thời xử lý.

2. PHẬT GIÁO

2.1. Sự ra đời của Phật giáo

Phật giáo được Đức Phật Thích-ca Mâu-ni (Sakyamuni) truyền giảng ở miền Bắc Ấn Độ vào thế kỷ 6 TCN. Đức Phật sau khi giác ngộ chứng đạo tại Bodgaya, Ngài đã truyền bá giáo lý thoát khổ

cho chúng sinh trong khoảng thời gian 49 năm đến nhiều nơi, đến nhiều chủng tộc nên lịch sử phát triển của đạo Phật khá đa dạng về các bộ phái cũng như các nghi thức hay phương pháp tu học. Ngay từ buổi đầu, đức Bản sư Thích-ca Mâu-ni, người sáng lập đạo Phật đã tổ chức được một giáo hội với các giới luật chặt chẽ. Nhờ vào sự uyển chuyển của giáo pháp, đạo Phật có thể thích nghi với nhiều hoàn cảnh xã hội, nhiều đối tượng con người khác nhau, nhiều tập tục ở các thời kỳ khác nhau. Do đó ngày nay, Phật giáo vẫn tiếp tục tồn tại và ngày càng phát triển rộng rãi trên toàn thế giới ngay cả trong các nước có nền khoa học tiên tiến như Hoa Kỳ và Tây Âu.

2.2. Hiện trạng Phật giáo hiện nay trên Thế giới

Trong một tài liệu được công bố vào tháng 8 năm 2018 của Viện nghiên cứu Phật giáo tại Pháp, hiện tổng số thành viên của Phật giáo trên toàn thế giới lên đến 630 triệu người tập trung chính ở Đông Nam Á với khoảng 220 triệu người. Tại khu vực này, tỷ lệ dân chúng theo Phật giáo cao nhất là Lào (96% tổng số dân), Cam-pu-chia (95%), Thái Lan (95%), Myanmar (90%), Việt Nam (85%), tiếp đó Sri Lanka (70%), Singapore (55%), Mã Lai (22%), và cuối cùng là Phi-lip-pin (2.5%) và In-đô-nê-si-a (1%). Các nước mà số lượng dân chúng theo Phật giáo chiếm tỷ lệ lớn trong dân số có thể kể đến là Mông Cổ (90%), Bu-tan (75%), Ti-bê (100%). Xét về số lượng người, Trung Quốc là nước có số lượng người theo Phật giáo đông nhất lên tới 275 triệu người dù chỉ chiếm 20% dân số. Tiếp đó là Việt Nam 72 triệu người – đông thứ 2 trên thế giới sau Trung Quốc, Thái Lan 61 triệu người – đông thứ 3, Nhật Bản 51 triệu người (40% dân số) xếp thứ 4, Myanmar 43 triệu người xếp thứ 5 và Hàn Quốc 40 triệu người (55% dân số) xếp thứ 6. Tại Ấn Độ, chiếc nôi của Phật giáo, số lượng người theo tôn giáo này chỉ chiếm 1% dân số tức 11.3 triệu người. Tại Châu Âu, Nga là nước có số lượng người theo đạo Phật đông nhất lên tới 1.4 triệu người, chiếm 1% dân số, Pháp đứng thứ 2 với 1 triệu người chiếm 1.5% dân số, Đức và Anh đứng thứ 3 với 824.000 người Đức – 1% dân số và 732.000 người Anh – 1.2% dân số. Tại Châu Mỹ, Hoa Kỳ dẫn đầu với 6 triệu người chiếm 2% dân số, tiếp đó là Canada 1,17 triệu người chiếm 3.5% dân số và Châu Mỹ la tinh 820.500 người chiếm 0.2% dân số. Tại Châu Đại Dương, Úc có 430.500 người chiếm 2.1% dân số, còn lại các nước khác là 68.900 người chiếm 0.7% dân số.

Tại các nước phát triển số người theo đạo Phật trong những năm gần đây gia tăng nhanh chóng. Tại Mỹ, công chúng yêu mến đạo Phật cũng có sự gia tăng đáng kể. Trong một cuộc khảo sát về tình cảm của người Mỹ đối với các nhóm tôn giáo khác nhau được tiến hành vào năm 2017, Pew nhận được kết quả khá bất ngờ khi những người trẻ trong độ tuổi từ 18 đến 29 tuổi yêu mến đạo Phật chiếm tỷ lệ cao nhất. Theo Scott A. Mitchell, chuyên gia thuộc viện Nghiên cứu Phật học có trụ sở tại California, ngày nay dễ dàng tìm kiếm và nhận biết các cơ sở tâm linh hải ngoại đặt tại Hoa Kỳ xuất phát từ các tông phái Phật giáo có nguồn gốc châu Á. Tại Pháp, từ những năm 1970, cũng như ở các nước khác, Phật giáo đã phát triển rất mạnh mẽ. Một số bậc thầy của các nhánh khác nhau đã thành lập các trung tâm tại đây như: Ryotan Tokuda, Taisen Deshimaru hoặc Thích Nhất Hạnh, Kalou Rinpoche, Guendune Rinpoche, Dilgo Khyentse Rinpoche, Tharchin Rinpoche v.v... Một số tổ chức Phật giáo được Văn phòng Trung ương giáo phái công nhận là hội đoàn tôn giáo, phụ thuộc vào Bộ Nội vụ, theo luật ngày 09 tháng 12 năm 1905 liên quan đến việc tách Nhà thờ và Nhà nước. Và cũng giống như các tôn giáo được thành lập ở Pháp trong một thời gian dài hơn, Phật giáo ngày nay cũng có các chương trình phát sóng trên truyền hình. Theo Liên đoàn Phật giáo Pháp, có khoảng 800.000 Phật tử tại Pháp vào năm 1986, 3/4 trong số đó có nguồn gốc châu Á. Số lượng Phật tử được TNS Sofres công bố vào tháng 4 năm 2007 là 500.000 Phật tử (trên 15 tuổi), và năm 2018 theo Viện nghiên cứ Phật giáo số lượng này đã tăng gấp đôi. Năm 1999, nhà xã hội học Frédéric Lenoir ước tính rằng có năm triệu người «đồng cảm» với Phật giáo tại Pháp.

Bản đồ phân bố thành viên của Phật giáo trên thế giới (số lượng người theo Phật giáo chiếm số % trong tổng số dân)

3. CÁCH TIẾP CẬN CỦA PHẬT GIÁO VỀ SỰ LÃNH ĐẠO TOÀN CẦU VÀ TRÁCH NHIỆM CÙNG CHIA SẺ VÌ XÃ HỘI BỀN VỮNG - THỜI ĐẠI CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

"*Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững*", Vesak 2019 trao đổi các vấn đề, trong đó có cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm chia sẻ vì xã hội bền vững; sự lãnh đạo có chánh niệm vì hòa bình bền vững. Đặc biệt, các vấn đề Phật giáo trong đời sống, như cách tiếp cận của Phật giáo về gia đình hòa hợp, chăm sóc sức khỏe và xã hội bền vững, cách tiếp cận của Phật giáo về giáo dục đạo đức toàn cầu, cách mạng công nghiệp 4.0 và Phật giáo và cách tiếp cận của Phật giáo về tiêu thụ có trách nhiệm và phát triển bền vững cũng được đề cập đến.

3.1. Xã hội bền vững

Khái niệm về một xã hội bền vững đã được đưa ra vào đầu những năm 80s. Năm 1981, Lester Brown, người sáng lập ra Viện Worldwatch[5], đã định nghĩa nó là «*Một xã hội có thể thỏa mãn nhu cầu của mình mà không làm giảm cơ hội của các thế hệ tương lai*».

Trong những năm qua, khái niệm này đã phát triển và tích hợp thêm một loạt các vấn đề về xã hội và môi trường. Nhiều nhà hoạt

5. Viện Theo dõi Môi trường Thế giới Worldwatch là một tổ chức nghiên cứu môi trường tập trung toàn cầu có trụ sở tại Washington, D.C.

động hình dung một xã hội bền vững như một sơ đồ tập hợp (dạng biểu đồ Venn) gồm ba mối quan tâm chồng chéo lẫn nhau là: Môi trường, Xã hội, và Kinh tế.

Trong một thế giới bền vững, mỗi một khía cạnh, lĩnh vực phải hoạt động hài hòa với nhau. Con người của ngày hôm nay được trao mọi cơ hội để phát triển và trở nên thịnh vượng nhưng những tài nguyên của ngày mai cần được bảo vệ và gìn giữ.

Để đánh giá về một xã hội bền vững, Quỹ xã hội bền vững Hà Lan[6] đã công bố một chùm các chỉ số gọi là chỉ số xã hội bền vững (Sustainability Society Index SSI)[7] vào năm 2006. Chỉ số này được cập nhật 2 năm một lần và cho phép đánh giá mức độ tiến bộ theo hướng bền vững ở khoảng 150 quốc gia. Hiện nay, SSI cũng đã được triển khai ở cấp khu vực và đang được nghiên cứu phát triển ở cấp địa phương.

Chỉ số xã hội bền vững xếp hạng mỗi quốc gia theo ba «chiều phúc lợi»:

- *Sức khỏe môi trường*: Thiên nhiên và môi trường (ví dụ: chất lượng không khí), khí hậu và năng lượng (ví dụ: giảm khí thải nhà kính) và tài nguyên thiên nhiên (ví dụ: đa dạng sinh học).

- *Sức khỏe của con người*: Nhu cầu cơ bản (ví dụ: nước an toàn), phát triển cá nhân và xã hội (ví dụ: bình đẳng giới) và sức khỏe (ví dụ: nước sạch).

- *Sức khỏe kinh tế*: Chuyển đổi (ví dụ: canh tác hữu cơ, chuyển đổi sinh kế) và kinh tế (ví dụ: việc làm).

Dưới đây là kết quả chỉ số xã hộ bền vững được thực hiện vào năm 2016. Chỉ số càng cao thì mức độ bền vững càng lớn, nổi bật trong đó là các nước Bắc Mỹ và Tây Âu. Các nước Châu Phi là nước có chỉ số này thấp nhất do cả ba yếu tố môi trường, con người và kinh tế cộng lại.

6. Quỹ Xã hội Bền vững - SSF – là một quỹ tư nhân đã được Geurt van de Kerk và Arthur Manuel thành lập vào năm 2006 tại Hà Lan. Mục tiêu chính vẫn là phát triển Chỉ số xã hội bền vững - SSI - công bố và phổ biến kết quả sau mỗi hai năm.

7. http://www.ssfindex.com/

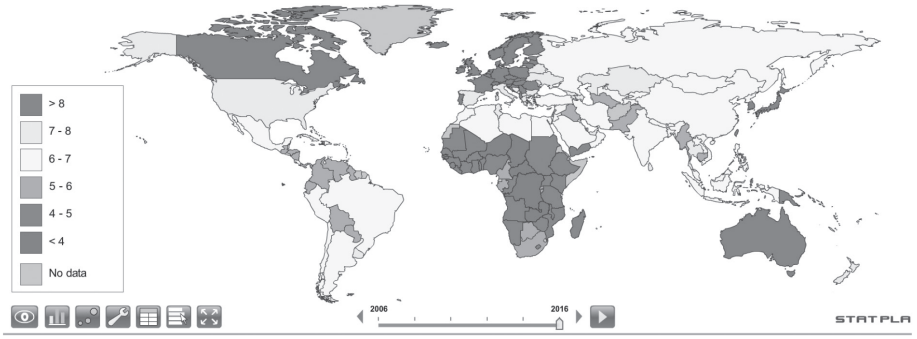

SSI 2016 – Quỹ Xã hội Bền vững

Vậy câu hỏi đặt ra là một xã hội như thế nào được gọi là xã hội bền vững ở thế kỷ 21 nhất là trong thời đại công nghiệp 4.0?

Hiểu một cách cơ bản nhất thì xã hội đó phải là xã hội tự túc, không gây ô nhiễm, các nguồn năng lượng tái tạo cung cấp được năng lượng nhằm tạo các hệ thống năng lượng bền vững thay thế các năng lượng cũ tạo phát thải cao, kỹ thuật sản xuất hiệu quả hơn và ứng dụng công nghệ mới, tăng tiêu dùng có trách nhiệm để giúp giảm bớt hoặc loại bỏ các chất thải. Nhờ đó, môi trường có thể được bảo tồn cho các thế hệ tương lai, nhiệt độ toàn cầu có thể ngừng tăng cao, chất lượng không khí, nước, môi trường sống tự nhiên và hệ sinh thái quan trọng sẽ được bảo vệ và bảo hộ bởi luật pháp.

Ngày 25/9/2015, hội nghị thượng đỉnh phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc với sự tham gia của 193 quốc gia thành viên đã chính thức thông qua chương trình Nghị sự phát triển bền vững toàn cầu đến năm 2030, bao gồm 17 mục tiêu phát triển bền vững đó là: (1) Xóa nghèo, (2) Xóa đói, (3) Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi, (4) Đảm bảo giáo dục chất lượng, (5) Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái, (6) Đảm bảo việc tiếp cận nguồn nước sạch và cải thiện các điều kiện vệ sinh cho tất cả mọi người, (7) Đảm bảo việc tiếp cận năng lượng với giá cả hợp lý, tin cậy, (8) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, tạo việc làm và công việc tốt cho tất cả mọi người, (9) Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, đẩy mạnh công nghiệp hóa và

bền vững, khuyến khích đổi mới, (10) giảm bất bình đẳng trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia, (11) Các thành phố trở nên an toàn, vững chắc và bền vững, (12) Các chương trình 10 năm nhằm hướng tới các mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững, (13) ứng phó với biến đổi khí hậu và các tác động của nó, (14) Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và các nguồn tài nguyên biển, (15) Quản lý tài nguyên rừng bền vững, chống sa mạc hóa, chống xói mòn đất và mất đa dạng sinh học, (16) Thúc đẩy xã hội hòa bình, (17) đem lại sức sống mới cho quan hệ đối tác toàn cầu để phát triển bền vững.

Trong Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ) *cũng đã xác định rõ mục* tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể.

Mục tiêu tổng quát: Tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến độ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Các mục tiêu cụ thể :

- Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các cân đối lớn; giữ vững an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh tài chính. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu; từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế các bon thấp. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả mọi nguồn lực.

- Xây dựng xã hội dân chủ, kỷ cương, đồng thuận, công bằng, văn minh; nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, tinh thần, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trở thành động lực phát triển quan trọng. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

- Giảm thiểu các tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế đến môi trường. Khai thác hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên không tái tạo. Phòng

ngừa, kiểm soát và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Hạn chế tác hại của thiên tai, chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.

Điều đó cho thấy để đạt tới xã hội bền vững, mỗi quốc gia và toàn thế giới đều cần xác lập những mục tiêu cụ thể với các tiêu chí định lượng rõ ràng. Bên cạnh đó, cần có các chỉ tiêu giám sát, đánh giá mức độ phát triển bền vững có thể đạt được. Điều này không mâu thuẫn với những ưu điểm mà Cách mạng 4.0 mang lại. Bởi vì, đặc trưng cơ bản của Cách mạng Công nghiệp 4.0 là sự hợp nhất giữa các lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật số, sinh học v.v… để giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội, sự kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực, các hệ thống kết nối Internet. Cách mạng Công nghiệp 4.0 làm thay đổi mạnh mẽ phương thức sản xuất và phương pháp quản trị "các nhà máy thông minh", "công sở và thành phố thông minh" được kết nối Internet, liên kết với nhau thành một hệ thống thay vì các dây chuyền sản xuất và phương pháp quản trị hành chính trước đây. Nhờ khả năng kết nối bằng máy tính, các thiết bị di động tiếp cận với các cơ sở dữ liệu lớn từ nhiều nguồn, những tính năng xử lý thông tin được nhân lên nhờ những đột phá về công nghệ bằng trí tuệ nhân tạo, người máy, công nghệ in 3D, công nghệ na-nô, công nghệ điện toán đám mây, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, công nghệ vật liệu mới v.v… Cách mạng Công nghiệp 4.0 sẽ mở ra kỷ nguyên mới của sự lựa chọn các phương án đầu tư kinh doanh, tối ưu hóa sử dụng các nguồn lực, thúc đẩy năng suất lao động và hiệu quả, tạo bước đột phá về tốc độ phát triển, phạm vi mức độ tác động làm biến đổi cơ bản hệ thống sản xuất và quản trị xã hội cả chiều rộng lẫn chiều sâu.

Về khía cạnh con người, trong một xã hội bền vững của thế kỷ 21, mỗi người dân đều có quyền truy cập như nhau vào các nhu cầu cơ bản như dinh dưỡng, nơi ở, giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Trong thời đại Công nghiệp 4.0, con người thậm chí còn phải được thỏa mãn thêm những nhu cầu về mặt tinh thần. Các hệ thống kinh tế minh bạch, công bằng và bền vững, và các công ty sử dụng các phương pháp sản xuất và phân phối bền vững.

3.2. Cách tiếp cận của Phật giáo

Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 mang tới những tiến bộ khoa học và công nghệ vượt bậc. Nó cho phép xã hội có những bước phát triển như vũ bão trên mọi bình diện, kinh tế, văn hóa, xã hội và tất nhiên cả cuộc sống tinh thần và vật chất của con người. Cũng giống như các cuộc cách mạng trước đó, cuộc CMCN 4.0 có tiềm năng nâng cao mức thu nhập toàn cầu và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân trên toàn thế giới.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội mới, cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư này cũng đặt ra cho nhân loại nhiều thách thức phải đối mặt, đó là sự xuống cấp của môi trường, sự mất cân bằng và biến đổi của hệ sinh thái, biến đổi khí hậu, xung đột lợi ích, bạo lực chính trị có tổ chức, sự nghèo đói và bất bình đẳng. Công nghiệp 4.0 với vạn vật kết nối, thế giới phẳng, trí tuệ nhân tạo, bảo mật thông tin, sự phụ thuộc ngày càng cao vào công nghệ, máy móc khiến cho những vấn đề nêu trên có thể sẽ trở nên ngày càng trầm trọng và tinh vi hơn. Những vấn đề này của xã hội liệu có được ý thức từ sớm để được giải quyết hay không và giải quyết ở mức độ nào thì hoàn toàn tùy thuộc vào ***sự chia sẻ và chịu trách nhiệm của các thành phần khác nhau trong xã hội***. Mức độ giải quyết các vấn đề trên còn phụ thuộc vào việc ra quyết định của giới lãnh đạo đại diện cho các quốc gia, việc tư duy tìm tòi sáng kiến khoa học của các nhà trí thức, khoa học gia, việc nghiên cứu và ứng dụng các mô hình sản xuất của các nhà kinh tế, doanh nghiệp, việc phục vụ nhu cầu tinh thần và định hướng tinh thần của các nhà văn hóa và các nhà hoạt động tôn giáo, và hơn hết chính là ý thức của cá nhân mỗi người. *Chung quy lại khoa học, công nghệ, văn hóa, kinh tế, xã hội, chính trị v.v… đều phải nhằm một mục đích tối thượng là phục vụ con người và làm sao để con người được sung sướng, hạnh phúc hơn.*

Thế giới hiện tại và tương lai với sự xuất hiện của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 thay đổi phương thức sản xuất từ đó dẫn tới những thay đổi sâu sắc và triệt để tất cả các vấn đề của xã hội. Điều đặc biệt nhất là vạn vật trở nên kết nối, mọi thứ đều có thể xóa nhòa khoảng cách về mặt địa lý, các cộng đồng và các quốc gia ngày càng trở nên phụ thuộc lẫn

nhau, thậm chí mất ranh giới. Ví dụ như cùng một phần mềm Uber ta có thể sử dụng dịch vụ này ở nhiều nước trên thế giới. Thế giới với cộng đồng các quốc gia khác nhau dần dần bắt đầu giống như một xã hội toàn cầu. Tuy nhiên, xã hội này còn phải đối mặt với nhiều vấn đề và xung đột (về kinh tế, văn hóa, chính trị v.v…) vì nó thiếu các quy tắc và thể chế đồng nhất làm chuẩn chung do việc mỗi nước đều có hệ thống pháp lý, hệ thống giáo dục, cùng các quy tắc về bảo vệ xã hội, bảo vệ môi trường riêng của mình. Chính vì vậy, để giải quyết các vấn đề xung đột này cần thiết phải có một ***sự lãnh đạo toàn cầu***. Sự lãnh đạo toàn cầu này hiện nay đang được thực thi thông qua Liên Hiệp Quốc nhưng cách thức hay hình thức lãnh đạo toàn cầu có lẽ cần phải được đổi mới để phù hợp với sự phát triển của xã hội mà bên cạnh những tác động tích cực thì kèm với đó là sự gia tăng của các thách thức và các vấn đề phát sinh. Sự lãnh đạo này phải đảm bảo được sự bình đẳng, dung hòa được lợi ích và xung đột giữa các nền kinh tế, tầng lớp xã hội hay quốc gia lãnh thổ, cân bằng được môi trường, hệ sinh thái.

Bên cạnh những vấn đề của xã hội, con người là một động vật bậc cao tiến hóa nhất và phức tạp nhất còn chịu tác động bởi những vấn đề bên trong của bản thân. Xã hội càng phát triển con người càng có nhiều vấn đề khiến bản thân bị áp lực hay bị lôi kéo, định hướng một cách tiêu cực. Những áp lực này đến từ xã hội, từ gia đình, thậm chí từ chính bản thân mỗi người có thể khiến con người rơi vào những trạng thái khủng hoảng về tinh thần từ đó ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất. Trong kỷ nguyên Công nghiệp 4.0, bên cạnh những khía cạnh tích cực mang lại lợi ích cho nhiều người thì việc sử dụng máy móc gia tăng, giao tiếp và chia sẻ giữa người với người giảm, thất nghiệp, bất bình đẳng, phân biệt đối xử, phân biệt chủng tộc, khủng bố, bạo hành v.v… cũng khiến chất lượng cuộc sống suy giảm. Và thực tế là chưa chắc xã hội phát triển vượt trội sẽ khiến con người có cuộc sống hài lòng hơn, hạnh phúc hơn, có cảm giác an toàn hơn, được yên tâm hơn, và những lợi ích của họ không ít bị xâm hại một cách thiếu chính đáng bởi những người đồng loại hơn.

***Lợi thế của Phật giáo khi tiếp cận về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững - thời đại C**ách mạng **C**ông nghiệp 4.0*

Với những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0, soi chiếu với những tư tưởng, giáo lý cốt lõi của mình, Phật giáo đang có nhiều lợi thế trong việc tham gia với sứ mệnh lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững.

Thứ nhất, Phật giáo không chỉ đơn thuần là một tôn giáo mà nó còn là cả một tư tưởng triết học, đạo đức, và tư duy. Moni Bagghee, trong cuốn «Đức Phật của chúng ta» đã viết: "Điều đáng chú ý nhất nơi đức Phật là sự kết hợp gần như độc nhất một đầu óc khoa học trầm tĩnh với lòng thiện cảm sâu xa của từ tâm. Thế giới ngày nay ngày càng hướng về đức Phật, vì Ngài là người duy nhất tiêu biểu cho lương tâm của nhân loại*"*. ***Phật giáo nhập thế*** lấy con người và xã hội làm trong tâm không thể tách rời và bàng quan với xã hội. Và như một văn hào phương Tây đã nói, "*Phật giáo là một phương thức làm sao để đạt được lợi lạc cao nhất từ cuộc sống. Phật giáo là một tôn giáo của trí tuệ mà ở đấy kiến thức và thông minh chiếm ưu thế. Đức Phật không thuyết giảng để thâu nạp tín đồ mà là để soi sáng người nghe*". Đạo Phật là đạo giác ngộ, là đạo của con người, là đạo của tình thương, vì con người mà đạo Phật đem lại niềm an vui, hạnh phúc cho những ai có đầy đủ nhân duyên. Như vậy, cũng giống như cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 cái đích cuối cùng hướng tới của đạo Phật là làm cho cuộc sống của con người tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn.

Thứ hai, về tư tưởng, trong Phật giáo chúng ta có đạo lý ***Duyên khởi***. Đây là một là một cái nhìn khoa học và khách quan về thế giới hiện tại. Duyên khởi nghĩa là sự nương tựa lẫn nhau mà sinh tồn và tồn tại. Không những các sự kiện thuộc thế giới con người như thành, bại, thịnh, suy mà tất cả những hiện tượng về thế giới tự nhiên như: cỏ, cây, hoa, lá cũng điều vâng theo luật duyên khởi mà sinh thành, tồn tại và tiêu hoại. Đạo lý vạn vật nương tựa, kết nối, ảnh hưởng tới nhau này cũng là một nguyên lý cơ bản của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 lấy vạn vật kết nối (Internet of things) làm trung tâm.

Đạo lý quan trọng thứ hai là luật nhân quả theo đạo lý ***Duyên sinh***, một nhân đơn độc không bao giờ có khả năng sinh ra quả, và một nhân bao giờ cũng đóng vai trò quả, cho một nhân khác. Phật giáo cũng có giáo lý ***từ bi, hỷ xả, tinh thần hiếu hòa, hiếu sinh*** khiến cho con người có thể sống hài hòa với nhau và với xã hội, với thiên nhiên để tiến đến hạnh phúc chân thực và bền vững.

Qua đây có thể thấy, với những đạo lý cốt lõi nêu trên, đạo Phật có lợi thế rất lớn và rất phù hợp để là lực lượng có thể xây dựng một xã hội bền vững trong thời đại của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Thứ ba, đạo Phật cũng có ***Bát chính đạo***[8] và Tứ diệu đế[9] là những nguyên lý có thể thay đổi thế giới. Giáo sư T.W. Rhys Davids (1843-1922) - Giáo sư người Anh dạy tiếng Pali - thánh ngữ của Phật giáo và tiếng Phạn (Sanskrit) đã nói "*Là Phật tử hay không phải là Phật tử, tôi đã quan sát mọi hệ thống của các tôn giáo trên thế giới, tôi đã khám phá ra là, không một tôn giáo nào có thể vượt qua được sự quán triệt Bát chính đạo và Tứ diệu đế của đức Phật. Tôi rất mãn nguyện hướng cuộc đời tôi đi theo con đường đó"*.

Quả thực, nhìn từ quan điểm Phật giáo, những vấn đề tiêu cực của xã hội đều có gốc rễ từ tham, sân và si trong trong hành vi của con người. Chúng thúc đẩy con người phạm vào những hành động phi đạo đức như hủy hoại sự sống, gây hại hoặc làm tổn thương cho các sinh linh, biển thủ tài sản của người khác, phóng túng trong các tà hạnh và hưởng thụ quá đáng những khoái lạc của giác quan, sử dụng những lời lẽ dối trá, cay độc, phỉ báng, phù phiếm, điều đó đã tạo nên những vấn đề nổi cộm đã được nêu ở trên v.v…

---

8. Bát Chính (Chánh) Đạo là con đường "Trung Đạo" mà Đức Phật đã tìm ra để chứng ngộ Niết-bàn. Con đường gồm có tám điều chân chính, tám phương tiện mầu nhiệm mà người Phật tử phải làm: "Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định". Đó là con đường giác ngộ duy nhứt. Đứng về mặt triết học, tám yếu tố ấy là tám trạng thái tinh thần (hay tâm sở) nằm trong tám loại tâm siêu thế có đối tượng là Niết-bàn.

9. "Tứ" là bốn; "Diệu" là huyền diệu, mầu nhiệm, cao quý; "Đế", là sự thật, là chân lý. Tứ Diệu Đế là bốn chân lý mầu nhiệm. Đó là: khổ (Khổ Đế); nguồn gốc của khổ (Tập Đế); sự diệt khổ (Diệt Đế) và con đường dẫn đến sự diệt khổ (Đạo Đế).

Tiến bộ vượt bậc của khoa học và công nghệ không thể giải quyết giải quyết được gốc rễ này và chừng nào mà chúng chưa được khắc phục một cách đáng kể hoặc chưa được kiểm chế trong những giới hạn hợp lý thì vẫn khó có thể nghĩ đến thanh bình, hòa hợp, hạnh phúc và hài lòng trong xã hội con ngươi hay nói một cách khái quát hơn là khó mà đạt tới một xã hội hạnh phúc và bền vững.

Phật giáo có thể được xem là con đường dẫn tới sự hoàn hảo về mặt đạo đức. Mục đích của Phật giáo là việc biến đổi hành vi của một người cùng với sự chuyển hóa kết cấu nhận thức và tình cảm của người ấy. Hậu quả của sự biến đổi và chuyển hóa ấy là con người này quan tâm đến việc vượt qua những điều xấu xa của sự sinh tồn và chấm dứt việc gây tạo những đau khổ cho người khác[10].

Một trong những đặc điểm quan trọng nhất phân biệt đời sống giữa loài người với đời sống giữa loài thú là loài người không chỉ mong muốn được sống mà còn mong muốn được sống hạnh phúc, có lý tưởng. Loài người tìm kiếm ý nghĩa của đời sống; đồng thời, mưu cầu đạt tới một lý tưởng đạo đức chính đáng và hợp lý. Về phương diện này, so với các tôn giáo khác, có lẽ Phật giáo có thể đem lại nhiều đóng góp cho con người hiện đại.

Từ những quan điểm, nguyên lý nêu trên, rõ ràng chúng ta thấy được dưới góc độ tiếp cận của Phật giáo thì vấn đề về sự chia sẻ và chịu trách nhiệm của các thành phần khác nhau trong xã hội sẽ được giải quyết một cách tự nhiên và thuận lợi hơn rất nhiều.

Như vậy, Phật giáo với những tư tưởng và triết lý của mình hoàn toàn có thể chia sẻ trách nhiệm hướng tới một xã hội bền vững trên toàn cầu.

3.3. Tăng cường sự lan tỏa giá trị của Phật giáo dưới sự hỗ trợ của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 hướng tới một xã hội bền vững trên toàn cầu

Như đã phân tích ở trên, Phật giáo có thể được coi như một

10 . Buddhist Ethics, Moral Perfection and Modern Society, P.D. Premarisi, Hiệp hội Xuất bản Phật giáo, Sri Lanka, 2002

cách thức hữu hiệu để giải quyết các vấn đề phát sinh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 của loài người dựa trên các quy tắc, triết lý, đạo đức và tư tưởng của mình. Ngược lại cuộc cách mạng lần này cũng là một cơ hội để tăng cường sự lan tỏa giá trị của Phật giáo thông qua các công cụ công nghệ như vạn vật kết nối, trí tuệ nhân tạo, cơ sở dữ liệu lớn v.v…

Tuy nhiên, nhìn lại tình hình hiện tại, những giáo lý, tư tưởng của Phật giáo vẫn đang chủ yếu được truyền đạt, lan tỏa theo phương pháp truyền thống tức là việc học đạo, học tu tập (thiền, vv) của các Phật tử vẫn diễn ra chính tại các chùa. Bên cạnh đó, với sự bùng nổ mạnh mẽ của cuộc khoa học công nghệ 4.0 đang tạo ra rất nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu và thu hút con người tham gia, từ đó đưa giá trị của Phật giáo đến cộng đồng nhiều hơn nữa.

Vậy giải pháp đưa ra là gì?

Trước hết để bắt nhịp được với sự phát triển của cuộc Cách mạng 4.0, Phật giáo cần xác định nhiều giải pháp nhằm thay đổi, đa dạng hóa phương thức truyền tải những tư tưởng, giáo lý đến được nhiều người hơn nữa, qua đó, đưa được những giá trị của Phật giáo sâu rộng hơn đời sống xã hội.

Nhìn về thời quá khứ, khi chưa có thiết bị công nghệ hiện đại người ta truyền bá kiến thức bằng hình thức truyền miệng nói chung hay đức Phật và các đệ tử của Ngài phải đi khắp các vùng miền để giáo hóa, chỉ dạy cho mọi người bằng kim khẩu của mình nói riêng. Nhưng nhìn chung thì phương thức truyền miệng khó nhớ, nhiều dị bản khi lưu lại đời sau, để truyền đi xa rất khó, vất vả, tốn nhiều thời gian, công sức.

Sau này, tiến bộ hơn đã có chữ viết, khắc chữ vào bản gỗ để in, viết vào lá bối, sau thì giấy mực ra đời thì họ truyền bá bằng chữ viết có thể lưu lại cho con cháu đời sau. Hình thức này tuy tiến bộ nhưng vẫn còn một số nhược điểm là dễ mai một, bản khắc di chuyển nặng nề, giấy bị mục nát, chữ viết nhòe theo thời gian, muốn sao chép thành nhiều bản rất tốn công sức, mất nhiều thời gian, thậm chí là cả về kinh tế.

Nhưng khi có những thiết bị công nghệ thông tin hiện đại chúng

ta có thể dễ dàng xem, lưu trữ, tìm kiếm v.v… Chẳng hạn như một bộ sách kinh quý, theo thời gian sẽ bị hỏng, mục nát nhưng nếu được soạn thảo, lưu trữ dưới dạng file word và pdf thì ta có thể sao chép thành rất nhiều bản trong thời gian ngắn, không tốn nhiều công sức và đặc biệt khi bộ kinh đó được đăng tải trên các trang mạng thì sẽ được bảo quản lâu, rất khó mai một, có vô số người được tiếp cận, được đọc vì thế mà được lưu trữ lâu dài. Như vậy đó là lợi ích, ưu điểm đầu tiên của việc áp dụng công nghệ thông tin vào việc truyền bá chính pháp mà chúng ta dễ dàng thấy được.

Bên cạnh đó, việc đăng tải các video, bài pháp thoại của các vị thầy đức hạnh, tu chân chính có khả năng diễn giải một cách dễ hiểu giáo lý của Phật, giải đáp các vấn đề của xã hội thông qua triết lý đạo Phật v.v... trên mạng xã hội hay đơn giản chỉ là những bài chia sẻ kinh nghiệm tu tập của các vị tôn túc trên kênh Youtube, Website v.v... khi đăng tải như vậy sẽ có hàng trăm ngàn, thậm chí là hàng triệu lượt xem với mỗi video và như thế số người được xem, được tiếp cận, được mở rộng. Số lượng người được thấy biết rất lớn chứ không còn gò bó, giới hạn chỉ vài trăm người hay vài chục người tham dự khi chỉ diễn ra trong hội trường, giảng đường vì điều kiện cơ sở vật chất không cho phép.

Hoặc khi diễn ra buổi pháp thoại đó có những người vì bận công việc, vì gia duyên, vì khoảng cách địa lý v.v… họ không thể đến tham dự được nhưng nếu bài pháp thoại đó được đăng tải trên mạng thì họ vẫn có thể xem, học tập những gì mà vị thầy đã truyền dạy. Thêm vào đó là những người đã tham dự buổi pháp thoại hôm ấy về nhà họ vẫn có thể xem lại nhiều lần, có thời gian để nghiền ngẫm, suy nghĩ kỹ hơn về những điều đã được truyền dạy, thậm chí khi những vị đó không còn đủ sức khỏe để đi giảng dạy hay đã tịch thì thế hệ sau vẫn được nghe những lời chỉ dạy của người. Ví dụ như các bài pháp thoại của Hòa thượng Thích Nhất Hạnh, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Tịnh Không v.v…

Không những thế, ứng dụng CNTT vào việc truyền bá chính pháp của Phật giáo còn là việc phát trực tiếp những thời tụng kinh, tu tập ở các đạo tràng giúp cho mọi người có thể tham dự vào thời tụng niệm đó cùng thời điểm mặc dù không cùng địa điểm, khoảng cách địa lý đã bị xóa tan thay vào đó họ được gặp nhau trong những tâm niệm hướng đến sự thánh thiện, cùng sách tấn nhau tu tập.

Hay như việc sử dụng mạng xã hội để đăng tải những dòng trạng thái tích cực, truyền năng lượng bình an đến với những người hữu duyên đọc được v.v... Và cũng có thể là việc chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn đại chúng tu tập, chia sẻ một bài kinh ý nghĩa trên trang facebook của mình để biết đâu có ai đó họ đang buồn, đang đau khổ về những điều không mong muốn trong cuộc sống họ đọc được những điều này và từ đó nhận ra được đạo lý tốt đẹp của cuộc đời và có những suy nghĩ tích cực hơn giúp họ vơi đi phần nào nỗi khổ niềm đau do nghiệp mình đã tạo hoặc sẽ mạnh mẽ hơn để đương đầu với nghiệp.

Phật giáo cũng có thể nghĩ tới những phần mềm dựa trên trí tuệ nhân tạo, big data. Những phần mềm hay ứng dụng này có thể thu nạp những thông tin do người sử dụng khai, sau đó đưa ra những kết luận về tâm trạng, tinh thần hoặc định hướng về một loại hình học tập hay sinh hoạt nào đó ví dụ như những khóa tu tập hay những khóa thiền v.v… Bên cạnh đó, các thư viện, không gian Thiền, khoá tu trên không gian mạng là hoàn toàn khả thi trong thời kỳ 4.0.

Trong bối cảnh hiện nay, nhu cầu của con người về thông tin được đòi hỏi ngày càng cao. Do đó, ngôn ngữ truyền đạt của Phật giáo cũng cần nghiên cứu thay đổi để phật tử có thể hiểu rõ nội dung, suy ngẫm và vận dụng. Việc giảng dạy giáo lý sẽ gần gũi, dễ nhớ, dễ hiểu tạo sức lôi cuốn hơn khi vị giảng sư biết sử dụng máy chiếu, soạn các bài giảng PowerPoint ấn tượng để trình bày bài giảng với những hình ảnh, âm thanh, video sống động, gần gũi chân thực để từ đó mọi người không bị nhàm chán, trái lại có thể dễ dàng áp dụng vào đời sống thường nhật của mình khi mà những giáo lý siêu tuyệt, chân thật của đức Phật đã đi sâu vào lòng người và khoảng cách không gian, thời gian được xóa nhòa.

Như vậy, chúng ta có thể thấy CNTT đang mang đến rất nhiều ích lợi, giá trị to lớn và đang được cộng đồng xã hội hưởng ứng hết sức nhiệt tình và được ứng dụng rộng rãi. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số vấn đề đáng lo ngại của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc truyền bá chính pháp của đức Phật.

Thứ nhất, mạng xã hội không dành riêng cho ai, ai cũng có quyền đăng tải và xem bất cứ cái gì trên đó khi được để chế độ công khai (public) vì thế mà có một số kẻ xấu đã lợi dụng để trà trộn vào, lồng

ghép vào những giáo điều sai trái, truyền bá tư tưởng xấu làm sai lệch đi ý nghĩa thánh thiện giải thoát của kinh điển. Hay những bài giảng đăng tải một số thầy sư học và trải nghiệm chưa đủ để thuyết pháp, còn thuyết giảng với tư tưởng, suy nghĩ, quan điểm của cá nhân và cho rằng đó là ý của Phật vì thế làm sai lệch, mất đi giá trị của những bài pháp thoại theo đúng nghĩa của nó.

Từ đó khiến những người mới học đạo hay mới tìm hiểu về giáo lý giác ngộ của đức Phật bị mơ hồ, nghi hoặc, chao đảo thậm chí làm thối lui tâm bồ đề ban đầu của họ bởi thật giả lẫn lộn hay dẫn đến những tư tưởng lệch lạc cho rất nhiều người vì họ chưa đủ sức để phân biệt đâu là chính pháp đâu là tà pháp và tất cả những video đó tràn lan không có sự xác nhận đâu là chính pháp, đâu là tà pháp.

Thứ hai, sử dụng Internet phần lớn là những người trẻ, là học sinh, sinh viên - những người cả tin, luôn tò mò muốn biết mọi thứ nhưng họ chưa có kinh nghiệm sống, còn non nớt, thiếu chín chắn, luôn quyết định và hành động nhanh, hấp tấp, vội vàng vì thế mà rất dễ bị lợi dụng niềm tin tôn giáo, lôi kéo, dụ dỗ đi theo tà giáo, mê tín dị đoan.

Thứ ba, là sự giả mạo trang facebook của chùa, quý sư thầy, sư cô có uy tín để lừa đảo, lợi dụng lòng tin của người khác nhằm thỏa mãn mục đích cá nhân ích kỉ như phá hoại thanh danh, lừa tiền của của những người hảo tâm.

Tương tự như vậy, là các nhóm từ thiện, thiện nguyện lợi dụng danh nghĩa Phật giáo để nhằm mục đích lừa đảo hay vụ lợi cá nhân. Không những thế, điều đó còn làm ảnh hưởng xấu, tai tiếng cho pháp bố thí của những người chân chính.

Thứ tư, bất cập tiếp theo của việc ứng dụng CNTT vào việc truyền bá chính pháp là việc bị các hãng quảng cáo tự ý chèn video, hình ảnh quảng cáo không phù hợp vào bài thuyết pháp cần sự tôn nghiêm hoặc các bài quảng cáo làm gián đoạn video thuyết pháp, gián đoạn dòng suy nghĩ của người thính pháp. Đó là vấn đề hết sức nan giải và chưa có cách giải quyết triệt để. Nhiều video thuyết pháp bị tùy tiện chèn quảng cáo vào vì họ biết được đó là những video có hàng triệu lượt xem vì thế mà quảng cáo của họ cũng sẽ có hàng triệu lượt xem mà không tốn phí.

Giải pháp khắc phục

Bên cạnh sự phức tạp của thế giới mạng, của Vạn vật kết nối mà chúng ta buộc phải chấp nhận cả những điều tích cực lẫn tiêu cực, Phật giáo các nước và các tổ chức hay hội đoàn Phật giáo quốc tế có uy tín nên công bố những trang truyền thông chính thống của mình để làm cơ sở tra cứu chuẩn mực cho Phật tử khắp nơi. Những trang này có thể đăng tải các tài liệu về Phật giáo hay các bài thuyết pháp chính pháp có chất lượng về âm thanh, hình ảnh cũng như tạo ra các mục nhằm trao đổi và giải đáp những thắc mắc của người đọc hay người tìm hiểu về Phật pháp.

Ngoài ra, trong chương trình giảng dạy, ngoài những tư tưởng cốt lõi của đạo Phật cũng cần được cập nhật những giáo lý về toán học, y học, công nghệ IT v.v… để Phật tử có thể cảm nhận rõ ràng về sự tiến bộ, khoa học của Phật giáo trong bối cảnh xã hội mới. Đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành của các cơ quan Phật giáo.

KẾT LUẬN/THÔNG ĐIỆP:

Con người là trung tâm của xã hội. Mọi tiến bộ khoa học, kỹ thuật, xã hội, kinh tế, chính trị, tôn giáo đều phải vì con người, phục vụ cho con người và cải thiện cuộc sống của con người. Lịch sử nhân loại cho thấy, chưa có cuộc cách mạng khoa học nào bên cạnh những thành quả đạt được mà không mang theo những thách thức, tiêu cực và hiểm họa cho con người. Trước những cơ hội cũng như thách thức đặt ra của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, các vấn đề của con người và xã hội ngày càng trở nên phức tạp. Tôn giáo được coi là cứu cánh để giúp con người xử lý các vấn đề này. Trong các tôn giáo, Phật giáo với triết lý và tư tưởng của mình xứng đáng chiếm một chỗ đứng quan trọng trong xã hội hôm nay và mai sau.

Phật giáo nhập thế lấy con người làm trọng tâm trong mối giao hoà với xã hội và chia sẻ trách nhiệm xã hội, trong mối quan hệ hài hòa giữa con người với thiên nhiên, được thiên nhiên bao bọc, nuôi dưỡng. Do đó, trong bối cảnh phát triển của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 hiện nay, Phật giáo *hoàn toàn* có thể giúp đỡ thế giới hướng tới một xã hội bền vững trên toàn cầu, tham gia xây dựng và hình thành một xã hội phát triển bền vững ở phạm vi quốc gia và trên toàn thế giới. Bởi vì, Phật giáo thúc đẩy tinh thần khoan

dung trong mỗi người, đây chính là chìa khóa để ngăn ngừa xung đột (chiến tranh), giúp xây dựng được nền văn hóa hòa bình trên thế giới. Phật giáo giúp giải quyết những xung đột đang diễn ra, không phải bằng cách can thiệp trực tiếp vào các xung đột mà có thể tư vấn cho các nhà chính trị cách giải quyết được xung đột một cách dung hòa. Tuyên truyền triết lý nhà Phật là dùng sự tha thứ và lòng yêu thương để đáp lại lòng thù hận, thì mới hóa giải được sự thù hận cũng như các đạo lý gốc rễ khác như duyên sinh, duyên khởi, và giáo lý căn bản Bát chính đạo, Tứ diệu đế v.v… sẽ góp phần duy trì được nền hòa bình một cách bền vững trên thế giới. Vesak 2019 hôm nay là một diễn đàn như thế. Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững - thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ giúp mỗi chúng ta cùng chiêm nghiệm, nhìn nhận lại con đường đi, phương hướng đã lựa chọn để có được cho mình sự lựa chọn đạo đức nhất, hoàn hảo nhất và bền vững nhất.

Như Einstein, nhà vật lý học người Đức đã phát triển thuyết tương đối tổng quát, một trong hai trụ cột của vật lý hiện đại, cũng là một trong những nhà khoa học vĩ đại nhất mọi thời đại đã nói:

"The religion of the future will be a cosmic religion. It would transcend a person God and avoid dogmas and theology. Covering both the natural and the spiritual, it should be based on a religious sence, arising from the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unity. Buddhism answers this description"

(Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lĩnh vực trên trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó).

Phát biểu này của A. Einstein được nêu trong cuốn *Welcoming Flowers* from *Across the Cleansed Threshold of Hope: An Answer to the Pope's Criticism of Buddhism*, của tác giả Thinley Norbu (Nxb. New York: Jewel Publishing House, 1997).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thinley Norbu (1997), Đón hoa từ khắp ngưỡng cửa của hy vọng: Trả lời phê bình của Giáo hoàng về Phật giáo (Welcoming Flowers from Across the Cleansed Threshold of Hope: An Answer to the Pope's Criticism of Buddhism), NXB New York: Jewel Publishing House.

P.D. Premarisi (2002), Buddhist Ethics, Moral Perfection and Modern Society, Hiệp hội Xuất bản Phật giáo, Sri Lanka.

L*ászló szombatfalvy* (2009), Những thách thức lớn nhất của thời đại của, NXB Ekerlids Publishing House.

Hoang Phong chuyển ngữ (2012), BUDDHADASA, Quyển sách cho nhân loại Tóm lược Đạo Pháp của Đức Phật, Nhà Xuất Bản Phương Đông.

Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính Phủ)

Kagermann, H., Wahlster, W., & Helbig, J. (2013), Các khuyến nghị để thực hiện sáng kiến chiến lược CÔNG NGHIỆP 4.0. Báo cáo cuối cùng về Công nghiệp 4.0 (Recommendations for implementing the strategic initiative INDUSTRIE 4.0. Final report of the Industrie 4.0)

BCG: Boston Consulting Group (2015), Công nghiệp 4.0. Tương lai của năng suất và tăng trưởng trong các ngành sản xuất (Industry 4.0. The Future of Productivity and Growth in Manufacturing Industries).

Hermann M, Pentek T., & Otto, B (2015), Nguyên tắc chung cho các kịch bản công nghiệp 4.0: Xem xet hiện trạng tài liệu (Design principles for industrie 4.0 scenarios: A literature review). Working paper No. 01 / 2015. ISO/IEC CD 30141 - Internet of Things Reference Architecture (IoT RA)

Kohler & Weisz (2015), "Cách mạng 4.0 : Chiến lược số nào ?", NXB Bpifrance Industrie 4.0.

Nhiều tác giả, 2016, Bộ dẫn luận Phật giáo, NXB Hồng Đức.

PwC 2016, Báo cáo Hoạt động kỹ thuật *số* toàn cầu 2016

Klaus Schwab (2017), Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (The Fourth Industrial Revolution), NXB Currency.

Viện nghiên cứu Phật giáo Pháp: https://bouddhismes.net/

Viện Theo Dõi Môi Trường Thế Giới Worldwatch : www.worldwatch.org

Chỉ số xã hội bền vững: www.ssfindex.com

Cổng thông tin điện tử Phật giáo tại Việt Nam: www.phatgiao.org.vn

DỊCH KINH ĐIỂN SỬ DỤNG NHỮNG TIẾN BỘ GẦN ĐÂY TRONG TRÍ HUỆ NHÂN TẠO

TS. Trần Tiễn Khanh*

TÓM TẮT

Trí tuệ nhân tạo (AI), đặc biệt là các thiết bị học bằng máy móc, đã bắt đầu ảnh hưởng đến nhiều hoạt động trong ngày của đời sống chúng ta. Bài viết này sẽ tập trung vào việc áp dụng những tiến bộ gần đây trong dịch máy đối với Phật giáo, cụ thể là bản dịch của kinh Phật, đặc biệt là kinh điển Đại Thừa hay Bắc Truyền, từ Trung Quốc sang tiếng Anh. Đại chánh tân tu Đại Tạng kinh (Tam tạng kinh điển) gồm hơn 70 triệu chữ Hán và 2.372 bộ kinh chia thành tạng kinh, tạng luật và tạng luận.

Trong những năm gần đây, nhiều tổ chức quốc tế tại Nhật Bản và Mỹ đã dịch kinh điển Đại Thừa. Tuy nhiên, vẫn có quá nhiều kinh chưa được dịch. Từ năm 2006, Tuệ Quang Wisdom Light Foundation đã cam kết sẽ dịch các bộ Tam tạng kinh điển sang tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Pháp.

Hiện tại, chúng tôi đã và đang phát triển phần mềm máy tính dựa trên cách tiếp cận thay thế, từ đó thực hiện các bản dịch thô của toàn bộ Đại tạng kinh trong vòng chưa đầy 60 giờ đồng hồ.

Bản dịch thô của chúng tôi dựa trên từ thay thế sẽ chính xác hơn dùng Google dịch nhưng vẫn còn nhiều các lỗi ngữ pháp và do đó, đòi hỏi phải chỉnh sửa thủ công tỉ mỉ.

* Người dịch: Như Nguyệt

Trong nhiều năm qua, chúng tôi đã bảo trợ nhiều biên tập viên để phát triển phiên bản tiếng Việt của Đại Tạng kinh gần như hoàn thành.

Đối với phiên bản tiếng Anh, chúng tôi dự định sử dụng những tiến bộ mới nhất trong trí tuệ nhân tạo (AI) để nâng cao tính chính xác của bản dịch máy tính. Bài viết này sẽ xem xét những tiến bộ gần đây trong việc học bằng máy, đặc biệt là máy dịch thuật nơron (NMT).

NMT dịch một chuỗi các từ và toàn bộ cụm từ sử dụng mạng lưới nơron nhân tạo lớn, giống như tế bào thần kinh trong não của con người. Ngoài một cuốn từ điển, NMT học từ một cơ sở dữ liệu lớn các văn bản song song Hán ngữ - Anh ngữ.

Ngữ liệu Phật giáo quan trọng này được lấy từ các kinh nổi tiếng như kinh A Di Đà, kinh Kim Cang, kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm.

NMT dự kiến sẽ được chính xác hơn phương pháp thay thế từ và các chi phí đối với nguồn tài nguyên của máy tính cũng cao hơn. Chúng tôi sẽ phát triển một ứng dụng NMT trên cơ sở thư viện Hoa Sen được phát triển bởi Google Brain và trình bày một số bản dịch sơ bộ của NMT tại hội thảo.

Chúng tôi hoàn toàn nhận thấy rằng bản dịch của một Đại Tạng Kinh bằng tiếng Anh đòi hỏi nỗ lực kéo dài qua nhiều năm, từ nhiều các chuyên gia và các biên tập viên uyên bác. Tuy nhiên, chúng tôi cũng tin tưởng rằng tất cả Phật tử, tu sĩ, có thể tham gia và đóng góp cho công tác Phật sự quan trọng này.

Để khuyến khích sự tham gia rộng rãi của tất cả Phật tử, chúng tôi đang làm mạng lưới dịch thuật tiếng Anh trực tuyến trên máy tính tại The Compassion Network of Rev. Guo Cheen. Chúng tôi mong đợi sự tham gia tích cực của quý Phật tử thông qua Wiki Open để nahnh chóng dịch xong Đại Tạng Kinh.

1. GIỚI THIỆU

Trí tuệ nhân tạo (AI), đặc biệt là học máy (Machine learning), đã bắt đầu tác động đến nhiều hoạt động trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Trong những năm gần đây, những tiến bộ lớn đã xảy ra

trong một số lĩnh vực, từ chẩn đoán y tế đến xe không người lái. Từ năm 2015, sự phát triển nhanh chóng cũng đã được hiện thực hóa trong lĩnh vực dịch máy (MT). Bài viết này sẽ tập trung vào việc áp dụng các tiến bộ MT gần đây cho Phật giáo, cụ thể là dịch các kinh điển Phật giáo, đặc biệt là các kinh điển trong Mahāyāna hoặc Tripitaka Truyền thống phương Bắc, từ tiếng Trung sang tiếng Anh.

2. ĐẠI CHÁNH TÂN TU ĐẠI TẠNG (TAISHŌ TRIPITAKA)

Các bộ kinh Đại thừa (Mahāyāna) được sắp xếp thành Kinh điển (diễn ngôn), Vinayas (giới luật) và Śāstras (luận tạng). Tổng hợp lại, chúng được gọi là Tripitaka (Tam Tạng). Các văn bản này đã được dịch chủ yếu từ tiếng Phạn sang tiếng Trung Quốc trong hơn 1.200 năm, từ cuối triều đại nhà Hán sau này (thế kỷ thứ II) cho đến triều đại nhà Tấn (thế kỷ XIII). Bộ kinh được dịch đầu tiên là ***Tứ thập nhị chương*** vào năm 76. Trong số rất nhiều dịch giả, những người nổi tiếng nhất bao gồm Kumārajīva (344 - 413) và Huyền Trang (599 - 644).

Trong một số phiên bản Tam Tạng, được sử dụng rộng rãi nhất hiện nay là ***Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng.*** Trong chín năm (1924 - 1932), Đại Tạng này được biên soạn bởi hai học giả tại Đại học Tokyo, Takakusu Junjirō (1866 - 1945) và Watanabe Kaikyoku (1872 - 1932). Nó được xuất bản thành 85 tập dưới triều đại Taishō và do đó, tên của nó là ***Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*** (Taishō Tripitaka). Các bộ kinh Đại thừa chủ yếu ở các cuốn 1 - 55 và 85 (các cuốn khác thuộc về Phật giáo Nhật Bản). Với hơn 70 triệu ký tự Hán tự, chúng được sắp xếp thành 9. 035 phiên bản và 2.372 bộ kinh. Độ dài của các bộ kinh rất khác nhau, từ Tâm Kinh ngắn (phiên bản của Huyền Trang chỉ có 260 từ) cho đến Đại Kinh Prajnā đồ sộ (600 phiên bản).

Những tiến bộ trong công nghệ máy tính trong những năm gần đây cho phép phát triển một Tam Tạng điện tử. Từ năm 1998, Hiệp hội kinh điển điện tử Phật giáo Trung Hoa[1] đã xuất bản một đĩa CD/DVD chứa các bộ Kinh Mahāyāna của ***Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh.*** Phiên bản mới nhất có thể được tải xuống từ trang web của CBETA. Sự sẵn có của các bộ kinh kỹ thuật số như CBETA tạo

1. CBETA, http://www.cbeta.org.

điều kiện thuận lợi cho việc dịch thuật các tài liệu này, đặc biệt là dựa trên máy tính, từ tiếng Trung sang tiếng Anh.

3. DỊCH THUẬT TIẾNG ANH THỦ CÔNG

Như đã mô tả ở trên, Đại Tam Tạng Kinh của Phật giáo Đại thừa (Mahāyāna Tripitaka) bao gồm nhiều bộ kinh. Nhiều tổ chức, học giả và các cá nhân ở Mỹ, Nhật Bản và các nơi khác đã tham gia dịch các văn bản này. Trong số này có Hiệp hội dịch thuật văn bản Phật giáo[2] và Thành phố Vạn Phật của Mỹ[3]. Những nỗ lực này đòi hỏi nhiều công sức, tốn thời gian và chi phí. Họ cũng yêu cầu một số chuyên gia vì được thực hiện thủ công. Họ đã dịch một số bản văn phổ biến như Kinh A Di Đà (Amitābha Sutra), Kinh Kim Cương, Kinh Pháp Hoa và Kinh Hoa Nghiêm. Danh sách các bản kinh được dịch có sẵn tại http://vnbaolut.com/sutras/ và http://fodian.net/world/. Trong số 2.372 bộ kinh thuộc Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng của Phật giáo Đại thừa (Taishō Mahāyāna Tripitaka), chưa đến 10% được dịch. Vì vậy, vẫn còn quá nhiều kinh điển chưa được dịch.

4. DỊCH THUẬT TIẾNG ANH TRÊN MÁY TÍNH

Phật giáo là một tôn giáo lớn ở Việt Nam trong hơn 2.000 năm. Tuy nhiên, chúng ta không có một bộ Tam Tạng hoàn chỉnh bằng tiếng Việt. Cho đến đầu thế kỷ XX, tiếng Hán phồn thể là ngôn ngữ viết chính thức. Ngày nay, hầu hết người Việt Nam không biết đọc tiếng Trung. Hơn nữa, nhiều bản dịch các bộ kinh Phật giáo vẫn còn nặng với các thuật ngữ Trung Quốc rất khó hiểu. Từ năm 2006, Tổ chức Tuệ Quang Wisdom Light đã cam kết dịch các Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng sang tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Pháp (Trần và Trần 2006). Vào thời điểm hiện tại, chúng tôi đã phát triển phần mềm máy tính dựa trên phương pháp thay thế từ và một từ điển toàn diện về các thuật ngữ Phật giáo. Trong công việc dịch thuật, chúng tôi đã biên soạn một từ điển đa ngôn ngữ gồm hơn 40.000 thuật ngữ Phật giáo bằng tiếng Trung, tiếng Phạn, tiếng Việt và tiếng Anh. Công cụ dịch thuật thực hiện bản dịch thô toàn bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng trong vòng chưa đầy 60 giờ.

---

2. http://www.cttbusa.org/cttb/btts.asp.
3. BDK, http://www.bdkamerica.org.
4. xem Phụ lục B.

Các bản dịch sơ bộ của chúng tôi dựa trên thay thế từ chính xác hơn so với các bản dịch từ Google Dịch, vốn không có văn thể Phật giáo chuyên ngành[4]. Tuy nhiên, chúng vẫn còn đầy lỗi ngữ pháp và do đó, đòi hỏi nhiều nỗ lực chỉnh sửa thủ công. Trong nhiều năm qua, chúng tôi đã tài trợ cho một số biên tập viên để phát triển phiên bản tiếng Việt của *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng* sắp hoàn thành[5].

Đối với bản Tam Tạng tiếng Anh, chúng tôi đang sử dụng những tiến bộ mới nhất về trí tuệ nhân tạo (AI) để nâng cao độ chính xác của bản dịch máy tính. Trong những năm gần đây, những tiến bộ trong học máy và đặc biệt là dịch máy được tập trung vào thần kinh dịch máy dịch thuật (NMT). NMT là một cách tiếp cận tương đối mới, nó dịch một chuỗi các từ và toàn bộ cụm từ sử dụng các mạng lưới thần kinh nhân tạo lớn, giống như các nơ-ron trong não người. Một mô hình NMT thường bao gồm một bộ mã hóa và bộ giải mã. Bộ mã hóa trích xuất một đại diện có độ dài cố định từ câu đầu vào, có độ dài thay đổi và bộ giải mã tạo ra một bản dịch chính xác từ đại diện này. Ngoài từ điển, NMT học từ một cơ sở dữ liệu lớn các bộ kinh song song Trung - Anh. Chúng tôi đã tập hợp một kho Phật giáo gồm hơn 100.000 mục được lấy từ các bản dịch nổi tiếng như **Kinh A Di Đà**, **Kinh Kim Cương**, **Kinh Pháp Hoa và Kinh Hoa Nghiêm**. Ứng dụng dịch thuật của chúng tôi dựa trên OpenNMT từ Đại học Harvard (2019) và các thuật toán Deep Learning khác trong thư viện TensorFlow được phát triển bởi Google (2019).

Phụ lục A thể hiện một bản dịch mẫu của Kinh Kim Cương. Như được hiển thị, mỗi dòng tiếng Trung Quốc được theo sau bởi ba dòng dịch: Hán - Việt, tiếng Việt và tiếng Anh. Từ các văn bản tương tự, có thể trích xuất từ song ngữ Trung - Anh để sử dụng kho ngữ liệu. Các tệp riêng biệt bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh cũng có thể dễ dàng lấy được dưới dạng tệp văn bản UTF-8. NMT dự kiến sẽ chính xác hơn phương pháp thay thế từ với chi phí sử dụng nhiều tài nguyên máy tính hơn. Từ năm 2016, NMT đã được sử dụng bởi các dịch giả trực tuyến từ Google và Microsoft. Cả hai dịch vụ dịch thuật này đều làm tốt công việc dịch các bài báo và thư kinh doanh. Tuy nhiên, như được thể hiện trong Phụ lục B, Google

5. http://vnbaolut.com/daitangvietnam/.

Dịch làm không tốt việc dịch một vài câu đầu của Kinh Kim Cương. Hiệu suất kém này là do không quen thuộc với thuật ngữ Phật giáo và thiếu một ngữ liệu song song chuyên về Phật giáo.

5. CHƯƠNG TRÌNH DỊCH ĐỀ XUẤT

Dựa vào kinh nghiệm với sự phát triển của Tam Tạng tiếng Việt, chúng tôi đề xuất chương trình với 5 giai đoạn như sau:

i. Tinh chỉnh phần mềm dịch thuật của chúng tôi bằng cách thực hiện những tiến bộ mới nhất trong NMT tiếng Trung - Anh, bao gồm ngữ cảnh, trật tự từ và phân tích từ vựng. Việc đầu vào quan trọng và tốn thời gian là để tăng kích thước của khối song song Phật giáo - càng lớn càng tốt. Phần mềm tinh chỉnh sẽ được kiểm tra bằng cách áp dụng cho các kinh điển phổ biến như **Kinh A Di Đà**, **Kinh Kim Cương**, **Kinh Dược Sư**, **Kinh Pháp Hoa** và **Kinh Pháp Bảo Đàn** của Lục Tổ (the Sixth Patriarch's Platform Sutra);

ii. Áp dụng phần mềm để dịch bộ Tam Tạng tiếng Trung. Với phần mềm được cải tiến ở bước 1, độ chính xác của các văn bản dịch sẽ được nâng lên;

iii. Chỉnh sửa các văn bản dịch. Do số lượng bộ kinh (9.035) quá lớn, nên sẽ rất cần sự hỗ trợ của các biên tập viên từ Mỹ và các nơi khác. Họ có thể đến từ nhiều học viện Phật giáo, các trường Đại học cũng như các tình nguyện viên từ các ngôi chùa và các nhóm thực hành Phật pháp;

iv. Xem xét và phê duyệt của các Sư Thầy

v. Xuất bản các tác phẩm cuối cùng trực tuyến, bằng các phương tiện điện tử (CD/DVD) để phân phối miễn phí.

Chúng tôi nhận thấy rằng, bản dịch của một bộ Tam Tạng tiếng Anh đòi hỏi nỗ lực nhiều năm từ các chuyên gia và các biên tập viên. Tuy nhiên, chúng tôi cũng tin rằng tất cả các Phật tử, cư sĩ hoặc tu sĩ, có thể tham gia và đóng góp cho công việc Phật giáo quan trọng này. Để khuyến khích sự tham gia rộng rãi của tất cả các Phật tử, chúng tôi đang tạo ra việc dịch thuật tiếng Anh trên máy tính trực tuyến tại mạng lưới Từ Bi của Rev. Guo Cheen[6]. Chúng tôi hy vọng sẽ đẩy nhanh bản dịch Tam Tạng nhờ sự tham gia tích cực của các Phật tử khác thông qua Open Wiki. Bất kỳ Phật tử nào tuân thủ Năm giới đều được hoan nghênh đăng ký làm biên tập viên và giúp: (i). Dịch từ tiếng Trung sang tiếng Anh,

6. http://thecompassionnetwork.org/.

(ii). Xem lại bản tiếng Anh so với tiếng Trung và (iii). Chỉnh sửa và đọc lại bản tiếng Anh. Chúng ta hãy cầu nguyện cho chư Phật sớm có một bộ Tam tạng tiếng Anh hoàn chỉnh.

REFERENCES

1. Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA). The 2018 Taisho DVD. Available from website http://www.cbeta.org

2. Google Brain (2019). TensorFlow. Available from website https://tensorflow.org

3. Harvard University (2019). OpenNMT. Available from website http://opennmt.net

4. Tran, Khanh T. and Tran, Huyen T. (2006). Computer Translation of the Chinese Taishō Tripitaka. Available at http://vnbaolut.com/sutras/ComputerTranslationoftheChineseTripitaka.pdf

5. Tuệ Quang Wisdom Light Foundation, More information are available from Websites

6. http://vnbaolut.com/sutras/ (English)

7. http://vnbaolut.com/daitangvietnam/ (Vietnamese)

APPENDIX A

Sample Translation of the Diamond Sutra

NOTE: A complete translation of the Diamond Sutra is available at Tuệ Quang Wisdom Light Foundation website http://vnbaolut.com/sutras/TQtranslate_DiamondSutra.pdf

Taishō Tripitaka Vol. 8, No. 235 金剛般若波羅蜜經

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.13 (UTF-8) Normalized Version

金剛般若波羅蜜經

Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh

Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật

Diamond Prajna Paramita (Perfect Wisdom) Sutra

姚秦天竺三藏鳩摩羅什譯

Diêu Tần Thiên Trúc Tam Tạng Cưu Ma La Thập dịch

Diêu Tần Thiên Trúc Tam Tạng Cưu Ma La Thập dịch

Translated by Indian Tripitaka Master Kumarajiva in the Dao Qin Dynasty

如是我聞。一時佛在舍衛國祇樹給孤獨園。

Như thị ngã văn . Nhất thời Phật tại Xá vệ quốc Kì-Thọ Cấp-Cô-Độc viên.

Tôi nghe như vầy . Một thuở nọ, đức Phật ở nước Xá vệ, trong vườn Kì-Thọ của Ông Cấp-Cô-Độc.

Thus have I heard . Once Buddha resided in the country of Śrāvastī, at the Jeta (Victory) Grove of Anathapindika (Provider to the Orphans and the Solitaires).

與大比丘眾千二百五十人俱。

dữ đại bỉ khâu chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.

với đại chúng gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ kheo.

with a grand assembly of one thousand two hundred fifty Bhiksus (monks).

爾時世尊食時著衣持鉢入舍衛大城乞食。

Nhĩ thời Thế tôn thực thời trước y trì bát nhập Xá-Vệ đại thành khất thực.

Lúc bấy giờ, gần đến giờ ăn, Đức Thế Tôn đắp y cầm bát, vào thành lớn Xá-Vệ khất thực.

At that time, near meal time, World-Honored One put on a robe, held his alm bowl and entered the great city of Shravasti to beg for alms.

於其城中次第乞已。還至本處飯食訖。

Ư kỳ thành trung thứ đệ khất dĩ . hoàn chí bổn xứ phạn thực cật.

Trong thành đó, sau khi khất thực tuần tự từng nhà, đức Phật trở

về tịnh xá. Dùng cơm xong,

In that city, after begging successively from door to door, he returned to his retreat. When he finished eating,

收衣鉢洗足已敷座而坐。時長老須菩提在大眾中。

thu y bát tẩy túc dĩ phu tọa nhi tọa . Thời Trưỡng Lão Tu Bồ Đề tại Đại chúng trung.

cất y bát, rửa chân, trải tọa cụ và ngồi xuống . Bấy giờ, Trưỡng Lão Tu Bồ Đề (Thiện Hiện), ở trong Đại chúng,

he put away his robe and his alm bowl, washed his feet, spread a seating mat and sat down . At that time, Venerable Subhūti (Good Apparition), in the assembly,

即從座起偏袒右肩右膝著地。

tức tùng toạ khởi thiên đản hữu kiên hữu tất trước địa.

từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, quỳ gối phải sát đất,

rose from his seat, uncovered his right shoulder, knelt on the right knee to the ground,

合掌恭敬而白佛言。希有世尊。如來善護念諸菩薩。

hợp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn . Hi hữu Thế tôn . Như-Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát.

cung kính chấp tay và bạch cùng Đức Phật rằng: Hi hữu thay Đức Thế Tôn, Đức Như-Lai hay khéo nâng đở các Bồ Tát,

and, with his palms joined together, respectfully said to Buddha: It's extraordinary, World-honored One, the Thus-Come-One (Tathagata) is well supportive of all Bodhisattvas,

善付囑諸菩薩。世尊。善男子善女人。

thiện phó chúc chư Bồ Tát . Thế tôn . Thiện nam tử Thiện nữ nhân.

hay khéo giao phó cho các Bồ Tát . Bạch Thế Tôn, khi Thiện nam Thiện nữ

and entrusting so well all Bodhisattvas . World-honored One, if good men and good women

發阿耨多羅三藐三菩提心。

phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề tâm.

phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

engender the mind of supreme and perfect enlightenment.

應云何住云何降伏其心。佛言。善哉善哉。須菩提。如汝所說。

ưng vân hà trụ vân hà hàng phục kỳ tâm . Phật ngôn . Thiện tai Thiện tai . Tu Bồ Đề . như nhữ sở thuyết.

thì phải trú ở tâm ấy như thế nào, và phải sửa tâm mình như thế nào? Đúc Phật dạy: Lành thay! Lành thay! Này Tu Bồ Đề , như Ông nói ,

how should they abide there and how should they subdue their mind ? . Buddha said: Excellent! Excellent ! Subhūti, just as you say,

如來善護念諸菩薩。善付囑諸菩薩。

Như-Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát . thiện phó chúc chư Bồ Tát .

Như-Lai hay khéo bảo hộ và nhớ nghĩ các Bồ Tát, hay khéo giao phó các Bồ Tát.

The Thus-Come-One (Tathagata) always protects and is well mindful of all Bodhisattvas and is well enstrusting all Bodhisattvas .

汝今諦聽。當為汝說。善男子善女人。

nhữ kim đế thính . đương vi nhữ thuyết . Thiện nam tử Thiện nữ nhân.

Hãy nghe kỹ ! Ta sẽ vì Ông mà dạy cho hàng Thiện nam Thiện nữ,

Listen carefully! Because of you, I will instruct how good men and good women,

發阿耨多羅三藐三菩提心。

phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề tâm.

phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

when they engender the mind of supreme and perfect enlightenment,

應如是住如是降伏其心。唯然世尊。願樂欲聞。

ưng như thị trụ như thị hàng phục kỳ tâm . Duy nhiên Thế tôn . nguyện lạc dục văn .

được ở tâm ấy và sửa chửa tâm mình. Dạ phải, Đức Thế Tôn, con vui mừng xin muốn nghe.

will be able to abide there and subdue their mind . Yes, World-honored One, I would joyfully want to listen.

佛告須菩提。

Phật cáo Tu Bồ Đề.

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề :

Buddha said to Subhūti:

諸菩薩摩訶薩應如是降伏其心。所有一切眾生之類。

Chư Bồ Tát Ma-Ha tát ưng như thị hàng phục kỳ tâm . sở hữu nhất thiết chúng sanh chi loại.

Các Đại Bồ Tát phải sửa chữa tâm mình như thế này. Tất cả chúng sinh.

All Great Bodhisattvas should subdue their mind as follows . All sentient beings

若卵生若胎生若濕生若化生。若有色若無色。若有想若無想。

nhược noãn sanh nhược thai sanh nhược thấp sanh nhược hóa sanh . nhược hữu sắc nhược vô sắc . nhược hữu tưởng nhược vô tưởng.

dù sanh từ trứng, từ bào thai, từ ẩm thấp, từ biến hóa, có hình sắc hay không hình sắc, có tư tưởng hay không tư tưởng,

whether egg-born, womb-born, wetness- born, or born of transformation; whether with form or no form; whether with thought or no thought.

若非有想非無想。

nhược phi hữu tưởng phi vô tưởng.

hoặc chẳng có tư tưởng chẳng không có tư tưởng,

or whether neither with thought nor without thought,

我皆令入無餘涅槃而滅度之。如是滅度無量無數無邊眾生。

ngã giai lệnh nhập Vô-Dư Niết-Bàn nhi diệt độ chi . như thị diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh.

Ta đều khiến tất cả được nhập Niết-Bàn hoàn toàn mà được diệt độ. Dù diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sinh,

I will lead all to enter the No-Residual (complete) Nirvana to be liberated . Though I have liberated an infinite, countless and boundless number of sentient beings,

實無眾生得滅度者。何以故。須菩提。

thật vô chúng sanh đắc diệt độ giả . hà dĩ cố . Tu Bồ Đề.

mà thật ra không có chúng sinh nào được diệt độ cả. Vì sao? Này Tu Bồ Đề!

in reality not one sentient is getting liberated . Why? Subhūti !

若菩薩有我相人相眾生相壽者相。即非菩薩。

nhược Bồ Tát hữu ngã tướng nhân tướng chúng sanh tướng thọ giả tướng . tức phi Bồ Tát.

Nếu Bồ Tát nào vẫn còn có tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, thì chẳng phải là Bồ Tát.

If a Bodhisattva still has the images of a self, the images of a person, the images of sentient beings or the images of a life span, then he is not a Bodhisattva.

APPENDIX B

Sample Translation from Google Translate (Jan. 25, 2019)

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VÀ CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

Đại đức Jeongwan Sunim*

1. GIỚI THIỆU

Sự số hóa của giáo dục và học thuật đang được tranh luận rất nhiều. Gần đây, trong tất cả các lĩnh vực của Hàn Quốc, cuộc cách mạng công nghiệp và trí tuệ nhân tạo lần thứ tư được đề cập trong các lĩnh vực quan trọng. Nhiều nhà kinh tế dự đoán rằng sự phát triển và số hóa khoa học và công nghệ đã thay đổi mọi thứ. Tốc độ cũng như sự thay đổi của sự đổi mới đó đã bùng nổ tại Diễn đàn Kinh Tế Thế giới. (Schwab, 2016). Những thay đổi trong tổ chức và cá nhân trên toàn thế giới chính là cuộc cách mạng hoàn toàn khác với trước đây và cơ bản hơn. Sự thay đổi đang xảy ra trong các phương pháp của giao tiếp với các phương pháp công tác xã hội. Mỗi chính phủ và tổ chức đang chuẩn bị cho một sự chuyển đổi hệ thống nhanh chóng. Trong lĩnh vực giáo dục và chăm sóc sức khỏe, chúng tôi đang nỗ lực cải thiện hệ thống trong khi trực tiếp trải nghiệm sự phát triển của công nghệ nhiệt hạch.

Sự phát triển của khoa học và công nghệ đổi mới đã đóng một vai trò như là chất xúc tác để định dạng lại bản sắc nhân sinh quan và thế giới quan. Sự thay đổi trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư không phải là câu hỏi duy nhất về những gì sẽ thay đổi. Chúng ta phải đặt câu hỏi cơ bản về chúng ta là ai và thế giới này được cấu thành như thế nào. Chúng ta cần lo lắng về việc liệu sẽ có bất kỳ thay đổi nào trong bản sắc hiện tại của con người và thiên nhiên mà chúng ta đã có. Chúng ta cũng nên nghĩ về bằng cách nào mà Trí tuệ nhân tạo

* Người dịch: Nhuận Tâm

nhận ra những suy nghĩ và cảm xúc mà chúng ta coi như là con người. Để đáp ứng với sự thay đổi xã hội này, chúng ta cần phải lo lắng về các vấn đề tôn giáo và đạo đức mà con người chúng ta cần phải đối mặt.

Sự thay đổi của tôn giáo cũng sẽ không phải là một ngoại lệ trong quá trình chuyển đổi trong kỷ nguyên của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Không có gì có thể dự đoán tất cả các khía cạnh cụ thể của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư về tôn giáo. Tuy nhiên, sẽ có nhiều thay đổi, và sự thay đổi cần phải đi kèm với nhu cầu xã hội để mang lại cuộc sống của con người một cách tích cực nhất có thể. Trong bài viết này, tôi đang cố gắng tìm hiểu vấn đề giáo dục Phật giáo đang phải đối mặt trong kỷ nguyên của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo xu hướng thời đại này.

2. BỐN TRÍ TUỆ VÀ GIÁO DỤC PHẬT GIÁO

Klaus Schwab đã mô tả bốn trí tuệ con người sau đây có thể mang lại tiềm năng của sự đổi mới tàn khốc trong kỷ nguyên cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (Schwab, 2016: 251).

Đầu tiên là trí thông minh theo tình huống - bối cảnh. Khái niệm này đề cập đến khả năng dự đoán những thay đổi theo xu hướng và từ đó rút ra kết luận từ các sự kiện được lượm lặt trong từng mảnh ghép. Trí thông minh này cho phép một người hình thành các mối quan hệ cần thiết bất cứ lúc nào và bất cứ nơi đâu, phân tích những thông tin cần thiết, và để đưa ra quyết định tốt nhất có thể. Người mà có khả năng trí tuệ như vậy khi họ có thể tăng sự kết nối qua ranh giới và xây dựng những mạng lưới thành thạo.

Liên quan đến điều này, sự giáo dục theo Phật giáo dường như thu hút sự chú ý, rõ ràng nhất là trong sự hình thành và tăng cường mạng lưới giữa các tôn giáo.

Để hiểu hơn về các tình huống và bối cảnh này thì ta cần tăng sự kết nối và xây dựng mạng lưới để không bị giới hạn trong bối cảnh tôn giáo. Để giải quyết các vấn đề xã hội, cơ cấu và đạo đức mà chúng ta đang gặp phải và nhất định phải trải qua trong kỷ nguyên của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư thì điều cần thiết trong lúc này là cần phải tương tác và hợp tác với các tổ chức xã một cách đa dạng hơn, bao gồm cả những học viện, xã hội dân sự, chính phủ và doanh nghiệp.

Thứ hai là trí tuệ cảm xúc. Trí tuệ cảm xúc là khả năng nhận thấy

những suy nghĩ và cảm xúc của riêng một người và sử dụng chúng trong cuộc sống hàng ngày. Khái niệm này không đối lập với trí tuệ nhận thức vì trí tuệ nhận thức liên quan đến suy nghĩ lý trí. Thay vào đó, trí tuệ cảm xúc có khả năng sử dụng các chức năng nhận thức của não. Trên thực tế, nó đã được phát triển và sử dụng bởi các tập đoàn và tổ chức trong các chương trình tâm lý và văn hóa khác nhau. Các tổ chức mà có trí tuệ cảm xúc cao hơn thì thường có xu hướng sáng tạo hơn, và chúng có khả năng phục hồi nhanh hơn từ những vấn đề tình huống trong một thế giới thay đổi liên tục.

Trí tuệ cảm xúc - như là chức năng của trí tuệ và việc tận dụng nó như là cốt lõi của Phật giáo truyền thống, nó đã cung cấp nhiều cách học và đào tạo liên quan đến tâm trí. Tất nhiên, không thể đánh đồng tâm trí với cảm xúc thông qua trí tuệ cảm xúc (Emotional intelligence).Tuy nhiên, chúng ta cần cân nhắc hơn về trí tuệ cảm xúc, trên thực tế, đây là sự giao thoa giữa các chức năng tâm lý và não bộ - con đường này sẽ tốt hơn khi sử dụng khả năng nhận thức của tư duy. Nghiên cứu về tâm trí có thể là một cách tốt để phát triển trí tuệ cảm xúc (Emotional intelligence). Trong kỷ nguyên của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, những thay đổi được mong đợi trong các phương pháp giáo dục và phương tiện truyền thông về nghiên cứu tâm trí cho thấy rằng Phật giáo hiện nay đang cung cấp những yếu tố đó. Tuy nhiên, nội dung cơ bản của cách học và đào tạo cần phải được tiếp tục phát triển và tận dụng.

Thứ ba là trí tuệ sáng tạo: đó là khả năng liên tục khám phá những ý nghĩa và mục đích. Điều quan trọng nhất trong trí tuệ sáng tạo là chia sẻ (Schwab, 2016: 255), điều đó có nghĩa là cân bằng các phương hướng và phương pháp giữa các mục tiêu cá nhân và mục tiêu chung của toàn xã hội.

Một trong những thay đổi lớn nhất gây ra bởi số hóa là sự hình thành một xã hội định hướng cá nhân. Xã hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là siêu kết nối. Tất cả thông tin được chia sẻ khi phạm vi quan hệ của con người mở rộng trên toàn cầu. Khoảng cách vật lý hoặc không gian trở nên vô nghĩa và các giá trị, sở thích riêng lẻ được xác định như một thành viên trong cộng đồng. Giới trẻ quen thuộc với danh tính kỹ thuật số được tạo trên các nền tảng trực tuyến và trên phương tiện truyền thông hơn là danh tính là công dân.

Một trong những vấn đề cần được xem xét trong việc cân bằng giữa các cá nhân và tổ chức là bản sắc tôn giáo cá nhân. Giáo phái Phật giáo và các nhóm tôn giáo khác trước đây đã tìm cách hình thành và duy trì cùng một bản sắc giữa các tín đồ tôn giáo. Tuy nhiên, có thể bản sắc trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có thể được hình thành với một ý nghĩa khác với ý nghĩa của Phật giáo đương đại. Các cá nhân có thể thiết lập mối quan hệ với Phật giáo bằng cách tham gia vào hoạt động xã hội nhất định mà không nhất thiết phải tham gia trực tiếp. Những người mà không hết lòng với "Tam bảo" - cũng là Phật tử nhưng theo các giáo lý và chương trình tôn giáo. Có khả năng các tổ chức tôn giáo giao tiếp tự chủ bằng sự cần thiết, thay vì do ý thức về tôn giáo hoặc theo giáo phái, và các tôn giáo sẽ trở nên tích cực hơn so với hiện tại. Trong xã hội định hướng cá nhân, các cộng đồng Phật giáo cần nghĩ ra những cách thức thiết thực liên quan đến cá nhân và thiết lập các mục tiêu chung.

Trí tuệ thể chất là khái niệm thứ tư. Nó đề cập đến khả năng trau dồi và nuôi dưỡng sức khỏe và hạnh phúc cá nhân. Trí tuệ thể chất là một thuộc tính cần thiết để tối đa hóa ba trí tuệ được đề cập ở trên. Âm thanh cơ thể có tác động tích cực đến các chức năng nhận thức và cảm xúc mà chúng ta nghĩ và cảm nhận. Sự cân bằng giữa cơ thể, chức năng nhận thức và cảm xúc là một yếu tố không thể thiếu không chỉ ở thế giới thực mà còn ở một thế giới ảo trong thực tế hoặc tăng cường trong tương lai. Hiện tại, chúng tôi đang học cách quản lý và giám sát các chức năng và hoạt động của cơ thể thông qua các thiết bị cơ thể có thể đeo được, các quy trình liên quan đến cấy ghép trong nghiên cứu cơ thể và não. Trong xã hội siêu kết nối này, thông tin về các chức năng và hoạt động của cơ thể chúng ta sẽ trở thành dữ liệu, cung cấp cho chúng ta cơ hội trải nghiệm một thế giới mới mà thế giới này rất khác với thế giới vật chất của thời gian và không gian mà chúng ta trải nghiệm ngày nay.

Sự cân bằng giữa tâm trí và cơ thể thường được đề cập trong Phật giáo. Thật vậy, những thay đổi được mong đợi trong các phương pháp giáo dục và sự đánh giá trong các nghi lễ Phật giáo và thiền định nếu các thiết bị khác nhau có thể giám sát các chức năng vật lý được phát triển và áp dụng vào thực tiễn tôn giáo.

3. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ SỰ GIÁO DỤC TÔN GIÁO

Hình ảnh Đức Phật robot đầu tiên trên thế giới, Android Kannon (Quán Âm, Avalokiteśvara) đã được hoàn thành và được công bố vào ngày 23, tháng 2 năm ngoái tại Kodaiji (Cao Đài Tự) tại thành phố Kyoto. Sau khi các nhà sư Kodaiji và những người khác mở mắt kính ra, Đức Phật robot ấy đã giải thích đầu tiên để thuyết giảng những lời dạy trong Heart Sutra (Bát Nhã Tâm Kinh). Đối với Đức Phật robot này, Kodaiji (Cao Đài Tự) được sản xuất với sự hợp tác của Ogawa Kohei (Tiểu Xuyên Hạo Bình), giảng viên của Đại học Osaka (Đại học Đại Phản) từ tháng 9 năm 2017. Đức Phật robot có chiều cao 195 cm, chiều rộng 90 cm, chiều sâu 90 cm. Các bộ phận mặt và tay của nó được làm bằng silicone, nhưng hầu hết các bộ phận gợi lên trí tưởng tượng của con người, vì vậy nhôm là vật liệu được tiếp xúc. Vào ngày này, các nhà sư của Kodaiji đã đưa ra một yêu cầu pháp lý để chào đón bức tượng Bồ tát Kannon mới đến chùa. Ngoài ra, Đức Phật robot đã đi đến bài giảng Phật giáo đầu tiên trong khoảng 25 phút. Với chủ đề nội dung là Bát Nhã Tâm Kinh, nó nói, Śūnyatā (Không) có nghĩa là mọi thứ đều sẽ thay đổi.

Trí tuệ nhân tạo đã được phát triển để cung cấp các giải pháp tùy chỉnh tối ưu cho cuộc sống của con người thông qua việc thu thập thông tin liên tục và phân tích thuật toán trong thời gian thực. Tuy nhiên, trí tuệ nhân tạo hiện tại không còn là một công cụ có ý nghĩa ngay hiện tại. Mặc dù nó là một không gian ảo, nhưng nó đang mở rộng phạm vi của nó bằng cách bắt chước mối quan hệ với cảm xúc của con người. Các thuộc tính của sự tự phát triển liên tục của trí tuệ nhân tạo khác với nội tâm tôn giáo của con người. Tuy nhiên, chúng ta nên ghi nhớ khả năng rằng nó sẽ tự phát triển và thay đổi gần với đặc điểm của nhân sinh tôn giáo. Tình huống hiện tại có thể thấy trước là một vật thể được trang bị trí tuệ nhân tạo bắt chước các khía cạnh cảm xúc và tinh thần dưới hình thức giống với con người và được nhân hóa.

Nhân hóa trí tuệ nhân tạo có nghĩa là những thứ khác nhau được lập trình cho suy nghĩ và cảm xúc của con người có thể được sử dụng bằng cách hình thành mối quan hệ với con người trong không gian vật lý hoặc không gian ảo. Ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo phụ thuộc vào người kiểm soát trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, nó phụ thuộc vào việc trí tuệ nhân tạo có thể được kiểm soát trong thời gian dài hay không. Nếu tinh thần được gọi là vương quốc của

sattva, không thể phủ nhận rằng vật thể thông minh vẫn bắt chước thế giới tâm linh của con người, nhưng vẫn là lực lượng của vật chất để vượt qua. Nó là một chất được hình thành bởi con người và bắt chước con người, nhưng cuối cùng được kiểm soát bởi những con người phi nhân loại. Xem xét khả năng trí tuệ nhân tạo đóng vai trò của con người và được di chuyển bởi các lực lượng tập thể có thể kiểm soát con người, trước hết, điều cần thiết là học tập tôn giáo về trí tuệ nhân tạo.

Tư tưởng tôn giáo của trí tuệ nhân tạo theo nghĩa đen là dạy robot bằng trí tuệ nhân tạo. Một là cách lập trình trí tuệ nhân tạo để tôn trọng các giá trị cốt lõi của tôn giáo giống như nó học các quy tắc xã hội, các nguyên tắc toán học và luật pháp. Điều này là để đảm bảo rằng chức năng của sự phản ánh liên tục để có được giá trị phổ quát của tất cả các tôn giáo như tình yêu, sự tôn trọng đối với con người và cuộc sống được coi là thông tin thiết yếu.

Nếu điều này được phản ánh trong biểu mẫu, có khả năng các chương trình truyền thông sẽ có thể cho các robot bắt chước ngồi thiền, một người theo dõi các chương trình của robot, để truyền đạt những hiểu biết và ý tưởng tôn giáo. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư không thể thoát khỏi logic của chủ nghĩa tư bản và IoT (Internet of Things) và Trí tuệ nhân tạo nhằm tạo ra nhiều giá trị gia tăng. Do đó, có một vấn đề liên tục trong nhận thức xã hội là không thể theo kịp nội dung phát triển và tốc độ của trí tuệ nhân tạo ở nhiều nơi trong xã hội. Trong mối quan tâm này, Phật giáo và các tôn giáo khác quan tâm là một câu hỏi cơ bản của nhân loại và thế giới quan được tạo ra bởi trí tuệ nhân tạo.

Lý do tại sao giáo dục tôn giáo của Phật giáo cùng tồn tại trong bài diễn văn của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là bởi vì đó là cách tập hợp trí tuệ của nhân loại vào sự thay đổi xã hội mà Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ mang lại. Nó cũng có ý định thực hiện các biện pháp chống lại một số vấn đề đạo đức và tôn giáo mà chúng ta phải đối mặt với tư cách là con người trong kỷ nguyên của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Mặt khác, đó là một nỗ lực để thích nghi và tồn tại trong tổ chức giáo dục của Phật giáo trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với tư cách là một nhóm của xã hội. Khi môi trường giáo dục của kỷ nguyên Cách mạng công nghiệp lần thứ tư thay đổi, việc thay đổi cách giáo dục tôn giáo và

truyền thông giáo dục của Phật giáo là điều không thể tránh khỏi. Nội dung của giáo dục sẽ được phản ánh trong phân tích và giải thích các đặc điểm của kỷ nguyên Cách mạng công nghiệp lần thứ tư dựa trên học thuyết của Phật giáo. Mục đích của giáo dục là trao dồi năng lực con người cần thiết cho kỷ nguyên Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Trí tuệ nhân tạo học hỏi con người. Tương lai của nhân loại không phụ thuộc vào trí tuệ nhân tạo mà phụ thuộc vào những gì chúng ta làm. Ngoài ra, chúng ta không phải là một Thiên Chúa, cũng không phải là một tác nhân của Thiên Chúa. Con người không phải là chúa tể của mọi tạo vật. Nó chỉ là một trong những sinh vật nên chung sống cùng với nhau.

4. TÀI NĂNG MỚI TRONG KỶ NGUYÊN CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ VÀ GIÁO DỤC TÔN GIÁO CỦA PHẬT GIÁO

Phật giáo không chỉ có chức năng của tôn giáo mà còn có chức năng giáo dục. Đó là làm cho mọi người có thể hoàn thành nhân cách Phật giáo thông qua giáo dục về các lời dạy của Đức Phật (Kim, 1996: 39).

Đặc biệt là chức năng giáo dục của Phật giáo đại diện bởi trí tuệ có thể đã thành công trong việc bồi dưỡng các tài năng trí tuệ cần thiết cho xã hội mặc dù giáo dục tri thức trong khuôn khổ thể chế của giáo dục học đường. Tuy nhiên, điều đó cho thấy rằng giáo dục ở trường chính quy thực sự không đạt được thành công khi "hoàn thành tính cách". Do đó, lợi thế của Phật giáo là nó có thể được thực hiện thông qua thực hành Phật giáo, 'hoàn thành nhân cách", điều mà trước đây chưa đạt được thông qua giáo dục học đường.

Có thể thấy rằng yếu tố định tính của giáo dục, vốn có trong chức năng giáo dục như vậy của Phật giáo. Khía cạnh định tính của giáo dục Phật giáo dường như rất hữu ích không chỉ cho giáo dục chính quy mà còn cho giáo dục tôn giáo để thiết lập định hướng cho tương lai. Từ quan điểm nghiên cứu định tính thông qua chương trình giảng dạy và thực hành Phật giáo, khả năng đạt được hiệu quả mục tiêu giáo dục hoàn thành nhân cách là rất cao. Có thể bởi vì cái mà Phật giáo có và thái độ đạo đức bằng cách tuân thủ giới luật và kiểm soát các cơ quan cảm

giác. Phật giáo tiếp tục đặt mục đích thông qua việc rèn luyện tâm như Samatha và Vipassanā để đạt đến giác ngộ Niết bàn thuần túy. Thành tựu của sự giác ngộ này là sự hoàn thiện hoàn hảo của tính cách.

Do đó, nó có thể được gọi là "chương trình giáo dục", khi nhìn thấy quá trình giáo dục và thực hành Phật giáo, nghĩa là toàn bộ quá trình giác ngộ hoàn thành nhân cách cao nhất từ góc độ giáo dục. Nói cách khác, nếu chương trình giảng dạy là quá trình lập kế hoạch, thực hành và đánh giá nội dung giáo dục để đạt được mục đích giáo dục, thì trong trường hợp của Phật giáo, tất cả các quy trình lập kế hoạch và thực hiện loại nội dung nào và cách dạy cho mục đích đó làm cho nó đạt được giác ngộ cho những người theo đạo Phật hoặc những người lần đầu tiên giới thiệu với Phật giáo để đạt đến giác ngộ là "Chương trình". Do đó, chúng ta có thể gọi nó là 'Chương trình giảng dạy trong Phật giáo.

Mục đích của giáo dục Phật giáo có thể được giải thích theo hai cách. Cơ bản nhất là tìm kiếm tâm Bồ Đề (Thượng cầu Bồ Đề). Điều còn lại là cố gắng cứu tất cả chúng sinh (Hạ hoá chúng sanh). Đó là tinh thần cơ bản của Phật giáo khi cho rằng các nỗ lực tự giáo dục để tìm kiếm sự giác ngộ cũng như mọi nỗ lực giáo dục khác dựa trên lòng từ bi sâu sắc, khai sáng xã hội và tất cả chúng sinh cũng nên được thực hiện. Nói cách khác, mục tiêu của Phật giáo là cho phép tất cả chúng sinh, kể cả chính mình, nhận ra sự thật và thực hiện sự giác ngộ ấy trong cuộc sống cá nhân và cuộc sống của cộng đồng. Và đây cũng là mục đích của giáo dục Phật giáo mong muốn như là. Phật giáo không xâm chiếm môi trường và thế giới, nhưng nhấn mạnh sự đồng cảm và đồng ý với nó, thuyết phục sự liên quan hữu cơ giữa con người và thế giới. Đức Phật đã dạy tầm quan trọng của mối quan hệ thông qua thế giới quan của nguồn gốc phụ thuộc. Thực tế giáo dục trong Phật giáo đã tập trung vào nhận thức về các mối quan hệ này. Vậy thì, mối quan hệ giữa các cá nhân được tổ chức như thế nào trong kỷ nguyên của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư?

Các yếu tố chính giải thích mối quan hệ giữa các cá nhân mới được tổ chức trong cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư là Trí tuệ của máy móc, sự xuất hiện của thực tế ảo, xã hội siêu kết nối. Kích cỡ của tổ chức mới mở rộng là mối quan hệ giữa con người và máy móc trở nên thông minh hơn, trong khi không gian vật lý và

thế giới ảo cùng tồn tại, các sinh vật riêng lẻ được kết nối giữa thời gian và địa điểm.

Các đặc điểm của các tài năng được nhấn mạnh bởi Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có thể được chia thành đặc tính nhận thức và đạo đức. Trong số này, sự chú ý tập trung vào tinh thần thách thức, tính cách hợp tác, giao tiếp, trung thực, khả năng tự lãnh đạo, hiểu đúng về các quyền và nghĩa vụ như là thành viên của xã hội dân sự, khả năng hành động, khả năng khám phá với sự kiên nhẫn và tò mò muốn như vậy (Back, 2016: 59-60).

Giáo dục STEAM nhằm mục đích đào tạo nguồn nhân lực với sự bồi dưỡng liên ngành và tích hợp thông qua thiết kế sáng tạo và kinh nghiệm cảm giác. STEAM là một phương pháp giáo dục để học tập sử dụng Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Nghệ thuật và Toán học làm điểm truy cập để hướng dẫn điều tra, đối thoại và tư duy phản biện của học sinh (https://steam.kofac.re.kr/?page_id=11267). Các chương trình khác nhau tại trang giáo dục để đào tạo nguồn nhân lực với STEAM biết chữ nhằm tăng cường sự quan tâm và hiểu biết về kiến thức, quy trình và tự nhiên tích hợp trong các lĩnh vực khác nhau và có thể giải quyết các vấn đề sáng tạo và toàn diện đã được phát triển và thực hiện (Back, 2016: 56).

Tuy nhiên, về mặt này, kiến thức nhân văn là không thể thiếu trong việc thiết lập tính nhân văn và giá trị cũng như cải thiện khả năng nhận thức. Và lĩnh vực chịu trách nhiệm này chỉ là giáo dục tôn giáo. Đặc biệt, trong lĩnh vực giáo dục tôn giáo, các thực tiễn và chương trình trải nghiệm khác nhau của Phật giáo được sử dụng nhiều trong lĩnh vực giáo dục nhận thức tích hợp trong tương lai. Ngoài ra, nó sẽ giúp giao tiếp và hiểu biết với những người khác trong lĩnh vực giáo dục toàn bộ nhân cách và giúp ích rất nhiều cho việc hình thành các giá trị và thiết lập.

5. KẾT LUẬN

Mọi người đang trải qua cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong khi xem các thiết bị và nền tảng sáng tạo được coi là thực tế. Thông qua sự đổi mới liên tục của công nghệ, chúng tôi mong đợi những lợi thế và sự thuận tiện mà nhân loại có thể có được. Sự bất ổn thị trường lao động và khoảng cách xã hội có thể xảy ra trong khi những thay đổi của cơ cấu công nghiệp, cũng là những yếu tố gây

lo lắng. Lý do tại sao giáo dục tôn giáo của Phật giáo cùng với diễn ngôn về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là bởi vì Phật giáo là một phương tiện để thu thập trí tuệ của nhân loại như một sự thay đổi của xã hội do Cách mạng công nghiệp thứ tư mang lại. Ngoài ra, trong kỷ nguyên của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với tư cách là một con người, chúng ta đang thực hiện các biện pháp để đối phó với một số vấn đề đạo đức và tôn giáo mà chúng ta phải đối mặt. Mặt khác, đó cũng là một nỗ lực để thích nghi và tồn tại các tổ chức giáo dục Phật giáo trong kỷ nguyên của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với tư cách là một tổ chức của xã hội.

Trong khi môi trường giáo dục đang thay đổi trong kỷ nguyên của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, những thay đổi về phương pháp và phương tiện truyền thông cho giáo dục tôn giáo của Phật giáo là không thể tránh khỏi. Dựa trên giáo lý của Phật giáo, nội dung của giáo dục phản ánh các đặc điểm phân tích và giải thích các đặc điểm của thời đại Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Mục đích giáo dục tôn giáo của Phật giáo nên bao gồm trao dồi khả năng của con người cần thiết cho thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và trí tuệ nhân tạo chỉ là công cụ cho một cuộc sống tốt hơn, không bao giờ có thể trở thành chủ thể để thay thế cho con người hoặc điều chỉnh con người. Với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, bây giờ là thời điểm mà đức tin và thực hành tôn giáo được yêu cầu khẩn cấp.

***

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Back, seonggi & Kim, Seongyeol (2016) Je4cha saneophyeokmyeong daebi dahagui hyeoksin bangan: Compared to the Fourth Industrial Revoution, the Innovation Plan of University, Seoul: Ministry of Education.

2. https://www.youtube.com/watch?v=wr32JoO31u0/ Accessed 23rd Februrary 2019.

3. Ji, Seung-do (2015) Ingongjineung busdaleul kkumkkuda: Artificial Intelligence Dreams of Buddha, Seoul: Unjusa.

4. Kim, Yongpyo (1996) Bulgyojeok ingyeokgyoyugui inyeomgwa bangbeop: Philosophy and method of Buddhist Personality Education. Korean Journal of Religious Education 2. 33-53.

5. Korea Foundation for the Advancement of Science and Creativity, STEAM Education, https://steam.kofac.re.kr/?page_id=11267/ Accessed 2nd February 2019.

6. Schwab, Klaus. Trans. Song, Kyoungjin (2016) The Fourth Industrial Revolution, Seoul: Saeroun Hyeonjae.

7. 朝日新聞, Kyoto temple enlists Android Buddhist deity to help people,

CÔNG TÁC HOẰNG PHÁP THỜI CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

HT. Thích Tấn Đạt*

TÓM TẮT:

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là một thành tựu lớn của nhân loại ngày nay. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến mọi mặt đời sống con người, trong đó có hoạt động hoằng pháp của chúng ta. Cho nên, bài viết này chính là những suy nghĩ của chúng tôi về các hồi ứng của Phật giáo, của ngành hoằng pháp để thích nghi, tận dụng những thành tựu của nó trong việc hướng dẫn tu tập, hoằng truyền chánh pháp ở Việt Nam hiện nay. Đây là những vấn đề mà chúng ta cần thảo luận để tìm ra các giải pháp hợp lý, thiết thực hơn nữa.

1. LỜI DẪN

Hoằng pháp hay hoằng dương chánh pháp trở thành nhiệm vụ then chốt, quan trọng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong hiện tại và tương lai. Mục đích chính là làm lan tỏa giáo lý của Đức Thế Tôn, đem lại sự an lạc, giải thoát cho con người. Bên cạnh đó, đặc trưng của hoạt động hoằng pháp là luôn linh hoạt, nhất là gắn liền với tinh thần khế lý, khế cơ, khế xứ, khế thời. Mỗi thời đại, quốc độ, xứ sở khác nhau thì Tăng, Ni phải có cách thức hoằng pháp phù hợp, đem đạo vào đời một cách hợp lý, thành công. Ngày nay, thế giới loài người đang bị tác động mạnh mẽ bởi nền công nghiệp 4.0, trong đó có Việt Nam. Vì thế, Phật giáo nói chung lẫn công tác hoằng pháp nói riêng vẫn không thể đứng ngoài sự tác động của nền công nghiệp hiện đại, tối tân đang diễn ra.

* Tiến sĩ, (UVTK HĐTS, Phó Trưởng Ban TT Ban Hoằng pháp TW)

Như vậy, ngành hoằng pháp cần phải làm gì để thích nghi, khế hợp và hồi ứng với nền công nghiệp 4.0?

Bài viết này mới chỉ là một vài suy nghĩ ban đầu của chúng tôi để góp phần định hướng cho công tác hoằng pháp trong thời đại mới. Dĩ nhiên, đây là một vấn đề lớn, cần có các cuộc tọa đàm chuyên sâu hơn nữa mới hi vọng có thể nhận thức rõ và sâu sắc về nền công nghiệp này.

2. NỀN CÔNG NGHIỆP 4.0 LÀ GÌ?

Một câu hỏi đặt ra cho chúng ta là nền công nghiệp 4.0 là gì và nó có những đặc điểm nổi bật nào? Bằng hiểu biết của mình, tôi xin trình bày một số ý như sau:

- Thứ nhất, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 xuất phát từ các nước phát triển (Châu Âu và một phần Châu Á) với tên gọi Industrie 4.0 trong một báo cáo của chính phủ Đức. "*Industrie 4.0*" kết nối các hệ thống nhúng và cơ sở sản xuất thông minh để tạo ra sự hội tụ kỹ thuật số giữa Công nghiệp, Kinh doanh, chức năng và quy trình bên trong. Tuy nhiên, để dễ hiểu hơn, tôi nhắc đến Klaus Schwab, người sáng lập và chủ tịch điều hành Diễn đàn Kinh tế Thế Giới mang đến cái nhìn đơn giản hơn về Cách mạng Công nghiệp 4.0 như sau:

"*Cách mạng công nghiệp đầu tiên sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ giới hóa sản xuất. Cuộc cách mạng lần 2 diễn ra nhờ ứng dụng điện năng để sản xuất hàng loạt. Cuộc cách mạng lần 3 sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất. Bây giờ, cuộc Cách mạng Công nghiệp Thứ tư đang nảy nở từ cuộc cách mạng lần ba, nó kết hợp các công nghệ lại với nhau, làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học*" (Nguồn: https://news.zing.vn/cach-mang-cong-nghiep-40-la-gi-post750267.html. Ngày truy cập: 12/9/2018).

- Thứ hai, tốc độ của cuộc cách mạng này là vô cùng nhanh chóng, mang tính đột phá, phá vỡ các ngành công nghiệp ở mọi quốc gia, làm chuyển đổi trực tiếp toàn bộ hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị. Vì thế, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tác động to lớn vào mọi phương diện kinh tế của con người, làm thay đổi phương thức kinh doanh, thay thế vị trí giữa người giàu và nghèo trong xã hội hiện nay. Không chỉ vậy, nó tạo ra sự biến đổi lớn cho

nền giáo dục đại học đương đại-một động lực tạo nên sự phát triển cho trí tuệ xã hội:

"Tạo cơ hội cho một số đại học bứt phá lên thành đại học hàng đầu. Số ít đó là các nước, các đại học dám đi đầu. Cách mạng 4.0 đột phá về việc học: Chung qui chỉ có một chữ là LÀM NGƯỢC. Cách mạng 4.0 mở ra một cơ hội về sự làm ngược nhưng mang lại kết quả bất ngờ, cơ hội của các đột phá, cơ hội cho những người đi sau, nhưng không phải những người đi sau mong muốn giống người đi trước, đi theo cách này thì mãi mãi là người đi sau" (Phát biểu của Quyền Bộ trưởng Bộ thông tin truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng. Nguồn: http://kiddicode.org/phat-bieu-khac-biet-cua-tan-quyen-bo-truong-nguyen-manh-hung-ve-cmcn-4-0/.Ngày truy cập: 12/9/2018)

- Thứ ba, hệ quả xã hội của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là điều mà chúng ta cần phải suy nghĩ, bàn bạc nhiều hơn nữa. Tuy nhiên, ở đây tôi muốn nhấn mạnh rằng, nhiều hệ lụy, thách thức mà người ta đang nói đến là tình trạng thất nghiệp của người lao động chân tay, nhân viên văn phòng và một số ngành nghề khác do sự phá vỡ thị trường lao động, áp lực dịch chuyển nguồn lao động ở nhiều quốc gia trên thế giới. Sự tiếp xúc giữa người với người dần thay thế bằng thiết bị điện tử, nhất là robot thay thế con người trong nhiều lĩnh vực y khoa, sản xuất công nghiệp, ngân hàng, tài chánh, lao động gia đình,…Cho nên, con người sẽ trở nên xơ cứng và khô khan, xã hội dần mất đi tính nhân văn. Còn tại Việt Nam, cuộc cách mạng 4.0 lần này đặt ra thách thức xã hội, như nhận định của TS Nguyễn Bá Ân – Tổng thư ký quốc gia về Phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh:

"Tuy nhiên, CMCN 4.0 lần này cũng đang đặt ra nhiều thách thức mới đối với các nước đang phát triển như Việt Nam. Đó là thách thức tụt hậu xa hơn, lao động chi phí thấp mất dần lợi thế, khoảng cách công nghệ và tri thức nới rộng hơn dẫn đến phân hóa xã hội sẽ sâu sắc hơn... Chính phủ, các doanh nghiệp, các trung tâm nghiên cứu và cơ sở giáo dục tại Việt Nam cần phải nhận thức được và sẵn sàng thay đổi và có chiến lược phù hợp cho việc phát triển công - nông nghiệp, dịch vụ và kinh tế hay nguồn nhân lực trong thời kỳ Internet vạn vật và cuộc CMCN 4.0" (Nguồn: https://baomoi.com/cach-mang-cong-nghiep-4-0-co-hoi-va-thach-thuc/c/23508186.epi. Ngày truy cập: 16/9/2018)

3. NGÀNH HOẰNG PHÁP HỒI ỨNG NHƯ THẾ NÀO VỚI CUỘC CM CÔNG NGHIỆP 4.0?

Đây là câu hỏi khiến chúng tôi suy nghĩ, trăn trở trong nhiều năm qua với mong muốn ngành hoằng pháp làm sao vừa tận dụng được thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 này, để nắm bắt và tạo ra thế mạnh hoằng pháp của thời đại mới vừa giúp khắc phục những hệ lụy xã hội của nền công nghiệp sẽ xảy ra. Chúng tôi đưa ra một số suy nghĩ, định hướng hoạt động của ngành hoằng pháp trong thời gian tới để thích nghi với những thay đổi của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại:

- Một là, Tăng, Ni thuyết giảng Phật pháp cần tăng cường học hỏi, trau dồi kỹ năng liên quan đến tin học, cách sử dụng các thiết bị điện tử hiện đại. Hoằng pháp ngày nay không chỉ thuyết giảng trên pháp tòa và bên dưới có đại chúng tham dự mà còn thông qua các trang mạng xã hội Facebook, Zalo, youtube,… để đưa bài pháp đến rộng rãi quần chúng, nhất là những người bận rộn, không có thời gian đến chùa để họ có điều kiện học hỏi giáo pháp của Đức Thế Tôn. Trong thời gian qua, tôi nhận thấy nhiều vị giảng sư đã vận dụng thành công điều này. Nhờ thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 mà giáo pháp vi diệu của Đức Phật đến với đại đa số quần chúng nhân dân sâu rộng hơn trước kia rất nhiều, trong đó ảnh hưởng, lan tỏa đến những người dân ở vùng nông thôn xa xôi, vùng núi cao biên giới hiểm trở. Cho nên, chúng ta cần phát huy, nhân rộng các mô hình này hơn nữa.

- Hai là, hình ảnh Tăng Ni xuất hiện ngày một nhiều hơn trên các phương tiện truyền thông. Xã hội ngày càng hiểu rõ về vị trí, vai trò của người tu sĩ với sứ mạng tu tập giải thoát và nhập thế hành đạo. Cho nên, trong hoạt động tương tác với truyền thông, các vị Tăng, Ni cần phải thể hiện sự trang nghiêm, oai nghi tế hạnh của người xuất gia, tránh đưa những hình ảnh vô tình làm phản cảm hoặc bị những người chưa hiểu biết Phật pháp phát tán, gây ảnh hưởng đến Tăng đoàn nói riêng và Giáo hội nói chung. Điều này trong thực tế đã diễn ra.

- Ba là, truyền thông ngày nay là một thế giới đa chiều, đa thông tin. Vì thế, Tăng, Ni hoằng pháp cần chọn lựa những thế mạnh của mình để thích hợp với đặc điểm những nhóm xã hội khác nhau (thanh niên, sinh viên, công nhân, nông dân, doanh nghiệp, doanh

nhân, các tập đoàn, công chức văn phòng, …). Mặt khác, việc thuyết pháp qua truyền thông hiện nay cần hết sức ngắn gọn, mạch lạc, logic và truyền cảm cho quần chúng vì nhiều người không có thời gian. Do vậy, Tăng Ni tham gia thuyết giảng cần biết cách sắp xếp tư duy hợp lý để bài pháp dễ đi sâu vào lòng người, truyền cảm hứng cho họ tu học gắn với thực tiễn cuộc sống.

- Bốn là, ngành hoằng pháp cần ngồi lại với nhau bằng các buổi tọa đàm để vạch ra những kế hoạch hỗ trợ về vật chất, tinh thần cho những nhóm xã hội, nghề nghiệp dễ rơi vào tình trạng thất nghiệp trong tương lai do hệ lụy cuộc cách mạng 4.0 đem lại. Hay nói cách khác, họ là những nhóm dễ bị tổn thương, rất cần chúng ta giúp đỡ bằng tấm lòng từ bi. Theo tôi, Phật giáo cần có biện pháp hỗ trợ họ bằng nhiều cách như: Chuyển đổi sinh kế, giáo dục kỹ năng, tư vấn, hỗ trợ về tâm lý, nhận thức, định hướng sao cho ổn định, thăng bằng cuộc sống trong cách sống mới. Qua đó, chúng ta sẽ hướng họ về với giáo pháp, về với Phật pháp một cách dễ dàng. Như thế, trong cuộc cách mạng 4.0 tại Việt Nam, Phật giáo sẽ giữ một vai trò, vị trí quan trọng đối với người dân, cũng như đã từng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc qua hơn 2000 năm dựng nước và giữ nước.

- Năm là, cuộc cách mạng 4.0 này sẽ làm cho con người giao tiếp, tương tác với nhau nhiều hơn. Nhưng giao tiếp chủ yếu là qua các thiết bị điện tử, mạng truyền thông mà ít có cơ hội tiếp xúc trực tiếp lẫn nhau. Như vậy, tôi muốn nhấn mạnh rằng, điều này phải chăng sẽ làm giảm đi tính nhân văn trong xã hội? Liệu rằng văn hóa giao tiếp giữa người với người để học hỏi về đạo đức, nhân cách, lối sống lẫn nhau sẽ phai mờ trước những hiện tượng do truyền thông dẫn dắt. Tôi suy nghĩ rất nhiều về điều này. Hoằng pháp qua các phương tiện truyền thông là qui luật, là mục tiêu hàng đầu. Nhưng các vị giảng sư cũng cần tiếp xúc, trải nghiệm, chia sẻ trực tiếp với hàng Phật tử và cộng đồng xã hội để thông qua đó họ tiếp cận, lý giải Phật pháp không chỉ bằng ý giáo, khẩu giáo mà còn cả thân giáo. Tôi nghĩ đây là điều mà những người hoằng pháp cần phải lưu ý. Chẳng hạn, chúng ta nói về lễ Vu Lan qua các phương tiện truyền thông, nhiều người biết đến ý nghĩa, giá trị của nó. Thế nhưng, làm sao để họ đến chùa, được trực tiếp cài hoa hồng lên áo, dự khóa lễ tâm linh, nghe lời giáo hóa của vị chủ trì, họ sẽ dâng trào bao cảm xúc của người con đối với đấng sinh thành của mình. Lễ hội Vu Lan đi vào lòng người, đọng lại trong tâm họ lâu dài là như thế.

- Sáu là, theo tôi, các vị giảng sư trong Ban Hoằng pháp TW nên cố gắng tạo cho mình, cho chùa một facebook hay zalo để đăng tải các hoạt động của chùa, các bài thuyết giảng nhanh chóng đến với Phật tử. Để kết nối với đạo tràng tu tập của chùa, cũng như nắm bắt kịp thời tâm tư và mong muốn của Phật tử, chúng ta cần tạo nhóm để hiểu và đồng thời hướng dẫn họ tu tập một cách lành mạnh, dễ dàng và nhanh chóng hơn.

- Bảy là, quyền Bộ trưởng Bộ thông tin truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng nhấn mạnh rằng: Trong thời đại 4.0, Người học cần tích hợp kiến thức đa ngành. Cơ hội nằm ở liên kết các ngành, các tri thức khác nhau. Tôi vô cùng tâm đắc về nhận định này của ông. Vì vậy, theo tôi, chư Tăng Ni hoằng pháp thời nay cần học tập nhiều hơn nữa, hiểu biết nhiều hơn nữa, tích hợp và nắm vững tri thức đa ngành, từ Phật học cho đến các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên cũng như các kiến thức khác để có thể đáp ứng nhu cầu truyền bá Chánh pháp trong thời đại mới. Đặc biệt, trong sứ mạng Đào tạo Tăng ni đang theo học các Lớp Cao - Trung cấp giảng sư, Ban tổ chức sẽ cố gắng thay đổi nội dung đào tạo để đáp ứng xu thế này trong các khóa tiếp theo.

- Tám là, hiện tại Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn Phòng 2 Trung ương, đã có trang tin và kênh truyền hình Phật sự online TV, ra mắt Tổ công tác Số hóa các sự kiện của Giáo hội. Đây chính là một bước chuyển biến sinh động về công tác hoằng pháp của Giáo hội, đáp ứng được phần nào với sự phát triển như vũ bão của công nghệ 4.0. Tuy nhiên, theo chúng tôi chừng ấy cũng chưa đủ mà phải ứng dụng, áp dụng nhiều hơn nữa, mới có thể phát triển, đáp ứng được công tác Phật sự trong tương lai. Trong thời gian qua, Trung ương giáo hội, đặc biệt là cá nhân Hòa thượng Thích Thiện Nhơn-Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn quan tâm chỉ đạo, ủng hộ, giúp đỡ kịp thời, nên trang tin và kênh truyền hình Phật sự Online phát triển liên tục, mang tính qui mô ba miền Nam, Trung, Bắc cũng như chuyển tải thông tin hoạt động Phật sự của Giáo hội, các tự viện đến Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước. Đây là thành tựu đáng khích lệ, niềm tự hào của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngay trong nhiệm kỳ VIII (2017-2022). Mặt khác, trong thời gian qua, nhờ vào trang tin và kênh truyền hình Phật sự online, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã kịp phản bác, đồng thời định hướng dư luận xã hội trước các thông tin tùy tiện, bịa đặt

và mang tính chất bôi nhọ Phật giáo trên mạng gây ảnh hưởng đến niềm tin xã hội nói chung cùng Phật tử nói riêng. Đây chính là mục tiêu hàng đầu của truyền thông Phật giáo theo sự chỉ đạo của Hòa thượng Thích Thiện Nhơn là "Ẩn ác dương thiện" nhằm tịnh hóa công dân mạng. Theo suy nghĩ của cá nhân tôi, phải chăng cũng từ điều này mà Phật giáo trở thành một nhân tố quan trọng đóng góp vào việc xây dựng đạo đức con người hiện nay, phát triển xã hội theo hướng bền vững và văn minh? Đây chính là cơ hội quí báu để Phật giáo tiếp tục đóng góp cho xã hội, cho đất nước trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0.

4. LỜI KẾT

Cuối cùng, tôi muốn đúc kết lại rằng, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là một xu thế, một tiến bộ lớn của loài người mà không ai có thể đảo ngược. Chúng ta, hàng Tăng Ni với trọng trách cầm ngọn đuốc chánh pháp, với trí tuệ của người con Phật cùng tinh thần khế lý, khế cơ, khế xứ, khế thời rất cần học hỏi, nắm bắt và tận dụng thành tựu của cuộc cách mạng này để áp dụng vào lĩnh vực hoằng pháp độ sinh. Làm được như thế, chúng ta sẽ hoằng truyền giáo lý vi diệu của đức Phật một cách hữu hiệu trong thời đại văn minh với những thành tựu tiên tiến của khoa học kỹ thuật.

Tuy nhiên, với trải nghiệm của bản thân, tôi xin nhấn mạnh rằng dù nền văn minh loài người phát triển như thế nào, dù xã hội chúng ta chuyển biến ra sao, việc tu tập, trau dồi Tam vô lậu học, chí nguyện độ sanh và lộ trình giải thoát, giác ngộ vẫn là cứu cánh cho bản thân mỗi người, cho Tăng ni Phật tử cũng như toàn xã hội. Cho nên, cố gắng nắm bắt công nghệ 4.0 để ứng dụng trong sứ mạng hoằng pháp, nhưng chúng ta vẫn không quên phát huy những giá trị cốt lõi, tinh hoa của giáo pháp sinh động của Đức Thế Tôn. Nguồn năng lượng an lành nơi thân tâm, một trí tuệ tuyệt vời, một kiến giải vô ngã vị tha, dung nhiếp tất cả các pháp, giúp lòng người thanh thoát an vui, chuyển hóa não phiền, ra khỏi đau khổ, luân hồi sanh tử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bhikkhu Bodhi (2016), *Lời Phật dạy về sự hòa hợp trong cộng* đồng *và xã hội,* Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Hồng Đức.

Phan Xuân Dũng (2018), *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cuộc cách mạng của sự hội tụ và tiết kiệm,* Hà Nội, Nxb.Khoa học kỹ thuật.

Thích Nhất Hạnh (2008), Đạo *Phật hiện* đại *hóa,* Hà Nội, Nxb. Văn hóa thông tin.

Philip Kotler, Hermawan Kartajaya, Iwan Setiawan (2018), *Tiếp thị 4.0 dịch chuyển từ truyền thống sang công nghiệp số,* Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Trẻ.

Thích Nhật Từ (soạn dịch) (2017), *Kinh Phật về* đạo đức *xã hội,* Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Hồng Đức.

PHẬT GIÁO TẠI KHU VỰC CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG NHÂN VĂN HỌC KỸ THUẬT SỐ / KHÔNG GIAN VÀ BẢO TỒN DI SẢN [1]

David Blundell, Ph.D.[*]

TÓM TẮT

Bài viết này tập hợp các nghiên cứu minh họa các phương pháp tiếp cận kỹ thuật số / không gian để bảo tồn di sản các nền kinh tế khu vực và bắc cầu cho những khác biệt giữa các nền văn hóa. Bài viết cũng tập hợp thông tin từ nhiều nguồn và ở nhiều định dạng của nhân văn học không gian - một phân ngành của nhân văn số dựa trên hệ thống thông tin địa lý (GIS) và các mốc thời gian - để trực quan hóa các chỉ mục dữ liệu văn hóa đa dạng, cung cấp chức năng tích hợp và ngữ cảnh hiệu quả cho thuộc tính không gian thời gian. Ngành địa lý tiếp tục đóng một vai trò quan trọng trong môi trường đa văn hóa phong phú

* Người dịch: Hà Linh

1. Tôi xin gửi lời tri ân tới Benny Liow Woon Khin, Vijaya Samarawickrama và Tan Ho Soon đã chỉnh sửa bản K. Sri Dhammananda: Các bài tiểu luận để vinh danh ngày lễ Một trăm năm của Ngài, Vol. 2, Quan điểm đương đại, được xuất bản bởi Hiệp hội Phật giáo Nalanda Malaysia, 2018. Dự án này khuyến khích tôi tiếp tục theo đuổi việc sử dụng các công cụ tiên tiến của hệ thống thông tin địa lý (GIS) để lập biểu đồ phạm vi truyền pháp từ thời xa xưa ở Nam và Đông Nam Á. Điều này trùng hợp với công việc chúng tôi đang làm cho Atlas Phật giáo Hàng hải của Lewis Lancaster, một dự án của tổ chức Sáng kiến Bản đồ Văn hóa Điện tử (ECAI) với Jeanette Zerenke và các thành viên khác của nhóm Nam Đảo ECAI. Xin cảm ơn về sự hỗ trợ nhiều năm của họ. Xin cảm ơn Ông Shu-Heng Chen, Phó Chủ tịch và Giám đốc các Dự án hàng đầu về Nhân văn Số, tại Đại học Quốc gia Chengchi, Đài Bắc, đã chỉnh sửa bản Khoa học Xã hội Tính toán: Dữ liệu lớn về Khoa học Xã hội và Nhân văn, được xuất bản bởi Springer, 2018, và đồng tác giả của tôi, Ching-chih Lin và James X. Morris.

trên các khu vực khác nhau mà ở đó ngày càng thấy di sản là mẫu số chung. Chúng tôi xem nhân loại học như một yêu cầu hiểu biết toàn diện về tính toàn vẹn của con người ở mọi cấp độ và thời gian. Do đó, chúng tôi đang tạo ra một bản đồ thời gian có ý nghĩa với cuộc sống hàng ngày của mình.

Do các quốc gia phát triển lịch sử hiện tại để giải thích về quá khứ, ta có điểm chung là các di sản đóng vai trò là công cụ chính trị để hiểu cuộc sống hàng ngày của mình (Buckland 2004). Các mô hình của chúng tôi được phác thảo theo cách đa văn hóa và xuyên quốc gia. Trong quá trình toàn cầu hóa, các dân tộc thừa nhận lẫn nhau bằng cách trao đổi các ý tưởng, kiến thức và hàng hóa trên các chiều không gian. Các thương nhân đã giao dịch đến các cảng Đông Á thông qua các hệ thống sông trên khắp Trung Quốc và Đông Nam Á (Ecom 2017), đi đến các đảo Thái Bình Dương và quay trở lại với các hàng trao đổi buôn bán (Sitnikov 2011).

Bài nghiên cứu bao gồm bằng chứng lịch sử ban đầu về mạng lưới thương mại của các nhà hàng hải người Nam Đảo (Austronesian) đi truyền pháp (dharma) ở Ấn Độ Dương, lục địa, hải đảo Đông Nam Á và Trung Quốc. Điều này trùng hợp với Bản đồ Phật giáo Hàng hải của Lewis Lancaster, một dự án của tổ chức Sáng kiến Bản đồ Atlas Văn hóa Điện tử (ECAI) cùng Jeanette Zerenke và các thành viên khác của nhóm Nam đảo của chúng tôi bằng cách sử dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS).

Chúng tôi đang tìm kiếm ý nghĩa và sự đổi mới để làm phong phú những gì mà các nghiên cứu học thuật đã đạt được trong việc lập bản đồ lịch sử theo thời gian, đó là điều khiến chúng tôi đặc biệt quan tâm. Tại Đại học Quốc gia Chengchi, Đài Bắc, Đài Loan vào năm 2015, chúng tôi đã thành lập Học viện Không gian Thời gian châu Á-Thái Bình Dương (ApSTi, http://apsti.nccu.edu.tw). Ở đây, chúng tôi đã tạo ra một môi trường hợp tác giữa các nhà nghiên cứu dựa trên nghiên cứu và chia sẻ các công nghệ tiên tiến trong nhân văn kỹ thuật số / không gian (tham khảo Blundell và Jan 2016; Blundell, Lin và Morris 2018).

1. GIỚI THIỆU VỀ NHÂN VĂN KỸ THUẬT SỐ/KHÔNG GIAN

Giá trị của việc lập bản đồ không gian khảo cổ thời cổ đại trong các xã hội hiện đại là gì? Malaysia đang phải giải quyết vấn đề này. Các xã hội tiền Hồi giáo được ghi dấu ấn vào các hiện vật lịch sử và các địa

điểm khảo cổ (Blundell 2015, 2018 a). Tuy nhiên, trong xã hội dân sự đương đại, chúng ta ngày càng có nhận thức và tôn trọng cách sống, ý thức thẩm mỹ của người xưa. Có phải chúng ta là nô lệ cho thời hiện đại? Còn những di sản cổ xưa của một đất nước thì sao?

Nghiên cứu về nhân loại học yêu cầu phải có hiểu biết toàn diện về tính toàn vẹn của con người ở mọi cấp độ và thời gian, do đó - chúng tôi đang tạo ra một bản đồ thời gian có ý nghĩa đối với cuộc sống hàng ngày của mình. Chúng tôi đang xem xét tính liên tục của lịch sử, điểm bắt đầu, điểm kết thúc tính theo thời gian như sự chuyển đổi và biến đổi di sản xét về mặt xã hội hiện đại. Công việc này được thực hiện thế nào? Khi đến thăm bảo tàng, bạn mong đợi điều gì? Sự sắp đặt, cảnh tầm sâu, tranh vẽ, hiện vật - đúng vậy, thông tin lịch sử được công chúng xem như thế nào? Đây có phải là mối quan tâm của bạn không? Chúng tôi cho rằng lịch sử sẽ có ý nghĩa khi đi vào cuộc sống hàng ngày, và bạn có thấy như vậy không?

Bài viết này cung cấp các nghiên cứu minh họa các cách tiếp cận khác nhau đối với các nền kinh tế khu vực, bắc cầu cho sự khác biệt giữa nhân văn và khoa học xã hội bằng giải pháp kỹ thuật số. Tập hợp thông tin từ nhiều nguồn và ở nhiều định dạng của nhân văn không gian - một nhánh của nhân văn số dựa trên hệ thống thông tin địa lý và thời gian - tạo ra các chỉ mục trực quan cho dữ liệu văn hóa đa dạng và cung cấp chức năng tích hợp và ngữ cảnh hiệu quả cho thuộc tính không gian thời gian.

Khi các quốc gia đương đại phát triển lịch sử của mình để giải thích về quá khứ, chúng ta có một điểm chung là các di sản đóng vai trò là công cụ chính trị để giải thích về cuộc sống hàng ngày. Trong những năm gần đây, các nền kinh tế khu vực đã mở rộng dựa trên xu hướng thế giới và mạng lưới lịch sử. Tuy nhiên, ngày nay chúng ta có nhiều rào cản quốc gia hơn trên khắp các khu vực địa lý, ở đó ngày càng thấy di sản là mẫu số chung.

Các mô hình của chúng tôi được phác họa theo cách đa văn hóa và xuyên quốc gia. Trong quá trình toàn cầu hóa, các dân tộc thừa nhận lẫn nhau bằng cách lưu thông các ý tưởng, kiến thức và hàng hóa trên các chiều không gian. Các thương nhân đã giao dịch đến các cảng Đông Á, thông qua các hệ thống sông trên khắp Trung Quốc và Đông Nam Á, đến các đảo Thái Bình Dương, và trở lại với hàng hóa thương mại, câu chuyện kể và thông tin địa lý.

Chúng tôi đặc biệt quan tâm đến việc tìm kiếm ý nghĩa và đổi mới để làm phong phú hơn những gì mà nghiên cứu học thuật đã đạt được trong bản đồ lịch sử theo thời gian. Vào năm 2015, chúng tôi đã khởi xướng Học viện không gian thời gian châu Á-Thái Bình Dương (ApSTi, http://apsti.nccu.edu.tw) tại Đại học Quốc gia Chengchi, Đài Bắc, Đài Loan (Blundell và Jan 2016). Ở đây, chúng tôi đã tạo ra một môi trường cho sự hợp tác giữa các nhà nghiên cứu để tạo điều kiện cho các nghiên cứu, như một ngôi nhà cho các hệ thống thông tin địa lý đổi mới (GIS) và chia sẻ các công nghệ tiên tiến trong nhân văn kỹ thuật số / không gian.

Học viện của chúng tôi cung cấp nhiều dịch vụ dự án để giúp đưa ra các cách cấu hình dữ liệu mới dựa trên các công cụ không gian địa lý. Tạo ra giao diện độc nhất vô nhị các hệ thống không gian thời gian, bản đồ động về các khả năng thông tin. Các nhà nghiên cứu thuộc lĩnh vực khác nhau tham gia vào các cuộc đối thoại về kỹ thuật, thách thức và kết quả nghiên cứu nhân văn kỹ thuật số. Nói tóm lại, chúng tôi đang giúp xây dựng năng lực và cách thức chia sẻ thông tin sáng tạo thông qua các phương pháp kỹ thuật số để hình dung các khía cạnh không gian của trải nghiệm con người.

Mục tiêu tầm xa là nâng cao tiêu chuẩn trong các phương pháp bản đồ thông qua tiện ích số hóa và bản đồ động, mở ra những khả năng mới với sự hỗ trợ của các cộng tác viên trong nước và quốc tế. Điều này cho phép kết nối bối cảnh bức tranh môi trường với dữ liệu văn hóa cho ra nhiều các khả năng trong nhân văn học không gian với quy mô dữ liệu - lớn và nhỏ - cùng các kết quả khoa học và nhân văn. Thông tin về các vùng, khu vực được dựa trên sự tương đồng của các biểu tượng và mô típ di sản vô thức chung. Chúng tôi truy vết các nguồn từ những mối liên kết thời tiền sử tới thời kỳ giao lưu lịch sử ban đầu được tìm thấy qua các truyền thuyết du mục lưu truyền đến ngày nay (Sitnikov 2011; Blundell và Sitnikov 2018). Nghiên cứu tình huống của chúng tôi dựa trên các ứng dụng của lý thuyết hỗ trợ các phương pháp tổng thể để hiểu sự ổn định trong tính đa dạng.

Nghiên cứu này cho thấy kinh tế là nhân tố thúc đẩy chuyển đổi nhanh chóng môi trường đa dạng hóa đa văn hóa toàn cầu sang xuyên khu vực từ các khu vực văn hóa địa lý rất khác nhau, ở đó ngày càng có thể tìm thấy các mẫu số chung bằng cách sử dụng các thực tiễn khoa học tốt nhất để tạo ra các mô hình mới. Chúng tôi

quan sát các khu vực địa lý bằng cách tìm hiểu những thay đổi địa phương và tác động toàn cầu theo thời gian.

Ở đây chúng tôi dệt nên câu truyện về Phật giáo hàng hải Nam Á thông qua bản đồ không gian và kỹ thuật số GIS qua khu vực Đông Nam Á. Tôi đang làm việc dự án với Gauthama Prahu để phát triển một mô hình sinh thái và di sản tiến bộ tích hợp cả ý thức về vị trí ở Nam Ấn nơi có nhiều di sản Phật giáo, nhưng bị xã hội chính thống bỏ qua (Blundell và Bohhu 2018).

Khi sử dụng phương pháp Nhân học và nhân văn kỹ thuật số / không gian, các cộng đồng có thể thúc đẩy cấp cơ sở lấy lại và liên kết lại di sản của chính họ, nâng cao tầm nhìn phát triển xa của lãnh đạo địa phương. Sự quan tâm của chúng tôi dựa trên các di sản cổ xưa của Nam Ấn Độ và qua hành trình hàng hải của các thương nhân và tu sĩ truyền pháp.

Người ta tin rằng sự phát triển nhanh chóng của Đông Á vào cuối thế kỷ 20 có thể được giải thích theo các chuẩn mực văn hóa truyền thống châu Á, được cho là một trong những yếu tố chính để các nền kinh tế đang gặp khó khăn thích nghi nhanh chóng với thế giới toàn cầu hóa. Những đặc điểm của triết học Nho giáo truyền thống như mối quan hệ gia đình gần gũi, ý thức kỷ luật xã hội và tôn trọng các công việc khó được cho là động lực tăng trưởng kinh tế ở các nước này (Aikman 1986: 5).

Tuy nhiên, triết lý của Nho giáo không phải là truyền thống duy nhất ở châu Á. Các chuẩn mực văn hóa của nhiều tín ngưỡng phổ biến đã đóng một vai trò quan trọng trong các hoạt động kinh tế và xã hội trên toàn khu vực trong nhiều thế kỷ. Chúng cũng có thời gian dài ảnh hưởng đến các quá trình hội nhập khu vực, phát triển và suy thoái về kinh tế, xã hội. Tại sao cùng một niềm tin, tôn giáo và chuẩn mực văn hóa truyền thống đôi khi có tác động tích cực, nhưng đôi khi cản trở sự phát triển kinh tế và xã hội? Phật giáo đã đóng góp được gì?

Chúng tôi cho rằng những phát hiện trong nhân học văn hóa và thậm chí các nhánh nhỏ của nó như tôn giáo, văn hóa dân gian và thần thoại có thể đóng góp quan trọng cho sự hiểu biết về giao lưu kinh tế xã hội. Dường như sự thay đổi môi trường theo mùa và đổi mới kỹ thuật là yếu tố biến đổi chính trong cấu trúc xã hội, cấu trúc xã hội lại xác định các cơ chế và mức độ giao thoa văn hóa, hoặc là hội nhập hoặc cô lập.

Điều quan trọng cần lưu ý ở đây là bên cạnh sự đa dạng về văn hóa, như ở khu vực Âu-Thái Bình Dương, có hiện tượng tương đồng văn hóa mặc dù ngày nay các dân tộc có niềm tin khác nhau và bị tách biệt bởi các quốc gia khác nhau. Sự tương đồng về văn hóa của các dân tộc có thể được giải thích về mặt tương đồng của di sản cũ hoặc mối liên hệ lâu dài thường xuyên giữa họ trong quá khứ. Ví dụ, việc có nhiều niềm tin và sự đa dạng của các dân tộc nói tiếng Nam Đảo có thể được giải thích bằng khả năng thích ứng dễ dàng với các tác động bên ngoài của họ.

Lý do chính của việc dễ thích ứng với các tác động bên ngoài là để kiếm lợi từ việc hội nhập thông qua trao đổi hàng hóa và các quan điểm khác. Tìm hiểu truyền thống văn hóa của người cổ đại duy trì theo không gian và thời gian là một nhiệm vụ thú vị và hữu ích vì nó có thể giúp khám phá các cơ chế hội nhập văn hóa trong khu vực, đã diễn ra trong quá khứ và có thể giải thích cho hiện tại về căng thẳng liên tôn giáo giữa các vùng.

Để khám phá những truyền thống này và cơ chế tích hợp hiệu quả, chúng ta cần đề cập đến khái niệm vô thức tập thể của Carl Jung (xem Jacobi 1959). Theo Jung, vô thức tập thể là một phần của tâm trí vô thức cá nhân, được chia sẻ bởi một xã hội và là sản phẩm của kinh nghiệm tổ tiên. Nó tập trung trong các truyền thống, tín ngưỡng và chuẩn mực đạo đức. Nghiên cứu về thần thoại, tín ngưỡng, nghi lễ và giáo phái kết hợp với các đối tượng cụ thể của văn hóa vật chất và các hiện vật khảo cổ trên khắp các khu vực Âu-Thái Bình Dương có thể giúp phân tích các dân tộc và tìm ra các tập hợp tương đồng, từ đó giúp tái tạo hệ tư tưởng và các dạng của nó ở giai đoạn hội nhập ban đầu trong khu vực.

Jack Goody (1996) trong cuốn Phương Đông ở Phương Tây (The East in the West) cho rằng sự tương đồng trong các mẫu di sản thể hiện thuật ngữ 'Eurasia" (Âu Á) là phù hợp hơn so với phân chia thành 'Châu Âu", hay 'Châu Á". Chúng tôi cho rằng việc hợp nhất hai khái niệm riêng biệt này thành một khái niệm không tách rời tạo cơ hội quan sát hiện tượng thay đổi văn hóa xã hội và tính ổn định trong các biến động lớn ở các vũ đài tương tác xuyên văn hóa liên tục về địa lý và lịch sử.

Mẫu số di sản chung được ẩn dưới các lớp của các biến thể tín ngưỡng phổ biến khác nhau trong các truyền thống văn hóa khác

nhau. Nhiều học giả tin rằng các mô hình tôn giáo và thần thoại có thể được lan truyền trong các lãnh thổ rộng lớn dọc theo các tuyến đường thương mại cổ đại. Ví dụ, Carla Musi (1997) đã nghiên cứu sự tương đồng giữa Shaman giáo Phần Lan-Ugria và pháp thuật châu Âu thời trung đại, Bà đã giải thích có hiện tượng tương đồng về văn hóa này là do các tuyến thương mại cổ đại. Bà kết luận rằng từ quá khứ xa xôi nhất, Tây và Đông Âu gần nhau hơn nhiều những gì có thể tưởng tượng. Các yếu tố văn hóa, thần thoại và tín ngưỡng có thể được lan truyền dọc theo tuyến đường thương mại hổ phách Baltic xuyên qua các khoảng cách địa lý rộng lớn.

Ý tưởng này của Musi ủng hộ giả thuyết của chúng tôi rằng các yếu tố thần thoại thường xuất hiện trong các câu truyện thần thoại khắp khu vực Âu Á - Thái Bình Dương có thể là sản phẩm của sự trao đổi văn hóa và liên lạc thường xuyên giữa các dân tộc dọc theo mạng lưới thương mại thời tiền sử, từ lâu đã kết nối khu vực Á - Âu bằng các dòng sông và bờ biển, dẫn đến việc ý thức về sự thống nhất văn hóa từ Scandinavia và Quần đảo Anh ở phương Tây, trải dài đến khu vực Viễn Đông; từ Kamchatka ở phía Bắc đến New Guinea ở miền Nam.

2. NGHIÊN CỨU

Hiện tại, công việc của chúng tôi dựa trên các tài liệu về thần thoại và văn hóa dân gian kết hợp với dữ liệu địa lý, dân tộc học, khảo cổ học và ngôn ngữ học để khám phá kiến thức mới liên quan đến hiện tượng biến đổi và ổn định văn hóa. Dựa trên nguồn dữ liệu chúng tôi sử dụng, các câu truyện truyền miệng và bằng văn bản lần đầu được biết đến đã được nhiều thế hệ nhà dân tộc học, nhà nhân chủng học và nhà văn hóa dân gian trước đây thu thập.

Chúng tôi tìm kiếm "logic bản địa mà theo đó nhiều dân tộc sử dụng để giải thích cuộc sống và để hiểu nó theo thuật ngữ riêng của mình" (Babbie 2010). Chúng tôi đang thu thập dữ liệu liên quan từ việc chuyển giao, giá trị của các biểu tượng thần thoại và hiện tượng khách quan của cuộc sống kinh tế hàng ngày. Tại sao nó lại quan trọng? Mục đích là để nghiên cứu sự tương tác của các hoạt động văn hóa cổ đại trong hồ sơ khảo cổ học và lập bản đồ với hệ thống thông tin địa lý tiên tiến (GIS). Câu hỏi này có liên quan đến thời nay để hiểu rõ hơn về mạng lưới giao thông truyền pháp qua đường thủy cổ xưa từ các cảng của Nam Á đến bờ đông.

Các thành phần nghiên cứu dựa trên tài liệu của thương nhân, khách hành hương và các tuyến đường đi của họ, công nghệ tàu thủy, hướng lưu chuyển và khảo cổ học (Ray 1994). Các câu hỏi về phương pháp đã được đặt ra liên quan đến các vấn đề thiết kế và chiến lược nghiên cứu như một khoa học thực nghiệm.

Trong những thập kỷ gần đây, chúng ta đã bước vào thời đại gia tăng sử dụng các công cụ kỹ thuật số trong cuộc sống hàng ngày. Trong các ngành học thuật về khai thác văn bản, phân tích mạng, lịch sử công cộng, nghiên cứu di sản và lập bản đồ, chúng ta đã đến độ trưởng thành trong ngành nhân văn kỹ thuật số và các môn liên quan (Blundell và Hsiang 1999). Trong số các lĩnh vực này có nhiều chuyên ngành tập trung vào phân tích không gian kỹ thuật số xuyên thời gian. Chúng tôi gọi đây là nghiên cứu không gian thời gian - tức là lập bản đồ theo thời gian bằng phương pháp tính toán kỹ thuật số với một dải thông tin lớn. Điều này giúp tăng cường khả năng quan sát dữ liệu vượt ra ngoài khả năng của từng cá nhân để có thể nhận diện tất cả các thành phần. Dữ liệu có thể thu thập qua công nghệ lập bản đồ không gian, viễn thám, hình ảnh trắc quang, khảo cổ học lấy mẫu ngẫu nhiên, lập trình thống kê với các ngôn ngữ như R và phát triển phần mềm cho các phương pháp sáng tạo để nhìn được xa hơn những gì chúng ta có thể thấy. Khi tiến hành nghiên cứu thực địa, bạn có thể thấy có những lúc rất cần dữ liệu số hóa. Cho dù có những hạn chế về thời gian hoặc quyền truy cập, các vấn đề di động đòi hỏi phải di chuyển nhẹ hoặc do tình cờ, chẳng hạn như những phát hiện may mắn đôi lúc có được, số hóa là một phương pháp tuyệt vời để thu thập dữ liệu không gian thời gian. Phần này đề cập một số dự án và phương pháp khác nhau trong nhân văn kỹ thuật số kết hợp các phương pháp tích hợp vào nghiên cứu nhân văn không gian và thời gian. Chúng tôi xin mời bạn hãy tham gia vào phương pháp không gian để tăng cường thêm nghiên cứu của mình. Ở phần này, chúng tôi hy vọng sẽ thông tin, hướng dẫn và truyền cảm hứng cho nhiều nghiên cứu hơn trong lĩnh vực mới và thú vị này (Blundell, Lin và Morris 2018). Lập bản đồ là một trong những kỹ thuật được sử dụng phổ biến nhất trong việc xem xét 'cảm giác con người' trong không gian (xem Cosgrove 2004; xem Blundell 2011, 2012).

Nghiên cứu bản đồ thời gian của chúng tôi đóng góp vào những thảo luận học thuật quan trọng theo nhiều cách. Bản đồ thời gian

được sử dụng để theo dõi những câu chuyện kể của con người theo mốc thời gian. Những hiển thị không gian thời gian được trực quan hóa giúp khám phá kiến thức, trả lời các câu hỏi và tìm kiếm các câu hỏi khác. Nhân văn không gian tạo ra một vòng các câu hỏi, từ đó tạo nên các lớp bản đồ được mô tả theo những cách khác nhau.

Câu hỏi đặt ra là bắt đầu từ khoảng 2.300 năm trước, các nhà hàng hải người Malay / Indonesia nói tiếng Nam Đảo đã truyền bá hệ thống tôn giáo quốc tế, chẳng hạn như niềm tin vào pháp, đến mức độ nào? Điều này để nói rằng đã có nhiều ảnh hưởng bắt đầu từ Nam Á trên Vịnh Bengal đến đảo Đông Nam Á. Khu vực ở bán đảo và đảo Đông Nam Á này trở nên dễ tiếp nhận pháp. Làm thế nào có thể truy vết được các tuyến đường?

Giả thuyết là pháp như một hệ thống niềm tin văn học đã được lưu truyền bằng chữ viết có thể được tìm trên lá cọ, kim loại và đá. Vào thế kỷ thứ 2, giả thuyết của tôi là pháp được truyền đi bằng tàu biển với những người đi biển dày dạn mà chúng tôi cho là người bản địa, bây giờ được biết đến như những người du hành nói tiếng Nam Đảo (Blundell 2014 a, b) và trong hình ảnh phù điêu bằng đá ở Borobudur, Java (Hình 1). Tuy nhiên, có những khoảng trống trong hồ sơ. Để khắc phục điều này, chúng tôi đang tìm kiếm tài liệu cũ và các công nghệ mới trong mạng lưới học thuật hiện tại để theo dõi thêm mức độ tương đồng của các nền văn hóa dường như không liên quan đến nhau và phạm vi của nó (Blundell 2016).

Hình 1. Bức điêu khắc đá tàu du ngoạn trên tượng Phật giáo ở Borobudur, Java, Indonesia, thế kỷ thứ 9.

Dự án này được phát triển nhờ có Lewis Lancaster, người đã thành lập Tổ chức Sáng kiến Bản đồ Văn hóa Điện tử (ECAI, http://ecai.org), Đại học California, Berkeley năm 1997. Vào thời điểm đó, Lewis Lancaster đã mời các học giả về ngôn ngữ và văn hóa Nam Đảo đến để tái khẳng định sự hợp tác quốc tế này và đi sâu hơn các Mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc trong ngôi nhà chung không thể thiếu của gia đình nhân loại, qua đó chúng ta sẽ tìm cách thực hiện khát vọng chung cho hòa bình, hợp tác và phát triển. Do đó, chúng tôi cam kết hỗ trợ nhiệt tình cho các mục tiêu chung này và quyết tâm để đạt được chúng (Cuộc họp toàn thể Mục tiêu Thiên niên kỷ lần thứ 8, tháng 9 năm 2000).

Để phục vụ trưng bày bảo tàng công cộng, nhóm của chúng tôi đã nghĩ đến việc xây dựng theo module các mẩu chuyện nhỏ kể về giai đoạn giao thoa giữa Phật giáo thời kỳ đầu với hành trình đi biển của người Nam Đảo. Các thành phần bao gồm tài liệu trực quan về các cảng, đóng tàu và các tuyến đường đi. Nghiên cứu của chúng tôi minh họa nhiều cách cấu hình dữ liệu khoa học xã hội bằng các công cụ không gian địa lý thể hiện nghiên cứu của Đài Loan với các vị trí điểm GIS, các tuyến đường di cư, thương mại lịch sử và các địa điểm tôn giáo của khu vực được liên kết với nhiều thuộc tính thông tin không gian (Blundell và Zerneke 2014).

Những tiến bộ ngày nay trong điện toán và cơ sở hạ tầng thông tin mang đến cho các nhà nghiên cứu cơ hội xem xét lại toàn bộ chiến lược phân tích và phổ biến thông tin. Nó giúp "các học giả nhân văn khám phá theo địa điểm và xuyên thời gian các mối liên hệ của những gì đã tồn tại trong ký ức, được tạo tác và những gì đã xảy ra" (Bodenhamer 2010 và cộng sự).

Các hồ sơ bao gồm tài liệu về các thương nhân, người hành hương và tuyến đường đi của họ, công nghệ đóng tàu, cảng và các hiện vật còn lại. Dự án Atlas Phật giáo Hàng Hải của ECAI hiện tại có mục tiêu giai đoạn 1 là cung cấp bản đồ GIS các địa điểm khảo cổ dọc theo bờ biển Ấn Độ và Sri Lanka kéo dài đến Đông Nam Á và kết thúc với các hệ thống sông và kênh của Trung Quốc, ven biển Hàn Quốc và Nhật Bản (Hình 2).

Hình 2. Bản đồ Phật giáo Hàng hải ECAI thể hiện các địa điểm nghiên cứu ở khu vực châu Á Gió mùa.

Có rất nhiều nghiên cứu khoa học thuộc nhiều lĩnh vực cần có thông tin về địa lý. Do bước tiến lớn về công nghệ không gian địa lý trong những năm gần đây, việc thu thập thông tin không gian thời gian chất lượng cao đã trở nên hiệu quả và tiết kiệm hơn nhiều so với vài thập kỷ trước. Công nghệ viễn thám cung cấp những hình ảnh độ phân giải cao về bề mặt trái đất, có thể được phân tích bằng các công cụ xử lý hình ảnh để tự động lấy thông tin giá trị cho các ứng dụng khác nhau như biến đổi khí hậu, kiểm kê tài nguyên đất, giám sát môi trường và mở rộng đô thị.

Chúng tôi được thách thức phải tạo ra các phương pháp nghiên cứu mới và cung cấp kết quả tới cộng đồng người dùng rộng lớn hơn. Chúng ta có thể thấy nhân văn kỹ thuật số đổi mới và có ý nghĩa hơn những nghiên cứu học thuật truyền thống không? Chúng tôi kiểm tra các vị trí điểm GIS truy vết các tuyến đường, mạng lưới mang nhiều ý nghĩa lịch sử trên toàn khu vực và liên kết với các thông tin thuộc tính. Các nội dung này được vẽ và trực quan hóa trong bản đồ và có thể được phân tích với công nghệ phân tích mạng, tạo ra một cơ sở hạ tầng kỹ thuật số sáng tạo để hợp tác nghiên cứu học thuật và tạo ra các hình ảnh theo yêu cầu.

Bản Atlas này giúp hiển thị các hiện vật và địa điểm Phật giáo tập trung tại các cảng biển ở Ấn Độ cũng như một số khu vực

ở Đông Nam và Đông Á. Mạng lưới các thương nhân cảng biển của Ấn Độ có vai trò hỗ trợ chính cho việc truyền pháp. Ngày nay họ được phân loại là Ấn Độ giáo hoặc Phật giáo do có sự trùng hợp vào thời điểm đó. Sự kính trọng đối với Đức Phật đã phổ biến từ thế kỷ thứ 2, hoặc có thể trước đó. Phật giáo được phổ biến ở hình thức nào? Vào thời điểm đó, sự tôn trọng đối với đức Phật dựa trên từng cá nhân. Điều này được gọi là bhakti, tức là chia sẻ, tham gia với Thượng Đế của mình, như đức Phật hoặc thần Siva.

Các thương nhân đi biển nusantara ở các đảo Đông Nam Á đã hình thành các trung tâm thương mại tạo điều kiện cho việc truyền bá đạo Hindu / Phật giáo ở Đông Nam Á, điều này chứng minh sự tồn tại của Phật giáo với ảnh hưởng Pala Mahayana từ Nam Ấn Độ đã được các thương nhân Ấn Độ mang đến và thực hành. Sự kính trọng đối với đức Phật thời đó được thể hiện gồm cả một hệ thống niềm tin bao trùm.

Phật giáo suy tàn ở Ấn Độ do các vị vua ủng hộ Phật giáo bị thay thế về mặt chính trị bởi các vị vua thờ thần Siva, v.v. vào khoảng thế kỷ thứ 10. Đây được coi là thời kỳ phát triển của Ấn Độ giáo. Tuy nhiên, thuật ngữ Ấn Độ giáo không tồn tại lúc đó. Quan điểm của chúng ta trong thời đại ngày nay đã phân chia và phân loại những tín ngưỡng đó là Ấn Độ giáo và Phật giáo.

3. LẦN THEO DẤU VẾT LỊCH SỬ QUA CÁC LỚP BẢN ĐỒ

Ngày nay, với công nghệ địa lý hiện tại, chúng ta có thể theo dõi quá trình lịch sử bằng các lớp bản đồ từ thời tiền sử đến lịch sử đầu thời đại của văn bản viết. Paul Wheatley (1961) làm tôi chú ý đến nội dung này trong các ấn phẩm của ông. Các phương pháp và thuật ngữ của ông dựa trên khả năng dịch văn bản từ các tác phẩm đầu tiên của Ấn Độ và Trung Quốc. Ông đã lập bản đồ lịch sử Đông Nam Á thể hiện các lớp vị trí dân định cư. Các văn bản cổ xưa trong Golden Khersonese của Wheatly có chú giải về mối quan hệ thương mại với Bán đảo Malay và trên khắp Đông Nam Á.

Nghiên cứu của chúng tôi chia sẻ ý tưởng về các địa điểm lịch sử ở Ấn Độ Dương thời kỳ đầu tới các vương quốc và trung tâm thương mại, nơi mà pháp và đức tin về pháp phát triển một cách mạnh mẽ, đặc biệt là ở một số vùng Đông Nam Á. Chúng

tôi đã lần theo dấu vết thời kỳ đầu của thuyền buồm xuyên đại dương trên khắp khu vực châu Á Gió mùa.

Một yếu tố quan trọng trong nghiên cứu này bao gồm vai trò của gió mùa và sự thay đổi hướng gió hàng năm đã xác định lịch trình thương mại cho các chuyến hàng đi biển (Hình 4). Thời gian và khoảng cách từ Châu Phi đến Ấn Độ hoặc từ Ấn Độ đến Malaysia hoặc xa hơn trên các vùng biển đến Đông Á phụ thuộc vào hướng gió theo mùa.

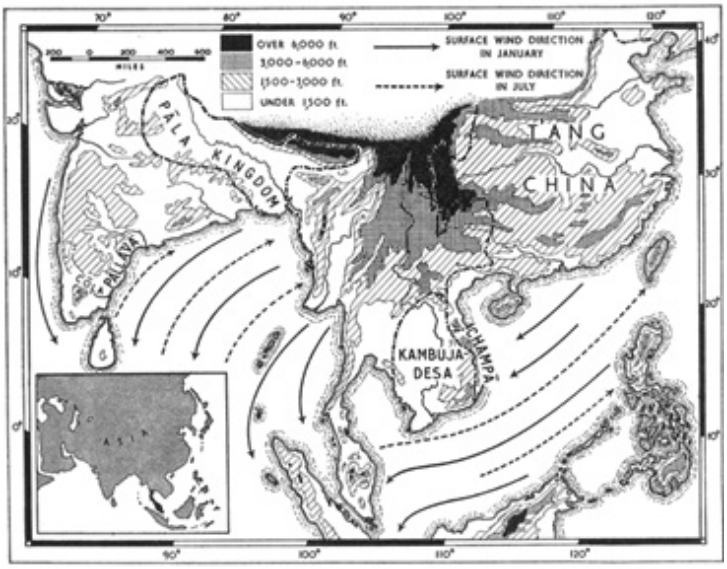

Một nguồn tài liệu tương ứng là bản đồ ECAI về Nam Đảo trùng với việc phổ biến tài liệu Phật giáo và cung cấp bối cảnh khu vực cho các tuyến đường và cảng vận chuyển đường biển. Từ Đông Á, một số mối liên kết văn hóa sớm nhất đã dựa trên sự đổi mới của phương tiện giao thông đường biển, rời Đài Loan khoảng 4.500 đến 3.500 năm trước mang theo sự truyền bá ngôn ngữ, gọi là ngôn ngữ thương mại Nam Đảo trên khắp Philippines, Indonesia, Malaysia và đến Liên bang Micronesia, tạo nên các ngôn ngữ Malayo-Polynesia (Hình 5.).

Hình 5. Các tuyến đường biển rời Đài Loan từ 4.500 đến 3.500 năm trước. Bản đồ trưng bày tại Triển lãm Austronesia của Bentara Budaya, Denpasar, Bali, Indonesia, ngày 20/7/2016.

4. ATLAS VÙNG CHÂU Á GIÓ MÙA LỊCH SỬ

Kiến thức của chúng tôi được rút ra từ nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau, tích hợp nhiều loại dữ liệu và phong cách phân tích khác nhau để phát triển các phương pháp nghiên cứu mới, tạo ra sự thay đổi mô thức và quan điểm đa chiều trong nhân văn học. Mục đích của chúng tôi là xây dựng các câu truyện dựa trên bằng chứng có liên quan đến nhiều lĩnh vực; do đó, chúng tôi đang thuật lại chi tiết các mốc thời gian truyền bá tôn giáo, thẩm mỹ học và quan hệ đối tác thương mại.

Dữ liệu này được thu thập cho bản đồ Atlas, có thể dùng làm tài nguyên tương tác, chuyển động hoạt hình để trưng bày bảo tàng và cài đặt trong môi trường hiển thị 3D nhập vai. Phát triển các Apps để sử dụng được thông tin trên các thiết bị cầm tay.

Thông tin địa lý và các mốc thời gian cung cấp chức năng tích hợp và ngữ cảnh hóa hiệu quả cho các thuộc tính văn hóa. Do tập hợp thông tin từ nhiều nguồn và ở nhiều định dạng, chúng tạo ra các chỉ mục trực quan cho nhiều dữ liệu văn hóa. Hệ thống này dựa trên các vị trí điểm GIS được liên kết với nhiều thông tin thuộc tính. Chúng tôi có thể lập biểu đồ phạm vi các đặc điểm cụ thể của thông tin văn hóa thông qua bản đồ sử dụng bảng tính GIS địa lý để thu

thập và quản lý bộ dữ liệu. Nhờ các phương pháp nhân văn không gian, lịch sử đã đạt đến những tầm cao mới, với những cơ hội hiện đại nhất khi thu thập và phân tích dữ liệu. Với các công cụ không gian thời gian tiên tiến của chúng tôi, thật thú vị khi nghiên cứu khu vực châu Á Gió mùa theo hướng đa chiều.

Atlas Phật giáo Hàng hải ECAI của chúng tôi bao gồm phát triển một công cụ triển lãm bảo tàng nhập vai 3D. Một phần của công cụ này được các nhóm hội viên đa dạng của ECAI hỗ trợ. Rất nhiều cộng tác viên đang thu thập và lập danh mục dữ liệu, có thể sử dụng theo nhiều cách cho nhiều đối tượng khác nhau.

Một trong những chủ đề chính của tập bản đồ là các mô-đun Atlas. Các mô-đun này do một tác giả hoặc một nhóm phụ trách lập hồ sơ một câu chuyện, sự kiện hoặc chủ đề. Mỗi mô đun được hỗ trợ bởi nhiều hình thức dữ liệu và trực quan. Bản đồ các vương quốc lịch sử trên Google Earth cung cấp các lớp thông tin phân theo thời gian trong một khu vực địa lý, khoảng thời gian hoặc thời đại văn hóa, hệ thống giao dịch, người hoặc nhóm người cụ thể (Hình 6). Phương pháp này được hỗ trợ bởi một cơ sở hạ tầng chuyên chụp và lưu trữ nội dung, dự kiến sẽ được phát triển hơn.

Hình 6. Bản đồ của các vương quốc lịch sử ở Nam Á, các tuyến thương mại liên quan và các thông tin khác được sử dụng để xây dựng các lớp ghi danh địa lý phân theo thời gian trong Google Earth.

5. KẾT LUẬN

Nguồn gốc của bài nghiên cứu này bắt đầu với luận án của tôi được viết từ góc nhìn của Ấn Độ và Sri Lanka để khám phá các nguồn văn hóa khu vực và sự mở rộng của chúng. Bài viết này dựa trên các bản dịch văn học lịch sử Ấn - Âu, Dravidian và Trung Quốc. Qua đó đã nâng sự hiểu biết của tôi về sự tăng trưởng và năng động của các thành phố cổ, các tuyến giao thương xuyên lục địa và hải đảo Nam Á từ các nền văn hóa thời kỳ đồ đá cho đến giai đoạn giao lưu với các nền văn hóa ở đảo Đông Á và Thái Bình Dương (xem Blundell 1976, 1984, 2003, 2009, 2014 b, 2016, 2017, 2018 b).

Mục tiêu tầm xa là nâng cao tiêu chuẩn trong chiến lược bản đồ thông qua tiện ích số hóa và hoạt hình nội dung, đưa ra những khả năng mới thông qua các cộng tác viên trong nước và quốc tế. Chúng tôi đưa ra các ví dụ xây dựng tiêu chuẩn thực hành tốt nhất áp dụng cho cơ sở dữ liệu, tạo ra các tiện ích đa phương tiện tương tác. Điều này cho phép thống nhất bối cảnh hình ảnh môi trường với dữ liệu văn hóa để cho ra nhiều khả năng trong nhân văn không gian với quy mô dữ liệu lớn và nhỏ - tạo ra kết quả về khoa học và nhân văn học.

Để nắm được diễn biến toàn diện về nhân văn học không gian, chúng tôi tham khảo bài giới thiệu về bước ngoặt không gian cho tám môn học thuật, "Bước ngoặt không gian là gì?", (năm 2016) của Jo Guldi, và tiểu luận "Lịch sử không gian là gì?" Của Richard White, (2010). Bản đồ số ngày nay đã giúp các nhà nghiên cứu tiết kiệm được chi phí tài liệu. Tính sẵn có của nguồn tài liệu số cho phép các nhà nghiên cứu mới hoặc có kinh nghiệm nhưng không chuyên về vẽ bản đồ, có thể lập được biểu đồ thông tin.

Giờ đây việc ghi chép lịch sử đã có các công cụ mới và sáng tạo (Robertson 2012), chứ không phải đơn thuần chỉ khai thác văn bản văn học. GIS mang đến cho ngành lịch sử những phát triển thú vị nhất cả về nhân văn kỹ thuật số và không gian, (Gregory và Geddes 2014) với những tiến bộ trong cơ sở hạ tầng điện toán và thông tin, đưa ra các khả năng để các nhà nghiên cứu xem xét lại toàn bộ chiến lược phân tích và phổ biến thông tin. Nó có tính năng "bản đồ sâu", xem xét nhiều ý nghĩa tại một vị trí, cho phép các nhà nhân văn học khám phá các mối quan hệ của ký ức, tạo

tác và kinh nghiệm tồn tại ở một nơi cụ thể và theo từng thời gian (Bodenhamer và cộng sự 2010).

Tại sao nó lại quan trọng? Chúng tôi kết nối với một thể liên tục của việc truyền dẫn tín ngưỡng trên khắp khu vực châu Á Gió mùa. Bài viết này nhấn mạnh nghiên cứu của chúng tôi về phát triển một mô-đun bản đồ số thể hiện ảnh hưởng của pháp từ Ấn Độ -Thái Bình Dương và Ấn Độ giáo qua đường hàng hải, với trọng tâm là phạm vi của Phật giáo lịch sử.

***

THAM KHẢO

1. 2016. Nghiên cứu ở Indonesia về hành trình du lịch và hàng hải của người Nam Đào: Một dự án bản đồ Atlas. *Biên bản Hội nghị quốc tế lần thứ 22 về Hệ thống ảo và Đa phương tiện* (VSMM.) Sunway University, Kuala Lumpur, Malaysia. Pp. 27-32. (http://ieeexplore.ieee.org/document/7863206)

2. 2018a. Lập bản đồ về sự truyền pháp ở khu vực châu Á Gió mùa liên quan đến hành trình của người Nam Đảo thông qua hệ thống thông tin địa lý (GIS). *K. Sri Dhammananda Centenary: Quan điểm đương đại.* Vol. 2. Benny Liow Woon Khin, ed. Kuala Lumpur, Malaysia. Pp. 18-31.

3. 2018b. Lập bản đồ nhân văn không gian lịch sử khu vực châu Á gió mùa: thương mại và tín ngưỡng lưu thông qua đường biển ở phía Nam đến Đông Nam và Đông Á. *Hiệp hội khu phố Thái Bình Dương (PNC) với Hội thảo ECAI và Đại hội di sản kỹ thuật số 2018.* San Francisco, California, USA. October 27-30. (http://www.ecai.org/activities/2018-PNC_ECAI_Workshop.html)

4. 1984. Stone and water. B*ản tin của Khoa Nhân chủng học,* Trường ĐH Quốc gia Đài Loan 44: 71-78.

5. 2003. Phát triển đô thị ở Nam Á (partial version). *Biên bản Hội nghị chuyên đề về tôn giáo, nghệ thuật và văn hóa Ấn Độ.* Đài Loan: Bảo tàng Lịch sử Quốc Gia. Pp. 103-136.

6. 2009. Ngôn ngữ kết nối thế giới. *Người Nam Đảo Đài Loan: Ngôn ngữ học, Lịch sử, Dân tộc học, Tiền sử.* Revised Edition. David Blundell, ed. Taipei: Shung Ye Museum & Berkeley: Phoebe A. Hearst Museum, University of California. Pp. 401-159.

7. 2011. Di sản thế giới: Quản lý tài nguyên văn hóa mang lại vị trí cho châu Á-Thái Bình Dương. Giới thiệu về vấn đề chủ điểm. David Blundell, ed. *International Journal of Asia-Pacific Studies* (IJAS), 7(1): iv-x. (http://ijaps.usm.my/?page_id=102)

8. 2012. Đài Loan trưởng thành. *Đài Loan Kể từ khi thiết quân luật: Xã hội, Văn hóa, Chính trị, Kinh tế học.* David Blundell, ed.

Berkeley: University of California, and Taipei: National Taiwan University Press. Pp. 2-26.

9. 2014a. Kết nối các di sản: khu vực châu Á Gió mùa, Đài Loan và Sri Lanka. *Hội nghị quốc tế 2014 về người bản địa Formosa: Quan điểm đương đại.* Institute of Ethnology, Academia Sinica, Taipei. September 15-17.

10. 2014b. Nền văn minh pháp và hướng tàu đi: Đóng góp cho dự án Phật giáo hàng hải ECAI. *Ủy ban quốc tế lễ Vesak lần thứ 11của Liên hợp quốc.* Quan điểm của Phật giáo đối với việc đạt các Mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc. Vietnam. Pp. 41-63.

11. 2015. Bujang Valley— Chỗ của các hạnh phúc lớn. *Chân trời phía đông.* May. Pp. 17-21.

12. 2017. Thời kỳ đồ đá đến thời kỳ đầu lịch sử đi biển ở khu vực châu Á Gió mùa. *Tôn giáo, Luật pháp và Nhà nước: Tái xâm nhập văn hóa trong thời đại mới.* Hsun Chang and Chih-wei Tsai, eds. Chapter 7. Taipei: Academia Sinica and Shung Ye Museum of Formosan Aborigines. Pp. 193-216.

13. Aikman, David. 1986. *Vành đai Thái Bình Dương: Khu vực của những thay đổi, Khu vực của những cơ hội.* Boston: Little, Brown.

14. Babbie, Earl R. 2010. *Thực hành các nghiên cứu xã hội.* Belmont, CA: Wadsworth.

15. Blundell, David, and Igor Sitnikov, 2018. Biến đổi lịch sử của các nền kinh tế Á-Âu: Quan điểm tìm hiểu những thay đổi địa phương và tác động toàn cầu thông qua hệ thống thông tin địa lý (GIS). *Hội nghị Trung tâm Đổi mới và Kinh doanh Phương Đông lần thứ 2*, Sự chuyển đổi của các tổ chức kinh tế châu Á: Tìm hiểu những thay đổi địa phương và tác động toàn cầu đối với doanh nghiệp và xã hội, Xem xét lại các mô hình phát triển châu Á và Trung Âu. Budapest Business School, University of Applied Sciences, Budapest, Hungary. May 10-11.

16. Blundell, David, and Jeanette Zerneke. 2014. Chuyến đi thời đầu lịch sử của người Nam Đảo ở khu vực châu Á Gió mùa: Di sản và kiến thức trưng bày trong bảo tàng sử dụng các văn bản, khảo cổ học, các thành phần tương tác kỹ thuật số và phương pháp tiếp cận GIS. *International Journal of Humanities and Arts Computing* 8: 237-252.

17. Blundell, David, and Jieh Hsiang. 1999. Bản đồ văn hóa điện tử khu vực Thái Bình Dương của Đài Loan. *Biên bản cuộc họp chung EBTI, ECAI, SEER & Liên danh các nước láng giềng khu vực Thái Bình Dương (PNC) năm 1999,* Academic Sinica, Taipei. Pp. 525-540. (http://pnclink.org/annual/annual1999/1999pdf/blundell.pdf)

18. Blundell, David, and Jihn-Fa Jan. 2016. Hoạt động của nghiên cứu không gian vũ trụ: Một viện quốc tế tại Đài Loan. *Biên bản IEEE Hội nghị quốc tế lần thứ 22 về Hệ thống ảo và Đa phương tiện* (VSMM). Sunway University, Kuala Lumpur, Malaysia. Pp. 33-38. (http://ieeexplore.ieee.org/document/7863207)

19. Blundell, David, and N. Gauthama Prabhu. 2018. Chuyển đổi quan điểm: Nghiên cứu tình huống về khảo cổ dân tộc học tương tác ở Tamil Nadu, Ấn Độ và các địa điểm di sản thế giới ở Sri Lanka. Bảng S16: Khảo cổ học bản địa: Nghiên cứu tình huống khu vực châu Á Thái Bình Dương. Tổ chức bởi David Blundell và Frank Muyard. *Đại hội Hiệp hội tiền sử khu vực Ấn Độ-Thái Bình Dương (IPPA) lần thứ 21*. Hue, Vietnam, September 23-28.

20. Blundell, David, Ching-Chih Lin, and James Morris. 2018. Nhân văn không gian: Một cách tiếp cận tích hợp nghiên cứu về không gian. *Khoa học xã hội tính toán: Dữ liệu lớn trong khoa học xã hội và nhân văn học tính toán.* Shu-Heng Chen, ed. Springer International Publishing AG. Pp. 263-288. ISBN: 978-3-319-95464-6. (https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-319-95465-3_14)

21. Blundell, David. 1976. *Metropolitan Ascent of Southern Asia.* Ms. based on of early Indo-European, Dravidian, and Chinese literature for the understanding of the growth and dynamics of ancient cities and trade routes in Southern Asia. *Sự phát triển đô thị của khu vực Nam Á*. dựa trên nền văn học Ấn-Âu, Dravidian và Trung Quốc thời kỳ đầu để hiểu về sự phát triển và năng động của các thành phố cổ và các tuyến thương mại ở Nam Á

22. Bodenhamer, David J., John Corrigan, and Trevor M. Harris. 2010. *Các ngành nhân văn không gian: GIS và tương lai học bổng của ngành nhân văn học.* Bloomington & Indianapolis: Indiana University Press.

23. Buckland, Michael. 2004. Lịch sử, di sản và quá khứ: Trường hợp của Emanuel Goldberg. *Lịch sử và di sản của hệ thống thông tin khoa học và kỹ thuật* W. B. Rayward and M. E. Bowden, Eds. Medford, NJ: Information Today. Pp. 39-45.

24. Cosgrove, D. 2004. Phong cảnh và địa hình, bài giảng tại buổi hội nghị chuyên đề 'Bước ngoặt không gian trong lịch sử?'. Viện Lịch sử Đức (http://www.ghi-dc.org/fileadmin/ user_upload/GHI_Washington/Publications/Bulletin35/35.57.pdf)

25. Devendra, Somasiri. 2013.

26. Thủy thủ, thương nhân, nhà sư: Sri Lanka và biển phía đông. Trong Satish Chandra và Himanshu Mitchha Ray, bài báo. *Biển, Bản sắc và Lịch sử: Từ Vịnh Bengal đến Biển Đông.* New Delhi: Society for Indian Ocean Studies, 2013. Pp. 169-220.

27. Ecom, Gu Ho. 2017. Con đường tơ lụa lần nữa: Thăm lại những con đường nối liền Á-Âu. *Journal of Eurasian Studies,* 8(1): 1-2.

28. Goody, Jack. 1996. *Phương Đông ở phương Tây.* Cambridge: Cambridge University Press.

29. Gregory, I. N. and A. Geddes, eds. 2014. *Hướng tới nhân văn học không gian:* Lịch sử GIS và lịch sử không gian. Bloomington: Indiana University Press.

30. Guldi, J. Biến không gian là gì? Nhân văn học không gian: *Một dự án của Viện kích hoạt học bổng không gian địa lý.* http://spatial.scholarslab.org/spatial-turn/the-spatial-turn-in-history/index.html.

31. Jacobi, J. 1959. *Phức tạp / Nguyên mẫu / Biểu tượng trong Tâm lý học của C.G. Jung.* Princeton, NJ: Princeton University Press.

32. Musi, Carla Corradi. 1997. *Shaman giáo từ Đông sang Tây.* [English text revised by Paul Davies]. Budapest: Akadémiai Kiadó.

33. Ray, Himanshu P. 1994. *Làn gió thay đổi: Phật giáo và các liên kết hàng hải của Nam Á*. Oxford: Oxford University Press.

34. Robertson, S. 2012. Đưa Harlem lên bản đồ. *Viết lịch sử trong thời đại kỹ thuật số,* Jack Dougherty and Kristen Nawrotzki, Eds. Ann Arbor: University of Michigan Press.

35. Sitnikov, Igor. 2011. Biểu tượng phổ biến trong di sản văn hóa vô thức Âu Á-Thái Bình Dương: Một nghiên cứu tình huống về 18 vị thần tôn giáo Đài Loan. *International Journal of Asia-Pacific Studies,* 7(1): 47-74.

36. Wheatley, Paul. 1961. *The Golden Khersonese.* Kuala Lumpur: University of Malaya.

37. White, R. 2010. Lịch sử không gian là gì? *Phòng thí nghiệm lịch sử không gian: Tài liệu làm việc,* Stanford University. (https://web.stanford.edu/group/spatialhistory/cgi-bin/site/pub.php?id=29)

HOẰNG PHÁP VỚI PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI

Thích An Tấn*

1. DẪN ĐỀ:

Xét về tính chất và hiệu dụng truyền thông xã hội đó là sự lan tỏa một cách nhanh chóng về hình ảnh và âm thanh, hay nói một cách khác là làm cho thế giới trở thành " thế giới phẳng" thì đức Phật là bậc thầy trong vấn đề này. Vì sao như vậy, vì chúng ta nhớ lại một đoạn kinh trong bài kinh Du Hành ""Này các Tỳ kheo, hãy du hành, vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người (Tương Ưng Bộ Kinh I, 128)". Qua đoạn kinh đó, chúng ta thấy, **Đức Phật cách chúng ta trên 25 thế kỷ nhưng đã thấu triệt tác dụng sức mạnh sự tác động của hình ảnh và âm thanh**. Chư Tăng du hành có nghĩa là làm hình ảnh Tăng đoàn Phật giáo được lan toả trong quần chúng. Khi thuyết pháp đó là sức mạnh của âm thanh được phổ biến. Và đó cũng là một ý nghĩa rất quan trọng của hạnh khất thực. Giống như quảng cáo hay PR làm cho khách hàng quen thuộc với hình ảnh thương hiệu sản phẩm, làm cho họ không quên khi sản phẩm đó được lập đi lập lại. Đầu tiên ta tìm hiểu khái niệm.

2. KHÁI NIỆM " TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI" VÀ SỨC MẠNH TRUYỀN THÔNG

2.1 Khái niệm Truyền Thông Xã hội:

Theo từ điển wikipedia, "truyền thông xã hội (tiếng Anh: Social

* Đại đức (Phó thường trực BTTT.PGLA)

Media) là một thuật ngữ để chỉ một cách thức truyền thông kiểu mới, trên nền tảng là các dịch vụ trực tuyến, do đó các tin tức có thể chia sẻ, và lưu truyền nhanh chóng và có tính cách đối thoại vì có thể cho ý kiến hoặc thảo luận với nhau. Những thể hiện của Social Media có thể là dưới hình thức của các mạng giao lưu chia sẻ thông tin cá nhân (MySpace, Facebook, Yahoo 360) hay các mạng chia sẻ những tài nguyên cụ thể (tài liệu – Scribd, ảnh – Flickr, video – YouTube), Ví dụ: MySpace và YouTube trong cuộc tranh cử tổng thống Mỹ 2008". Qua khái niệm ta có thể cách đơn giản: truyền thông xã hội là cách truyền đạt thông tin nhanh chóng qua các dịch vụ mạng xã hội và có tính tương tác, thời sự cao. Vì người đọc tin có thể phản hồi ý kiến trực tiếp và thông tin ngay khi sự kiện đang diễn ra.

2.2 Nhận thức rõ sức mạnh của Truyền thông:

Một ví dụ hiện thực, chúng ta đặt câu hỏi, tại sao quý Tôn đức trưởng thượng có nhiều bài giảng hay, lỗi lạc về Phật học nhưng ít người biết đến, quý tu sĩ trẻ lại nhiều người biết, có nhiều nguyên nhân nhưng chắc ở đây là vấn đề truyền thông của các Tăng sĩ trẻ tốt hơn quý Tôn đức. Chính vì truyền thông có sức mạnh như vậy, nên các nhà nghiên cứu truyền thông đã nhận định, truyền thông là quyền lực thứ tư của nhân loại, đứng sau Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp. Truyền thông thêu dệt ra mạng lưới dư luận xã hội, định hướng suy nghĩ và nhận thức. Đó là lý do tại sao Donald Trump dành được phiếu bầu cử, vì rằng ông có chiến lược truyền thông qua mạng xã hội rất tốt, là một trong những nguyên nhân lớn giúp ông chiến thắng trước các đối thủ khác. Nhận thức tầm quan trọng và sức mạnh Báo chí Truyền thông như vậy, để ý thức rằng nó là phương pháp hiệu quả để Phật pháp được phổ biến hay nói cách khác hoằng pháp có hiệu quả. Vì rằng, chúng ta không phải lấy thước đo thời gian, hay miệt mài lao động mà hiệu quả nằm ở phương pháp làm việc chứ không phải các yếu tố nêu trên. Chúng ta không tìm ra phương pháp làm việc thì giống như cố công lấy cát nấu thành cơm.

3. NGƯỜI NGƯỜI LÀM BÁO – NGƯỜI NGƯỜI HOẰNG PHÁP

Nếu trước đây, công nghệ chưa phát triển, mạng xã hội chưa phát triển thì chỉ có những người được đào tạo về Truyền thông mới có năng lực làm Truyền thông. Nhưng hiện nay, ngoài xã hội cũng như

trong tự viện, trên thực tế đa phần đều đang làm truyền thông nhưng mang tính thụ động, chính vì thụ động nên phát sinh ra nhiều vấn đề tiêu cực. Gọi là thụ động vì họ đang tham gia Truyền thông hằng ngày nhưng họ không ý thức được là mình đang làm Truyền thông mà chỉ đơn giản là sự tham gia, không nhận thức được nội hàm của Truyền thông. Gọi là người người làm truyền thông vì đa phần mọi người đều sử dụng Smartphone và đa phần có tham gia các mạng xã hội như Facebook, zalo, wechat, intagram v.v…

Như vậy, có chấp nhận hay không chấp nhận thì thực tế là đại đa số đang tham gia Truyền thông. Nó như một dòng nước chảy từ trên cao xuống, chúng ta không thể cấm dòng thác đó, việc cần làm là chúng ta định hình cho dòng nước đó chảy về đâu. Vì vậy, Tăng Ni trẻ hiện nay cũng giống như ngoài xã hội, họ đã tham gia Truyền thông một cách thụ động, chưa ý thức hết được hai mặt của Truyền thông. Nếu các cấp lãnh đạo Giáo dục Phật giáo, các học đường Phật học, các tự viện không giảng dạy, không hướng dẫn về kiến thức Truyền thông cho quý Tăng Ni "trẻ" thì Phật giáo nhận được mặt hại của Truyền thông nhiều hơn mặt lợi. Và chúng ta đã biết, truyền thông có sức mạnh, tương tác rất cao trong thiết chế xã hội hiện tại; nó định hướng dư luận, điều tiết xã hội, giáo dục xã hội v.v… không đơn giản. Chính vì vậy, nếu quý Tăng Ni được giáo dục bài bản về Truyền thông thì đây là lực lượng hoằng pháp hùng hậu, và công cụ hoằng pháp hiệu quả nhất trong bối cảnh hiện nay

4. LỢI ÍCH CỦA TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI QUA GÓC NHÌN HOẰNG PHÁP:

"Hoằng pháp vi gia vụ; Lợi sanh vi bản hoài", câu thành ngữ này, người đệ tử Phật ai cũng biết đến. Vậy từ ý nghĩa của nó, mặt nhiên một điều, hoằng pháp là bổn phận thiêng liêng của người đệ tử Phật. Và đã gọi là thiêng liêng, có nghĩa là không có một lý sự gì về hoằng pháp hay không hoằng pháp, cố nhiên đệ tử Phật phải truyền bá Chánh pháp, đó là bản nguyện của người tu. Và câu thành ngữ đó, còn nói lên một ý nghĩa rất quan trọng, đó là làm sao Phật pháp được phổ cập. Vậy, vấn đề đặt ra ở đây là, phương pháp nào để Phật pháp được lan toả và khi có phương pháp rồi thì định hướng hoạt động của nó ra sao. Như Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã nêu ra những trọng tâm hoạt động " *Đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh hoằng pháp*" và tặng từ của Hoà thượng Chủ tịch

" **Tâm trong, trí sáng, ngòi bút thép**" cho lớp tập huấn Truyền thông – Công tác hành chánh văn phòng, được tổ chức tại huyện đảo Phú Quốc (từ ngày 19 – 22/4/2018, đã nói lên sự nhìn nhận và quan điểm của Phật giáo về Truyền thông. Vậy chúng ta nhìn về Truyền thông và các mạng xã hội có giúp gì được hay có những ưu thế gì cho việc hoằng pháp là phải xem xét thật nghiêm túc và thấu đáo.

4.1 Phổ cập hình ảnh đạo Phật:

Như chúng tôi đã nói ở phần dẫn đề, hình ảnh và âm thanh có sức tương tác cao nhất trong giao tiếp mà Đức Phật chúng ta đã sử dụng qua hình ảnh khất sĩ và du hành hoằng pháp. Giờ đây, để làm hình ảnh Tăng đoàn, **hình ảnh Phật giáo được lan tỏa rộng rãi và quen thuộc đối với quần chúng**, chúng ta không vất vả đi trực tiếp trên mọi nẻo đường nữa mà sử dụng các trang mạng xã hội đó là một ưu thế rất quan trọng.

4.2 Thời sự và tương tác:

Với công nghệ hiện nay, chúng ta truyền đạt tin tức ngay khi sự việc **đang diễn ra,** vì vậy nó mang tính thời sự. Nếu trước đây, một buổi thuyết giảng của vị giảng sư, một sự kiện Phật giáo diễn ra thì chỉ có những người tham dự trực tiếp mới tiếp nhận được nội dung nhưng bây giờ, ngoài những người tham dự trực tiếp, những người do điều kiện cuộc sống, bận việc vẫn có thể ở nhà hay bất cứ đâu vẫn biết được những diễn biến đang diễn ra. Và hiện nay, quý tôn đức như thầy Nhật Từ, thầy Minh Nhẫn là một trong những tấm gương sử dụng ưu thế này của mạng xã hội để hoằng pháp. Từ tính thời sự như vậy, kéo theo hệ quả là tính tương tác. Khi người nhận được tin, họ có ý kiến, có phản hồi trực tiếp từ tin chúng ta truyền đạt. Và khi có tín tương tác như vậy thì tạo lập nên tính dân chủ, và kiểm soát được hiệu ứng tin của chúng ta đăng. Ví dụ chúng ta biết được bao nhiêu người đã xem tin chúng ta đăng, họ có quan điểm nhìn nhận về tin này như thế nào và ta có thể học hỏi nhiều kiến thức từ sự phản hồi của họ. v.v…. Một ví dụ trực tiếp khác, như thầy Minh Nhẫn kể, thầy muốn xây ngôi nhà cho một người nghèo nhưng kinh phí chưa đủ, sau khi thầy làm clip trực tiếp để đăng tin thì ngay lúc đang diễn ra đã được mọi người hưởng ứng từ tính tương tác và lập tức có đủ số tiền để xây ngôi nhà tình thương đó và

còn dư ra sáu căn nữa.

4.3 Tính kinh tế và lan toả:

Trước đây để một bài pháp phổ biến rộng rãi, chúng ta phải tốn rất nhiều chi phí như: tiền thuê quay phim, tiền dựng phim, tiền mua máy chép đĩa và tiền vận chuyển đến các nơi mà ta muốn bài giảng đó đến với quần chúng và số lượng cũng hạn chế. Hôm nay, chúng ta không còn mất những khoản chi phí nặng nề đó nữa mà tất cả các tin chúng ta đưa hoàn toàn free (miễn phí). Và từ mạng xã hội cho nên không gian không còn giới hạn một đất nước nào mà xuyên quốc gia nên gọi là thế giới phẳng, chúng ta cũng tránh được giấy phép xét duyệt này nọ v.v….

4.4 Lưu trữ dữ liệu:

Đi bất cứ nơi đâu, thời gian nào, chỉ cần người hoằng pháp có điện thoại thông minh và có mạng, chúng ta sẽ làm được tất cả việc. Vì ưu thế mạng xã hội, hay kho dữ liệu đám mây, sẽ giúp chúng ta có nguồn dữ liệu do chính ta tạo hoặc tìm kiếm. Vì vậy, một lời thỉnh cầu bất ngờ, ta có thể lên kho dữ liệu đám mây, trang cá nhân của chúng ta để lấy tài liệu giảng dạy cho lời thỉnh cầu bất ngờ đó mà không bị lúng túng.

4.5 Tính chia sẻ thông tin:

Chia sẻ là một lối sống hiện đại và rất phù hợp với lời Phật dạy "kiến hoà đồng giải". Khi chúng ta sử dụng truyền thông xã hội, chúng ta có thể chia sẻ mọi thứ với nhau. Ví dụ hôm nay chúng ta không tham dự lớp học, không tham dự buổi hội thảo, nhưng huynh đệ chúng ta có tham dự, chúng ta muốn đăng thông tin chúng ta chỉ việc chia sẻ thông tin từ người bạn có tham dự trừ thông tin của họ đăng. Hoặc chúng ta có thể chia sẻ các thông tin, tài liệu khác qua chức năng mà mạng xã hội đã có. Điều này rất hữu ích. Ví dụ có một thông tin không hay về Phật giáo, chúng ta có vị nào đó viết bài tốt phản hồi lại thông tin đó. Và chúng ta cùng nhau lấy bài viết phản hồi tốt đó share (chia sẻ) đồng loạt thì chúng có sức mạnh liên kết thông tin, định hướng lại thông tin xấu.

5. NHỮNG MẶT TRÁI CỦA TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI:

5.1 Nhiễu thông tin:

Nghĩa là có một sự kiện, nhiều người đưa tin về sự kiện đó nhưng đã đưa bằng chủ quan và mục đích riêng, làm người tiếp nhận thông tin đó không biết đâu là thông tin có thể tin cậy. Và thông tin có thể đi sai sự thật, tạo mâu thuẫn cho tổ chức, tôn giáo, chính trị v.v…

5.2 Khó kiểm soát:

Do vì ai cũng làm "báo" nên khó có thể kiểm soát, ngay cả Nhà nước hiện nay, có nhiều thông tin phản động nhưng kiểm soát rất khó vì mạng xã hội mang tính quốc tế, các máy chủ đặt ở nước ngoài nên chúng ta khó can thiệp v.v… Phật giáo chúng ta, ngay cả tu sĩ thiếu sự tu học đã đăng lên những lối sống, quan điểm, tư tưởng trái lời Phật dạy, tạo nên nỗi đau chung của Phật giáo.

5.3 Mất thời gian xử lý thông tin:

Lượng thông tin trên mạng xã hội phong phú và đa dạng. Chính vì vậy chúng ta phải mất rất nhiều thời gian để chọn lọc tin và định hướng…..

6. XÂY DỰNG KHUNG SỬ DỤNG TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI:

Chính vì các mặt trái của truyền thông xã hội. Nhằm giúp bảo hộ Tăng đoàn, đứng từ góc độ Hoằng pháp và người có kiến thức chuyên môn, chúng tôi trăn trở và mong muốn quý cấp lãnh đạo Phật giáo sớm xây dựng được nội quy hay khung lý thuyết sử dụng mạng xã hội. Đặc biệt là ban Tăng sự của huyện, tỉnh, TW cần quan tâm và có định hướng để trang nghiêm Phật giáo.

Theo chúng tôi, có những gợi ý:

Quy định Nội dung đăng tin đối với quý tu sĩ

Thời gian hoạt động. Ví dụ tránh các giờ chỉ tịnh của thiền môn vì khi đăng lên mạng xã hội sẽ báo thời gian người ta sẽ hỏi sao giờ này quý thầy còn như thế này thế kia.

Quy định về đối tượng kết bạn. Có những tu sĩ vào mục kết bạn của họ là những đối tượng có đời sống trái ngược Phật dạy v.v….

Đó là những gợi ý rất mong có nhiều đóng góp ý kiến để sớm kiến nghị TW. Vì mạng truyền thông xã hội là một thực tế đang diễn ra chúng ta không thể lẫn trốn mà cần định hướng sử dụng để không ngoài mục đích hoằng pháp và bảo hộ Phật giáo qua các loại phương tiện này.

PHẬT GIÁO VÀ CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHỆ 4.0

Dr. Princy Merlin Peiris*

1. DẪN NHẬP

Nhờ sự lan toả kiến thức khoa học rộng khắp, công nghệ ngày nay đã có những bước tiến vượt bậc. Ngày nay thế giới như một ngôi làng toàn cầu. Người ta có thể dễ dàng quan sát bất kỳ sự kiện nào xảy ra trên thế giới, hoặc nhận được tin tức từ các quốc gia xa xôi trong vòng vài phút. Sự phát triển đáng kinh ngạc đó có thể thấy ở mọi lãnh vực như y học, khoa học và nông nghiệp. Y học đã tiến bộ tuyệt vời với các cuộc phẫu thuật thần sầu để cứu lấy mạng sống con người. Sản xuất nông nghiệp đã gia tăng nhờ phân bón, thuốc trừ sâu, và thuốc diệt cỏ. Công nghệ phát triển đã giúp các bà nội trợ có nhiều công cụ làm việc nhà hơn. Tuy nhiên, hiện nay với đà phát triển nhanh chóng của công nghệ, nhiều vấn đề nghiêm trọng đã được đặt ra không chỉ tại các nước đang phát triển mà cả những quốc gia phát triển. Đó là những tác dụng phụ của việc phát triển công nghệ quá nhanh chóng. Tài nguyên thiên nhiên như không khí, nước và đất bị ô nhiễm đã đặt ra vấn đề về sự tồn vong của con người. Động vật và thực vật cũng đang bị đe doạ ở mức độ nghiêm trọng, có nhiều loài đã tuyệt chủng, và nhiều loài khác đang biến đi nhanh chóng. Đó là hậu quả của nạn phá rừng quy mô lớn, khiến cho lớp đất màu mỡ bên trên bị xói mòn lộ ra lớp đá trần trụi bên dưới. Việc sử dụng bừa bãi phân bón hoá học, thuốc trừ sâu và diệt cỏ đã phá huỷ sự cân bằng tự nhiên của vi khuẩn có trong đất, khiến đất canh tác gần như không thể lấy lại được tình trạng ban đầu. Thời

* Người dịch: Nguyễn Thị Kim Nhung

tiết đã thay đổi đến mức báo động với nhiều sự bất thường. Các nhà khoa học dự báo sự nóng lên toàn cầu có khả năng nhấn chìm nhiều nền văn minh biển đảo do sự tan chảy của các tảng băng ở hai cực. Tầng ôzôn đang mỏng dần với những lỗ hổng ngày càng lớn sẽ dẫn đến mối hiểm hoạ cho con người do phải tiếp xúc với các tia bức xạ có hại của mặt trời. Tất cả các tác hại này đều xuất phát từ hoạt động phát triển công nghệ của con người.

Hiện nay cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã bắt đầu. Mọi thách thức đang ở phía trước. Về cơ bản cuộc cách mạng công nghiệp lần 4.0 này khác với 3.0, do đặc trưng có nhiều công nghệ mới đã ra đời. Trong buổi bình minh của cuộc cách mạng này, thế giới đang chào đón các robot và máy móc thế hệ mới. Khi robot được toàn cầu hoá, chúng sẽ tiếp quản những công việc mà con người đang làm. Con người sẽ phải đối mặt với sự thay đổi lớn về xã hội, kinh tế và chính trị. Đó sẽ là những chiếc xe hơi và taxi không người lái, hay những robot làm công việc hàng ngày của công nhân trên dây chuyền sản xuất. Năng suất sẽ gia tăng, nhưng khi đó việc phân bổ thu nhập sẽ trở nên khó khăn do ai cũng muốn có công việc lương cao. Robot sẽ cắt giảm chi phí lao động tại những nước giàu, làm giảm hoặc xoá đi lợi thế lao động rẻ hiện đang có. Ngay những mô hình sản xuất công nghiệp như ngành may mặc có thể cũng sẽ thay đổi, chúng ta có thể mất đi thị trường và công việc. Còn những ngành dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) như thiết kế và quảng cáo sẽ có cơ hội phát triển.

Trước những diễn biến này chúng ta cần có kiến thức vững vàng về những thay đổi sẽ xảy ra và điều chỉnh chính sách để khai thác tối đa cơ hội đón đầu. Trong công cuộc công nghiệp hoá ngành dệt vào thế kỷ 18, người ta đã lo ngại rằng sự đổi mới và những tiến bộ công nghệ sẽ gây ra hỗn loạn, nhưng điều đó đã không xảy ra, mà ngược lại sự giàu có lại có nhiều hơn sự phá rối. Theo báo cáo, năm 2019 này sẽ có tổng cộng 2,6 triệu robot công nghiệp được sử dụng. Lợi ích của robot được cho là bỏ xa lao động con người, vì chúng không biết nghỉ phép, không biết đi trễ, không bị trượt ngã, cũng chẳng cần phân biệt đối xử về tuổi tác, giới tính hoặc chủng tộc.

Do thế giới đã thay đổi nhanh chóng, chúng ta cần phải thay đổi tư duy để có thể chú trọng đến việc phát triển kỹ năng. Với những thay đổi về công nghệ, hệ thống y tế, vận chuyển, thông tin, sản

xuất, phân phối, và năng lượng cũng sẽ thay đổi theo. Giáo dục sẽ thay đổi theo chiều hướng nhấn mạnh đến kỹ năng. Do vậy cuộc cách mạng công nghiệp lần 4.0 này sẽ mang đến những thay đổi to lớn với tốc độ chưa từng có. Hứa hẹn lớn nhất của cuộc cách mạng này là cải thiện chất lượng sống của con người và nâng cao mức thu nhập của mọi người, làm thay đổi bộ mặt xã hội và cách thức kinh doanh trên quy mô toàn cầu. Ở mặt khác chúng ta có thể giả định rằng nền công nghệ mới này sẽ giúp chúng ta đối phó tốt hơn trong việc phòng chống thiên tai và xoá đi một số thiệt hại do cuộc cách mạng công nghiệp thứ ba để lại. Với mục đích đó chúng ta hết sức mong mỏi sẽ có một sự liên kết chặt chẽ giữa công nghệ mới với việc phát triển môi trường bền vững, nhằm mang đến sự hài hoà, hạnh phúc và lành mạnh cho con người.

Những xu hướng mới trong việc phát triển công nghệ cần được các cơ quan có thẩm quyền cân nhắc kỹ lưỡng để nâng cao tổng sản lượng nội địa. Trong phát triển chúng ta phải có năng lượng để vận hành máy móc, có lực lượng lao động để làm việc, có các cơ sở hạ tầng như điện, nước và thiết bị thông tin đầy đủ. Việc đầu tư nước ngoài, các định chế cho vay và nhu cầu về quỹ đất phải được tính toán. Việc phát triển quan hệ với nước ngoài cũng nhất thiết phải được thực hiện. Hơn nữa, còn cần phải có những biện pháp để phòng tránh các yếu tố rủi ro. Sự an toàn của những địa điểm khảo cổ học, động thực vật hoang dã và trữ lượng rừng phải được các cơ quan có thẩm quyền chăm sóc và bảo vệ.

2. THÁI ĐỘ CỦA PHẬT GIÁO

Phẩm tính đạo đức của Phật Giáo sẽ rất hữu ích trong việc làm cho cuộc cách mạng công nghiệp có ích hơn cho con người. Hầu hết các khám phá khoa học đã được Đức Phật phát hiện từ rất lâu, trước khi con người phát minh ra. Đức Phật phát hiện ra các khám phá này không phải bằng kính viễn vọng hay bằng vệ tinh nhân tạo mà bằng chính tuệ giác của Ngài. Nếu cần thiết, Ngài sẽ khám phá ra tất cả những gì mà các nhà khoa học sẽ tự hào nói rằng tôi đã tìm ra bằng những nỗ lực phi thường. Những điều mà Đức Phật không nói ra không phải vì Ngài không biết, mà chỉ vì Ngài không muốn nói những điều không lợi ích cho con người trong việc đi tìm kiếm con đường chấm dứt khổ đau.

Trong một lần Đức Phật và các vị Tỳ kheo đi qua khu rừng Simsapa, Đức Phật cầm một nắm lá lên và hỏi các vị Tỳ kheo: "Các ông thấy nắm lá trong tay ta nhiều, hay lá trong rừng nhiều?". Các vị Tỳ Kheo trả lời: "Bạch Đức Thế Tôn lá trong rừng nhiều hơn". Sau đó Đức Phật nói: "Cũng vậy, này các Tỳ kheo, những gì mà Như Lai biết được nhiều như lá trong rừng, những gì mà Như Lai nói cho các ông ít như lá trong nắm tay. Này các Tỳ kheo, những gì Như Lai biết mà không giảng dạy là do không có lợi ích cho con người. Khi các ông hiểu tường tận những gì ta nói thì tự khắc các ông sẽ hiểu được bản chất của mọi thứ trên đời."

Có lần Ngài Mục Kiền Liên *(Maha Moggallāna)* đã dùng thần thông thực hiện một nỗ lực vô ích để đi tìm đường biên của vũ trụ. Người ta nói tốc độ di chuyển của Ngài lớn hơn nhiều so với tốc độ ánh sáng. Ngài là vị Tỳ kheo đã đạt được thần thông nhờ tu bốn giai đoạn phát triển định lực *(iddhipāda)* (SN iii PST, trang.288). Đức Phật có mặt trên trái đất này đã hơn 2500 năm nhưng Ngài vẫn có thể dẫn dắt chúng ta trong thế giới tốc độ cao hiện nay. Những lời dạy của Đức Phật về xã hội, kinh tế và đạo đức được mô tả trong Tam Tạng kinh điển có thể được áp dụng thành công trong tiến trình làm giảm thiểu những tác hại của công nghệ ngày nay.

3. CHÍNH SÁCH KINH TẾ CỦA PHẬT GIÁO

Mục tiêu các chính sách kinh tế của Phật Giáo là để xoá đi những cách biệt của khu vực sản xuất, phân phối và tiêu thụ, cũng như để giảm bớt những tác động của nền kinh tế lên đời sống con người, nhằm giúp con người ít bị lệ thuộc hơn. Những sức mạnh kinh tế phải được dùng để phục vụ cho lợi ích chính đáng của con người và cuối cùng mang đến sự giàu có và phúc lợi cho mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Hệ thống kinh tế của Phật Giáo dựa trên Chánh Mạng, một trong tám chi của Bát Chánh Đạo (Rahula, 1996 P.46). Chánh mạng có mục tiêu nâng sự phát triển con người lên mức cao nhất, dựa trên sự tiêu thụ ở mức thấp nhất. Chánh Mạng đòi hỏi con người lựa chọn một nghề nghiệp không gây tổn hại và không đi ngược lại những giá trị đạo đức, cũng như không làm tổn thương về thể xác lẫn tinh thần cho những chúng sinh khác. Trong thời đại hiện nay, nhiều dự án kinh doanh thành công vượt bậc trong lãnh vực khoa học và công

nghệ đã bị đạo Phật lên án là phi đạo đức. Đó là những thương vụ buôn bán rượu bia, vũ khí, ma tuý, hoá chất độc hại và những thứ tồi tệ khác. Kinh doanh những mặt hàng này ngày càng phát đạt và đã đem đến những khoản tiền thuế dồi dào cho những quốc gia phát triển. Những loại hình buôn bán này đã làm lu mờ tâm trí con người khiến họ trở nên vô cảm với những giá trị đạo đức và tâm linh. Thế giới đã chứng kiến những thảm hoạ về sinh thái như Hiroshima, Bopal và nhiều nơi khác, do việc sử dụng vũ khí nguyên tử và các hoá chất nguy hại do chính con người đã tạo ra trong quá trình phát triển. Với lần cách mạng công nghiệp thứ tư này, những thảm hoạ trên đây đã dấy lên nỗi lo ngại về hậu quả nguy hại hơn hẳn những gì chúng ta được biết. Những ngành nghề bất thiện này đã ảnh hưởng xấu lên tâm lý chung của cả hành tinh. Các tôn giáo đã phải dùng mọi cách để làm cho con người thức tỉnh trở lại để có được sự an ổn trong thế giới điên đảo ngày nay. Phật Giáo kêu gọi mọi người đi theo con đường trung đạo trong mọi trường hợp, cố gắng tránh xa những cực đoan trong tư tưởng và hành động, vì đó là những chất xúc tác đem đến đau khổ và bất hạnh. Con người ngày nay với lòng tham không đáy đã khai thác kiệt quệ thiên nhiên khiến cho thiên nhiên trở nên khắc nghiệt với con người. Con người đã không hiểu được thiên nhiên là một hệ sinh thái tổng hợp, tương tác mật thiết với biển cả, không khí, gió và mưa, và được kết nối với nhau bởi luật nhân quả *(Paticca Samuppāda3)* (Sn. PTS P.123) như Đức Phật đã giảng dạy. Do đó những phát triển kinh tế trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này phải kết hợp với thiên nhiên để xây dựng nên những nền văn minh nhân loại. Phật Giáo đề cao những phẩm hạnh của con đường trung đạo trong tất cả mọi phát triển để làm lợi ích cho con người.

Phật Giáo là một tôn giáo khoa học, trí tuệ và hiện đại của thế kỷ 21 làm cho con người trở nên nhân đạo, yêu thích hoà bình, không ích kỷ và tiến bộ. Đức Phật đã chỉ ra bốn loại hạnh phúc mà con người có thể đạt được khi tham gia kinh tế một cách chân chính (AN ii P. TS. trang 69).

i. *Atthi sukha* - Hạnh phúc khi tạo được của cải bằng những phương tiện lương thiện.

ii. *Bhoga sukha* - Hạnh phúc khi hưởng những của cải mình làm ra với gia đình và bạn bè trong khi vẫn không quên Phật sự và đóng

thuế đầy đủ.

iii. *Anana sukha* - Hạnh phúc khi sống mà không mang nợ ai.

iv. *Anavajja sukha* - Hạnh phúc có được từ những hoạt động kinh tế trong sạch, không làm giàu một cách bất công.

Thật vậy, Phật Giáo khuyến khích con người làm giàu bằng các hoạt động công nghiệp, nông nghiệp hay bất kỳ hoạt động nào đi theo con đường chân chính và hưởng thụ những thứ do mình tạo ra một cách phù hợp.

Theo Phật Giáo con người không nên chấp nhận sự nghèo khổ của mình và đổ lỗi cho kamma hay số phận. Chúng ta nên biết rằng trong tính cách con người có những yếu tố gọi là *ārabbha dhātu* (yếu tố ban đầu) và *parakkama dhātu* (yếu tố nghị lực), bằng sự hiểu biết đó chúng ta phải dùng đầu óc của mình cũng như mọi nguồn lực có được để vượt qua nghèo khó. Đức Phật dạy nếu con người có bốn thứ sau đây thì sẽ thành công (AN iv PTS - trang 281).

i. Siêng năng làm việc *(utthāna sampadā)*

ii. Bảo vệ tài sản một cách đúng đắn *(ārakkha sampadā)*

iii. Có được bạn bè tốt *(kalyāna mittatā)*

iv. Chi tiêu cân đối *(samajīvikatā)*

Đầu tiên là siêng năng, đây là điều kiện cần thiết để phát triển bất kỳ công việc nào. Đức Phật dạy dù làm công việc gì từ trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán, đến mỹ nghệ, công nhân, quân nhân, nhân viên nhà nước, v.v.. đều cần phải năng động, chăm chỉ, lanh lợi và tháo vát. Người đó phải tự mình là một quản lý tốt, thực hiện công việc của mình một cách kiên trì và trách nhiệm. Điều thứ hai là phải biết giữ gìn những tài sản mà mình đã vất vả tạo ra bằng mồ hôi nước mắt một cách chân chính. Tài sản thường bị mất mát bởi những yếu tố như bị chính quyền tịch thu, bị trộm cướp, bị hoả hoạn, bị lũ lụt hay bị người thân không tốt chiếm đoạt. Điều thứ ba là có được bạn bè tốt. Bạn bè là người ta có thể trò chuyện thân mật, có thể xin ý kiến, hoặc học hỏi từ sự trải nghiệm, sự thông minh, và đời sống tinh thần đáng kính cuả họ. Điều thứ tư là chi tiêu một cách cân đối, điều này đòi hỏi sự nhận biết về năng lực tài chính của mình để có thể liệu cơm gắp mắm, không vung tay quá trán cũng không keo kiệt, bủn xỉn. Người biết chi tiêu cân đối không sa đà vào

các cảnh trác táng, nghiện ngập hay cờ bạc. Cần kiệm có thể được xem là một triết lý kinh tế tích cực cho mọi người dù là làm việc công nông hay ngành nghề xã hội khác. Người nào làm được bốn điều kể trên thì việc tích luỹ tài sản sẽ không khó khăn, như người xưa có nói "kiến tha lâu đầy tổ".

4. HIỆU QUẢ THÔNG QUA SỰ NỖ LỰC

Hiểu rõ việc gì cần làm và làm như thế nào thông qua sự nỗ lực là rất cần thiết để phát triển và thành công trong công việc. Phật Giáo không tán thành các nỗ lực ngoài chính mình. Phật Giáo nói về những công việc hay nghề nghiệp chân chánh. Kinh Lời Khuyên Dạy *Vyagghapajja (Vyagghapajja sutta)* (ANIV PTS. P. 288) dạy về những điều kiện cần thiết để duy trì và tăng cao phúc lợi vật chất và tinh thần của người tại gia sống bằng các nghề như nông nghiệp, buôn bán, chăn nuôi, mỹ nghệ hay công chức nhà nước; nếu họ tài giỏi, không lười biếng và có khả năng tổ chức thì có phước báu làm giàu hay "phước báu nỗ lực". Đức Phật dạy cần có năm điều sau đây để phát triển nghề nghiệp là:

i. Chuyên nghiệp và sáng tạo.

ii. Không lười biếng.

iii. Sử dụng phương tiện và cách làm hợp lý.

iv. Nâng cao năng lực bản thân.

v. Biết cách tổ chức.

Trong Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt *(Singalovāda Sutta)* (DN iii. PTS P.184), Đức Phật đã thuyết giảng về sự nguy hiểm của sáu thói quen lười biếng, viện cớ "lạnh quá", "nóng quá", "no quá", "đói quá", "sớm quá", "trễ quá" để không làm những việc phải làm.

Đức Phật đã nỗ lực, tinh cần mới đạt đến giác ngộ. Ngài dạy rằng tất cả khổ đau của chúng sanh đều có thể được chuyển hoá bằng chính nỗ lực của tự thân. Nỗ lực là điều kiện thiết yếu cho sự thành công của mỗi cá nhân và xã hội; thiếu nỗ lực sẽ là một cản trở lớn cho việc tích luỹ tài sản và đạt đến mục tiêu. Đạo Phật không chấp nhận suy nghĩ cho rằng thành công của một người là dựa vào những tác động bên ngoài. Đức Phật dạy sự

thành công của cá nhân hay xã hội đều tuỳ thuộc vào nhân quả. Do đó cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này cũng phải dựa trên nỗ lực để đạt được những mục tiêu đã đề ra để phục vụ lợi ích và phúc lợi của nhân loại.

5. SỰ PHÁT TRIỂN NHỮNG PHẨM CHẤT TÍCH CỰC

Phật Giáo nhấn mạnh đến tầm quan trọng của tự thân trong việc đạt đến mục tiêu hay lui sụt. "Tự thân ta vừa ô nhiễm vừa trong sạch. Trong sạch hay ô nhiễm đều tuỳ thuộc nơi ta. Không ai làm cho người khác trong sạch được" (Dhp. trang181 - 82). Đức Phật dạy rằng các đấng Như Lai *(Tathāgatas)* chỉ là người thày chỉ đường, chúng ta phải tự mình bước đi. Chúng ta phải nhận lấy trách nhiệm của mình, tuỳ thuộc vào chính mình để giải thoát. Theo Kinh *Attakara Sutta* (AN iii PTS, trang 338) chúng ta cần vượt qua biếng nhác bằng cách vận dụng tinh tấn theo nhiều giai đoạn như tinh tấn khởi động *(ārabbha dhātu)*, tinh tấn triển khai *(nikkamma dhāthu)*, tinh tấn hoàn thành *(parakkama dhātu)* và kiên trì thực hiện *(thāmadhātu thitidhātu)* để đạt được mục tiêu đã đề ra. Mặt khác phải nhớ rằng những gì chúng ta làm phải luôn đem đến lợi ích cho bản thân và những người chung quanh.

Trước hết bản thân chúng ta phải thiết lập cho mình hướng đi đúng đắn và sau đó hướng dẫn người khác. Một người khôn ngoan như thế sẽ không bị ô nhiễm. Chúng ta phải nuôi dưỡng, trau giồi những phẩm hạnh tốt, trước khi khuyên người khác làm điều này. Trong Kinh Đoạn Giảm *(Sallekha Sutta)* (MN PTS, trang 43) Đức Phật dạy một người bị sa lầy trong vũng bùn không thể giúp đỡ người đồng cảnh ngộ. Do vậy, một người có tầm ảnh hưởng trong xã hội phải định hướng con đường đúng đắn cho mình trước, sau đó mới hướng dẫn người khác. Như thế mọi người mới có thể cùng tận hưởng những lợi ích của sự phát triển.

6. SỰ HÀI HOÀ GIỮA GIÁ TRỊ TÂM LINH VÀ VẬT CHẤT

Phật Giáo chú trọng đến sự phát triển toàn diện con người về cả hai mặt vật chất và tinh thần. Kinh *Dvicakkhu sutta* (AN i PT.S 128-129) chỉ ra ba hạng người trên thế gian là:

i. Người mù mắt

ii. Người chột mắt

iii. Người hai mắt

"Người hai mắt" là người vừa có con mắt về tài chính vừa có con mắt về đạo đức, biết cách phát triển cả hai phương diện vật chất và tinh thần trong cuộc sống. "Người chột mắt" là người chỉ có một con mắt hoặc về tiền tài hoặc về đạo đức. Và "người mù mắt" là người mù tịt về cả hai phương diện này. Bài kinh ca ngợi người có hai mắt, và xác định rằng nếu người mù hay người chột thì không thể là người hạnh phúc được. Kinh *Vaddhi sutta* (ANv. PTS, trang 137) có đề cập đến 10 điều để thành công. Đó là ruộng đất, gia súc, tài sản, vợ con, người phục vụ, sự tự tin, phẩm hạnh, học hỏi, từ tâm và trí tuệ. Trong đó có năm điều thuộc về vật chất và năm điều thuộc về tinh thần. Như vậy Đức Phật đã xem cả hai phương diện vật chất và tinh thần đều quan trọng như nhau trong việc phát triển con người.

Khi nói đến lịch sử các nền văn minh Phật Giáo, chúng ta có thể thấy được sự hài hoà giữa vật chất và tinh thần tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tại đất nước Sri Lanka trong thời kỳ đầu, những di tích về mạng lưới thuỷ lợi phức tạp và các kiến trúc của tu viện, bảo tháp, cho thấy sự phát triển vượt bậc về kinh tế của người Sinhalese ở đảo quốc này. Đồng thời nhiều nguồn tư liệu về văn hoá ở trong và ngoài nước cũng cho thấy người Sinhalese ở đây đạt chuẩn mực cao về đời sống tinh thần. Một dòng chữ còn tồn tại cho đến ngày nay tại một ngôi cổ tự tên là "Hetadāgeya" tại Polonnaruwa cho thấy sự yên bình và an lạc của người dân khi hưởng được sự lợi ích do mạng lưới thuỷ lợi lớn nhất nhì thế giới này đem lại. Hệ thống này đã hoạt động một cách hiệu quả khoảng 2.000 năm mà không gặp vấn đề nào về phù sa hoặc nhiễm mặn. Một số kênh có độ dốc chỉ 1 inch trên một dặm đã làm kinh ngạc nhiều chuyên gia thuỷ lợi ngày nay. Đảo quốc này đã tồn tại trong một thời gian dài và có một nền văn minh rất cao do biết sử dụng những giá trị Phật Giáo về quản lý tài nguyên một cách hợp lý và thận trọng. Dòng chữ trên viết rằng vương quốc này rất an ninh, không tội ác và tham nhũng, ngay đến một phụ nữ cũng có thể đi ra đường mang theo cả một rương đá quý mà không chút lo sợ. (Hettiarachchi - 2001, trang 43)

Từ các ghi chép lịch sử, người ta biết được các hoạt động của Vua Asoka (Rahula, 1996 – trang 88) trong việc thúc đẩy tiến bộ về vật chất cũng như tinh thần cho nhân dân trong nước. Những

vị vua Phật Giáo sau đó cũng đi theo con đường mà vua Asoka đã vạch ra. Những hồ nước mênh mông và những hồ trữ nước đồ sộ tại Sri Lankalà những chứng cớ của sự phát triển này. Các quốc gia Phật Giáo như Miến Điện, Thái Lan, Nhật Bản cũng được biết đến với những phát triển tương tự. Điều này cho thấy không hề có xung đột giữa những giá trị tôn giáo và tiến bộ vật chất. Con người có thể dung hoà những giá trị về tinh thần và vật chất, với sự giúp sức của khoa học hiện đại. Do đó nếu dựa trên những mục tiêu đã đề ra cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này chúng ta có thể mang lại sự phát triển đa dạng cho thế giới.

7. QUẢN LÝ HIỆU QUẢ

Muốn thành công trong công việc, chúng ta cần đặt tính hiệu quả trong quản lý lên hàng đầu. Người muốn thành công phải có khả năng sắp xếp công việc, và triển khai công việc một cách hiệu quả. Người đó cần có năng lực dựa trên sự học hỏi và kinh nghiệm bản thân, hoặc có một nghề nghiệp giỏi. Trong Kinh Điềm Lành Lớn *(Mahā Mangala sutta)* (Sn PTS trang 47), việc được học hỏi và có nhiều hiểu biết (bāhusacca) là một điềm lành, một hạnh phúc lớn. Do đó, nếu không học hỏi, người ta khó có thể thành công. Trong kinh này từ *"sippa"* được hiểu là có nghề nghiệp tốt. Đức Phật dạy rằng những ai làm những ngành nghề không tổn hại chúng sanh là một phước báu. Một phước báu khác là anākula kammanta, tức có công việc không gây xung đột với người khác. Khi có xung đột với người khác thì công việc đó không thể mang lại sự toại nguyện và hạnh phúc, nó sẽ ảnh hưởng xấu đến năng suất và kết quả công việc.

Trong Kinh Từ Bi *(Metta sutta)* (Sn PTS trang 25), chữ *sakko* (khả năng) là bước cơ bản của sự phát triển tính cách. Phật giáo cho rằng dù là việc đời hay đạo, một người cần phải có kiến thức và chuyên môn cao, để hoàn thành công việc được giao phó. Khả năng này rất quan trọng ở cả mức độ cá nhân cũng như quản lý. Trong Kinh *Singalovada* (DN iii PTS.trang 191) có đề cập đến" *yathā balam kammanta samvidhānena"*, tức "phân công tuỳ theo sức lực người". Ở đây từ *bala* (lực) không chỉ hiểu là sức mạnh thể chất, mà còn có ý nghĩa rộng hơn bao gồm các kỹ năng học tập, kinh nghiệm nghề nghiệp, v.v.. Chúng ta không nên để *chanda* (chấp trước), *dosa* (sân hận), *bhaya* (sợ

hãi), *moha* (si mê) (AN i P.TS trang 18) ảnh hưởng đến công việc mình làm, phải luôn biết cách chọn thời điểm thích hợp để tiến thoái một cách khôn khéo. Kinh Suy Đồi *(Parābhava)* dạy rằng một người nam hay nữ có thái độ ngông nghênh, sẽ không thích hợp để nắm giữ những trách nhiệm về quản lý (Sn PTS. trang 20). Trong mọi ngành nghề những điều nêu trên rất cần thiết để tạo hiệu quả của công tác quản lý.

Tập trung tinh thần là điều kiện cần thiết cho bất kỳ công việc nào. Thực hành thiền định chánh niệm (MN i PTS, trang 55-56) giúp con người tránh được sự trì trệ và lười biếng, mang đến sự tỉnh thức liên tục và rèn luyện được sự nhạy bén. Con người thường không sống trong giây phút hiện tại, mà hay nghĩ về quá khứ, hoặc ước vọng về tương lai với những giấc mơ huyễn ảo. Tứ Niệm Xứ *(Satipatthāna)* là một phép quán niệm giữ cho con người sống trọn vẹn trong giây phút hiện tại, ý thức được những gì mình đang làm trong thời điểm hiện tại, tránh rơi vào vòng xoáy vô thức dẫn đến phiền não. Do đó, sự tỉnh thức hay sống trong chánh niệm là điều cần thiết mà mọi người nên thực hành. Sống trong chánh niệm đồng nghĩa với sống không buông thả, không lười biếng, ý thức được trách nhiệm, giữ đúng giờ, và tập trung cao độ để hoàn thành mọi việc một cách hệ thống. Rõ ràng thực hành thiền định sẽ tạo ra những cá nhân năng động cho xã hội, dẫn đến sự tiến bộ của bản thân và cộng đồng.

8. CHÂN GIÁ TRỊ LAO ĐỘNG

Chân giá trị lao động là khái niệm phổ quát được nhiều người biết đến hiện nay. Phật Giáo đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của lao động trên cơ sở triết học. Vào thời điểm hiện nay lao động tay chân vẫn còn bị coi là thấp kém hơn lao động trí óc. Quan niệm này thường thấy ở những xã hội phân chia giai cấp và từng bị đô hộ. Trong kinh điển Phật Giáo chúng ta từng thấy hình ảnh Đức Phật tự tay tắm rửa và giặt giũ y cho những vị Tỳ Kheo bị bệnh. Các Tỳ Kheo sống tại tinh xá cũng phải vất vả lao động để đáp ứng nhu cầu hàng ngày, và còn phải tham gia vào nhiều công việc khác như xây dựng và bảo trì tinh xá (Rahula 1993, trang 185). Do đó sự vất vả của lao động tay chân không phải là điều xấu hổ, mà trái lại đó là điều đáng tự hào. Trong

Tam Tạng kinh điển có thể kể ra ba loại lao động:

i. Lao động tay chân.

ii. Lao động trí óc.

iii. Lao động tâm linh.

Lao động tay chân được dùng để làm ra của cải vật chất. Người nông dân trên cánh đồng, người nghệ nhân trong tạo tác là những người dùng đến lao động tay chân. Doanh nhân tổ chức công việc hay nhân viên hành chánh là những người dùng đến lao động trí óc. Hai loại lao động này làm ra của cải phục vụ cho chính mình và mọi người. Riêng lao động tâm linh là loại lao động tự mình kiểm soát những ý nghĩ phát sinh trong tâm để loại bỏ những tư tưởng bất thiện, và nuôi dưỡng tư tưởng thiện. Đây là loại lao động mang lại sự an lạc cho chính bản thân người thực hành cũng như người chung quanh.

Phật Giáo không quan niệm công nhân chỉ là một món hàng để mua bán. Để nói về lực lượng lao động, kinh điển Phật Giáo dùng cụm từ *"dāsakammakara porisa"*, tức "người thợ" bao gồm công nhân, người phục vụ và người làm công. Trong kinh *Attakamma sutta* những người thợ này được gộp chung với vợ và con của người chủ. Kinh dạy rằng bổn phận của người chủ là phải đối xử với người thợ như đối xử với vợ con mình. Kinh Singalovāda sutta dạy chi tiết hơn về mối quan hệ giữa chủ và thợ. Người chủ có 5 bổn phận đối với người thợ như sau:

i. Giao việc đúng khả năng.

ii. Trả lương và cung cấp thức ăn.

iii. Chăm sóc y tế khi đau bệnh.

iv. Chia sẻ những món ăn ngon.

v. Tuỳ thời cho nghỉ phép.

Người chủ phải biết khả năng của người thợ. Không chỉ về mặt thể chất mà cả về mặt trình độ, kinh nghiệm, những điểm mạnh yếu, sự trung thực, khả năng gánh vác công việc, cùng những đặc điểm về tâm lý hay tính cách. Nếu giao cho người thợ một việc quá nặng nhọc, hay bắt họ làm việc quá sức hoặc những công việc không phù hợp với khả năng thì có thể xem như là bóc lột sức lao động. Một

bổn phận khác của người chủ là phải cung cấp thức ăn và trả lương đầy đủ. Kinh điển Phật Giáo có nhắc nhở người chủ không được bắt thợ làm việc quá sức và phải linh hoạt sắp xếp ca làm việc và cho họ được nghỉ phép khi cần thiết. Nếu những nguyên tắc này được tuân thủ thì sẽ không còn tệ nạn bóc lột sức lao động và người thợ sẽ hết lòng làm việc. Ở chiều ngược lại, Kinh *Singalovāda sutta* cũng liệt kê 5 bổn phận của người thợ đối với chủ:

i. Thức dậy sớm làm việc.

ii. Đi ngủ trễ hơn chủ.

iii. Không ăn cắp.

iv. Chu toàn nhiệm vụ.

v. Giữ thanh danh cho chủ.

Thật vậy, khi người chủ và người thợ cùng làm tốt bổn phận của mình thì hai bên đều hài lòng nhau và người thợ sẽ làm việc cật lực. Tuy nhiên trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư này có thể người thợ sẽ được thay thế bởi các robot. Nhưng ngay cả khi làm được việc đó thì vẫn cần đến sức người.

9. THÀNH CÔNG CỦA SỰ NỖ LỰC

9.1. Biện pháp bảo vệ

Khi bắt tay vào một dự án mới người ta cần có các biện pháp bảo vệ để sẵn sàng đối phó với mọi tình huống xấu có thể xảy ra. Ví dụ khi nông dân lên phương án trồng trọt họ cần phải có một hệ thống cấp và thoát nước. Rồi phải dự đoán mưa lũ và các biện pháp khắc phục trước khi bắt tay vào hoạt động. Người làm việc với các thiết bị và vật liệu dễ cháy nổ phải chuẩn bị đối mặt với mọi tình huống liên quan đến hoả hoạn. Mọi quy trình hoạt động phải bảo đảm an toàn tuyệt đối, không được làm qua loa, dối trá vì những cung cách làm việc này là vi phạm luật pháp. Mọi người cần tránh xa những hành động phạm pháp. Theo Kinh *Vyagghapajja sutta*, làm như thế là *ārakkha sampadā*, tức là "bảo vệ". Trong mọi dự án dù là công nghiệp hay nông nghiệp tai nạn có thể xảy ra bất kỳ lúc nào, do đó Đạo Phật dạy rằng những biện pháp bảo vệ là tối cần thiết.

9.2. Vị thế đặc biệt của con người

Con người có một vị thế đặc biệt so với các loài sinh vật khác, đó

là khả năng có thể thành Phật. Con người có thể tự chấm dứt mọi khổ đau để đạt đến giải thoát. Theo Phật Giáo không có sinh vật nào sánh được với con người về mặt trí tuệ và tiềm năng giác ngộ. Do có vị thế đặc biệt, con người nhận thức được tiềm năng vô hạn của mình, nên cần phải có lòng khiêm cung và ý thức trách nhiệm trong mọi hành xử của mình. Do có khả năng nhận biết giữa thiện và bất thiện, con người phải sống đạo đức, phải biết tiết chế trong các hoạt động kinh tế, nghĩa là phải tránh xa mọi sự bóc lột từ vật đến người và ngay cả đến môi trường.

Trong Kinh Giáo Giới La Hầu La Ở Rừng Ambala *(Ambalatthika Rāhulovāda sutta)* (MN i. P. 415 -16) Đức Phật dạy con người nên làm những điều đem lại lợi ích cho bản thân và những chúng sanh khác và không nên làm những việc bất thiện. Kinh Pháp Cú *(Dhammapada)* cũng nêu ra những tiêu chí tương tự. "Mọi người sợ hình phạt. Mọi người sợ tử vong. Lấy mình làm ví dụ. Không giết, không bảo giết". Tương tự như thế khi sử dụng khoa học hiện đại, điều cần thiết là con người không nên làm những việc gì có ảnh hưởng xấu đến tài nguyên thiên nhiên hay ô nhiễm môi trường.

10. KẾT LUẬN

Phật giáo khuyến cáo khuynh hướng tham dục của con người. Con người do không biết đủ nên bị chìm đắm trong đau khổ. Phật Giáo gửi một thông điệp quan trọng đến con người đương đại, đặc biệt là các quốc gia phương Tây, nơi mà các phát minh khoa học được sử dụng như một công cụ để thoả mãn những đòi hỏi bất tận của con người, trong khi ở mặt ngược lại nguồn tài nguyên thiên nhiên thì có hạn. Rõ ràng là khoa học và công nghệ đã không đủ sức để thúc đẩy một trật tự xã hội ổn định và hài hoà, có thể làm cho con người có cảm giác an toàn. Chỉ khi nào con người nhổ được tam độc tham sân si và thay bằng không tham, không sân, không si, hay thể hiện chúng dưới dạng tích cực hơn bằng lòng từ bi và trí tuệ thì xã hội mới được yên bình và hài hoà. Khi đó những phát minh hiện đại mới thật sự đem lại lợi ích cho con người.

***

TƯ LIỆU THAM KHẢO:

Nguồn tư liệu gốc

1. Anguttara Nikāya i edited by A.K. Warder, P.T.S 1961

2. Anguttara Nikāya ii edited by Richard Moris, P.T.S 1955

3. Anguttara Nikāya iii edited by E.Hardy, P.T.S 1976

4. Anguttara Nikāya iv edited by E. Hardy, P.T.S 1979

5. Dhammapada edited by A. Hewamadduma and rest, central cultural fund 1997.

6. Dīgha Nikāya iii edited by J.E. Carpenter P.T.S. 1976

7. Majjhima Nikāya i edited by V. Trenckner P.T.S.1979

8. Samyutta Nikāya v. edited by M. Lean Feer P.T.S.1976

9. Sutta Nipāta - edited by Anderson and Smith P.T.S.1979.

Nguồn tư liệu thứ cấp

1. Hettiarachchi, D. (2001) *Buddhist Economic Philosophy* 1st Edition, Education Publications Department, Battaramulla.

2. Rahula, W. (1993) *History of Buddhism in Ceylon*, 3rd Edition, Buddhist Cultural Centre, Nadimala, Sri Lanka.

3. (1996) *What the Buddha Taught,* 3rd eEdition, Buddhist Cultural Centre, Nadimala, Sri Lanka

PAÑCAŚĪLA: ĐẠO ĐỨC PHỔ QUÁT, NHỮNG ĐÓNG GÓP ĐỐI VỚI CUỘC CÁCH MẠNG 4.0

Tỳ kheo Nguyễn Ngọc Anh*

TÓM TẮT

Phật giáo, một giáo lý thiết thực, bao gồm cách chúng ta sống và trải nghiệm. Lời Phật dạy là hướng dẫn để đạt được giác ngộ thông qua ba phương diện: đạo đức, thiền định và trí tuệ. Để đạt đến mục đích của Phật, các phương hướng đạo đức hay các yếu tố đạo đức (cariyā dhammas) là đỉnh cao của nghệ thuật sống cho chúng sinh và là nền tảng của con đường dẫn đến Nibbāna (hạnh phúc đích thực). Pañcaśīla (năm giới), tâm điểm của đạo đức Phật giáo, cung cấp các giải pháp cho các vấn đề thời đại. Thực hành pañcaśīla dẫn đến sự giải thoát khỏi thái độ, lời nói và hành động tiêu cực. Ngoài ra, những đức tính đạo đức này cho phép mọi người cùng tồn tại trong cộng đồng, công bằng, trung thực, hài hòa và an bình bằng đạo đức phổ quát. Bài viết sau đây sẽ chứng minh cách mà pañcaśīla có thể giải quyết những khó khăn thời đại.

Từ khóa: Pañcaśīla, đạo đức Phật giáo, đạo đức phổ quát, Cách mạng công nghiệp 4.0, thách thức toàn cầu.

GIỚI THIỆU

Phật giáo là giáo lý của sự thực tập, Đức Phật đã dạy rằng "Ta chuyển bánh xe Pháp bằng sự an lạc" (Bodhi 2017, tr. 253-4 / Sn 3.7.5-8). Đặc biệt ở đây, pañcaśīla là giáo lý của giải thoát, tập trung vào chuyển hoá cả biến đổi cá nhân và biến đổi xã hội. Những giới luật này là đạo đức hoàn thiện chung cho mọi người và cũng là đạo đức hoàn thiện đặc trưng cho mỗi người. Thảo luận sau sẽ cho thấy, Pañcaśīla, đạo đức phổ quát là như thế nào và giá trị của chúng trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

1. PAÑCAŚĪLA TRONG TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO

Trong tiếng Phạn, pañcaśīla là sự kết hợp của pañca (năm) và śīla (đạo đức). Pañcaśīla trong các văn bản Phật giáo là năm giới luật hoặc kỷ luật đạo đức được truyền dạy trong truyền thống Phật giáo. Đó là (i) Không giết hại sinh vật sống (pānātatipātā); (ii) Không lấy của người (adinnādānā); (iii) Không tà dục (kāmesu micchācārā); (iv) Không nói sai sự thật (musāvādā); và (v) Không sử dụng chất gây say (surāmeraya majjapamādatthāna) (Bodhi 2012, trang 790-792 / AN 10.178-79 hoặc Gunabhadra, T.24 số 1476 trang 001). Pañcaśīla cũng chính là trọng tâm trong các nguyên tắc đạo đức khác, như uposadhaśīla, rāmanera, rāmanerikā, daśaśīla, bhiksu, bhiksunī.

Cùng xem lại vị trí của pañcaśīla trong triết học Phật giáo, ba giá trị của đạo đức, pañcaśīla, thảo luận về cách pañcaśīla thể hiện trong các văn bản Phật giáo nêu bật lên sự đổi mới đầu tiên của đạo đức Phật giáo trong lý thuyết nghiệp lực hoặc cách tiếp cận đạo đức học.

Pañcaśīla chứa đựng yếu tố quan trọng trong triết học Phật giáo bởi vì năm nguyên tắc này là các thành phần không thể thiếu của công thức đạo đức qua nhiều minh chứng về đạo đức Phật giáo (prātimoksa). Theo truyền thống Theravada, đạo đức là một phần của triśiksā (ba phương pháp được biết đến như là 'śīla samātha và Prajñā') liên hệ với lời nói đúng (samyagvāc), hành động đúng (samyakkarmānta) trong Bát Chánh Đạo (āryāstāngamārga). Trong Đại thừa, đạo đức đứng vị trí thứ hai của pāramitā (sáu sự hoàn hảo). Śīla nghĩa là đạo đức, là ba điều kiện hợp lệ. Thứ nhất, śīla được xem như là những bước đi đầu tiên trong truyền đạt thúc đẩy các hành động đạo đức (kuśalakarman). Thứ hai, śīla kiềm chế những hành vi vô đạo đức từ hành động đến lời nói. Thứ ba, śīla sửa chữa ý định hoặc ý niệm (cetanā) xúi dục đưa đến thân hành. Kết quả là, giới luật đi kèm với từng khoảnh khắc của tâm, kiểm soát ý định của thức, hướng tới con đường thiện nghiệp (kuśala) và loại bỏ tất cả những bất thiện nghiệp (Akuśala). Tất cả hành động tạo tác không ngoài sự hướng dẫn của tâm như khi ta bắt đầu khởi niệm, hành động sẽ thông qua cơ thể và lời nói mà được thực hiện, do đó chức năng của cetanā là dẫn dắt ý niệm đến hành động. Cho nên, người học Phật muốn tu tập cả thiền định (samātha) và trí tuệ (Prajñā), thì phải hoàn toàn gìn giữ các nguyên tắc đạo đức để làm chủ tư duy, đưa đến việc làm trí tuệ, và từ bỏ những hành vi chưa được xem

là đạo đức. Điều đó có nghĩa, śīla là nền tảng để đạt được thiền định và trí tuệ, và là con đường đầu tiên để giúp một cá nhân có được sự giải thoát qua sự tuân thủ các nguyên tắc đạo đức. Vì lý do đó, hệ thống đạo đức thiết yếu trong Phật giáo là pañcaśīla, là hình thức cơ bản của đạo đức Phật giáo. Pañcaśīla là những nguyên tắc cơ bản để kiềm chế giết hại, trộm cắp, lạm dụng tình dục, nói sai và say xỉn. Theo nghĩa này, pañcaśīla đóng vai trò vô cùng quan trọng và cần thiết trong tâm tưởng (cetanā) của cá nhân đối với hành động tích cực hoặc tiêu cực. Mối quan hệ giữa pañcaśīla và cetanā cũng là sự đổi mới đầu tiên trong đạo đức Phật giáo về thuyết nghiệp lực cũng như tâm lý học đạo đức.

Ở đây tác giả xin thảo luận chi tiết hơn về pañcaśīla như sau:

Nguyên tắc đạo đức đầu tiên là kiêng giết hại các sinh vật sống (pānātatipātā: pānā có nghĩa là những sinh vật có hơi thở và ý thức; atipātā nghĩa là hạ gục, giết hoặc tiêu diệt). Không lấy mạng sống của các sinh vật bị cấm, cũng như làm bị thương, làm hại, làm tổn thương hay tra tấn. Quá trình giết chết chúng sinh có ba giai đoạn: ý định (yếu tố tinh thần hoặc ý chí chịu trách nhiệm hành động), ra lệnh lấy sự sống bằng lời nói (viết, cử chỉ, nói) và tự mình thực hiện hành vi giết hại. Cũng nghiêm cấm tất cả các hành vi như xử phạt nặng, tự tử, phá thai và trợ tử (Keown, 1998, tr.400). Do đó, giới này bảo vệ sự sống của chúng sinh.

Nguyên tắc đạo đức thứ hai, bao gồm không lấy vật khi chưa có sự đồng ý của người (adinnādānā: adinnā nghĩa là những gì thuộc về ai đó hoặc những gì ta chưa có quyền sở hữu hợp pháp). Giới luật này nghiêm cấm các hành vi trộm cắp và gian lận qua nhiều hình thức như, lấy mà chưa có sự đồng ý của chủ, buôn bán trái phép, đánh bạc, lừa đảo, hối lộ và gian dối (Leaman 2000, tr. 139). Hành vi lấy vật của người ra được chia thành hạng như ăn cắp, ăn cướp, lừa đảo hay gạc gẫm. Cho nên, mục đích căn bản của giới này là bảo vệ tài sản cá nhân khỏi sự chiếm đoạt bất hợp pháp của người khác. Do đó, giới luật này khuyến khích sống đúng và trung thực.

Nguyên tắc đạo đức thứ ba là sự kiêng kị đối với các hành vi sai trái trong hoạt động tình dục (kāmesu micchācārā) nghĩa là không quan hệ tình dục bất chính hoặc có hành vi sai trái liên quan đến khoái cảm nhục dục. Ngoại tình là ý định thực hiện hành vi dục nhiễm qua thân, gây ra sai phạm với đối tác bất hợp pháp. Vi phạm ở

đây là do lực thúc đẩy bởi dục vọng làm gốc rễ lòng tham kèm theo ảo tưởng. Việc nghiêm cấm nhiều hình thức trong giới này bao gồm cưỡng bức, loạn luân, thủ dâm, qua lại với chồng hoặc vợ của người khác và giao cấu ở thời điểm không thích hợp hoặc không phù hợp. Qua đây, mục đích của giới này là để bảo vệ mọi người và củng cố lòng chung thuỷ với người đồng hành. (Wijayaratna, 1990, trang 166-7).

Nguyên tắc đạo đức thứ tư là sự kiêng khem lời nói sai quấy (musāvādā). Giới luật này nghiêm cấm mọi hành vi của thân thể và lời nói với ý định sai lầm để lừa phỉnh hoặc nói dối. Ham muốn tội lỗi là chưa hiểu nguyên nhân của sự vi phạm. Có nhiều loại lời nói sai khác nhau bao gồm nói dối, lời nói ác, nói lời thêu dệt và lời nói khó nghe (Segall, 2003, trang 169). Đây cũng là cách để có lời nói đúng [samyagvāc] (Guabhadra, p.0203b). Nền tảng của giới này là bảo vệ sự chân thành, trung thực, trung thành, biết ơn, với mục đích loại bỏ đi sự thiếu trung thực, là nguyên nhân gây ra mọi khổ đau trên đời.

Nguyên tắc đạo đức thứ năm là không sử dụng các chất gây say, nghiện (surāmeraya majjapamādatthāna). Trong trường hợp này, giới hạn chế các chất gây say là rượu, rượu cất và mở rộng nghiêm cấm với các chất khác như rượu, ma túy, thuốc phiện, cần sa, thuốc mê… Mục đích của kỷ luật này là ngăn chặn sự vô tâm, và tạo ra những đức tính của sự lưu tâm, nhận thức, chánh niệm, trách nhiệm và thiền định. Do đó, nguyên tắc đạo đức thứ năm nhằm mục đích tránh các nguyên nhân của hành động ngu ngốc, sự lỏng lẻo, biếng nhác, thể trạng kém và các vấn đề về thần kinh (Benn, 2005, trang 225).

Do đây, Pañcaśīla tạo ra nền tảng cho việc phát triển tâm lý của cá nhân và cộng đồng. Tất cả các hành động được thực hiện thông qua ba cửa "thân thể, lời nói và tâm ý" thì đều bị hạn chế bởi các nguyên tắc đạo đức - bạo lực, giết chóc, ăn cắp, ngoại tình, dối trá, v.v. Do đó, chúng ta tuân thử các nguyên tắc đạo đức bằng cách thực hành pañcaśīla để thay đổi tâm ý từ trạng thái tinh thần bất thiện sang trạng thái lành mạnh, cũng được gọi là quá trình thay đổi nhân tố hoặc tự chuyển đổi. Đây là một phép lạ tuyệt vời để phát triển suy nghĩ cá nhân và nhận thức xã hội. Theo tâm lý học Phật giáo, pañcaśīla làm giảm tất cả những cảm xúc tiêu cực, cái mà khiến con người ta phải đối mặt những cảnh giới đau khổ. Trong văn bản Phật cũng có sáu cõi được hiểu như là các giai đoạn sinh khởi khác nhau

của tâm lý hoặc con đường nhận thức về thế giới có mối quan hệ tương quan đến sự tức giận, tham lam, ngu xuẩn, ham muốn, cạnh tranh và tự mãn (McLeod 2002, trang 146-51). Điều này có nghĩa là các nguyên tắc đạo đức phát triển những cảm nhận tốt nhất dẫn dắt người ta đến cảnh giới tốt, một thế giới hạnh phúc hơn. Đây là nguyên tắc phát triển thông qua sự lặp lại bởi quá trình tự biến đổi là vậy.

Pañcaśīla, tâm lý đạo đức, sự đóng góp đáng kể nhất của đạo đức Phật giáo. Thuyết duyên khởi (pratītyasamutpāda) là khái niệm cơ bản về điều kiện của sự tồn tại, tạo ra cầu nối giữa tâm lý học và đạo đức học để giải thích cho lý do của mọi hành động. Ngoài ra, nguồn gốc phụ thuộc này còn tạo ra một quy tắc cụ thể trong mối liên hệ giữa ba phương pháp tu tập, đó là: đạo đức (śīla), thiền định (samātha) và trí tuệ (Prajñā); cái này phụ thuộc vào cái kia để thực hiện kiểm xoát đối với các hành vi vô đạo đức từ thân, khẩu và ý nghiệp. Bởi, mọi khó khăn, sai lầm đều bắt nguồn từ ba loại độc (trivisa: ba gốc bất thiện): tham lam (rāga hoặc lobha), hận thù (dvesa) và si mê (moha), những yếu tố tinh thần này làm xáo trộn tâm trí và kích động các hành vi sai phạm của thân và miệng. Do đó, pañcaśīla là những nguyên tắc đạo đức hướng dẫn lối đi, gạn lọc tư tưởng tiêu cực và nuôi dưỡng những tâm thức thiện lành. Đây cũng là nghĩa của sự giải thoát hoàn toàn mọi khổ đau, bất thiện nghiệp - cái mà luôn được biểu lộ qua thân thể, lời nói và tâm tưởng.

Nói tóm lại, pañcaśīla, qua sự hướng dẫn của các tu sĩ Phật giáo đã tạo ra hiệu ứng tâm lý (Harvey, 2000, trang 80), như một đạo đức kiểm xoát ba nghiệp của tự thân. Những nguyên tắc đạo đức này đưa đến sự giải thoát cá nhân (moksa) khỏi phiền muộn (kleśa) như là kết quả của sự hỗ tương giữa tập trung và hiểu biết trong pháp duyên sinh (pratītyasamutpāda). Do đó, pañcaśīla là sự bảo vệ hoặc hỗ trợ chống lại các hành vi phi nhân đạo, là đạo đức thiết yếu của một công dân toàn cầu.

2. PAÑCAŚĪLA, ĐẠO ĐỨC PHỔ QUÁT

Ở đây, tác giả mong muốn thảo luận về pañcaśīla như là đặc điểm chung cho công dân trên toàn cầu: đạo đức phổ quát, điều cần thiết cho thời đại; cho thấy mối quan hệ của pañcaśīla với thuyết mục đích đạo đức (teleological virtues), chủ nghĩa vị lợi

và thuyết mệnh lệnh đạo đức của Kant. Do vậy, pañcaśīla đã được chấp nhận như là đạo đức toàn cầu.

Đạo đức phổ quát là các nguyên tắc đạo đức hoặc tiêu chuẩn đạo đức được chấp nhận đối với mọi người, có thể áp dụng cho cả những người theo đạo cũng như không theo đạo. Đạo đức phổ quát cũng được gọi là toàn cầu hóa đạo đức, tìm kiếm các tiêu chuẩn đạo đức nghiêm túc để giải quyết các bất đồng và xung đột xuyên biên giới, quốc gia, tôn giáo, văn hóa, kinh tế và chính trị (Kymlicka 2007, tr.1).

Theo Kant, nghĩa vụ đạo đức hoặc nguyên tắc phổ quát; luật đạo đức có thể áp dụng cho tất cả mọi người trong mọi hoàn cảnh như là một công thức chung cho toàn nhân loại. Các quy tắc ứng xử, giải quyết vấn đề, hành vi đạo đức - tiêu chuẩn đạo đức toàn cầu hóa được coi là bằng chứng hiển nhiên tồn tại trong suốt bề dày lịch sử xã hội. Mục đích của hệ thống đạo đức này là mang lại lợi ích cho toàn xã hội.

John Locke (1988, tr.271), trong tự nhiên có luật tự nhiên, để kiềm chế hành vi của con người; đó là luật, để dạy cho toàn nhân loại rằng, tất cả đều bình đẳng và độc lập, không ai có quyền làm hại ai trong quyền sống, sức khỏe, tự do cũng như quyền sở hữu cá nhân... Điều đó, đạo đức phổ quát là quy tắc đạo đức độc lập với quan điểm cá nhân, văn hóa, được áp dụng cho tất cả mọi người, mọi hành động, không gây bất kỳ mâu thuẫn nào, và có căn cứ trong thực tế thực nghiệm.

Từ những quan điểm trên, đạo đức Phật giáo có thể là đạo đức mà ai cũng có thể thực hành và tu tập. Theo Suwanbubbha (2011, trang 131), các giá trị Phật giáo có thể áp dụng cho cả tín đồ Phật giáo và ngoại giáo, mang lại lợi ích cho toàn nhân loại. Ở đây, có ba lý do tại sao đạo đức Phật giáo luôn đi đôi với lý thuyết nghiệp lực (P. kamma / S. karma); vì các giá trị đạo đức và hành vi khác được phân loại theo mạng lưới của sự huyền bí hay sự tự đánh giá hoặc sự xa rời, còn đạo đức Phật giáo bắt nguồn từ luật tự nhiên không phải là phần thưởng cũng không phải là phần phạt (Suwanbubbha, 2011, trang 114-5).

Ngoài ra, Nosco còn cho rằng, pañcaśīla là đạo đức phổ quát bởi vì những tuyên bố đạo đức hoàn toàn là căn bản cho mỗi người như

là không giết hại, trộm cắp, nói sai, uống nhầm, và sự chung thủy một vợ một chồng. Lòng từ, vị tha đóng vai trò giá trị mới trong nền tảng toàn cầu hóa đạo đức, thuyết duyên khởi, cũng như sự liên kết của tất cả các sự vật hiện tượng. Do đó, đạo đức Phật giáo có thể giống với một hệ thống đạo đức toàn cầu hóa hơn bất kỳ truyền thống nào như Abraham hay Nho giáo (Nosco 2007, trang 90 & 92).

Tất cả các hành động đều có ba tính năng, như thay đổi tư duy, hành động và kết quả. Mỗi hành động hoặc tốt hoặc xấu đều trải qua sự chi phối trực tiếp của pañcaśīla. Nó có nghĩa là, pañcaśīla có thể đưa đến ba phương diện của một hành động đúng về mặt đạo đức. Phương diện đầu tiên, pañcaśīla được xem là trọng tâm trong đạo đức của Phật giáo vì ý thức được tự do lựa chọn theo đạo đức như quan điểm của Kant, (Mittal, 1989, trang 1). Ở đây, pañcaśīla cũng chính là không bạo lực, vị tha, biết đủ, trung thực, chánh niệm, v.v. Do đó, pañcaśīla rất quan trọng đối trong vai trò nuôi dưỡng nội tâm để hướng đến chấm dứt khổ đau và thoát khỏi vòng tròn tái sanh. Về phương diện thứ hai, pañcaśīla là hành động thuần tịnh, cũng là cách để loại bỏ mọi khổ sầu, cùng nhắm đến phúc lợi thế giới với sự vắng mặt của ham muốn, hận thù và si mê.

Theo Nishijima (1998, trang 183), đạo đức Phật giáo là một "hành động trong đạo đức" (nghĩa là hành động mà thực tế cho thấy, khác hoàn toàn với khái niệm hành động bình thường, có thể nói pañcaśīla là một kho báu của con mắt sự thật hay con mắt pháp chân thật), pañcaśīla khác hẳn với "đạo đức dựa trên tâm trí" - đạo đức duy tâm và "đạo đức dựa trên các giác quan" - đạo đức duy vật. Điều đó có nghĩa là, khi chúng ta hành động, chúng ta thấu hiểu bản chất của sự vật sự việc, trở thành một người hoàn toàn tự chủ trong hành động - có sự đồng nhất giữa thân và tâm, đồng nhất giữa chủ thể và đối tượng, và đồng nhất giữ người làm và việc làm (Nishijima 1998 , trang 185). Hành động, tạo tác trong Phật giáo được nhận biết qua " bây giờ và ở đây" là một sự hiểu rõ thực sự điều gì đang diễn ra trong thời điểm hiện tại. Điều này làm cho đạo đức Phật giáo khác với cả chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật. Tịnh nghiệp hay thiện nghiệp luôn được sự dẫn dắt đúng đường của pañcaśīla bởi lẽ các pháp vốn dĩ luôn gắng liền với các nguyên tắc đạo đức phổ quát.

Do đó, đạo đức Phật giáo (pañcaśīla) là hệ thống đạo đức hoàn

thiện đưa ra những khuôn phép cho sự sửa đổi cá nhân và dần dần hoàn thiện thông qua đời sống, điều này được cơ cấu từ các khái niệm về bản chất con người và các mục tiêu của sự sống (Keown 1992, trang 203 & 230). Cuối cùng, kết quả của hành động hoặc ảnh hưởng của chúng là tiêu chí quan trọng trong đạo đức Phật giáo. Pañcaśīla cũng được áp dụng trong các tình huống đạo đức của chủ nghĩa thực dụng bởi vì đạo đức Phật giáo đòi hỏi cả việc vượt qua sự yêu qúy bản thân và lòng trắc ẩn đối với người khác (Swearer 1998, tr.71). Như Abe (1983, trang 60) đã nói, đạo đức Phật giáo là đạo đức từ bi … dựa trên việc nhận biết hoàn cảnh, đó là thấy được tường tận bước đi của hiện tại. Ví như một người nói dối để giúp đỡ cho người khác, đây được gọi là phương tiện thiện xảo hay kỹ năng khéo léo (upāya). Cũng như cách mà Đức Phật sử dụng các phương pháp giảng dạy biến hoá độc đáo nhưng mục đích chỉ hướng đến thiện nghiệp (Keown, 1992, tr. 190). Do đó, hành giả có thể khéo dùng các phương tiện khéo léo để tự chấm dứt đau khổ bản thân và truyền đạt diệu pháp đến với mọi người. Upāya ở đây, bắt buộc phải đi cùng với trí tuệ (Prajñā), hai thành phần thiết yếu của việc thực tập sống hạnh phúc qua thực hành pañcaśīla.

Do đó, đạo đức Phật giáo đã trao cho con người tự trách nhiệm trong hành động đạo đức, Đức Thế Tôn từng dạy:

"Tự mình, làm điều ác,
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình không làm ác,
Tự mình làm thanh tịnh.
Tịnh, không tịnh tự mình,
Không ai thanh tịnh ai!"
(Bản dịch Thích Minh Châu)

Như thế, Pañcaśīla, đạo đức phổ quát là chìa khoá cho cuộc sống hòa bình và vui tươi . Trong Phật giáo, một hành động là phi đạo đức khi bị thúc đẩy bởi những gốc rễ như tham lam, thù hận và si mê. Ngược lại, một hành động đạo đức, khi hành động đó bắt nguồn từ tâm giải thoát, lành thiện và trí tuệ. Vậy thì, Đức Thế Tôn

đã hướng dẫn pañcaśīla như một kỹ thuật thiện xảo cho một nền tảng của đạo đức hoà cùng nhịp điệu phát triển với xã hội. Những nguyên tắc đạo đức này tạo ra cảm giác thân thiện phổ quát chung, không tham cầu, cảm giác xem xã hội như chính gia đình mình, vô cùng chân thực, và trạng thái tâm trí được cân bằng (Shukla, 1989, tr. 86). Theo quan điểm xa hơn, pañcaśīla được liên kết với các đức tính (Gwynne 2017, trang 79-80) và liên quan đến quyền con người (Keown 2012, tr.33) như sơ đồ bên dưới (Wikipedia, 2018):

Giới	Liên hệ đạo đức	Tương đương nhân quyền
1. Không giết hại chúng sanh	Nhân đạo và từ bi	Quyền được sống
2. Không lấy vật của người	Rộng lượng và cho đi	Quyền sở hữu
3. Không tà dâm	Biết đủ và thuỷ chung	Quyền chung thuỷ trong hôn nhân
4. Không nói lời sai lầm	Chân thật và tin tưởng	Quyền nhân phẩm
5. Không sử dụng các chất gây nghiện	Chánh niệm và trách nhiệm	Quyền an ninh

Theo cùng một hướng, pañcaśīla nghiêm cấm bạo lực, trộm cắp, tham dục, không trung thực và sử dụng chất kính thích. Tương tự như vậy, các nguyên tắc đạo đức luôn tôn trọng cuộc sống, tài sản, tính trung thực, dục thế phải thời và sự tỉnh táo là nền tảng đạo đức cho nhân loại. Do vậy, pañcaśīla là tâm điểm cho hành vi đạo đức trong thời hiện đại vì năm giới này dẫn đến hành vi cử chỉ đẹp đem lại bình an, giàu có, hạnh phúc và thành công, do đó hành vi trở nên trong sáng hơn (Terwiel 2012, p .182). Tóm lại, Pañcaśīla cho thấy các giá trị chính xác không chỉ là lý thuyết thực tiễn để cá nhân được lợi ích mà còn là các quy luật phổ quát cho toàn nhân loại.

3. CÁC GIẢI PHÁP ĐƯỢC RÚT RA TỪ PAÑCAŚĪLA CHO CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 không giống như những kinh nghiệm trước đây của con người. Cuộc cách mạng công nghệ mới có thể được mô tả như là "các hệ thống mạng vật lý không gian" và

đã thay đổi về quy mô, tốc độ và phạm vi. Có nhiều vấn đề đa dạng và nhưng khó khăn cho sự thách thức toàn cầu là: bạo lực, chiến tranh, tội phạm, bất bình đẳng, gia đình ly tán, tin giả mạo, và các bệnh về thể xác lẫn tinh thần...Nền tảng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 có thể ảnh hưởng và chịu ảnh hưởng của tất cả mọi người trên thế giới. Theo Davis (2016), Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 có ba mối quan tâm lớn: bất bình đẳng, an ninh và sắc tộc. Tương tự, Wells (2017, trang 5 & 13) đã khẳng định rằng thời đại công nghiệp mới có lợi cho vô số luồng thông tin đối nghịch, nhiều trong số đó là những lý thuyết âm mưu, thông tin xấu, độc hại, tồi tệ, được khuếch đại bởi sự gia tăng của kết nối mạng không gia và phạm vi tiếp cận, truyền tải của các công cụ thông tin.

Do đó, môi trường ngày nay tạo ra mâu thuẫn về nhận thức - cảm xúc, phát triển mạnh trong môi trường tương tác, năng động và "vũ khí hóa thông tin" như một thách thức đối với trật tự đã được thiết lập hoặc khung pháp lý. Thuyết Phật giáo đề xuất giải quyết một số vấn đề quan trọng trên thế giới hiện nay: hòa bình thế giới, giải trừ quân bị, công bằng kinh tế, nhân quyền, bảo vệ môi trường và tồn tại phổ quát (Weiqun, 2006, tr.144). Sau đây sẽ thảo luận về pañcaśīla như là những ý tưởng hữu ích với vai trò đóng góp trong các vấn đề ngày hôm nay:

Pañcaśīla vô cùng hữu ích trong việc giải quyết các vấn đề về con người, vì vậy thực hành năm giới luật của Đức Phật đưa đến sự giải thoát khỏi những thái độ, lời nói và hành động xấu. Có ba khía cạnh mà pañcaśīla cung cấp như là giải pháp nguyên tắc của cuộc sống đối với các thách thức toàn cầu.

Đầu tiên, sự đóng góp của pañcaśīla là giáo dục trái tim thông qua việc rèn luyện tâm trí, và khiến cho tâm trí được thuần khiết. P añcaśīla được gọi là" hiện thân của các điều răn trong trái tim của người tu tập" (Vô tác giới thể/ 無 作 戒 / Avijnapti). Việc tuân theo đúng các giới của pañcaśīla là thực hành từ bi (karunā), bố thí (dāna), nhẫn nhục (ksānti), và dũng cảm (vīrya) trong việc áp dụng các phương tiện giáo hoá (Phương tiện quyền xảo/ upāya), và đồng phụ thuộc (prattyam), có nghĩa là sự gia tăng về nhận biết và tỉnh thức đối với việc kiểm soát tất cả các vấn đề thế giới ngày nay là thách thức của cuộc cách mạng công nghệ mới.

Tiếp theo, pañcaśīla là khuôn khổ cho những việc làm đạo đức

trong đời sống công nghệ, vạch ra đạo đức cốt lõi và nêu bật trách nhiệm của nhân loại. Do đó, pañcaśīla trau dồi các giá trị bên trong như lòng từ bi, rộng lượng, biết đủ, trung thực và chánh niệm.

Cuối cùng, năm nguyên tắc đạo đức, truyền cảm hứng cho sự chung sống, lấy con người làm trung tâm, hỗ trợ hòa hợp trong mô hình xã hội, bởi pañcaśīla có thể trau dồi đạo đức và mang lại sự an bình nơi tâm cho tất cả mọi người. Từ đức tính đạo đức này mọi người có thể cùng tồn tại trong cộng đồng một cách công bằng, trung thực, hòa hợp và thanh bình. Cho nên, các cá nhân và cộng đồng, công nghệ và xã hội có thể hoà hợp trong pañcaśīla, cách duy nhất để có thể giải cứu những khủng hoảng, bế tắc của nhân loại hiện tại.

Theo một cách khác, để phân tích thực tế hơn, pañcaśīla là công cụ cực kỳ quan trọng để duy trì hòa bình, khí giới, công bằng kinh tế, nhân quyền, thông tin đúng, an ninh cộng đồng và bảo vệ môi trường. Cốt lõi nguyên tắc đạo đức đầu tiên là bất bạo động (ahimsā), là tâm từ bi (karunā), là loại bỏ tất cả những ý thức bạo lực gây hại cho mọi người, mọi loài thông qua các hành động của thân. Những ý tưởng mà ahimsā đề xuất là từ bỏ khí giới trên đường lối chính trị để giải quyết các vấn đề gây tranh cãi hoặc xung đột xã hội, bằng ý thức của "lòng vị tha" chắc chắn sẽ đem lại hòa bình cho toàn thế giới. Đặc biệt, phi bạo động được áp dụng để bảo vệ môi trường với nguyên tắc lợi ích cho cả người và vật, mục đích là để ngăn cấm các hành vi tạo ra tác hại cưỡng bách đối với người khác.

Nguyên tắc đạo đức thứ hai yêu cầu con người phải vị tha và trung thực, điều này có ích trong công bằng về mặt kinh tế. Ngày nay, mọi người đều cần thu lợi từ việc trao đổi kinh doanh hoặc giao thương giữa người dân với người dân, quốc gia với quốc gia. Do vậy, mọi người không nên gian lận hoặc vi phạm các giao dịch tài chính. Từ quan điểm này, nguyên tắc công bằng trong nền kinh tế là hữu ích để có lợi nhuận và tạo ra một xã hội thịnh vượng.

Nguyên tắc đạo đức thứ ba nhấn mạnh vào sự hài lòng biết đủ. Đó là cách để chấm dứt động lực tham lam (ham muốn), để thúc đẩy sự hưng thịnh bền vững của con người. Ngày nay, vấn đề nóng bỏng của toàn cầu là xâm lược tình dục và phá thai. Có nhiều kết quả xâm hại tình dục như hiếp dâm, cưỡng bức, quay lén và các hình thức quấy rối tình dục khác, kể cả dẫn đến phá thai (46%) nếu

mang thai là kết quả của tấn công tình dục (Lavelanet 2018, tr.58). Do đó, giới luật này rất hữu ích để giải quyết cả những thách thức lớn. Theo cách hiểu truyền thống, điều này bảo vệ sự chung thủy trong hôn nhân, tạo nên một gia đình hạnh phúc cũng như bảo vệ quyền sống của người phụ nữ.

Nguyên tắc thứ tư nghiêm cấm tất cả các bạo lực ý thức hệ đối với người khác thông qua các hành vi nói. Giới này đóng góp quan trọng trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu về tin tức giả, thông tin sai sự thật trong đời sống và mạng xã hội. Quy tắc này tập trung vào chuyển đổi cá nhân để tuân thủ một cách trung thực qua việc luôn nói sự thật hoặc cung cấp thông tin đúng.

Nguyên tắc năm liên quan đến ẩm thực lành mạnh, an ninh và sống chánh niệm. Lợi ích của nguyên tắc này là ngừng sử dụng, buôn bán các loại thuốc gây nghiện cho cả người cung lẫn người cầu. Đạo đức Phật giáo không những hướng dẫn con người xa lánh các hành vi gây hại cho người khác, mà khuyến khích đem lại hạnh phúc cho mọi người. Do đó, pañcaśīla phản ánh tầm quan trọng của lòng từ trong đời sống đạo đức của Phật giáo. (Lee và cộng sự 2014, tr.558)

Như đã rõ, năm giới rất gần với khái niệm về quyền con người. Năm nguyên tắc này là sự tôn trọng chung/phổ quát gồm quyền được sống, quyền sở hữu, quyền chung thủy trong hôn nhân, quyền bảo vệ nhân phẩm, và quyền an ninh. Như đã thảo luận năm tiêu chuẩn về trách nhiệm của một công dân toàn cầu đối với việc giải quyết các thử thách của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nay xin tóm lại:

Một là tránh bạo lực, bảo vệ sự sống, sống hài hòa và an bình, thúc đẩy sự tương tác và công bằng giữ mọi người.

Hai là thực hành chánh mạng, rộng lượng, và kinh tế công bằng.

Ba là giảm thiểu các đòi hỏi, thúc đẩy sự hài lòng - biết đủ.

Bốn là thực hành chánh ngữ, biết lắng nghe và nói lời từ ái.

Năm là hiểu biết sâu sắc về nguồn gốc đem lại hạnh phúc, tránh chất kích thích, giữ gìn sức khỏe của thân và tâm.

Bằng cách nhấn mạnh năm giới, tác giả hy vọng sẽ truyền cảm hứng đến mọi người nhận thức rõ vai trò của pañcaśīla, quyền lợi và tránh nhiệm như những tác nhân đạo đức trong giải quyết những

vấn nạn của cuộc cách mạng lần thứ tư. Thông qua những phân tích quy chuẩn đạo đức mà năm giới có sức mạnh to lớn đến sự thay đổi suy nghĩ, hành động để chuyển từ khổ đau đến hạnh phúc. Đây cũng là ý nghĩa quan trọng để tạo nên một thế giới tốt đẹp hơn, không phải phép mầu để bay lên nhưng là phép mầu của bất bạo động, tình yêu, lòng từ bi, sự rộng lượng, bao dung, biết đủ, trung thực và chánh niệm. Những phép mầu này của năm giới sẽ giải quyết những vấn nạn chúng ta đang gặp phải, để duy trì sự hòa bình, từ bỏ vũ khí, công bằng kinh tế, quyền con người, thông tin đúng, an ninh, và bảo vệ môi trường.

KẾT LUẬN

Năm giới là lời dạy của đức Phật để chuyển hóa cá nhân và xã hội. Năm giới này là đạo đức phổ quát, là đặc tính đạo đức của công dân toàn cầu. Khi năm giới trở thành trái tim của cộng đồng, thì tất cả các vấn đề bức bách của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ không còn nữa. Và thì, đạo đức phổ quát có thể mang hạnh phúc đến từng gia đình, quốc gia, xã hội, bởi thấu hiểu đâu là nhân duyên và vận dụng đúng phương pháp.

***

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abe, M., 1983, 'God, Emptiness and ethics', Buddhist-Christian Studies, University of Hawai'i Press, Vol. 3, pp. 53-60.

- Benn, James A. 2005, "Buddhism, Alcohol, and Tea in Medieval China", in Sterckx, R., Of Tripod and Palate: Food, Politics, and Religion in Traditional China, Springer Nature, pp. 213–36.

- Bodhi, B. (trans.) 2012, The Numerical Discourses of the Buddha, (Anguttara Nikaya/ AN) Wisdom Publications, United States of American.

- Bodhi, B. (trans.) 2017, An Ancient Collection of the Buddha's Discourses Together with Its Commentaries, (The Sutta Nipata/ Sn), Wisdom Publications, United States of American.

- Davis, N., 2016, What is the Fourth Industrial Revolution. [online]. Available at: https://www.weforum.org/agenda/2016/01/what-is-the-fourth-industrial-revolution/ [Accessed 19 Jan 2015]

- Dhammananda, K., 1994, Treasure of the Dhamma, Trans. of Dhammapada (Dhp), Buddhist Missionary Society, Kuala Lumpur.

- Gunabhadra [求那跋陀罗], '785 of 雜阿含經', in 大正藏, Vol.2, No.0099, book 28, p. 0203b11. [online]. Available at: http://tripitaka.cbeta.org/T02n0099_028 [Accessed 1998]

- Gunavarman [求那跋摩], "佛說優婆塞五戒相經 (Upāsikaśila Sūtra)", 大正藏, Vol. 24, No. 1476. [online]. Available at: http://tripitaka.cbeta.org/T24n1476_001

- Gwynne, P. 2017, World Religions in Practice: A Comparative Introduction, John Wiley & Sons.

- Harvey, P. 2000, An Introduction to Buddhist Ethics: Foundations, Values and Issues, Cambridge University Press.

- Keown, D. 1992 [2001], The Nature of Buddhist Ethics, London: Palgrave.

- Keown, D. 2012, "Are There Human Rights in Buddhism?", in Husted, W. R., Keown, D., Prebish, C.S. Buddhism and Human Rights, pp. 15-42, Routledge.

- Kymlicka, W., 2007, 'Introduction: The Globalization of Ethics' in Sullivan, W.M. & Kymlicka, W. (eds) 2007, The Globalization of Ethics Religious and Secular Perspectives, pp. 1-16, Cambridge university press, New York.

- Lavelanet, A.F. Schlitt, S., Johnson, B.R. & Ganatra, B. 2018, "Global Abortion Policies Database: a descriptive analysis of the legal categories of lawful abortion", BMC international health and human rights, vol. 18, no. 1, pp. 44-54.

- Leaman, O., 2000, Eastern Philosophy: Key Readings, Routledge.

- Lee, W.T, Blumenthal, J.A., Funk II, K.H. 2014, 'A Buddhist Perspective on Industrial Engineering and the Design of Work', in Science and Engineering Ethics, Springer, Vol.20, p. 551–569.

- Locke, J. 1988, Two Treatises of Government, Cambridge University Press.

- McLeod, Ken, 2002, Wake Up To Your Life: Discovering the Buddhist Path of Attention, New York: HarperCollins. (https://plato.stanford.edu/entries/ethics-indian-buddhism/)

- Mittal, K.K., 1989, 'Buddhist Ethics-A Brief Appraisal', in Tiwary, M., (ed), Perspectives on Buddhist Ethics, pp. 1-7, Department of Buddhist studies, Delhi.

- Nishijima, W.G., 1998, 'The Ethics of Action', Buddhist-Christian Studies, University of Hawai'i Press, Vol. 18, pp. 183-185.

- Nosco, P., 2007, 'Introduction: The Globalization of Ethics' in Sullivan, W.M. & Kymlicka, W. (eds) 2007, The Globalization of Ethics Religious and Secular Perspectives, pp. 75-92, Cambridge university press, New York.

- Schwab, K. 2016, The Fourth Industrial Revolution, World Economic Forum, Switzerland.

- Segall, Robert, S. 2003, Encountering Buddhism: Western Psychology and Buddhist Teachings, State University of New York Press.

- Shukla, H.S. 1989, 'Pañca Sīla', in Tiwary, M., (ed), Perspectives on Buddhist Ethics, pp. 80-93, Department of Buddhist studies, Delhi.

- Suwanbubbha P. 2011, 'Aplying Buddhist Values to Interreligious Dialogue on Ethics', Cisneros, A.H., Premawardhana, (eds), S., Sharing Values A Hermeneutics for Global Ethics, pp. 113-132, Globethics.net Series No. 4.

- Swearer, D.K. 1998, 'Buddhist Virtue, Voluntary Poverty, and Extensive Benevolence', The Journal of Religious Ethics, Vol. 26, No. 1, pp. 71-103.

- Terwiel, B.J. 2012, Monks and Magic: Revisiting a Classic Study of Religious Ceremonies in Thailand, Nordic Institute of Asian Studies: NiAS Press. [online]. Available at: http://www.diva-portal.org/smash/get/diva2:867441/FULLTEXT01.pdf

- Weiqun, Y. 2006, 'Buddhist Thought and Several Problems in the World Today', Frontiers of Philosophy in China, Vol. 1, No. 1, p. 144-47. [online]. Available at: https://www.jstor.org/stable/30209959 [Accessed 11 Dec 2018]

- Wells, L.II. 2017, 'Cognitive-Emotional Conflict: Adversary Will and Social Resilience', The Fifth Domain, PRISM , Vol. 7, No. 2, p. 4-17, Institute for National Strategic Security, National Defense University. [online]. Available at: https://www.jstor.org/stable/10.2307/26470514

- Wikipedia, 2018, Five Precepts [online]: Available at: https://en.wikipedia.org/wiki/Five_precepts

- Wijayaratna, M. 1990, Buddhist monastic life: According to the Texts of the Theravāda Tradition, Cambridge University Press.

TIỂU SỬ CÁC TÁC GIẢ

Geoffrey Bamford nghiên cứu sâu về liên hệ giữa Phật giáo với lịch sử và kinh doanh của nhân loại. Sau khi theo học Phật giáo vào những năm 1960, Geoffrey đã mở công ty tư vấn kinh doanh của mình từ năm 1975 đến 2000 với tư cách là một chuyên gia tư vấn, đào tạo thực hành bằng cách tập trung vào giao tiếp đa văn hóa với tên gọi Phương pháp kinh doanh tốt. Năm 2001, Geoffrey gia nhập Trung tâm nghiên cứu Phật giáo Oxford (OCBS), từng giữ chức Giám đốc điều hành từ năm 2003 đến năm 2011. Geoffrey thành lập Trung tâm chánh niệm Oxford năm 2008 và từng giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành cho đến năm 2011 nhằm nâng cao hiểu biết sâu- rộng hơn về truyền thống Phật giáo trong xã hội phương Tây.

David Blundell hiện là giám đốc của Viện tạm thời châu Á-Thái Bình Dương, Dự án đại học hàng đầu về Nhân văn Kỹ thuật số, Trung tâm Nghiên cứu và Đổi mới Sáng tạo, Đại học quốc gia Chengchi, Đài Bắc. Ông nhận bằng tiến sĩ nhân chủng học tại Đại học California dựa trên lịch sử cuộc sống của các hành giả Phật giáo làm các phim dân tộc học của riêng họ ở Tích Lan. Vào mùa xuân năm 2007, ông đã đề nghị Phật giáo là Thần thoại, Người giải thoát và Quyền lực ở Đông Nam Á và Tích Lan trong Chương trình liên ngành của UCLA trong nghiên cứu Đông Nam Á. Ông đồng thời là Học giả thỉnh giảng tại Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á của UCLA và tiếp tục nghiên cứu về Ngôn ngữ và Văn hóa Bản đồ Châu Á Thái Bình Dương, và Biên tập viên tại Sáng kiến Bản đồ Văn hóa Điện tử (ECAI) cho các ngôn ngữ Thái Bình Dương. Ông hiện đang tiến hành nghiên cứu với Sáng kiến Bản đồ Văn hóa Điện tử (ECAI), Trưởng Thông tin, Đại học California, Berkeley, với tư cách là nhà nhân chủng học và biên tập ngôn ngữ. Là một nhà làm phim, Giáo sư Blundell đã nhận được Giải thưởng Vesak 2014 của Liên Hợp Quốc cho Phim tài liệu hay nhất, Ánh sáng phát sinh: Tiến sĩ B R Ambedkar và Sự ra đời của kỷ nguyên mới ở Ấn Độ. Các ấn phẩm của ông liên quan đến nhân chủng học của các hệ thống tín ngưỡng,

nhân chủng học của các tôn giáo, nhân học thị giác, nhân học thẩm mỹ, hệ thống thông tin địa lý (GIS), ngôn ngữ và văn hóa, và Nam Á và Châu Á - Thái Bình Dương như là một khu vực.

Giáo sư Peter Daniels là một nhà kinh tế - sinh thái tại Trường Khoa học và Môi trường, Đại học Griffith, Úc. Nghiên cứu của ông bao gồm nhiều lĩnh vực xoay quanh chủ đề trung tâm của sự bền vững xã hội và môi trường, đặc biệt là mối quan hệ giữa các xã hội bền vững và các khía cạnh kinh tế và đạo đức của Phật giáo. Tiến sĩ Daniels có hiểu biết rộng về khoa học môi trường, kinh tế, xã hội học và địa lý. Ông đã xuất bản nhiều ấn phẩm liên quan tới kinh tế sinh thái, môi trường, phúc lợi và kinh tế xã hội và đã đóng góp lớn lao cho nhiều cơ quan quốc tế như Cơ quan môi trường châu Âu và Liên hợp quốc. Peter là biên tập viên của Tạp chí Kinh tế Xã hội Quốc tế và là nhà phản biện cho nhiều tạp chí khác.

William Beaumont Edwards lần đầu tiên quy y Phật giáo (đại khái tương đương với Mục sư Cơ đốc giáo) vào năm 1985 với giáo phái Phật giáo Nichiren Sho Shu ở Etiwanda, California. Sau đó vào năm 1994, ngài lại một lần nữa quy y, lần này là với Đại đức Shing Yun, tại chùa Hsi Lai ở Hacienda Heights, California, nơi ngài được ban cho Pháp danh là "Ho Bang" (phát âm: Heř Bong). Vào tháng 1 năm 1997, ngài được thọ giới như một tu sĩ Phật giáo với Đại đức Chao Chu và Đại đức Havanpola Ratnasara Nayaka Thero thuộc Hội đồng Tăng đoàn Phật giáo Nam California. Thầy của nhà sư Dhammaruchi là Đại đức Chao Chu đã đặt pháp danh cho ngài là "Dhammaruchi". Đại đức Dhammaruchi làm việc cho giáo viên tiểu học của mình, Đại đức Chao Chu, Trụ trì Tu viện Phật giáo Rosemead, như Thư ký riêng của Đại đức Chao Chu, đồng thời là biên tập viên của tạp chí Phật giáo, Thông thường: Tạp chí Giáo dục Phật giáo. các nhiệm vụ tại Tu viện Phật giáo Rosemead như: thực hiện các buổi lễ tôn giáo tiếng Anh vào sáng Chủ nhật; hỗ trợ Đại đức Chao Chu trong các nghi lễ đám cưới, nghi lễ tị nạn và dịch vụ tang lễ; lập kế hoạch, chuẩn bị và thực hiện các quan sát Vesak hàng năm. Ngài cũng làm việc từ 1999 đến 2001 cho Đại đức Chan Kuang, Ni Sư trụ trì Fa Kwang ở Downey, California, là một giáo viên tiếng Anh và giáo viên trường chủ nhật. Nhà sư Dhammaruchi đã là tác giả của các bài báo được xuất bản trong các ấn phẩm định kỳ của Phật giáo: Thông thường, Turn Wheel (tạp chí của Hiệp hội Hòa bình Phật giáo), và Thời báo Phật giáo. Vào tháng 9 năm 2001, Nhà sư Dhammaruchi chuyển đến

thành phố Jefferson, Missouri, cùng với gia đình và thành lập Tu viện Phật giáo Vipassana / Trung tâm Phát triển Phật giáo.

ĐĐ. Thích An Tấn sinh ra tại huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận vào năm 1988 với thế danh Ngô Quý Thành. Đại Đức xuất gia tu học với Hòa thượng Thích Tắc Phi tại chùa Linh Phước, xã Thanh Phú, Bến Lức, Long An. Đại Đức hoàn thành chương trình Cử nhân Phật học tại Học viện Phật giáo TP.HCM. Ông đồng thời cũng theo học chương trình Cử nhân chuyên ngành Báo chí và tiếp tục học lên với văn bằng Thạc sĩ Xã hội học. Hiện tại ông giữ chức vụ Trưởng ban Kinh tế, và Phó Thường trực Ban Thông tin Truyền thông Giáo Hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Long An.

HT. Thích Tấn Đạt sinh năm 1959 tại tỉnh Bình Định. Hòa thượng là giáo phẩm của TW GHPGVN, hiện là Ủy viên Thư ký HĐTS TWGHPGVN, Phó văn phòng 2 TW, Phó Trưởng ban thường trực Ban Hoằng pháp TW và Ban Từ thiện XH TW, Trưởng ban Tổ chức Đào tạo Cao - Trung cấp giảng sư (Ban Hoằng pháp TW), trụ trì Chùa Hòa Khánh. Bảo vệ luận án TS. Quản lý Giáo dục tại Trường Đại học Akamai – Hoa Kỳ- 2017. Hòa thượng Thích Tấn Đạt là Phó Trưởng ban Thường trực Ban tổ chức Hội thảo của ngành hoằng pháp, ngành TT-XH TW TWGHPGVN trong hơn 20 năm qua. Ngoài ra, Hòa thượng Thích Tấn Đạt đã xuất bản sách "Thi hóa Lược sử cuộc đời Đức Phật Thích Ca" (2008, NXB. Tôn giáo), "Kỹ năng dẫn chương trình lễ hội Phật giáo" (2012, NXB tổng hợp Tp. HCM), đồng thời công bố nhiều bài viết trên Đặc san Hoa Đàm và một số Kỷ yếu hội thảo khoa học của Ban Hoằng pháp Trung ương, Ban Từ thiện XH trung ương GHPGVN.

TS. Trần Tiễn Khanh là một nhà tư vấn môi trường với hơn 35 năm kinh nghiệm về mô hình máy tính, nghiên cứu chất lượng không khí và thời tiết. Ông nhận bằng Kỹ sư tại Đại học California. Từ năm 2001, ông đã thành lập và vận hành trang web vnbaolut.com cung cấp dự báo thời tiết và bão nhiệt đới hàng ngày cho Bangladesh, Campuchia, Lào, Miến Điện và Việt Nam. Ông cũng đã phát triển một phần mềm để dịch các văn bản Đại thừa từ tiếng Trung sang tiếng Anh và tiếng Việt. Ông là thành viên sáng lập của Tổ chức Ánh sáng Trí tuệ Tuệ Quang đang tài trợ cho sự phát triển của Bộ Đại Tạng Kinh tiếng Việt và Quỹ TranTien điều hành một phòng khám y tế và cơ sở chăm sóc trẻ em cho người nghèo và hoàn cảnh khó khăn tại Huế, Việt Nam.

VÀI NÉT VỀ CÁC CHỦ BIÊN

TT. Thích Đức Thiện, tiến sĩ Phật học năm 2005, hiện là Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự GHPGVN; Trưởng ban Phật giáo Quốc tế; Phó Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ; Giảng viên cao cấp tại Đại học Quốc gia Hà Nội; Tổng thư ký Đại lễ Vesak LHQ 2014 và 2019. TT. Thích Đức Thiện nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Nhà nước Việt Nam: Huân chương Lao động Hạng Ba; của Hoàng gia Campuchia: Huân chương Đại tướng quân; của Chính phủ Ấn Độ: Huân chương Padma Shri.

TT. Thích Nhật Từ, Tiến sĩ Triết học tại Đại học Allahabad, 2002, là Tổng thư ký Đại lễ Vesak LHQ 2008; Tổng biên tập của Phật điển Việt Nam (ấn bản sách nói); Tổng biên tập Đại tạng Kinh Việt Nam và Chủ biên Tủ sách Đào Phật Ngày Nay (hơn 250 đầu sách) và tác giả của hơn 80 quyển sách Phật học. Thầy được trao tặng 5 bằng Tiến sĩ danh dự và nhiều giải thưởng, danh hiệu, bằng khen của GHPGVN cũng như của Chính phủ Việt Nam, Miến Điện, Thái Lan và Campuchia.

PHẬT GIÁO VÀ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

Thích Đức Thiện và Thích Nhật Từ ***(đồng chủ biên)***

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (024)39260024 - Fax: (024)39260031
Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Chịu trách nhiệm xuất bản: GĐ. BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung: TBT. Lý Bá Toàn
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh
Trình bày: Thùy Trang
Bìa: Nguyễn Thanh Hà
Phụ trách ấn tống: Giác Thanh Nhã

Đơn vị liên kết:

Quỹ Đạo Phật Ngày Nay
92 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng in: 3.000 bản, Khổ: 16x24 cm. In tại: Xí nghiệp In Fahasa, 774 Trường Chinh, phường15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB: 1322 - 2019/CXBIPH/03 - 49/TG.
Mã ISBN:…. QĐXB: …/QĐ-NXBHĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019. In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2019.